



Tập-San

ĐẠI-ĐẠO TAM KỲ PHỔ-ĐỘ

Thất thập cửu niên

Tòa-Thánh Tây-Ninh

THẾ ĐẠO



* Luận Đạo Vấn Đáp

Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu

* Tại sao Đạo Cao-Đài gọi là Đại Ân Xá ?

Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa.

* Vấn đề chính trị và xã-hội theo quan niệm

của Thánh Nhân ngày xưa. BS Nguyễn Văn Thọ

Tập mới

số 23

09 -2004

TẬP SAN THẾ ĐẠO

I-TÔN CHỈ - MỤC ĐÍCH

Tập San Thế Đạo truyền bá Tôn Chỉ và Mục Đích của Đạo Cao Đài, phổ biến ánh sáng Chơn lý của Đạo đến mọi tầng lớp Nhơn sanh để mọi người hiểu biết thương yêu nhau, ngõ hầu tạo lập một đời sống thanh bình cho nhân loại trong *thời Chuyển thế*.

II- CHỦ TRƯỞNG

Tập San Thế Đạo là Cơ quan Ngôn luận của Tín đồ Cao Đài đi theo Tôn Chỉ và Đường lối của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Toà Thánh Tây Ninh.

Tập-San Thế Đạo xin đón nhận tất cả các bài viết và ý kiến đóng góp của quý Đồng đạo, quý Đạo tâm và quý thân hữu bên ngoài Đạo có cùng chung mối quan tâm phục vụ Dân tộc, nơn sanh và xã hội.

Bài vở trên *Tập San Thế Đạo* có mục đích xây dựng lợi ích chung cho Dân tộc, Đạo pháp và xã hội, không mang nội dung bài kích cá nhân hay tập thể. Mọi quan điểm dù có khác biệt nhau cũng được tôn trọng miễn không vi phạm đến Tôn chỉ và Đường lối của Đại Đạo và không đi ngược lại truyền thống cao đẹp của Dân tộc Việt Nam.

Tập San Thế Đạo là nơi trao đổi tin tức và kinh nghiệm hành đạo giữa các cơ sở Đạo Cao Đài khắp nơi trong nước và Hải ngoại, đồng thời cũng là dây liên lạc, trao đổi sự hiểu biết, hợp tác thân hữu với các Tôn giáo bạn, các đoàn thể cùng các tổ chức xã hội, các tổ chức nhân đạo có cùng mục đích chung là phục vụ nhân loại.

Tập San Thế Đạo có đầy đủ mọi thể loại bài viết nghiên cứu Đạo học, Triết học, Tâm lý học, Sử học, Văn hóa, Khoa học kỹ thuật, cùng thơ văn, truyện ngắn v.v., và các tin tức liên quan đến đời sống hằng ngày.

Tập-San Thế-Đạo

TẬP-SAN THẾ ĐẠO

Chủ trương: Ban Quản Nhiệm
Ban Thế-Đạo Hải Ngoại.

Chủ nhiệm: HT Nguyễn Ngọc Dũ
Phó Chủ Nhiệm; Cao Ninh.
Chủ bút: Quốc Đạt.

Phụ trách kỹ thuật: Nguyễn Ngọc Dao.
Phụ trách phát hành: Tố Nguyên.

Ban Biên Tập:

Nguyễn Văn Cầu, Mai Văn Tim, Nguyễn Đăng Khích, Lê Quang Liêm, Dương Văn Ngừa, Nguyễn Văn Qui, Nguyễn Ngọc Dũ.

Cộng tác thường xuyên:

Bác-Sĩ Nguyễn Văn Thọ, Lê Văn Thêm, Duy Văn, Trần Công Bé, Nguyễn Trung Đạo, Hoàng Hồ, Kim Minh, Lê Văn Năm, Tố Nguyên, Song Nguyên, Trần Văn Ô, Tam Thanh, Quang Thông, Thi Đan Vườn Huệ Trắng.

Yểm trợ:

Bài vở gửi đăng và tài chánh yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại Tập-San Thế Đạo xin gửi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

Phone: 408-238-6547, 408-262-4209.

Fax# 408-238-6547

website: www.banthedao.org



MỤC LỤC



1-Ngày 25-12-2004 Đại Hội Hiền Tài kỳ 4.	03
2-Thư Mời và chương trình Đại Hội Hiền Tài kỳ 4	04
3-Lược khảo về Brahma, Kristnavà Shiva của Nguyễn Văn Cón	08
4-Quan niệm về Trung-Sinh-Nhân trong Khổng Giáo của Trần Trọng Kim	20
5-Luận Đạo Vấn Đáp của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu	31
6-Vấn đề chính trị và xã-hội theo quan niệm của Thánh Nhân ngày xưa của BS Nguyễn Văn Thọ ..	52
7-Vườn Thơ	80
8-Chúc mừng	85
9-Sinh hoạt ĐĐTNH Santa Clara	94
10-Bước đầu tìm hiểu Đạo Cao-Đài của HT Nguyễn Trung Đạo	98
11- Tại sao Đạo Cao-Đài gọi là Đại Ân Xá trích bài giảng của Ngài Hồ Bảo Đạo	107
12-Con đường cứu rỗi của Đạo Cao-Đài của HT Mai Văn Tim	113
13-Thân vay mượn của HT Lê Văn Thêm	126
14-Liên lạc với Ban Thế Đạo Hải Ngoại	137
15-Danh sách đồng đạo/ Cơ Sở/Thân Hữu yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại	139
16-Tóm lược về Hội Tương Tế Cao-Đài	142
17-Phân Ưu	144
18-.Sinh hoạt Tây Ninh Đồng Hương Hội qua hình ảnh,, Tin tức đạo sự Nam California	149
19-Truyện tình cảm xã-hội “Tình Người” của Minh Hoàng	163
20-Truyện “ Cô Gái Việt và Người Chiến Binh Mỹ” .của Ngành Mai	192
21-Những nhà Bảo Trợ thường xuyên của Tập San Thế Đạo	198



Ngày 25-12-2004

Đại Hội Hiến Tài Kỳ 4

Vào ngày 25-12-2004 Đại Hội Hiến Tài kỳ 4 sẽ được tổ-chức tại Hội Trường Châu Đạo California, số 14072 đường Chestnut, Westminster, California. Đây là một Đại Hội cứ 3 năm một lần được diễn ra để bầu lại Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Ban Quản Nhiệm Nam California.

Đến ngày 25-12-2004, Ban Quản Nhiệm Hải Ngoại hiện tại đã hoạt động được hơn 6 năm vì Ban Quản Nhiệm này đã được bầu lại thành phần y như Ban Quản Nhiệm kỳ 2. Thời gian trôi qua quá mau và nhìn lại Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã hoạt động một cách tích cực nhưng kết quả mang lại không là bao. Những chương trình lớn, những kế hoạch lớn đều không thực hiện được như những việc vận động một sự hiệp nhất trong nội bộ, việc xây dựng một ngôi Thánh Thất theo mẫu Tòa Thánh Tây- Ninh . v...v...Phần còn lại là những việc nhỏ, tầm thường mà một Ban Quản Nhiệm nào cũng có thể làm được. Khi Tập San này đến đồng đạo thì chỉ còn khoảng 3 tháng nữa là Đại Hội Hiến Tài được khai diễn và việc bầu cử lại Ban Quản Nhiệm mới cho Ban Thế Đạo Hải Ngoại sẽ được thực hiện. Với sự kiện này, Ban Thế Đạo Hải Ngoại mong mỗi và hy vọng Đại Hội Hiến Tài kỳ 4 này sẽ bầu được một Ban Quản Nhiệm mới đầy nhiệt huyết, tận tụy hy sinh vì cơ nghiệp Đạo để hoàn thành những công việc trọng đại mà đồng đạo đang mong mỏi. Và trong niềm hy vọng này, Ban Quản Nhiệm Hải Ngoại cũng như Tập San Thế Đạo rất mong quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ Hiến Tài, Hiền Tài Dự Phong đi tham dự Đại Hội đông đủ và giới thiệu ,bầu những Hiền Huynh, Hiền Tỷ đạo đức, đầy khả năng vào Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại Kỳ 4 (2004-2007) để gánh vác trọng trách của Đạo trong giai đoạn quá khó khăn này.

Rất mong những kỳ vọng trong bài này của chúng tôi được đáp ứng một cách nồng nhiệt và Đại Hội sẽ thành công rực rỡ.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Đại- Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Thất thập cửu niên
Tòa Thánh Tây Ninh

THƯ MỜI

Kính gửi :Quý Vị Lãnh Đạo. Các Cơ-quan, Các Tổ-
Chức, Các Đoàn Thể Đạo nơi Hải Ngoại.
Quý vị Hiền Tài, Hiền Tài Dự Phong.
Quý đồng đạo.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại trân trọng kính mời vui lòng
đến tham dự Đại- Hội Hiền Tài Hải Ngoại kỳ 4 (2004-2007)
được tổ-chức vào ngày Thứ Bảy 25-12-2004 tại Hội Trường Chậu
Đạo California, số 14072 đường Chestnut , Westminster, Cali-
fornia.

Đại Hội Hiền Tài Hải Ngoại kỳ 4 nhằm mục đích:
1-Bầu Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại kỳ 4 (2004-
2007)
2-Bầu Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Nam California kỳ 4
(2004-2007)(dành riêng cho Hiền Tài, Hiền Tài Dự Phong trong
phạm vi Nam California.)
3-Thảo luận và biểu quyết phương hướng hoạt động của Ban
Thế Đạo Hải Ngoại trong những năm 2004-2007.
4-Giải quyết những vấn đề do các địa phương đề nghị.

Trân trọng kính mời quý vị tham dự và sự hiện diện của
quý vị sẽ là một sự khích lệ và đóng góp quan trọng vào sự phát
triển của Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Trân trọng kính mời.

San Jose, ngày 31-08-2004

TM. Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại,
Tổng Quản Nhiệm,

HT Nguyễn Ngọc Dũ

**Chương Trình Đại Hội Hiến Tài Hải Ngoại kỳ IV
(Thứ Bảy 25-12-2004)
tại Hội Trường Thánh Thất Orange, Châu Đạo
California**

Buổi sáng:

- 9:00 Các Cơ sở Đạo, Đồng Đạo và Quan khách đến Hội Trường.
- 9:30 Nghi thức Khai mạc- Kinh Nhập Hội
- 9.45 Ban Tổ Chức giới thiệu thành phần tham dự.
- 10.00 Diễn văn Khai mạc của Ban Tổ Chức Đại Hội.
- 10.30 Tường trình hoạt động của Ban Thế Đạo Nam California trong Nhiệm kỳ 2001-2004 vừa qua.
- 10.45 Tường trình hoạt động của Ban Thế Đạo Hải Ngoại trong Nhiệm kỳ 2001-2004 vừa qua.
 - Phát Giấy Chứng Nhận hoàn tất Khóa I -Chương Trình Giáo Lý.
 - Phát Bằng Tuyên Dương những vị đã đóng góp nhiều cho sự phát triển Ban Thế Đạo Hải Ngoại trong thời gian qua.
- 11.30 Đại diện các tổ-chức Đạo địa phương phát biểu cảm tưởng.
- 12.15 Dùng cơm thân mật.
Tiễn đưa quan khách.

Buổi chiều:

- 13.30 Tái họp
 - Bầu Chủ Tọa Đoàn, Thư Ký Đoàn và Kiểm Soát Ban Quản Nhiệm/Ban Thế Đạo Nam California tuyên bố mãn nhiệm kỳ.
 - Ban Quản Nhiệm/ Ban Thế Đạo Hải Ngoại tuyên bố mãn nhiệm kỳ.

- 14.00 Tuyên bố thể thức Bầu cử, ứng cử.
- 14.30 Bầu Ban Quản Nhiệm/ Ban Thế Đạo Nam California.
- 15.00 Bầu Ban Quản Nhiệm/ Ban Thế Đạo Hải Ngoại.
- 15.30 Chủ Tọa Đoàn tuyên bố kết quả.
- 16.00 Thảo luận và biểu quyết Phương Hướng Hoạt Động Ban Thế Đạo Hải Ngoại nhiệm kỳ IV (2004-2007).
- 17.00 Thảo luận và biểu quyết những vấn đề do các Ban Thế Đạo/ hoặc Ban Đại Diện / BTĐHN tại các địa phương ở Hải ngoại đề nghị
- (Phương hướng và các vấn đề được nêu ra tại Đại hội sẽ được Ban Thế Đạo Hải Ngoại đúc kết và gửi đến các Hiền Tài, Hiền Tài Dự Phong 15 ngày trước ngày khai mạc Đại Hội)**
- 17.30 Phát biểu ý kiến của Tân Tổng Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Nam California, của Tân Tổng Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại.
- Đọc Bảng Phương Hướng Hoạt Động của Ban Thế Đạo Hải Ngoại *Nhiệm kỳ 4 (2004-2007)*.
- 17.45 Nghi thức Bế Hội. Đọc Kinh Xuất Hội.
- 18.00 Tham dự cúng Đức Chí Tôn và Tân Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Nam California, Tân Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại Minh Thệ.
- Dùng cơm chiều.

Buổi tối:

Gặp gỡ, mạn đàm đạo sự giữa các Hiền Tài, Hiền Tài Dự Phong với các Thanh Niên Đại Đạo, với quý Hiền Huynh Hiền Tỷ trong Châu Đạo, Tộc Đạo và Bàn Trị Sự các Thánh Thất và đồng đạo.

Chương trình văn nghệ .

Hết

Liên Lạc Ban Tổ-Chức Đại Hội

1-HT Nguyễn Ngọc Dũ, Trưởng Ban Tổ-Chức
3076 Oakbridge Dr, San Jose, CA 95121.

Phone/ Hoặc Fax: 408-238-6547

Email: dutani@juno.com

2-HT Trần Văn Hữu, Phó Trưởng Ban Tổ-Chức.

14072 Chestnut, Westminster, CA 92683

Phone:714-891-9304

3-HTDP Huỳnh Văn Mãng. Ủy Viên

14661 Raintree Lane, Tustin, CA 92780.

Phone: 714-544-5698 (H), 714-925-1415 (Cell).

4-Ngô Thiệu Đức, Ủy Viên

7791 Hazard Ave, #3, Westminster, CA 92683

Phone: 714-308-6907

HỒI BÁO

Để tiện việc sắp xếp hội trường, nơi ăn ở, xin vui lòng liên lạc Ban Tổ-Chức Đại Hội cho biết:

Tên/ hoặc Cơ-Sở:

Địa-chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email:Số người tham dự:.....

Ngày giờ đến.....Phương tiện: Đường bộ

Hàng khôngChuyến bay số.....Hãng.....

Đón tại phi trường: Los Angeles....., JohnWayne.....

Cư Trú: Tự túc :

Ban Tổ-Chức sắp xếp: Thánh Thất hoặc Tư gia.

Khách sạn do Ban Tổ-Chức thuê giúp:

Ngày đến, Ngày về

LÖÖIC KHAÛO VEÀ *Brahma, Krishna và Shiva*

Đức Chí Tôn lập nền TÂN GIÁO CAO ĐÀI vào cuối thời Hạ Ngươn Tam chuyển (3è Manvantara) và bắt đầu Thượng Ngươn Tứ Chuyển. Theo lời Đức PHẠM HỘ PHÁP thuyết Đạo tại Đền Thánh vào đêm 29 tháng 3 Nhâm Thìn (DL. 25-4-1952), thì mỗi một chuyển di của Ngươn hội là 61 triệu năm. Mỗi chuyển di 61 triệu năm lại phân làm ba Ngươn niên, mỗi Ngươn niên là 20.333.333 năm.

Từ khi tạo Thiên lập Địa dĩ chí tới ngày nay sự hóa trưởng vũ trụ đã vận chuyển qua rồi không biết là bao nhiêu chuyển di và Ngươn niên. Mỗi lần bắt đầu một Ngươn niên là mỗi lần ĐỨC CHÍ TÔN lại bắt đầu tạo lập một giống dân Thánh Đức gọi là TÂN DÂN.

Lúc ban sơ, Đức Chí Tôn tạo nên giống người còn thô kệch hầu như dã nhơn. Giống người này là giống LÉMURIENNE, (1) tức là các sắc tộc lạc hậu, rồi dần dần tiến hóa cao hơn. Đại diện cho Đức Thượng Đế là Đức BẢN CỔ MANOU đui dắt các sắc tộc này.

Giống LÉMURIENNE tiến dần lên Hắc chủng Ấn Độ (Race Noire). Chính Đức Chí Tôn tái kiếp, tạo dựng và giáo Đạo cho giống Hắc chủng này với danh hiệu là BRAHMA.

Về thể chất cũng như về tinh thần, giống Hắc chủng tiến hóa mãi cho đến khi thành giống dân có màu da xam xám (như dân CACHEMIRE) rồi thành giống dân có màu da hơi trắng mốc (Race Grise). Đây là giai đoạn ĐỨC CHÍ TÔN tá danh là Đức SHIVA(2) giáo Đạo.

Mãn giai đoạn Đức Shiva, loài người tiến thành giống “Thanh Nhơn” (Race Olivâtre). Đó là thời kỳ Đức Krishna Vishnu giáng trần đui dắt sắc tộc này.

Đức CHÍ TÔN đã dạy:

“Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền
“Vui lòng tu niệm hưởng An Thiên
“Đạo Mẫu rưới khắp nơi trần thế
“Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên”.

Và:

“Vốn từ trước, Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là:

- NHƠN ĐẠO
- THẦN ĐẠO
- THÁNH ĐẠO
- TIÊN ĐẠO
- PHẬT ĐẠO

Những câu trên đủ cho chúng ta nhận rằng: Đức CHÍ TÔN đã nhiều lần giáng trần giáo Đạo qua nhiều danh hiệu khác nhau, thời gian và địa phận khác nhau...

Lược khảo qua bốn bộ kinh VEDA và ÁO NGHĨA THƯ (UPANISHAD), ông SHRI RÂMAKRISHNA đã phát biểu rằng: “Hóa thân của chư Thần Linh bao giờ cũng vốn là MỘT – Thượng Đế DUY NHẤT đắm mình vào biển đời, giáng hiện và được gọi là KRISHNA – Một lần khác, Ngài lại giáng thế, xuất hiện ở nơi khác trong nhân loại với danh hiệu JÉSUS CHRIST. Đối với BRAHMA thì hóa thân của các Thần chẳng khác gì các đợt sóng đối với đại dương.

Đấng Thượng Đế là đấng Duy Nhất TỰ HỮU và HẰNG CỨU, nguyên nhân và cứu cánh của toàn thể chư Thần Linh và muôn loài trong vũ trụ. Theo quan niệm cổ của Ấn Độ, con người không thể hình dung được Thượng đế dưới bất cứ một ý niệm hay hình ảnh nào. Kinh UPANISHAD thường định nghĩa Thượng Đế là “NETI, NETI”, nghĩa là Ngài chẳng phải thế này, chẳng phải thế kia.

Trong kinh BRIHAD-ARANYAKA, UPANISHAD, đạo sĩ VIDAGDHA SHAKALYA có hỏi đạo sĩ YAJNAVALKYA về vị Thần ĐỘC NHẤT là vị nào. Đạo sĩ YAJNAVALKYA căn cứ vào Thánh Thư NIVID tức là những câu thơ ngắn, cầu nguyện và xưng tụng Thần Linh mà đáp rằng: “-Nhờ thơ NIVID, người

ta có thể biết được số Thần Linh là ba trăm lẻ ba và ba ngàn lẻ ba. Nhưng sau rốt, tất cả Thần Linh đều do MỘT mà ra. Người ta gọi đấng Thần Linh chủ tể vô thượng này là ẤY (TYAT), tức là Sinh Khí (PRÂNA). Ngài chính là BRAHMAN.”

Theo Veda, khi Thượng Đế muốn cấu tạo vũ trụ, Ngài tạo ra đấng BRAHMA (Đại Phạm Thiên, đấng sáng tạo vũ trụ), rồi Ngài thông tri cho BRAHMA những chân lý VÉDA (Cái BIẾT TUYỆT ĐỐI và TOÀN DIỆN). Theo đó, BRAHMA thực hiện công cuộc sáng tạo theo đúng chân lý VEDA, Lâu lâu, BRAHMA lại tạo ra những bậc đạo sĩ thấu thị (DRIHTARA, RISHI) có khả năng tiếp thụ được MANTRA (Thần chú). Như thế, các đấng Thần linh, Thánh nhân đều khởi nguyên (gốc) từ Đức CHÍ TÔN.

Ông MAX MULLER nhận định rằng: “KRISHNA VISHNU là mũi tên và trái tim của SHIVA-SHIVA là trái tim của VISHNU- Vị nào là KRISHNA-VISHNU cũng là RUDRA (Thần Bão), vị nào là RUDRA cũng là PITA-MAHA (BRAHMA) v.v... Sự liên quan tương thiết này vô cùng tận, không sao bàn cho xiết, nghĩa là vô lượng vô số những lượn ba đào của Thần Linh đều ở trong đại hải bao la của đấng Thượng Đế BRAHMA.

Xin lược khảo qua ba Linh Vị tối thượng BRAHMA-KRISHNA-VISHNU- và SHIVA (3) như sau:

ĐỨC BRAHMA PHẬT.

Ngài là đấng TỰ HỮU HẰNG CỨU, đấng sáng tạo càn khôn vũ trụ, Cha Cả vạn linh sanh chúng, nguồn gốc của thời gian vô thủy vô chung. Danh hiệu của Ngài còn gọi là THẦN SÁNG TẠO, PRAJÂPATI (Chúa tể muôn loài), đấng VISHVAKARMAN (đấng Tạo Hóa), đấng ISHVARA (Thượng Đế, danh từ này mới có về sau dùng để chỉ Thượng Đế hữu Ngã, gồm chung Tam Vị Nhất Thể là Brahma-Krishma và Shiva mà Công Giáo gọi là Đức Chúa Cha (DIEU le PÈRE)- Đức Chúa Con (DIEU LE FILS) – Đức Chúa Thành Thần (DIEU LE SAINT ESPIRIT).

Theo Thánh kinh VEDA, BRAHMA là THẦN SÁNG TẠO. Một ngày của đấng Brahma lâu bằng một kiếp của vũ trụ, tính ra bằng 432.000.000 năm gọi là một KALPA. Đối KALPA gồm có 100 Chatur-yuga (tứ kỷ nguyên) hay Mahavuga (đại kỷ nguyên) gọi như vậy vì mỗi đại kỷ nguyên gồm có bốn thời đại kế tiếp nhau như sau:

1. HOÀNG KIM THỜI ĐẠI (KRITA YUGA) lâu 1728000 năm, nhân loại hoàn toàn thánh thiện.
2. BẠCH NGÂN THỜI ĐẠI (TRETA-YUGA) lâu 1296000 năm, mầm ác bắt đầu xuất hiện trong nhân loại.
3. LỬNG TÍNH THỜI ĐẠI (DVAPARA-YUGA) lâu 864000 năm, tính thiện và ác của nhân loại ngang nhau.
4. HÔN ÁM THỜI ĐẠI (KALI-YUGA) lâu bằng 432000 năm, thiện tính mất dần, ác tính tràn ngập.

Cuối mỗi KALPA, toàn thể vũ trụ sẽ bị đại hủy diệt (PRALAYA). Sự đại hủy diệt này mở đầu cho ĐÊM của BRAHMA- Ngài ĐI NGŨ – Đêm của BRAHMA lâu bằng một KALPA (432000.000 năm). Và cứ như thế- chu kỳ NGÀY- ĐÊM của BRAHMA luân chuyển mà vũ trụ SANH DIỆT- DIỆT SANH...

Theo Veda, cuộc đời của BRAHMA thọ 100 năm. Khi BRAHMA chết, ngày đó, toàn thể vũ trụ và thế giới Thần Linh đều bị đại hủy diệt (MAHAPRALAYA). Cho đến một trăm năm sau đó, BRAHMA tái sinh, chu kỳ Sáng tạo và vòng hủy diệt lại bắt đầu. Tính cho đến nay, BRAHMA vừa được 50 tuổi (4).

Cũng theo kinh VEDA, về nguyên lý ba ngôi tối linh (TRIMURTI) được tóm lược như sau:

-BRAHMA (THẦN SÁNG TẠO) là DYAUS (CHA) là Trời thể hiện là LỬA (Thần) SURYA (Mặt trời)

-KRISHNA-VISHNU (THẦN BẢO TỒN) là ADITI (VÔ CỰC) là MẸ (ĐẤT) thể hiện VÂYU (Gió).

-SHIVA (THẦN HỦY DIỆT) là ADITYA (CON) thể hiện AGNI (LỬA).

DYAUS là tinh thần, ADITI là vật chất. Do hai nguyên lý này mà sinh ra 12 nguyên lý tối cao (ÂDITYA), tức là mười hai tháng trong năm, khi chuyển vận, các Ngài lôi cuốn theo cả

' thế gian, điều hành mọi sinh hoạt giữa Trời và Đất, cai quản chư Thần và loài người.

DYAUS- ADITI- ADITYA (Cha- Mẹ- Con) là nguyên-lý nhất-nguyên. Riêng AGNI (Lửa, Hỏa Thần, được coi là bản chất chung của Ba Ngôi. Agni có sứ mạng làm trung gian giữa người với các Thần-linh, chuyển đạt lên chư Thần những lễ vật do loài người dâng cúng. AGNI còn được mệnh danh là Đấng THÂM NHẬP KHẮP NƠI (VAISHVANARA). Trong cơ thể sinh vật, lửa là khả năng hấp-thụ và tiêu hóa, nguồn cơ của sự sống, soi sáng ngoại giới và nội tâm. Hiểu được Agni là biết được bản tính vũ-trụ.

VÂYU (GIÓ) là hơi thở của Lửa (tự căn VÂ có nghĩa là thổi). Theo UPANISHAD, VÂYU được mô tả là sinh khí của vũ-trụ, mạch sống của muôn loài, có nhiệm-vụ tẩy mọi ô-uế.

SURYA (tự căn SUR hay SVAR: sáng chói) là nguồn sáng vũ-trụ, nguồn Minh-triết của vạn-linh sanh chúng, biểu thị bằng mười hai nguyên-lý tối cao (ÂDITYA) là ngưỡng cửa vào con đường đưa tới Thần-linh, là con mắt vũ-trụ, nguồn gốc của thời gian và nguyên-lý sự sống, là cứu cánh cho vạn linh hữu thể trong quá khứ, hiện tại và vị lai.

Tất cả đoạn trên đây đều là Nguyên-lý từ Đấng ĐỘC-TÔN BRAHMA mà khởi xuất.

Đối với Tân-giáo CAO-ĐÀI, Đức BRAHMA là Đức Phật tối cổ, tối đại huyền mật thể hiện cho Đức CHÍ-TÔN hữu ngã. Về thể-pháp, bửu tượng của Ngài cùng đứng đầu lưng chung trên một đại bửu liên tòa với Đức SHIVA và KRISHNA trên chót Bát-Quái-Đài Đền Thánh (chỉ về Đại Hồn Vũ Trụ). Ngài đứng thẳng người trên mình con Huyền Nga màu thiên thanh (giống như con thiên nga) đang giang cánh bay về Đoàn Cung (Chánh Tây, hướng Tây-Phương Cực-Lạc). Đầu Ngài đội kim khôi, thân khoát Huỳnh bào. Tay phải kiết ấn Cam-Lộ, tay trái kiết ấn Ngũ-Hành để ngang tim. Màu da Ngài trắng muốt tinh anh.

Đó là thể-pháp về Ngài. (Phần Bí-Pháp rất mật nhiệm, người soạn bài này không dám lạm bàn).

Như Đức Phạm Hộ-Pháp đã dạy ở trước, Ngài là Đấng biểu-hiện cho Đức Chí-Tôn thuộc NGÔI CHA, là Đức Phật do Chơn-linh Đức Chí-Tôn giáng trần giáo Đạo vào mỗi Ngươn-Hội Hoàng-Kim Thời-Đại, loài người toàn thiện, thuần Thánh-Đức. Thời đó còn được gọi là NGUỒN VÔ TỘI, NGUỒN THÁNH-ĐỨC.

ÑÖÛC PHAÄT SHIVA

(Dịch âm là THẤP-BÀ- THẦN PHÁ HOẠI – THẦN HỦY DIỆT) – Ngài là đấng thể hiện cho Đức Thượng Đế hữu Ngã, Ngôi BA (DIEU LE SAINT ESprit).

Đức Hóa Công TVASHTRI (còn gọi là đấng VISHVAKARMAN: Thợ Tạo, Hóa Công) xén bớt một ít tia sáng của Thần SURYA (mặt Trời) mà tạo thành cái chìa ba cho Ngài, cái đĩa cho Thần BẢO TỒN (KRISHNA), cái chùy cho Thần KUBERA (Thần Tài Sản), ngọn giáo cho Thần KÂRTIKEYA (Thần Chiến Tranh) và các khí giới cho chư Thần Linh khác.

Theo thần thoại VEDA, giữa Ngài và Thần Bảo Tồn (VISHNU) có sự xung khắc và tương tranh mãnh liệt. Tuy nhiên, điều này được giải thích rằng: “Các đấng Thần Linh, dù VISHNU hay SHIVA đều cùng một cội gốc Đức Thượng Đế mà ra, đều là biểu hiện nhân cách hóa các quyền lực phụ thuộc vào đấng tối cao BRAHAMA hay ISHVARA. Vì vũ trụ phải có sự điều hòa và quân bình tuyệt đích nên có sự xuất hiện các hiện tượng xung khắc đó để rồi tạo thành một hòa điệu tuyệt diệu như các bánh xe răng cưa trong một bộ máy, tuy có xoay ngược chiều cơ hồ như xung khắc, mà kỳ thật, đó chỉ là sự vận hành để hòa điệu hóa trường năng cơ lực.

Mỗi Ngươn (Chatur – YUGA, hay Mahayuga) trong vô số ngươn đã qua hay sắp đến, chu kỳ tiến hóa của vạn linh sanh chúng cũng như sự hóa trưởng và thuần dương của tinh cầu hoặc Thái Dương Hệ, khi thời kỳ phải đến, như đóa hoa có ngày nở ắt có ngày tàn. Theo nghĩa ấy, Đức SHIVA (Thần HỦY DIỆT)

phải đến với đòn cân quân bình để tạo lại hòa điệu tuyệt diệu cho vạn linh hữu thể khi ngày giờ đến.

Mặc dầu Ngài mệnh danh là Thần Hủy Diệt, nhưng nghĩa đó theo Thánh Thư VEDA lại hiểu rằng: “Ngài là trái tim của Krishna, KRISHNA là trái tim của Ngài, KRISHNA hay SHIVA cũng là BRAHMA.

Đoạn trước đã ghi, Đức PHẠM HỘ PHÁP thuyết rằng: Ngài giáng trần tiếp theo Đức BRAHMA để giáo hóa giống dân Hắc Chủng chuyển mình tấn hóa thành giống dân có màu da xam xám, rồi thành trắng mốc. Ngài là Đức Phật của các sắc tộc ấy.

Ngươn Hội Đức Phật SHIVA giáng trần là Ngươn TRANH ĐẤU (BẠCH NGÂN THỜI ĐẠI và LƯƠNG TÍNH THỜI ĐẠI). Trong Ngươn này, nhân loại không còn thánh thiện nữa mà tính bạo ác tràn ngập che mờ cả Phật tính HOÀNG KIM. Thế nên, nhân loại thời ấy bị lôi cuốn vào nghiệp lực tham, sân, si, thất tình, lục dục và nạn tương sát rất trầm trọng.

Đức SHIVA giáng trần để độ dẫn vạn linh thoát vòng đọa lạc thống khổ trầm luân ấy.

Với Tân Giáo CAO ĐÀI, Ngài là Đức Phật thứ nhì trong Tam vị Phật đứng đầu lưng trên đại bửu liên tòa nơi chót vót BÁT QUÁI ĐÁI. Chân Ngài đạp trên thất đầu xà. Mặt Ngài hướng về cung Bắc Đẩu nơi triều ngự của Đức CHÍ TÔN (CHÁNH BẮC, thuộc KHẨM, chỉ về nước: THỦY Tinh và TỶ (Lò). Tóc Ngài búi cao lên đỉnh đầu. Ngài mình trần, vận khố màu Vàng. Toàn thân Ngài với màu da xam xám. Và điểm đặc biệt, Ngài đang thổi sáo, ống sáo nằm ngang miệng Ngài, thân sáo xuôi theo chiều Đông Tây.

Đó là thể pháp về Ngài, đáng an ủi, đáng hủy diệt tội ác, nghiệp chướng. Ngài là đáng thể hiện cho ngôi TỬ TƯỢNG. Nhìn lên bửu tượng Từ ái và uy nghi của Ngài, với hình dáng ấy...đâu đây đồng vọng về tiếng sáo giác mê diệu dật, trầm, thật trầm, thống thiết rồi cao dần như nước nở, như tiếng Mẹ gọi con lạc nẻo giữ rừng già hung hiểm.

(Phần Bí pháp không dám lạm bàn)

ĐỨC KRISHNA PHẬT (Krishna-Vishnu)

(VISHNU: dịch âm là TỶ NỮU, có nghĩa là THẦN BẢO TỒN Đấng BIẾN TÌNH, cũng dịch là ĐẠI TỰ TẠI THIÊN VƯƠNG, ĐẠI TỰ TẠI NHƯ LAI) – VISHNU do tự căn VISH có nghĩa là lan tràn, thâm nhập khắp nơi, có thể dịch là đấng PHỔ HIỆN (OMNIPRÉSENT) hay NỘI TẠI (IMMANENT).

Ngài là đấng thể hiện cho Đức Thượng Đế Hữu Ngã Ngôi HAI- Ngôi MẸ – cũng gọi Ngài là hiện thể của Thái Dương Tinh. Ngài ngồi trên Tòa sen mà thống quản cơ hóa trường vạn linh và càn khôn.

Theo Veda, Thánh Kinh căn bản của BÀ LA MÔN GIÁO (BRAHMANISME) là Thánh điển tối cổ ở Ấn Độ của tôn giáo này nói rằng:

-Hồi kiếp ban sơ, Đức Phật KRISHNA sanh ra nơi miền Đại Thủy. Ngài có một ngàn đầu, hai ngàn tay (1). Từ rún của Ngài, mọc lên một tòa sen lớn, trên tòa sen đó hóa sanh ra Ngài Phạm Thiên Vương (Biểu hiệu của Phạm Thiên Vương là hoa sen (PADMA). Ngài là chúa tể cõi Tam-Thiên Đại-Thiên Thế Giới và ba cảnh Phạm thân, Phạm chúng và Phạm Phụ Thiên).

Trước khi đức Phật Thích Ca ra đời, có một đạo sĩ tu ở núi HY MÃ LẠP SƠN (Tuyết Sơn) tên là KRISHNA còn gọi KRISHNA DVAIPÂYANA, được sự mặc khải của Đức Phật KRISHNA- VISHNU nên đứng lên truyền bá Chánh Đạo của Ngài. Đạo sĩ KRISHNA DVÁIPÂYANA là người đầu tiên san định Thánh Kinh VEDA thành bốn bộ gọi là Tứ Minh Thánh Kinh, rồi truyền bá lại cho các đạo sĩ PAILAKA, VAISHAMPÂYANA, JAIMINI, SUMANTU...

Theo sách VISHNU PURÂNNA thì Tứ Minh kinh Veda gồm có bốn bộ như sau:

-RIG-VEDA (Đọc tụng- Phệ Đà, VEDA có nghĩa là biết tuyệt đối, giác mãn)

-SAMA-VEDA (Ca vịnh Phệ Đà)

-YAJUK VEDA (Tế tự Phệ Đà)
-ATHARVA- VEDA (Triết lý, áo nghĩa, phù chú, ma thuật
Nương tai)

Về Chánh Pháp, Đức KRISHNA-VISHNU thực hiện qua
hai đường:

1. – *TRI – THỨC*: (JNA MAGA) Tư-duy để tìm giải đáp
về sự cấu tạo mật nhiệm của vũ trụ, đời người cùng vạn linh.

2. – *TẾ TỰ*: (YAJNA MÂGRA) Dùng nghi-thức tế-lễ và
lòng kiên thành mà người ta có thể cảm ứng với Thần-Linh được
Thần Linh che chở và giải thoát. Các hình thức tế-tự, ban đầu
chỉ là lời cầu nguyện, sau tiến đến sự dâng hiến lễ vật. Tế tự là
hình thức tỏ lòng thành kính đối với Thần-Linh bằng sự dâng
hiến lễ vật, tức là sự hy-sinh một phần tài sản của mình. Kinh
SHATAPA BRÂHMANA có đoạn dạy rằng: “Mặt trời sẽ không
mọc lên được, nếu lúc bình minh, nhà tư-tế không cử hành lễ
LỬA (Lửa biểu trưng cho Thần của Thượng Đế).

Nguyên trước đạo sĩ KRISHNA DVAI PÂ YANA được
sự mặc khải và hòa nhất với Đức THẦN BẢO TỒN KRISHNA-
VISHNU thì đã có các bậc đạo sĩ vào thời trước đó nữa được sự
thấu thị (DRISHTARA hay RISHI) có khả năng tiếp thụ được
mật chú (MANTRA) và được sự mặc khải chân lý VEDA từ
Đức THẦN SÁNG TẠO BRAHMA. Đó là các vị đạo sĩ
MARICHI- ATRI- và ANGIRAS.

Về nghi lễ tế tự, phái đồ của đức KRISHNA- VISHNU,
từ cổ xa xưa có các đạo sĩ được mặc khải chơn lý Veda từ Ngài,
đã thành lập ra các ban nhạc gồm có các đồng nữ. Ban lễ nhạc
tế tự này được các tu sĩ trong đền thờ nuôi dạy.

Mỗi khi tế tự hoặc dâng lễ Thánh lên Thần BẢO TỒN,
ban nhạc đồng nữ ăn mặc đẹp đẽ, vừa múa vừa hát những bản
Thánh ca trước lễ Đàn để biểu tỏ lòng ngưỡng vọng và ca tụng
công đức vô biên của Ngài. Ban nhạc đồng nữ này còn gọi là
ĐỀ BÀ ĐA SĨ (DEVADASSI).

Đức KRISHNA- VISHNU thể hiện cho Thượng Đế hồng
thiện, hồng từ, đại bi, chí cực, chí huyền... là Từ MẦU của vạn
linh sanh chúng: “Phổ ảm chúng sanh Đại Bi nữ” (Ban khắp
cùng cho chúng sanh dòng sữa Đại Bi).

Và lược khảo về những chu kỳ CHATURYUGA hay MAHA-YUGA trong KALPA của vũ trụ, thì cứ mỗi Đại Kỳ Nguyên, Đức KRISHNA- VISHNU có mười kiếp hóa thân (tái sinh) giáng trần giáo Đạo dẫn dắt vạn linh sanh chúng vào CHÁNH ĐẠO giải thoát.

Vào tiểu chu kỳ Tứ chuyển là chu kỳ Hôn ám Thời Đại (KALI-YUGA) trong Đại kỷ-nguyên, nhân loại hầu như mất hết Thiên lương, thuần thiện mà các tính ác, tham, sân, si... lấy lừng, sống trong hỗn loạn, đau khổ, ly loạn, binh cách can qua, sầu thảm tóc tang cực cùng thì Thần Bảo Tồn tức là Đức KRISHNA-Phật sẽ xuất hiện dưới danh hiệu KALKI, tiêu diệt nhân loại trong một cuộc ĐẠI HỒNG THỦY (Nước lụt ngập lớn) hay Đại Hỏa Tai. Rồi sau đó Ngài tái thiết một Đại Kỳ nguyên mới sau ngày tận thế.

Đối với nền Tân Giáo CAO-ĐÀI, Đức PHẠM HỘ PHÁP có thuyết về công hạnh của Ngài xin lược đại ý như sau:

A.- Đức KRISHNA VISHNU Phật, giáng trần tiếp theo sau Đức Phật SHIVA để giáo Đạo cho vạn sắc tộc nhưn loại có màu da xám xám và trắng mốc tiến lên sắc tộc có nước da xanh OLIVÂ tre gọi là giống THANH NHƠN, Đó là thời kỳ của Ngài giáng trần dạy Đạo với mười lần hóa thân.

B.- Trong cõi ta bà thế giới, đầu cho chúng sanh nào chết nơi chân trời gốc bể, rừng sâu, núi thẳm, mà tâm thuần lương, hạnh, đức trong sáng, công nghiệp đủ đầy âm chất, Đức KRISHNA Phật sẽ cỡi Giao Long tìm” rước chơn hồn ấy về ngay BẠCH NGỌC CUNG mà diện kiến ĐỨC CHÍ TÔN ĐẠI TỬ PHỤ. Ngài là Đức Phật lãnh lĩnh Đức CHÍ TÔN tuần du khắp cả ta bà thế giới để độ dẫn và hộ niệm vạn linh trên nền tảng CHÁNH PHÁP CHƠN TRUYỀN và hóa trưởng cơ THUẦN DƯƠNG THÁNH KHIẾT theo máy Tạo huyền vi xoay vần dục tấn mãi mãi.

Ngài là Đức Phật thứ ba đứng uy nghiêm và đầu lừng với Bửu tượng đức BRAHMA SHIVA trên đại bửu liên tòa nơi chót vót BÁT QUÁI ĐÁI Đền Thánh. Chân của Ngài đạp trên mình con Giao Long (Phải chăng hồi cổ xa xưa, Ngài sanh ra nơi miền Đại Thủy nên có hình ảnh linh vật giao long này? Tóc

Ngài búi cao lên đỉnh đầu- Tay phải chống một cây trường kiếm tuốt trần phản chiếu ánh nắng nhấp nhoáng như màu thép trắng. Nước da Ngài trắng muốt và toàn thân chỉ vấn một cái khố màu sậm. Cũng theo lời Đức Phạm HỘ PHÁP, Ngài biểu tượng trạng thái Ngôi HAI trong Tam Linh Vị NHẤT THỂ, nên bửu tượng của Ngài có nhũ bộ.

Tóm lược lại, các nhà khảo cứu về Thần Linh học (nhất là THÔNG THIÊN HỌC) cho rằng Đức BRAHMA PHẬT-SHIVA và KRISHNA PHẬT là Ba Ngôi của Đức Thượng Đế được gọi là Tam vị Nhất Thể, với các bảng tóm lược như sau:

- 1.- VEDA gọi Ngài là:
 - BRAHMA (THẦN SÁNG TẠO)
 - KRISHNA (THẦN BẢO TỒN)
 - SHIVA (THẦN HỦY DIỆT)
- 2.- CƠ ĐỐC GIÁO gọi Ngài là:
 - Đức Chúa CHA (DIEU LE PÈRE)
 - Đức Chúa CON (DIEU LE FILS)
 - Đức Chúa THÁNH THẦN (DIEU LE SAINT ESPIRIT)
- 3.- Phật Giáo gọi Ngài là:
 - A-DI-ĐÀ (AMITABHA)
 - QUAN THẾ ÂM (AVALOKITESHVARA)
 - ĐẠI THẾ CHÍ (MANJUSHVI)
- 4.- Nho Giáo gọi Ngài là:
 - NGÔI THÁI CỰC
 - NGÔI LƯƠNG NGHI
 - NGÔI TỬ TƯỢNG
- 5.- HỎA GIÁO Gọi NGÀI là:
 - AHURAMAZDA
 - ASHA
 - VOHUMANO
- 6.- Giáo lý xứ Ai Cập gọi Ngài là:
 - OSIRIS
 - ISIS
 - HORUS
- 7.- Thông Thiên Học gọi Ngài là:

- ĐỀ NHỨT THƯỢNG ĐẾ (PREMIER LOGOS)
- ĐỀ NHỊ THƯỢNG ĐẾ (DEUXIÈME LOGOS)
- ĐỀ TAM THƯỢNG ĐẾ (TROISIÈME LOGOS)

8.- Trong DI LẠC CHƠN KINH của ĐẠI ĐẠO Tam Kỳ PHỔ ĐỘ Ngài là Ba Đức Phật đứng đầu trong cõi THƯỢNG THIÊN HỒN NGUỒN là cõi trời cao diệu vô thượng.

NGUYỄN VĂN CÓN

(Trích Đặc-san KHAI ĐẠI-ĐẠO của Cơ-Quan Phát-Thanh Phổ-Thông Giáo-Lý-Mậu-Thân 1968)

Chú Thích:

- (1) Xem quyển” Võ Trụ và Con Người” của Ông Nguyễn Văn Lượng, Thông Thiên Học.
- (2) Shiva có nơi viết là Civa.
- (3) Kinh lạy Thiên Phụ, con lần về tìm hiểu Thiên Phụ, nhưng vì con hèn mọn còn quá ngu muội nên không hiểu được gì về Thiên Phụ. “Xin thương xót chúng con”.
- (4) Theo Thomas, Hindu Religion, customs and Manner-Tarapovăla Sons and Co. Bombay 1960.

*** Có Học Vấn mà không có Đạo Đức, thì là người ác; có Đạo Đức mà không có Học Vấn, thì là người quê.**

La Tư Phúc.

*** Độ lượng to lớn bao nhiêu thì phúc trạch cũng to lớn bấy nhiêu. Có mưu sâu độc bao nhiêu thì tai vạ cũng sâu độc bấy nhiêu.**

Minh Tâm Bửu Giám.

QUAN NIỆM VỀ

TRUNG - SINH - NHÂN TRONG KHOẢNG GIAÙO

(Hoïc giaù: Traàn Troïng Kim)

I - TRUNG

Nhà Trời Nhất là còu biến hóa luôn luôn, mà trong số biến hóa mà cững còu miêu họa, còu bình hánh, tức là còu cái **Trung** vậy.

Trung bao giở cững hám cái yù Họa, vì còu Họa mồi Trung nũoic, mà nũo Trung là tất còu Họa. Trung là cái thể rất hám toàn của số bình hánh. Trời Nhất vào vãn vật còu cái Trung mồi rừng nũoic và còu cái Họa mồi hòa đức rừoic. Cho nên nũo rằng: "Trung giáo, giáo, Thiên hai chi rừi bả giáo; họa giáo giáo, thiên hai chi rừi Nhũo giáo. Trí trung họa, Thiên rừa vò yên, vãn vật đức yên". Trung là cái góc lòn của Thiên hai, Họa là cái rừi Nhũo của Thiên hai. Cưng cữc cái Trung và Họa, thì Trời Nhất rừn vò, vãn vật hòa đức (*Trung Dung*).

Trung nũo là cái góc của Trời Nhất, thì ngòu ta sinh ra tất là ai cững bản thủ cái Trung nũo làm tính thõng. Thiên Thang Cáo trong Kinh Thõ nũo rằng: "Duy Họang Thõoing Nhũa, giàng Trung vù hai dân, nhũoic hũu hæng tính." (Họang Thõoing Nhũa giàng cái Trung xướng cho hai dân, dân còu cái Trung ấy nhũo còu tính thõng).

Trung còu Thể và còu Dũng.

Thể làm cật cái thũi rừa ngay chính, lúc mà cững không nghiêng, không lệch, mà lài còu cái sùng sát biết rõ số thũc

Dũng làm thi hánh ra thì việc gì cững không thũi quũ, không bảt gặp.

Theo **giáo** **Não** **Trung** **thật** **lao** **raát** **khò**, hoặc giáo phải giáo cái Tâm của mình cho tinh thuần và chuyên nhất thì mới có thể theo đúng giáo. Bởi vì vậy, cái học của Thành Nhân mới có thể cho nhau chẻ cốt cũ mấy nhiều lao: 'Nhân tâm duy ngụy, Não tâm duy vi; duy tinh, duy nhất, đốn chấp quyết Trung'. (Cái Tâm của người thì ngụy, cái Tâm của Não thì vi; phải giáo cái Tâm của mình cho tinh thuần và chuyên nhất, thì mới giáo được cái Trung). (Thơ: *Nãi Vũ Mã*).

Nhân **tâm** hóa lao cái phần sáng suốt riêng của người ta tuy lao một phần Thiên lý, tức lao một phần Não tâm những thông hay bỏ vật dục làm bất tác, thì sai một lý lao chẻ lệch ngay, cho nên mới gọi là **ngụy**.

Não **tâm** hóa lao phần sáng suốt trong vũ trụ, thuần nhiên lao Thiên lý, song mới vô thanh vô khí, ta giáo được hay không lao cũ ta mà thôi, chớ không thể làm cho tôi rõ ra được, cho nên mới gọi là **vi**. Ta biết cái tâm của ta là **ngụy**, hãy sai một hao, một lý lao một cái Trung rồi, cho nên ta phải lo sửa, phải có hết sức mà giáo cho nó không chẻ lệch. Ta lại biết cái Não Tâm lao **vi** cho nên ta phải duy tinh, duy nhất mới biết cho rõ cái Não Tâm thì rồi mới giáo được cái Trung.

Giáo Não Trung khò nhỏ thể, vậy nên kẻ học giáo phải có gắng hết sức, lúc nào cũng giáo cái Tâm mình cho công chính, rồi mới cái tốt dục làm bất tác thì mới biết cái thuần túy của Thiên lý. Biết cái Thiên lý thuần túy ấy rồi, tin mà theo thì mới chấp được Trung. Khi nào theo cái Thiên lý thuần túy tức lao lấy Não tâm làm chủ, bắt nhân tâm phải phục tùng mệnh lệnh, thì **ngụy** hóa ra yên, **vi** hóa ra hiện, tôi khác làm nhiều gì cũng mắc kẹt Trung, không thể quai, không bắt gặp.

Trung **lao** **cái** **yeáu** **nhiếm** **của** **Khoảng** **Giáo**. Hễ người ta giáo được cái Trung thì sẽ học vi, rồi tác của mình mới nhiều hơn và mới trung tiết. Những phải biết rằng cái Trung của Nho giáo không bao giờ có cái rình và quyết rồi, cái phải tự cái rình và, cái cảnh ngộ mà tìm cái Trung.

Xem nhỏ queú Kieàn trong Kinh Dòch còu 6 hỏe dỏng caú, mỗi hỏe cũ vỏe rừa vỏe rỏe thì lỏe cỏu một caú Trung rieỏng, nhỏ hỏe số cũu lỏe hỏe cũ dỏu cũ cỏng thì nỏu rỏe: "Tieàn long vỏe dừng" (Rỏe cỏn rỏe chìm cũ cũ nỏu thì kỏe nỏn lỏe vỏe gủ) . Vỏe cũ hỏe nỏe thì lỏe chỏ vỏe dừng lỏe Trung. Hỏe trỏe lỏe hỏe cũu nhỏ thì nỏu: "Hỏe long tỏe rỏe, lỏe kỏe rỏe rỏe" (Rỏe rỏe hỏe lỏe trỏe một rỏe thì nỏe rỏe thì hỏe mỗi vỏe) . Vỏe cũ hỏe nỏe thì chỏ kỏe lỏe Trung. Lỏe trỏe rỏe rỏe hỏe cũu tỏe, cũu tỏe, cũu rỏe, thỏe cũu, mỗi hỏe tỏe cũ rỏe vỏe trong queú mỏe cũ caú trung rieỏng.

Vỏe theo caú Trung lỏe theo Thỏe Ly mỏe lỏe hỏe, mỏe bỏe hỏe cho rỏe rỏe hỏe. Bỏe thỏe, Kỏe Tỏe nỏu rỏe: "Quỏe tỏe thỏe Trung" (Nỏe lỏe rỏe quỏe tỏe xỏe kỏe tỏe lỏe cỏe cỏe rỏe rỏe) .

II- SINH.

Nỏe Thỏe Nỏe theo caú Trung mỏe bỏe hỏe lỏe, lỏe cho mỗi rỏe một nỏu hỏe, một tỏe hỏe, rỏe lỏe caú Thỏe rỏe cũ Thỏe Nỏe: "Nỏe tỏe chi vỏe thỏe rỏe" (Dỏe: Hỏe tỏe Thỏe) . Sỏe bỏe hỏe lỏe do một Âm, một Dỏe sinh sinh hỏe hỏe rỏe, theo Nỏe lỏe mỏe rỏe lỏe Thỏe, thỏe rỏe Nỏe lỏe lỏe. Chỏe cũ kỏe rỏe rỏe trỏe thỏe caú Nỏe lỏe, chỏe rỏe lỏe rỏe, cũ trỏe hỏe thì tỏe rỏe rỏe vỏe theo Nỏe lỏe vỏe mỏe một kỏe bỏe, vỏe vỏe cho nỏe caú Nỏe cũ rỏe rỏe tỏe ít cũ vỏe: "Nỏe Âm, nỏe Dỏe chi vỏe Nỏe, kỏe chi rỏe rỏe, thỏe chi rỏe rỏe, rỏe rỏe kỏe chi vỏe rỏe, rỏe rỏe kỏe chi vỏe rỏe, bỏe rỏe rỏe dừng rỏe bỏe rỏe, cũ rỏe rỏe Nỏe tỏe hỏe" . (Dỏe: Hỏe tỏe Thỏe)

Mỏe Âm một Dỏe bỏe hỏe mỏe sinh ra vỏe vỏe, mỏe Dỏe lỏe rỏe bỏe thỏe caú Nỏe lỏe, cho nỏe nỏu nỏu rỏe: "Sinh sinh chi vỏe Dỏe" (Sinh sinh ra rỏe rỏe lỏe Dỏe) . (Hỏe tỏe Thỏe) . Sỏe sinh hỏe cũ Thỏe Nỏe kỏe rỏe do Âm Dỏe cũ rỏe. Phỏe caú gủ lỏe một lỏe kỏe sinh rỏe, rỏe cũ caú chỏe rỏe rỏe rỏe rỏe, tỏe rỏe

Càui rừc Nguyên là càui khừi rừu sừi sinh vừi vừt, càui rừc Hừnh là sừi thừng rừt củi sừi sinh vừi vừt, càui rừc Lừi là sừi thừi thừi củi sừi sinh vừi vừt, càui rừc Trừnh là sừi thừnh từi củi sừi sinh vừi vừt. Vừi Nừi Trừi Nừt là chủ ùi sừi sinh vừi vừt mừ sừi sinh ày là rừu càui cừi rừi Thiừn.

Nừ là càui quan niừm rừt trừng yừu củi Khoừng Giừu. Mừ Khoừng Giừu sừi ðứ khoừng giừng cừi từn giừu khừc cừng chừ cừi quan niừm ày mừ thừi. Thừng thì từn giừu mừ cừng chừ sừi sừng là mừt cừnh khừ ðứ mừn cừi phừi từn cừi giừi thừi, nhừ phừt giừu thì cừi lừ sừi "Bừt sinh", Lừ giừu thì cừi lừ sừi: "Vừ vi từ ðứ", khừng thừi gì rừn sừi rừi. Dừ chừ cừi Khoừng giừu là lừ lừ sinh hừi ùi rừi là mừ vui thừ, hừi vừi lừ Trừi Nừt. Khoừng Giừu chừ sừi sinh hừi từi mừ là càui mừi mừi củi Từi hừi, khừng cừn phừi hừi rừng: Sinh rừ rừi là mừi, hừi là chừt thì rừi rừi.

Lừ Trừi Nừt chừ cừi Ẩm ðừng biừn hừi mừ thừi, từnh khừi từi lừi là Sinh, từn rừ là Từi, cừi từi rừi lừ hừnh nhừ thừi mừi, vừi vừt rừu thừ cừi cừi lừ ày, khừng lừ mừ rừi từi lừ rừng cừi lừ ày rừi. Ngừi là mừt phừn từn vừi vừt, chừ mừn phừi thừ lừ Trừi mừ biừn hừi, nhừng chừ cừi phừn vừt chừt là phừi biừn hừi mừ thừi, cừn phừn từnh thừn là củi Trừi phừi chừ, thì bừ giừ cừng cừi từ cừi ðứ lừ vừ cừi mừng lừi từi ðứ ðứ cừi gừng mừ từn lừn chừ rừi ðứ thừi, ðứ mừ. Nừ từ biừ ðứ cừng phừ mừ sừng từi rừ ðứ sừi vừt cừi từnh thừn mừi mừ, cừi khừ lừi lừ hừi, từi là thừ Trừi Nừi Nừt mừ sinh sinh. Thừ ðứ: Nừ Trừi hừi phừi hừi rừ cừi từ từ ðứng cừi xừ, nhừ vừn ðừ ðứ là mừ rừ sừ ðứ ðứ từi, nhừ mừ thừi chừ rừ ðứ ðứ rừ rừi hừi là nhừ khừ hừi từn rừ cừi ðứ rừ ðứ ðứ, rừ là hừi vừi cừi Nừi Sinh củi Trừi Nừt cừi.

Vừi hừi vừi cừi rừi Sinh là Thiừn, trừi vừi cừi rừi Sinh là Ì. Càui quan niừm vừ sừi Thiừn, sừi Ì củi Khoừng Giừu gừc ùi sừi Sinh. Sừi Sinh là phừn rừt lừnh hừi từn Khoừng Giừu. Bừi cừi phừn ày chừ mừn nhừng rừi Nừn, Nừi, Lừ, Trừ, mừi cừi từnh thừn, vừ nhừng rừi ày chủ ùi sừi gừi thừnh cừi sinh thừi củi rừn lừi. Nừ ngừi từ sừng ùi rừi mừ chừ từ từ cừi vừ ðứ, rừ mừi sai khừi, ðứ

roài chæ càu laáy tò taán tò trí mæ bəz viéc ra rĩa læm hieủ loatin nhæn taán, thì thæt læ læm hieủ cùi sinh cù của taio hũa. Vạy nhæn cùi toán chæ của Khoáng Giàu læ theo Thiến Ly mæ boài boả cho sõi sinh của Trôi Nết. Sõi boài boả rừu gạc Cũ Nãiio Nhæn læ cùi cù sõi giàu hũa của Khoáng Giàu.

III - NHÂN.

Theo cùi lý thuyết rừu nùi cũ trên cho cùi Nừc lừn của Trôi Nết læ sõi Sinh thì Nãiio ngừoi læ phài theo Nãiio Trôi Nết mæ boài đừng sõi Sinh. Nãiio Trôi cù boán Nừc læ: Nguyên, Hnh, Lôi, Trinh; Nãiio Ngừoi bừi rừu mæ cù boán Nừc læ: Nhân, Nghra, Leã, Trí. Nguyên từc læ Nhân rừng rừu cùc nừu Thiến, Hnh từc læ Leã hoài hoíp cùc cùi rừp, Lôi từc læ Nghra rừn rừo cùc phàn cho nừu hoæ, Trinh từc læ Trí giừ đừng cùi chừn rừ læm gạc mõi sõi.

Bừi vậy, Khoáng Từ nừi rừng: "Quan từ thẩ Nhân từc đừ đừng Nhân, gia hoài từc đừ hoíp Leã, Lôi vệt từc đừ hoæ Nghra, Trinh cù từc đừ càn sõi". (Quan từ læy Nhân læm thẩ, læ nừ læm từ đừng thừn chongừoi, hoíp cùc cùi tởt rừp læ nừ læm cho hoíp Leã, Lôi cho vừn vệt læ nừ læm hoæ cùi Nghra, biết cùi Trinh chừn mæ cù giừ læ nừ læm gạc cho mõi sõi). (Dừch: Vừn Ngừn Trừyển)

Vạy Nhân læ rừu cùc nừu Thiến chừ boài đừng sõi Sinh của Trôi Nết.

Chừ Nhân cù chừ nhæn vừ chừ nhừ hoíp læi læ mæt chừ hoài yù, nghra læ nừi cùi Thẩ vừ cùi Nừc chung của mõi ngừoi, rừu cù vừi nhau nhừ mæt. Bừi vậy hieủ rừ nghra chừ Nhân thì hieủ rừ cùi toán chæ nhæt thẩ của Khoáng Giàu.

Theá nazo læ Nhân?

Cùc rừ từu hừi Khoáng Từ thì Ngừoi tuzy hoic lừc, tò cùch của từng ngừoi mæ trầu lừi vừi mõi ngừoi mæt khừc.

-Nhan Từu hừi Nhân, Ngừoi nừi rừng: "Khác kýu phừc læ vi nhæn". (Sừm mừn trừi læi theo Le ã læ Nhân). (Lừn ngừo: Nhan Uyển, XII).

tính sàng suốt, cái sọc mảnh mẽ. Còu nhiều gì cũng biết rõ ràng ngay, mà làm việc gì cũng nhiều hoa và trường tiết.

Nhờ thế thì Nhân với Trung cũng rỗng một nghĩa; những Nhân thì còu nhiều tình cảm rất hậu, rồi với vắn vặt không bao giờ lơ không còu hậu tình. Vậy nên chỗ Nhân vẫn hằm cái cái yù chỗ Aù. Vì còu Nhân mới còu Aù, còu Aù mới còu lòng thớng người yêu vặt, muốn cho vắn vặt bao giờ cũng còu cái khau. Lại mà sáng cũ rồi.

Bởi còu lòng Nhân cho nên người ta mới hiệp quyền với nhau, mới còu lòng Bác Aù, mới coi nhau nhỏ anh em, xem cái rỏn thế nhỏ một người, cái vũ trui nhỏ nhất thế. Nếu nhỏ một người thì hết còu cho rỏn rỏu lơ cái người thấy khò chò. Cũng bởi nghĩa ấy mà sách thuốc của ta gọi bình te là **lao mào bất nhân**, vì người còu bình te thì trong thân thể rỏu rỏu cũng không biết. Người bất nhân trong xã hội cũng như người còu bình te vậy, ai rỏu khò thế rỏu, vặt gì bỏ tai nản làm sao, cũng đứng đờng không hề cảm rỏng chùi rỏu.

Vậy rỏ Nhân thì yêu người, yêu vặt, muốn cho vắn vặt cái rỏc kỳ sủ. Lòng yêu, lòng muốn ấy rỏu xuất ở trời nhiên, không còu miễn cưỡng chùi rỏu, cho nên mới gọi là **An**.

Nhân với An quan hệ với nhau rất là mật thiết. An là cái rỏc tính rất tốt của người còu Nhân, lúc rỏu cũng trời nhiên nhỏ nhiên, mà làm việc gì cũng thung dung trường Nào. Người còu Nhân tới mình còu cái trời giãc sàng lưng, cũ trong bụng thì an lặng mà cũng ra ngòi thì việc gì cũng thích hiệp với Thiên lý chí công chí thiện, cho nên bao giờ cũng An. Người bất Nhân thì hay vô tổ tâm tổ trí, thế rỏ ra làm mê lối mất cái trời giãc, rồi còu miễn cưỡng tìm cách làm những việc tà ác trái với Thiên lý, cho nên không lúc rỏ An rỏ c. **Vậy còu An mới là Nhân, mà rỏ Nhân là An.**

Núi toàn lài, Nhân gồm cái Thế và Dũng. Thế thì trời nhiên yên lặng và sẵn còu cái rỏc sinh từ ra các cái rỏc tính tốt, trời nhỏ cái hạt trong quả, bởi còu hạt mà mọc rỏn, ra cỏn, ra lá. Cũng vì vậy mà ta gọi cái phần ấy trong hạt là nhân. Dũng thì để

caim, đấ cừng, lúc mæo cừng suât riến củi vãn vớt, bõii vấy lằm viếc
gì cừng tuồng tiết vø rất thích híp vừi Thiên lý.

Kei Nhân giai suât củi ngõoi riấy nhõng tình củi chãn thấ, cho
nein riõ Nhân thì bợ giố cừng hiếu riể vø trung thừi. Kei bấ Nhân
thì riấy nhõng trí thướ, rất khỏn khỏ, rất linh lỏii, mæ tình củi
riin bảic vø khỏng chãn thừic, cho nein thẳnh ra gian ãc, tẳn riấ.
Bõii thấ, Khỏng Tỏu mừi riềng: "Cừng, nghò, mắc, mắc, cẩn Nhân".
(Cừng trỏic, nghiền nghò, chấ phầc, trỉ riãn lợ gằn Nhân). (Luấn
Ngũ: Tỏu Lỏ, XIII). "Xỏu ngỏn lờn sắc tiển hỷ riể" (Nừi khỏ
vø sừi riết mắc cừng hinh ãng bằ ngỏi lợ ít củi Nhân vấy). (Luấn
Ngũ: Hỏc Nhi, I).

Xét riỏ yừng riết nhõng củi riấy thì hiếu thấ mæo lợ Nhân, thấ mæo lợ
bấ Nhân. Nhân thì thấ thỏ, chấ phầc vø củi củi sinh thừi ãng
riền; mæ bấ nhân thấ trung, thì khỏn ngỏn quyừi quyết hay lằm
hải củi sinh củi.

Nhân lợ củi gỏc lỏn củi sừi Sinh hỏa trong Trỏi Nắ. Thấ gian riỏ
riỏ mæ riỏng, vãn vớt riỏ riỏ mæ sinh, quốc gian riỏ riỏ mæ cởn. Liể
nghỏ riỏ riỏ mæ phầc hiể ri. Cho nein Khỏng Giỏo lắy Nhân
lằm củi toản chấ riỏ riỏ trong củi giỏo, chừn trỏ vø hỏic thướ củi
Thiên hải.

Nỏi vừi tởng ngõoi mắc, thì Nhân lợ củi hỏnh xích riể biể viếc
phầc trầi, riể riể hay củi. Sừi ngỏn luấn, sừi hỏnh vi củi ngõoi tam
híp vừi Nỏo Nhân lợ hay, lợ phầc, trầi vừi Nỏo Nhân lợ củi, lợ
xấ.

Nỏo Nhân to lỏn riỏ vấy, sừi xa riỏ vấy cho nein củi hỏic củi
Khỏng Tỏu chấ củi củi riỏ Nhân. Vừi thấ cho nein mừi mừi: "Quần tở
vỏ chừn thướ chi gian vi riể, thỏ thừi tấ ở thỏ, riể riể tấ ở
thỏ" (Ngõoi quần tở trong khỏng bừi ãn cừng khỏng trầi Nhân,
vỏi vớng cừng phầc theo Nhân, hỏn riể cừng phầc theo Nhân).
(Luấn Ngũ: Lý Nhân, VI).
Vấy bợ riể viếc hỏnh vi riể riỏ lợ cẩn bản củi Nhân củi.

giống nhỏ Nồi; rần rầu thì rồ soáng, không rần rầu thì rồ chết
 giống nhỏ Nhân; Trôi chảy xuống choả thấp, chảy thẳng, chảy
 quanh, rầu theo lữ, giống nhỏ Nghĩa; Ồi trên cao trên trờiing chảy
 xuống khe mà không ngằn ngãi, giống nhỏ Dũng; choả cain thì lờ
 hảnh, , choả sâu thì không lổing rồoic, giống nhỏ Trí; yếu Ồi, mờ
 nhủ mà rầu cứng thán rần rồoic, giống nhỏ Sắt (Soi xét tinh
 tồing); chừu càu càu xấu, không tồ choái càu rồ, giống nhỏ bao
 khóa thát (Bao dung càu moi i vật); càu gì không sách mà rồoic,
 thì không máy càu ra mà không tinh khiết, giống nhỏ Thiên hòa;
 rồing thì bằng phaúng, giống nhỏ chính; rầy thì không phaúi gait
 giống nhỏ còi rồ; rừi chiết khừc bao giồ cứng chảy về rầing Nắng,
 giống nhỏ còi yù. Vầy rần quán tồ thấy rồoic Ồi sáng lờn thì xem'

² Sách Thờing Thờ Nãi truyền chạp rằng: "Tồ Trờing hỏi rằng:
 Bắc nhân giáu sao mà thích núi? Khổng Tồ nời rằng: Núi cao
 ngát! Núi cao ngát! Mà thích, lờ Ồi trên núi còi còi cây sinh ra, còi
 chim xuống rầy rồ ra, còi của còi nhiều. Còi còi sinh ra mà không
 rầ riêng tây, bán phờing rầ rần lấy mà không riêng ai. Mây giồi
 Ồi rồ mà rầ rầ lờ cho khourng Trời Nết thông vừi nhau, âm đờng
 hờa hỏip vừi nhau. Còi âm trạch vũ lờ, mừn vật rồ rồ mà thảnh,
 trầnh rồ rồ rồ mà còi rầ. Ấy thầ cho rầ bắc Nhân giáu thích núi
 vầy".

**Hân hoan chào mừng Đại-Hội Hiền Tài
 Hải Ngoại Kỳ 4 tổ-chức vào ngày Thứ
 Bảy 25-12-2004 tại Hội Trường Châu Đạo
 California,
 Xin chúc Đại Hội thành công.
 Tập-San Thế Đạo**

LUẬN ĐẠO VẤN ĐÁP

TIỂU TỰ

Trong quyển sách “LUẬN-ĐẠO VẤN-ĐÁP” này, Tác-giả sắp ra người ngoài Đạo đến vấn Đạo một nhà tu theo “Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ.” Người cất vấn có ý rõ thông đạo-lý thể nào; lời hỏi tuy có chiều nghiêm-khắc mà giữ lối thanh-tao, nên kẻ hầu đáp vui lòng ứng đối.

Tác-giả tài sơ trí siển, biết Đạo bao nhiêu bày giải bấy nhiêu, mong rằng quyển sách hèn mọn này giúp ích trong muôn một cho chư Đạo-Hữu mới nhập môn, cùng phá tan cái màng u-ám kẻ mơ-hồ; ấy là sở vọng của Tác-giả vậy.

Cholon, le 2 Septembre 1927.

Bảo-Pháp: NGUYỄN TRUNG HẬU.

Đôi Lời Kính Cáo Cùng Chư Đạo-Hữu

Hội-Thánh nhóm ngày mồng 6 tháng 8 năm Đinh-Mão đã công nhận và hoan-ngình quyển sách “LUẬN-ĐẠO VẤN-ĐÁP” của Tác-giả là Đạo-Hữu Nguyễn-Trung-Hậu. Lời giải phân chánh lý, câu văn từ trôi chảy, ai nghe qua cũng đều hiểu. Ấy là một quyển sách rất cần ích cho chư chức-sắc Thiên-Phong đã lãnh phần trách-nhậm lớn-lao để phổ-thông Thiên-Đạo.

Vì vậy nên tôi ra công ấn-tổng quyển sách này xin chư Hiền-Hữu hãy đọc rồi chiêm-nghiệm cho kỹ-cang, hầu đối-đáp với người chưa rõ tôn-chỉ Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ.

Quyển sách này sẽ dùng làm việc cần ích trong Đạo, còn Tác-giả thì đứng trọn bản quyền cho Hội-Thánh.

Nay kính,

Thái Phối Sư Lâm Quang Bính

Tập San Thế Đạo trân trọng giới thiệu cùng đồng đạo và thân hữu quyển sách” Luận Đạo Vấn Đáp” do Ngài Bắc Pháp Nguyễn Trung Hậu biên soạn vào năm 1927 và sách đã được Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ Tòa Thánh Tây-Ninh công nhận và hoan nghinh qua lời kính cáo của Ngài Thái Phối Sư Lâm Quang Bính như đã trình bày ở trang trước.
Trân trọng giới thiệu.
Tập San Thế Đạo

Ý TƯỞNG VỀ CHƠN ĐẠO

Một người lạc bước vào rừng dương hồi tấn thối lưỡng nan, không ngồi một chỗ mà đợi hùm tha, rắn cắn, mà cũng không lẽ quanh lối này, quẹo ngõ kia cho mệt nhọc và mất ngày giờ lại càng lạc-lầm thêm nữa. Vậy phải làm sao bây giờ? Cứ nhắm tới đi hoài, dầu không nhằm đường chớ cũng ít lạc, lại có lẽ ra khỏi rừng sâu hang thẳm mà lánh hùm ngậy rắn dữ.

• • • • •

Rừng Trần-Tục này vẫn nhiều người lạc đến: muốn tìm Đường-Đạo để thoát khỏi rừng kia, nhưng chẳng biết đâu mà kiếm. Dương cơn tấn thối lưỡng nan, không lẽ ngồi một chỗ chờ ra người vô Đạo, rồi đợi hùm tha rắn cắn là lũ Quỷ-Vô-Thường; mà cũng không lẽ quanh lối này, quẹo ngõ kia cho lạc vào đám Bàn-Môn, Tả-Đạo. Vậy phải làm sao bây giờ? Cứ nhắm thẳng đi tới, thì là Chánh-Đạo. Ta cứ biết rằng Đấng Tạo-Hóa sanh ra ta, ta cứ thờ phượng Ngài thì khỏi sai đường, lạc lối; dầu không đến nơi Bồng-Đảo, Niết-Bàn chớ cũng thoát khỏi rừng Trần-Tục mà lánh luân-hồi chuyển kiếp. Ta đã kính trọng Đấng-Tạo-Hóa thì ta cũng phải kính trọng các vị quan viên chức sắc của Ngài, tức là Thánh-Thần Tiên Phật vậy.

Ý TƯỞNG VỀ TAM GIÁO QUINGUYÊN PHỤC NHỨT

Phàm muốn tu bổ một cái nhà hư nát, trước hết ta phải lo cất một cái nhà tạm khác cho có chỗ nấu nướng, rồi mới gỡ nhà hư cất lại. Nếu không phòng bị như vậy, lúc gỡ nhà ta lấy đâu đun-đổ? Mà muốn cất cái nhà lại cho về-vang chắc-chắn, không lẽ bỏ hết cây ngói cũ mà mua cả đồ mới cho tốn hao vô ích; mà ta phải lựa coi cây nào còn tốt thì dùng, ngói nào còn nguyên thì lợp, rồi mua thêm chút ít đồ mới cho đủ dùng mà thôi. Đó là cử-chỉ của kẻ biết quan phòng, tiết kiệm.

• • • • •

Tam-giáo (Nho, Thích, Đạo) vẫn là cái Nhà-Đạo của ta từ xưa; đã trải bao tuế nguyệt, phong sương cho đến rường xiêu, cột ngã. Thế mà Ta đã có cái nhà tạm khác rồi: tức là lòng tôn-sùng tín-ngưỡng Trời-Phật Thánh-Thần của ta vậy.

Hạ-Ngươn này là buổi ta lo cất cái Nhà Đạo lại. Tức là chấn hưng Tôn-Giáo. Cây ngói đã có sẵn, không lẽ bỏ hết mà mua lợp mới; vậy thì vật nào hư nát bỏ đi; vật nào còn tốt cứ dùng, rồi châm thêm đồ mới mà cất cái Nhà-Đạo lại cho chắc bền cao ráo.

Cái nền nhà (NHO) thì ta cứ dùng như xưa, song phải đắp lên cao ráo, cho chắc-chắn hơn nữa. Tức là chấn-hưng Nho-Giáo.

Cột vách (THÍCH) thì ta bỏ cây nào sâu mọt và hư mục mà châm thêm cây mới. Tức là chấn-hưng Phật-Giáo.

Đoạn ta mới cất lên một cái nhà mới cao ráo, tốt xinh, chắc-chắn, có thể bền bỉ muôn đời. Cái nhà Đạo mà ta cất đây tức là Đạo Cao-Đài Thượng-Đế gọi là Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ.

Thế thì Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ là đạo chuyển Tam-Giáo qui nguyên phục nhứt theo lẽ tuần hườn.

Sao là tuần-hườn? Việc chi cũng có thì có chung, có tạo thế tức là có tận thế; cái tận là cái cuối cùng; mà hể cuối cùng chẳng dứt, thì phải qui nguyên trước lại gọi là Tuần-Hườn.

LUẬN ĐẠO VẤN ĐÁP

CHƯƠNG THỨ I

VẤN ĐÁP VỀ ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ

VẤN.- Nghe rằng anh tu theo Đạo-Tiên phải chăng?

ĐÁP.- Nhiều người, vì thấy có cơ-bút, tưởng rằng tôi tu Tiên, vì cơ bút do nơi Đạo Tiên mà ra, chớ kỳ trung Đạo mà tôi sùng bái là Đạo của Đức Cao-Đài Thượng-Đế, gọi là Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

VẤN.- Thuở nay tôi nghe nói Ngọc-Hoàng Thượng-Đế sao bây giờ anh gọi là Cao Đài Thượng Đế?

ĐÁP.- Mỗi lần khai Đạo, Ngọc-Đế đều lấy Thánh-Danh riêng; như đời Châu-Sơ, Ngài giáng thế bên Trung-Hoa lập Đạo-Tiên, thì lấy Thánh Danh là Lão Tử; qua lối Trung Châu (giữa đời Châu) Ngài giáng sanh bên Ấn-Độ, lập thành Đạo Phật, Ngài lại lấy Thánh Danh là Thích Ca Mâu Ni Phật. Đời Hốn, giáng sanh lập Đạo Thánh, Ngài lại lấy Thánh Danh là Jésus. Ngài phổ độ lần này là lần thứ ba bên Á Đông, nên gọi là Tam-Kỳ Phổ-Độ. Ngày nay tùy theo thời thế, Ngài không giáng sanh như hai lần trước, chỉ dùng huyền diệu Tiên bút mà truyền Đạo; Ngài lại lấy Thánh-Danh là Cao-Đài.

Vả lại, Cao-Đài là Thánh-Danh tắt, chớ toàn danh là: Cao-Đài Tiên-Ong Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát.

1-Cao-Đài là Đài-Cao, chỉ về chỗ cao-thượng của Đạo-Nho;

2-Tiên Ong là chỉ về Đạo Tiên;

3-Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chỉ về Đạo-Phật.

Thánh-Danh ấy gồm đủ Tam-Giáo qui nguyên phục nhưt vậy. Tuy vẫn gọi Thánh-Danh là Lão-Tử, Thích-Ca, Jésus, Cao-Đài, chớ cũng một Chơn-Linh của Thượng-Đế.

VẤN.- *Cơ bút là việc tối trọng, anh nói rằng Thượng Đế giảng cơ dạy Đạo, mà lấy chi làm chắc? Không biết chừng Thánh-Thần hoặc Ma Quỷ nhập cơ, rồi mạo danh Thượng-Đế; chớ Bực Chí-Tôn đâu khủng giảng chốn phạm trần này là nơi âm-khí nặng-nề ô trước?*

ĐÁP.- Phải, cơ bút là việc tối trọng, cho nên muốn thấu đáo diệu tánh bút cơ, cần phải gia công tra-cứu, nhưt là năng hầu đàn; phải dò Thánh-Ngôn từ đầu chí cuối, rồi nghĩ suy, xét-nét, đến cùng. Tôi cũng nên phân cho anh biết rằng nhiều bài Thánh-Ngôn giảng cơ đều dạy đạo lý sâu xa huyền-bí, ngoài Thượng-Đế thì không vị Thánh-Thần Tiên Phật nào dám lộ ra cho nhơn sanh biết được. Cơ bút là tối trọng; nếu không hiểu đạo và ít năng hầu đàn, thì không thể nào phân biệt giả chơn cho được. Diệu bút cơ như âm nhạc; kẻ thuở nay không thạo, không thể nghe đờn mà biết dở hay. Tuy cũng nghe như mọi người mà diệu cao-thâm, giọng phù-trầm, không phải nhà nghề, không bao giờ thấu được. Diệu cơ bút như vàng, như ngọc, chưa dùng đến chưa hề biết thử ra sao. Sách có câu; “Vị thường thức kim, yên năng thí kim”.

Thánh-Thần Tiên-Phật là bực quả cao, đức trọng, lẽ đâu dám coi luật Trời làm nhẹ mà mạo danh Ngài? Dầu có giảng cơ dạy đạo thì cũng thọ mạng nơi Ngài, có vậy thì cũng xưng danh thiệt mà thôi, hà tấc phải giả danh cho phạm đến Thiên điều? Còn nếu nói rằng: sợ Ma-Quỉ nhập cơ rồi mạo danh Thượng-Đế thì lại càng sai lầm hơn nữa. Ma-Quỉ vẫn thuộc Âm-Thần, trọng trước, lành ghét, dữ ưa. Lẽ đâu chịu nhọc giảng cơ dạy đạo mà điu dắt chúng-sanh vào đường ngay nẻo phải; há không trái ngay sở thích của họ đi chẳng? Mà nếu dạy đạo thì Ma-Quỉ biết chi mà dạy? Nói cùng mà nghe, bất luận vì khuất mặt nào, nếu giảng cơ dạy điều đạo-đức, rồi thiên hạ nghe theo, cho đời được thái bình, dân-gian âu lạc, thì chúng ta cũng nên sùng bái vì

khuất mặt ấy. Cái chánh cái tà cũng dễ cho chúng ta phân biệt. Kia như Đạo-Gia-Tô, Đạo-Lão, Đạo-Thích đều là Chánh-Giáo, nên mới có muôn vạn người tín-ngưỡng, Đạo Cao-Đài mới hơn một năm mà đã có mấy mươi muôn người sùng bái; đó là một bằng cứ hiển-nhiên chứng chắc là Chánh-Đạo. Lại nữa, về Thiên-Đạo thì chỉ có Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế lập ra mà thôi; không phải Ngài thì không ai lập được, mà lập được tức là Ngài vậy.

Anh lại nói rằng có lẽ đâu Thượng-Đế khứng xuống chốn phàm trần ô trược. Câu hỏi này làm cho tôi rõ ràng anh chưa biết đạo là gì. Anh tưởng cho Thượng-Đế như người phàm vậy, nên muốn giáng-cơ nơi đâu cần phải đích thân đến đó. Thượng-Đế vẫn biến hóa vô cùng; muốn giáng cơ nơi đâu, Ngài chỉ dùng điển quang truyền tín mà thôi, có đâu xuống phàm mà anh phòng lo âm khí nặng nề ô trược.

VẤN.- *Anh nói Thượng-Đế biến hóa vô cùng mà anh tưởng tượng Ngài ra thế nào?*

ĐÁP.- Chúng ta không thể nào lấy trí phàm mà tưởng tượng hình-dạng Ngài cho được. Thượng-Đế không hình dạng riêng như phàm vậy. Nếu Ngài giáng sanh bên Tây-Âu thì lấy hình dạng người Tây-Âu; Ngài giáng sanh bên Đông-Á thì lấy hình dạng người Đông-Á, Thượng-Đế vẫn là một khối linh quang vô cùng vô tận, nhờ đó mà nhơn loại, thú cầm và thảo mộc mới có sự hằng sống. Cái ánh sáng chói rọi của các ngôi tinh đều là Ngài; cái dạng non cao, rừng thẳm là Ngài; cái vẻ sông sâu; biển cả là Ngài; chòm thảo-mộc sum sê, thạch mậu là Ngài; cái giác tánh của thú cầm là Ngài; cái linh tâm của nhơn loại là Ngài. Tóm lại, vạn loại đều có chất sanh, mà cái chất sanh vẫn một phần trong khối linh quang của Thượng-Đế, tức là Thượng-Đế vậy? Tôi giải sơ cho anh hiểu chút ít vậy thôi, chớ không thể nào giải cho một người đui từ trong bụng mẹ biết cái màu đỏ là làm sao.

VẤN.- Anh nói rằng Thánh Thần Tiên Phật không dám mạo danh Thượng-Đế thì tôi cho là phải. Song tôi còn e một nỗi là kẻ chấp cơ không thiệt chẳng?

Người Đạo hỏi.. Anh thuở nay có hầu đàn chưa?

Người kia trả lời.. Có một đôi khi.

Người Đạo hỏi.. Mỗi lần hầu đàn, anh phải tốn kém bao nhiêu?

Người kia trả lời.. Đàn lập ra, tự do ai muốn đến hầu cũng được, miễn ăn mặc cho trang hoàng thì đủ, khỏi tốn kém chi hết. (Đây tôi xin để lại hai chữ vấn đáp như trước.)

ĐÁP.- Thế thì kẻ phò cơ dối-giả có ích gì? Như một hai lần thì cho kẻ phò cơ dối-giả cũng còn có chỗ phải, chớ đàn lập ra năm nầy, tháng nọ, ai công đâu làm vậy? Mà nếu cho là dối-giả, thì kẻ chấp cơ dối-giả lấy họ là phải hơn. Song họ đại gì mà dối giả lấy họ. Vả lại, thiếu gì chuyện dối, lại cả gan mạo danh Thượng-Đế mà làm việc trò chơi?

VẤN.- Anh mới nói Đạo Gia-Tô, Đạo-Lão, Đạo-Thích là chánh Đạo, thế thì Tam Giáo đã có rồi, hà tất phải cần lập Đạo khác?

ĐÁP.- Đạo đã có sẵn từ tạo-Thiên lập địa, hễ có Trời tức là có Đạo. Hư-Vô là Đạo. Âm Dương là Đạo; Trời-Đất là Đạo; nhơn vật là Đạo, Tam-Giáo là Đạo chánh thuở nay, song bị tay phàm canh cải càng ngày càng xa Thánh-Giáo mà hóa phàm Giáo. Thượng-Đế lấy làm đau đớn, hằng thấy nhơn-sanh phải bị sa vào tội lỗi; mặt kiếp chốn A-tỳ, nên nhứt định chuyển Tam-Giáo qui nguyên phục nhứt, chấn hưng Tôn Giáo lại cho hoàn toàn, rồi kêu sáng ngọn đèn thiêng-liêng lên để dìu dắt bước đường cho kẻ có công tu hành mà phải sẩy chơn, lạc lối.

VẤN.- Nếu muốn chuyển Tam Giáo, qui nguyên phục nhứt, sao Thượng Đế không chuyển Đạo bên các xứ liệt cường cho dễ, lại lựa chi xứ Nam Việt là xứ nhỏ nhen, hèn yếu: con

cũng đồng con, sao lại thương người Nam hơn người nước khác, tôi e mất công bình đi chăng?

ĐÁP.- Vì e mất lẽ công-bình thiêng-liêng ấy nên Ngài mới chuyển Đạo tại nước Nam. Vì bấy lâu dân ta cam chịu phận hèn; nếu không nhờ mối Đạo-Trời, thì chẳng biết chừng nào thoát khỏi vòng hắc ám.

VẤN.- ***Chẳng phải một nước Việt Nam hèn mọn mà thôi thiếu gì nước khác còn thấp hèn hơn nữa như..***

ĐÁP.- Phải, song mấy nước ấy còn kém bề đạo đức chưa đến hồi gọi ơn võ lộ. Nước Nam ta, tuy hèn mọn mặc dầu, chớ nền đạo-đức, mối luân thường còn nắm giữ Thượng-Đế là Cha cả; các nước vẫn con chung. Nước nào biết gìn-giữ cương thường, biết trau-giồi đạo đức, thì tự nhiên được lấy phần hơn. Theo phàm đây, tỉ như một ông cha có ba bốn đứa con, tuy ông cũng đồng thương, mà nếu ông muốn giao phần trách nhiệm chi nặng nề cho một đứa trong chúng nó, tự nhiên ông cũng lựa đứa nào cho đạo-đức vẹn-toàn mới khứng trao trách nhiệm ấy. Nước Nam ta vẫn là đứa con lựa của Thượng-Đế vậy.

VẤN.- ***Tại sao lúc trước đàn nào cũng có cầu cơ mà bây giờ ngưng vậy?***

ĐÁP.- Lúc ban sơ, chúng tôi chưa hiểu Đạo là gì Thượng-Đế mới giáng-cơ chỉ bảo về việc phổ-thông cùng trật tự trong nền Đạo; nay đâu đó đều xong, luật Đạo lập thành cứ theo mà hành Đạo. Buổi ban sơ, chúng tôi như con nít mới học đi, Ngài dùng huyền diệu cơ bút để dìu dắt bước đường cho vững, nay đã cứng gối rồi, Ngài để cho đi một mình mà tự lập nếu Ngài giáng-cơ mãi, thì nhân lực ở đâu?

CHƯƠNG THỨ II

VẤN ĐÁP VỀ CÁC BƯỚC THIÊN-PHONG

VẤN.- *Phần nhiều bước Thiên-Phong trong Tam Kỳ Phổ Độ đều có vợ con lại làm ăn như kẻ khác, vậy thế nào tu cho tiện?*

ĐÁP.- Như tu mà để vợ, bỏ con kia, thì mới gọi rằng tu không tiện vì để vợ, bỏ con là lỗi phần nhơn đạo mà hễ nhơn đạo không tròn, thế nào tu qua Thiên-Đạo? Vả lại, tu là tu, còn con vợ là con vợ, hai đều không can dự với nhau. Tu là gì? Là trau giồi đức tánh, qui chánh, cải tà; ai ai cũng trọn quyền tự do ấy hết. Cứ nói như anh vậy thì kẻ có vợ con không được phép cải tà qui chánh hay sao? Tu hành đều có thứ lớp, ban sơ tập theo hạ thừa lần lần bước lên từng cấp: đến bước Thượng thừa, tức nhiên phải đoạn hết trần duyên mới có thể mong ngày đắc Đạo. Mà thời kỳ ấy còn xa, nay cứ lần lựa bước nào hay bước nấy, không thái quá mà cũng không bất cập. Nếu vì Thiên-Đạo mà phứt hết nhơn tình thế sự, rồi nhơn đạo không xong, thế nào bước qua Thiên-Đạo?

VẤN.- *Tôi lại dòm thấy trong hàng Thiên-Phong vẫn còn nhiều vị tánh tình không mấy tốt; bước đường đời của họ trải qua còn để lắm điều như bợn.*

ĐÁP.- Ở đời ai đặng trọn lành; xưa như Đức Khổng - Tử là bậc Chí-Thánh, mà hằng bữa còn phải xét mình thay! Tôi tưởng lại chẳng những là hàng Thiên-Phong trong Đạo mà thôi, nhiều bậc cao sang quyền quý cũng chưa tránh khỏi lỗi lầm trong bốn phạm; nhưng thấy chẳng là tại mình vạch ra cùng không vạch ra đó thôi. Phương chi, biết lỗi mà ăn năn tự hối là bậc hiền đó. Một vị cao sang quyền quý bây giờ đây, biết đâu buổi trước không phải là một người hạ tiện? Một kẻ bạo tàn bây giờ đó, biết đâu sau này không trở nên một người lương thiện? (1) Cái cảnh ngộ, cuộc thế-thời hay đổi dời tánh nết, biến cải nhơn tâm: nếu lấy việc đã qua của một người mà bình phẩm việc của người ấy đương làm, tôi e chưa chánh đáng vậy.

VẤN.- *Tu hành thì áo bả hài gai mới phải, sao mấy vị Thiên-Phong ăn mặc chi hàng lụa đủ màu, lại còn mào cao, khăn đẹp, e mất phẩm hạnh người tu đi chăng?*

ĐÁP.- Đạo là việc trọng, cần phải lập chánh thể, cho có lớn nhỏ để điều-dắt nhau, anh trước em sau cho có đều trật tự; mà hể có chánh thể, cần phải mặc sắc phục khác nhau cho biệt phân lớn nhỏ. Ba sắc áo đỏ, vàng, xanh, đó chỉ về ba phái trong Tam-Giáo:

- 1.- Sắc đỏ thuộc về phái Ngọc (NHO)
- 2.- Sắc vàng thuộc về phái Thái (THÍCH)
- 3.- Sắc xanh thuộc về phái Thượng (ĐẠO)

Còn chư Tín-Đồ thấy thấy mặc toàn sắc trắng; nghĩa là hể bước chơn vào đường đạo rồi, nhứt nhứt phải giữ lòng thanh bạch theo màu áo mình đó vậy rồi mới mong bước lên hàng chức sắc. Thiên Phục chỉ để dùng trong khi hành lễ mà thôi, cũng như y phục bên các Đạo khác vậy, chớ không phô-trương ra ngoài mà cho là lờ loẹt.

VẤN.- *Tôi thường thấy có người mới nhập môn chưa chút chi gọi là công-quả, mà cũng được thọ Thiên Phong, té ra Thiên Tước chẳng là rẻ lắm sao?*

ĐÁP.- Đạo mới mở ra, tự nhiên có đều dễ ấy rồi lần lần đổi dễ ra khó; nếu đợi cho có công-quả xứng-đáng rồi mới phong chức-sắc thì buổi ban sơ lấy ai hành Đạo? Vả lại mấy bực Thiên-Phong đó vẫn có tiền căn, cữu phẩm chi đây, nên mới được Thiên-Ân dưỡng ấy. Song chức sắc Thiên-Phong bất quá là chức sắc cho mượn trước để hành Đạo vậy thôi. Nếu chẳng lo phổ-độ chúng sanh để bồi công, lập quả cho xứng đáng phẩm vị mình, rốt cuộc rồi; Thiên Tước ấy có vinh diệu chi?

(1) Nếu như Tào-Tháo lúc toan thích khách Đổng-Trác mà rủi bị Đổng-Trác giết đi, thì đời nay ai không cho Tào-Tháo là trung can nghĩa khí? Còn nếu Quan-Công đầu Tào buổi nọ rồi mang bệnh thác liền đi, thì đời nay ai lại không cho là phản bạn?

CHƯƠNG THỨ III

VẤN ĐÁP VỀ VIỆC TU HÀNH

VẤN.- Thời đại này là thời đại kim tiền, mạnh được yếu thua, khôn sống bóng chết, đương hồi lượng sóng cạnh-tranh lừng lẫy, đước văn-minh chói-rọi Mỹ-Au; nước ta là nước thấp-hèn, lẽ phải nôn-nóng theo người; nếu cả nước cứ để dạ tham thiên, lim-dim niệm Phật, tôi e phải phế hết việc đời, rồi có ngày phải tuyệt chủng đi mà chớ?

ĐÁP.- Tôi đã giải trước rằng tu-hành đều có thứ-lớp, bậc hạ thừa cũng làm ăn như thường, duy tâm chí giữ được hiền-từ, tánh-tình chơn thật, cả nước đặng vậy, trăm họ thái-bình, muôn dân liên-lạc: đối với nhau được chữ ôn-hòa, không ganh hiềm, ghét ngõ, chẳng mong lường gạt lẫn nhau, buôn bán giữ mực thiệt-thà, cư-sử một lòng thành tín. Nếu được vậy thì khôn đại có ích chi?

Cạnh-tranh làm một đều bó-buộc trong luật đời; nhờ cạnh-tranh mà đường nông-thương sanh-hoạt, nhà kỹ-nghệ mở-mang; song phải dụng tinh-thần, trí-thức và do theo công lý, đạo-đức mà cạnh-tranh; dùng võ lực mà cạnh-tranh, tức là hiếp lẫn nhau về đường mạnh yếu; đời mà mắc phải cái nạn cạnh-tranh bằng võ lực ấy thì là đời dã-man, có đâu gọi là văn-minh được? Ngày nào cả nhơn-loại rõ thông đạo lý, rồi biết thương nhau như con một Cha, thì mạnh-yếu có ích gì? Rồi ra tránh khỏi cái nạn giết lẫn nhau, mà hể không giết lẫn nhau nữa thì lo chi tuyệt chủng?

Nước ta thấp hèn về phần võ lực và học-thức mà thôi, chớ chưa ắt thấp-hèn về phần đạo-đức. Cái thua kém thì chịu đã đành, còn đều mà ta có thể hơn người, tức là đạo-đức, tại sao không lo trau-giồi un-đức?

Kẻ tu đến bậc thượng thừa là kẻ phế hết trần duyên lại là phần ít. Kia như một sở học đường, tuy vắn số đến năm ba trăm sĩ tử, mà sau rồi lại được mấy người bước chơn vào đường quan-lại? Nếu bao nhiêu học sanh đều trúng thí rồi bỏ vào hàng quan-lại hết bấy nhiêu thì ai đâu mà lo việc khác? Tuy nhiều thì

nhiều thiệt, mà khi bước chơn ra khỏi bốn vách học đường rồi, trong hàng sĩ tử cũng có kẻ rui, người may, kẻ hay, người dở. Cho nên nếu cả nước mà tu thì cũng chưa ất tu đồng một bậc thượng thừa hết. Tu bậc nào nhờ theo bậc nấy, tở như học lớp nào biết theo lớp nấy, duy có một điều ích chung là: nếu cả thấy lo tu thì cả thấy được ít nhiều đạo-đức, cũng như cả thấy học sanh lo học thì cả thấy được ít nhiều học thức vậy. Thế thì đầu cho cả nước mà tu thì việc đời cũng không bỏ phế.

VẤN.- *Sao Tạo-Hóa không sanh nhơn loại cho trọn lành, để sanh chi kẻ hiền, người dữ, rồi phải nhọc công giáo Đạo?*

ĐÁP.- Con người thọ sanh đều được trọn lành, cái bổn tánh ấy do nơi điểm-quang của Tạo-Hóa ban cho. Rồi ra có kẻ lành, người dữ là tại nơi biết cùng không biết trau-giồi Thánh-chất đó thôi. Đấng Tạo-Hóa là Cha cả, nhơn loại vẫn con chung; cha nào lại chẳng muốn cho trai lành, gái hạnh. Cha đầu muốn vậy mà con cãi quá, thì mới sao? Vậy mới có lành thưởng, dữ răn, luân-hồi quả-báo. Ấy là luật công bình thiêng-liêng của Tạo-Hóa. Ngài lại vì Đức háo-sanh không nở để cho sanh linh chịu nhiều hình phạt, mới lập Đạo cho mà nhờ. Đạo vẫn là đường để dắt sanh linh thoát khỏi luân-hồi, quả-báo vậy.

VẤN.- *Anh chắc có luân hồi quả báo chăng?*

ĐÁP.- Tôi có đủ bằng cứ chứng khắc rằng có luân hồi quả báo, mà muốn cho anh hiểu rõ, không phải luận vấn tắt mà rành, muốn luận cho rành, cần phải giảng giải dông dài mất hết ngày giờ quý báu của chúng ta. Vậy xin anh hãy xem sách, “Tiên Thiên Tiểu Học” nơi trang 21, 22 và sách “Luân Hồi, Quả Báo” thì rõ thông.

VẤN.- *Tạo Hóa phép tắc vô cùng, nếu Ngài dùng huyền diệu Chí Tôn, tôi tưởng trong một ngày Đạo lập đã thành rồi?*

ĐÁP.- Nếu Ngài dùng huyền diệu theo lời anh mới nói đó kẻ dữ chỉ sợ oai linh của Ngài mà theo Đạo vậy thôi, chớ chẳng chi gọi là tín ngưỡng, mà người không tâm Đạo, không tín ngưỡng có đáng cho Ngài độ rồi chăng? Vả lại Đạo-Trời có lắm điều hư hư, thiệt thiệt, ý Ngài muốn cho mọi người thông-thả

xét suy; kẻ có lỗi mà biết ăn năn tự hối mới đáng cho Ngài cứu độ.

VẤN.- *Anh gọi tu là trau dồi đức tánh, cải dữ làm lành. Tôi thuở nay cứ một mực làm lành, không hung ác với ai, chẳng tham lam trộm cướp của ai, hà tất phải cần tu?*

ĐÁP.- Tôi đã nói rằng không ai dám gọi mình là trọn lành, Thánh-Hiền xưa còn phải xét mình hằng bữa. Ngày nay mình là người hiền đức, biết đâu cảnh ngộ sau này không biến đổi mình ra người hung bạo? Tu là đem mình buộc vào luật Đạo có luật bó buộc mới có thể giữ mình trong sạch luôn luôn. Vả lại mấy kẻ thuở nay hay làm lành lánh dữ, tuy vẫn chẳng tu hành, mà tự nhiên đã có Đạo rồi (Đạo tâm), có một điều là không hay biết, vì không hay tìm kiếm xét suy. Tôi đã nói rằng: hễ có Đời tức là có Đạo. Con người sanh ra thọ của Tạo-Hóa một điểm linh-quang, tức là Đạo Cha-Con, ở trong đất nước vua, là Đạo Vua-Tôi, nhờ ơn Thầy dạy dỗ, tức là Đạo Thầy-Trò, vân, vân... Biết Thiên-Đạo mà theo, rõ Nhơn-Đạo mà giữ là kẻ hoàn toàn Nhơn-Đạo giữ tròn mà xa Thiên-Đạo là người khiếm-khuyết vậy.

VẤN.- *Tu hành có chắc thành Tiên-Phật chăng?*

ĐÁP.- Làm lành để cầu danh, làm phải để được phước, tức là người không chơn chánh. Tu là biết ơn Trời-Đất, biết Đạo luân-thường, cho tròn bổn phận làm người, chớ tu mà trông thành Tiên, thành Phật thì chưa gọi là chơn tu. Song sự thành Tiên-Phật đó, nếu vẹn Đạo tu hành, đâu không mơ tưởng, tự nhiên cũng đến.

VẤN.- *Theo lời anh giải đó, thì tu cũng là một điều tốt; song tu thì phải sớm khuya kinh kệ, rằm ngươn phải đi chùa, một là mất kết ngày giờ, hay là phé việc làm ăn rồi ra nghèo túng, ai vô mà chịu cho mình?*

ĐÁP.- Cúng kiến ngoài giờ làm lụng, ít giờ rảnh chế bớt chút đỉnh cũng không sao; quý chẳng tại lòng thành kính đó thôi, còn việc rằm ngươn cúng chùa là tự lòng mình, rảnh thì đi không rảnh thì thôi, không ai bó buộc, ở nhà cúng mà thành còn hơn đi chùa mà thất kính. Anh lại nói rằng sự cúng kiến làm cho phé bớt việc nhà. Điều ấy rất sai; theo lời tôi mới giải, thì cúng kiến

là cúng kiến, làm ăn là làm ăn; ngày giờ đâu đó khác nhau, giàu nghèo là do mạng số hoặc ăn cần ở kiếp, hoặc phùng túng chơi bởi sợ tu mà phải nghèo thì không chánh đáng vậy. Duy có kẻ thuở nay hay tham lam, lường gạt người thì mới sợ tu mà nghèo, vì sợ nếu tu, thì không chánh đáng vậy. Duy có kẻ thuở nay hay tham lam, lường gạt người thì mới sợ tu mà nghèo, vì sợ nếu tu, thì không dám tham-lam lường gạt nữa, rồi ra mất mỗi lợi đi.

VẤN.- *Nếu cả thế gian tu hết rồi thành Tiên Phật hết thì Trái-Đất này phải bỏ không sao?*

ĐÁP.- Nếu Trái-Đất này phải bỏ không theo cách anh nói đó, thì cũng nên cầu cho nó bỏ không, chớ có sao đâu phùng sợ? Điều khá tiếc là không được như vậy. Kẻ tu hành như lúa, mà lúa trồng hoài ai lại thấy dư? Kẻ không tu như cỏ, mà cỏ phát hoài ai thấy tuyệt chẳng? Anh sợ cho thế gian hết người, thì không khác nào anh sợ cho thế-gian hết cỏ vậy.

VẤN.- *Theo lời anh nói, thì tu hành là thờ Trời, kính Phật, giữ đạo luân thường; vậy thì đủ rồi, cần gì phải ăn chay? Vậy chớ con Trâu ăn cỏ cả đời, sao không thành Tiên-Phật?*

ĐÁP.- Ăn chay là một phần bó-buộc trong luật Đạo, giải ra đây thì dòng dài lắm, xin anh xem sách “Trai-Kỳ” thì rõ. Còn nói con Trâu ăn cỏ cả đời mà không thành Tiên-Phật là tại nó không có linh tánh và không luyện Đạo như người? Tỉ như muốn cất một cái nhà, phải cần có vôi ngói, cây, gạch, cát, đá, vôi vãn... Mà nếu mua mấy vật ấy rồi chất đống đó, thế nào thành cái nhà cho được. Muốn thành cái nhà, phải cất; muốn thành Tiên Phật phải luyện Đạo.

VẤN.- *Anh đã phân rằng nếu vẹn Đạo tu hành, sự thành Tiên-Phật tự nhiên cũng đến; bây giờ anh lại nói phải luyện Đạo: mà luyện Đạo tức là trông mong thành Tiên Phật. Lời anh giải đó, có khi tương phản nhau chẳng?*

ĐÁP.- Có gọi là tương phản? Tôi đã nói rằng; nếu vẹn đạo tu hành, đâu không mơ tưởng mà tự nhiên cũng thành Tiên Phật. Cái luyện là một phần bó buộc trong Đạo tu hành. Tu phải luyện; không luyện không trọn Đạo tu vậy. Giả sử như anh ăn cơm anh không vì no mà ăn. Anh ăn là tại đói; cái đói nó buộc

phải ăn; mà ăn tự nhiên phải no. Kẻ tu không vì thành Tiên Phật mà luyện; luật Đạo buộc tu phải luyện; mà luyện xong tự nhiên thành Tiên-Phật. Kẻ tu mà không luyện đạo là giữ không trọn luật tu; cho nên khi thoát xác rồi, linh hồn được chuyển kiếp lại làm người cao sang, phú quý mà hưởng hồng phước trần gian, kẻ nào quả cao, đức dày hơn thì đặng đặng Thần, nhập Thánh mà thôi, chớ không thành đặng Tiên Phật là hai phẩm-vị rất cao, rất trọng để thưởng người giữ trọn luật tu.

VẤN.- *Luyện Đạo là làm sao và làm thế nào luyện thành Tiên-Phật?*

ĐÁP.- Điều đó tôi không thể trả lời, vì là việc nhiệm-mầu trong Đạo; cần phải tu hành mới trông rõ thấu.

VẤN.- *Đạo lập ra để độ tận chúng sanh, chớ chẳng phải độ riêng được ít người. Anh gọi mầu-nhiệm mà không chỉ, thế nào gọi là độ tận chúng sanh?*

ĐÁP.- Chánh-Phủ mở trường học ra ta có ý trông cho trẻ thơ học đến thành nghề mà lãnh bằng “Tốt nghiệp”. Nếu không được vậy là tại mình biếng-nhác chẳng khứng học hành; Chánh-Phủ muốn vậy mà mình không muốn thì phải sao? Đạo mở ra để độ tận chúng sanh cho đến lãnh bằng “Tốt Nghiệp Tiên Phật”, không được vậy là tại mình chẳng khứng tu hành; Trời Phật muốn vậy mà mình không muốn thì phải sao? Anh không chịu khổ hạnh tu hành mà anh biểu chỉ cho anh cái nhiệm mầu trong Đạo thì chẳng khác nào đưa học sanh biếng nhác mà nài xin Chánh Phủ ban cho cái bằng “Tốt Nghiệp” vậy.

VẤN.- *Tôi thường thấy nhiều người vào Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ rồi mà vẫn không thông đạo lý chi cả; nếu vô Đạo rồi mà không hiểu chi hết, cứ mỗi ngày cũng mãi, thì có ích chi?*

ĐÁP.- Cúng kiến là dấu kính thành tỏ ra bề ngoài; còn kẻ mới nhập môn mà chưa thông đạo lý cũng là việc thường tình. Tỉ như trẻ thơ mới nhập học thì thế nào lấu thông kinh-sử cho được? Muốn hiểu phải học tập lần lần; mà số kẻ vào Đạo đếm đến hằng muôn, không thể dạy riêng từ người cho tiện. Vì lẽ ấy mà Hội-Thánh đã định làm sách, dịch kinh cho dễ phổ thông nền chơn Đạo.

VẤN.- Tôi lại từng thấy nhiều người đã vào Đạo rồi mà còn chơi bời theo lối rượu trà hút xách. Thế sao gọi rằng tu?

ĐÁP.- Nhiều người thì chưa ắt, nên nói một ít người làm phải hơn. Dầu đến năm bảy chục người như vậy nữa, cũng chưa đủ gọi nhiều, vì nếu đem số năm bảy chục mà sánh với số hằng muôn người vào Đạo, thì năm bảy chục có nhiều đâu? Những kẻ rượu trà, hút xách ấy, tuy chưa bỏ dứt, chớ cũng giảm được vài phân. Thà là có giảm rồi có dứt, còn hơn kẻ khác kia, đã không giảm bớt chút nào, lại còn tăng thêm là khác. Tâm chí con người vẫn nhiều bực; kẻ đại chí trong nhứt thời cũng đủ cái ác từng lượng, bực thường nhưn cần phải lần lần tự hối.

VẤN.- Số người vào Đạo kể đến hằng muôn, như vậy thì biết nhau sao hết phòng giúp đỡ lẫn nhau?

ĐÁP.- Chẳng những hàng muôn mà thôi, Đạo Trời ngày một mở mang, chư Tín Đồ ngày một tăng số; rồi đây hằng ức hằng triệu có dư. Vì vậy mà mỗi nơi đều lập ra họ-hàng; trong mỗi họ lại có người làm đầu để điu-dắt chư Tín-Đồ về đường Đời và đường Đạo. Các họ đều do theo một tôn-chỉ một qui-cử mà hành động; thế thì nhiều họ mà cũng như một vậy. Về việc giúp lẫn nhau thì chẳng những giúp đỡ người đồng Đạo mà thôi; bất luận người nào, dầu đồng Đạo, dầu khác Đạo, dầu kẻ nghịch thù cũng vậy, nếu ai nguy biến mà mình có phương cứu được thì cũng phải ra tay tế độ, ái nhưn như ái kỷ; ấy mới gọi biết thương đồng loại.

CHƯƠNG THỨ IV

VẤN ĐÁP VỀ VIỆC CÚNG KIẾN PHƯỢNG THỜ

VẤN.- Vào Đạo rồi, mỗi ngày buộc phải cúng tứ thời; buộc chi nhiều vậy, e mất hết ngày giờ đi chăng?

ĐÁP.- Cúng tứ thời là cách tập mình chịu cực lần lần vì tu là khổ hạnh trăm bề, mà muốn chịu nổi khổ hạnh, trước phải tập lần. Vả lại, cúng kiến có ích cho mình chớ chẳng ích chi cho Thượng-Đế. Mỗi ngày có cúng, đạo tâm mới có nở nang tứ chi

vận chuyển; tinh thần cảm hóa, nếu bỏ qua việc cúng kiến, chỉ cho khỏi đạo tâm mình một ngày một xao-lãng, sự kính- thành của mình một ngày một phai pha mà ra đều thất lễ.

VẤN.- *Nếu đạo-tâm mình mạnh, thì lo gì xao-lãng?*

ĐÁP.- Đó là phần ít; sợ là sợ cho kẻ mới nhập môn kìa, chớ kẻ có đạo-tâm vững-vàng, đầu khổ hạnh bao nhiêu cũng không ngã lòng nãn chí; nói chung mà nghe, nếu phải hy sanh về Đạo cũng chẳng chối từ.

VẤN.- *Tại sao vẽ con MẮT mà thờ Thượng Đế?*

ĐÁP.- Thờ “Thiên-Nhãn” bởi nhiều cớ;

1.- Thờ “Thiên-Nhãn” mỗi ngày ra vô đều thấy, bụng tín đều chi sai quấy, dường như có “Thiên-Nhãn” ấy ngó chừng mà dặn rằng: “Thầy hằng ở bên con mà để mắt dòm con; con chớ toan đều quấy”. Ấy là một chước rất hay để cho mình giới lòng, trau-hạnh.

2.- Thượng-Đế là một khối linh-quang vô cùng vô tận bao trùm cả Càn-Khôn, Thế-Giới; nơi đâu cũng có Ngài, mà nhứt là trong tâm ta mà Nhãn lại là Chủ-Tâm, cho nên thờ con Mắt là thờ Ngài vậy. Ngài vẫn có dạy rằng: “Nhãn thị Chủ-Tâm; lưỡng quang Chủ-Tể; quang thị Thần, Thần thị Thiên; Thiên giả, Ngã-giả”.

3.- Từ khi Đạo bế, tu vẫn hữu công mà không đắc quả Nhiều ông có công luyện Đạo chỉ biết luyện Tinh hóa Khí mà thôi, còn đem Khí hiệp Thần thì không làm đặng. Vì Thần là khiếm-khuyết của cơ mẫu nhiệm, mà Thần thì cư tại nhãn, cho nên thờ Thiên-Nhãn là đem Thần hiệp cùng Tinh-Khí cho đủ Tam-Bửu là cơ mẫu-nhiệm siêu phàm nhập Thánh.

VẤN.- *Vậy sao không thờ đủ hai con Mắt?*

ĐÁP.- Việc chi cũng do Một mà ra rồi cũng trở về Một (Tout part de l'UNITÉ et retourne à l'UNITÉ.) Số Một là số chánh của Thượng-Đế, vì vậy nên phải thờ một con Mắt mà thôi. Ấy cũng là cơ mẫu nhiệm trong phép luyện Thần. Anh là người ngoại Đạo, tôi không phép giải hết cho anh rõ, chỉ luận sơ ít tiếng mà thôi. Khi cúng, muốn luyện Thần, mình phải châm chỉ ngó vào Thiên-Nhãn, con mắt mình đừng cho xao xuyến và nháy-nhó, giữ được vậy ít nửa cho tàn một nhang thì tâm bình

Thần định. Nếu thờ hai con Mắt, phần nào ngó con mắt bên hữu, phần nào ngó con mắt bên tả, thì thế nào cho Thần định đặng?

VẤN.- *Sao lại lập vị Thái Bạch, Quan-Am cùng Quan-Thánh chung với Thượng-Đế. Tôi e trái đạo Quân-Thần đi chẳng, vì có câu; “Quân-Thần bất đồng tịch”.*

ĐÁP.- Trong buổi Tam-Kỳ Phổ-Độ này, Thái Bạch thay mặt cho Đạo Tiên; Quan-Am thay mặt cho Đạo Thích; Quan-Thánh thay mặt cho Đạo Nho mà Phổ-Độ chúng sanh để chuyển Tam-Giáo qui nguyên phục nhứt. Nên phải lập vị mà thờ, gọi là Tam Trấn Oai-Nghiêm. Ấy là phép thờ phượng theo tiểu đàn rơi nhà của mỗi Tín Đồ, còn nơi Thánh Thất lớn thì thờ đủ Tam Giáo là: Thích-Ca, Lão-Tử, Khổng -Thánh. Nếu đem câu; “Quân-Thần bất đồng tịch” ra đây mà nói thì rất sai lầm. Quân-Thần bất đồng tịch là gì? Là không ngồi chung một chiếu kia. Chớ theo phép thờ-phượng thì đâu có đều có trật tự, oai nghiêm. Lập vị Thượng-Đế thân trên, Tam Trấn phía dưới, sao cho là đồng tịch?

VẤN.- *Mình có phép thờ vì Tiên Phật nào khác chẳng?*

ĐÁP.- Tam-Trấn hay về việc Tam-Kỳ Phổ-Độ thì buộc mỗi Tín-Đồ phải lập vị. Ngoài ra, muốn thờ thêm vị Tiên Phật nào tự ý song phải thờ chánh bực Thần Thánh Tiên, Phật, chớ chẳng nên thờ phượng Tà-Thần, Tinh Quái như là Ông Tướng, Cậu Trạng, Cô Hai, Cô Ba, vân vân... Tôi cũng nên giải luôn cho anh biết rằng về việc ông bà đã quá vãng rồi, thì cũng phượng thờ theo tục lệ xưa nay, không đều chi canh cải, song phải nhường chỗ xứng-đáng hơn hết mà lập vị Thượng-Đế cùng Tam-Trấn; ấy là lẽ cố nhiên, vì ông bà cũng phải kính thờ Trời-Phật.

VẤN.- *Cúng kiến phải tốn kém nhiều; như nghèo quá thì làm sao?*

ĐÁP.- Tôi đã nói rằng quý không là tại lòng mình; kẻ thành tâm, dầu một nhánh cây, một chung nước lạnh trong sạch cũng đủ cho Trời Phật chứng lòng. Kính thành Trời-Phật mà không biết lấy chi tỏ ra bề ngoài, nên mới dùng sự cúng kiến; Trời Phật có chứng là tắc lòng thành, chớ không vì lễ mễ. Sách

có câu: “Thiên-Địa chí công, Thần-Minh ám sát; bất vị tế hương nhi giáng phước; bất vị thất lễ nhi giáng họa.” Tôi nhớ lại Thượng-Đế có giáng cơ cho một bài như vậy:

“Bách-Ngọc từ xưa đã ngự rồi;
“Không cần Hạ-Giái vọng cao ngôi,
“Sang bần trối mặc, tâm là quý;
“Tâm ấy tòa sen của Lão ngồi.

Xem đó thì biết sự thành kính là quý nơi lòng chứ không quý nơi cúng kiến.

VẤN.- *Vậy thì có lòng thành là đủ, cần chi phải cúng kiến?*

ĐÁP.- Anh thật hỏi dông-dài quá; tôi đã nói rằng sự cúng kiến là dấu kính thành tỏ ra bề ngoài không thể làm thì thôi, còn làm được cũng chớ khá bỏ qua. Ví dụ: kính thành cha mẹ là bề trong còn cách cư-xử đối với người thế nào cho ra dấu thành kính là bề ngoài. Anh kính thờ cha mẹ mà anh không trình thưa, dậm dạ hỏi ngũ, hầu ăn, quạt nồng, ấp lạnh, ai có hỏi thì anh nói rằng có lòng thành kính thì đủ. Thế thì đủ chưa?

VẤN.- *Tôi lại từng thấy một hai đàn mỗi lần đọc Kinh, bày ra đờn địch rộn ràng chi vậy?*

ĐÁP.- Lễ nhạc là nền nếp nhà Nho từ xưa đến nay: dùng lễ-nhạc là duy trì phong tục nước nhà vậy. Vả lại giọng đờn, tiếng quyển dùng để đưa hơi, và nhắc nhủ cho kẻ tụng kinh, như nhà Thiên xưa nay đánh chuông, gõ mõ vậy.

VẤN.- *Giữa Thiên-Bàn chong một ngọn đèn luôn luôn cả đêm cả ngày chi vậy?*

ĐÁP.- Đó là “Thái-Cực-Đăng”. Trước khi mở mang Trời-Đất, khí Âm-Dương đụng nhau hóa ra một khối lửa gọi là Thái-Cực, tức là Thượng-Đế, đèn “Thái-Cực” chỉ về khối lửa ấy.

VẤN.- *Đối hai cây đèn phía ngoài là ý gì?*

ĐÁP.- Ấy là Lương Nghi quang.

VẤN.- *Tại sao phải cúng rượu trà, hoa quả?*

ĐÁP.- Cúng năm sắc trái cây gọi Ngũ-Hành, tuy vậy chớ cũng có một đôi người vì thiếu kém cũng không đủ năm sắc trái cây, ấy cũng nên châm chế. Bông chỉ về Tinh; rượu chỉ về

Khí; trà chỉ về Thần; Tinh-Khí-Thần là Tam-Bửu của con người vậy.

VẤN.- *Mỗi lần cúng đốt chi tới năm cây nhang?*

ĐÁP.- Đốt nhang để tẩy trừ cho không khí. Ba cây cắm trong gọi án Tam-Tài (Thiên Địa-Nhơn) hai cây cắm ngoài cho đủ năm, gọi là tượng Ngũ-Khí. Năm cây hương ấy lại hiệp với ngũ-hương trong mình mình là:

- 1- Giải-Hương nghĩa là phải sạch việc trần thì trong mình mới thơm;
- 2- Định-Hương nghĩa là định tâm, định Thần được thì trong mình mới thơm;
- 3- Trí-Huệ-Hương nghĩa là phải phát huệ thì trong mình mới thơm;
- 4- Tri-Kiến-Hương nghĩa là biết mình, thấy mình thì trong mình mới thơm;
- 5- Giải-Thoát-Hương nghĩa là luyện đặng Dương-Thần xuất nhập thì trong mình mới thơm.

VẤN.- *Mỗi lần lạy sao không chấp tay như thuở nay vậy, lại bày ra chi cho khác kiểu là tay mặt úp ngoài tay trái rồi ôm tròn nhau vậy?*

ĐÁP.- Mỗi việc chi trong sự cúng kiến phượng thờ đều có nghĩa lý cả, tại mình không kiểm hỏi cho hiểu rồi cho người bày đặt. Vậy xin giải ra đây cho anh rõ:

Nay Đạo đã hoàng khai thì như bông sen đã nở, rồi sanh ra trái, gọi là kết quả; ấy là hai tay ôm tròn lại như trái cây vậy. Mà kết quả rồi không phép hưởng riêng một mình, phải gieo ra cho chúng sanh chung hưởng, gọi là Phổ-Độ. Vì vậy mà khi cúi lạy phải sè hai bàn tay ra như gieo hạt vậy. Lại nữa: cách lạy ấy cũng do theo nghĩa lý của cuộc tạo Thiên, lập Địa. Tay mặt úp ngoài tay trái gọi là Âm Dương tương hiệp (hữu là Âm tả là Dương) khi Âm ngậm khí Dương mới sanh Thái Cực là hai bàn tay ôm tròn lại đó. Thái-Cực sanh Lưỡng Nghi là hai ngón cái; khi lạy hai ngón cái tréo nhau gài chữ thập, gọi Lưỡng nghi phân Tứ Tượng; đoạn tám ngón tay kia trải ra gọi là Bát Quái. Nhờ thế mà nhiều kẻ sau này được siêu Phàm nhập Thánh gọi là “Biến hóa vô cùng”.



Báo Pháp Nguyên Trung Hậu

VẤN.- *Tại sao mà trước khi lạy phải chấm dấu lên trán, rồi chấm qua bên tả và bên hữu?*

ĐÁP.- Chấm dấu lên trán nghĩa là kính Phật; bên tả là kính Pháp; bên hữu nghĩa là kính Tăng, gọi là Tam Qui.

VẤN.- *Tại sao mà lại phải cúi đầu ba lần rồi mỗi lần cúi phải gật bốn cái vậy?*

ĐÁP.- Gật ba lần bốn cái là mười hai gật, thế cho mười hai lạy. Lạy mười hai lạy là lạy Thượng-Đế vì Thượng- đế là Thập Nhị Khai-Thiên, Chúa cả Càn-Khôn Thế Giới, nắm trọn Thập Nhị Thời Thần vào tay là: Tí, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Số Mười Hai là số riêng của Thượng-Đế.

Tôi hầu đáp với anh cũng đã bộn rồi, đến đây xin dứt, mong rằng anh cứ bình tâm lấy lý mà nghiệm lý thì công trình hầu đáp của tôi chẳng uổng. Chớ như đối với kẻ không do chánh lý, cứ cho người quấy mà cũng không hiểu tại sao người quấy, với hạng ấy tôi chịu làm thình./.

HẾT

VAÁN NỀÀ CHÍNH TRÒ VAØ XAÕ HOÀI
THEO QUAN NIEÄM CUÛA THAÙNH NHAÂN
NGAØY XỎA ¹

*** BS NGUYEÄN VAÊN THOÏ**

Trước khi vào đề, tác giả xin có đôi lời thanh minh:

1/- Đề tài trên thực là trọng đại và phức tạp. Viết một quyển sách mà bàn, còn khó thay, nữa là viết một bài báo. Vì thế, trước hết xin quý vị lượng thứ cho những điều khiếm khuyết.

2/- Có vị sẽ cho rằng tôi đang làm một chuyện vô ích.

Bởi vì thời nay, có biết bao nhiêu vấn đề sôi bỏng thì không bàn lại đi bàn về một thời xa xưa từ lâu đã được chôn vùi vào quá vãng.

Vả:

“Cổ nhân bất kiến kim thời nguyệt,
Kim nguyệt tăng kinh chiếu cổ nhân”.

(Trăng nay từng rồi người xưa,

Người xưa nào thấy trăng giờ được đâu!)

Mà nào ai tắm đúng hai lần trong một dòng sông đâu?

Thời chúng ta theo trào lưu lịch sử, đã tiến tới chế độ dân chủ, đã tiến tới văn minh vật chất huy hoàng, còn đâu cần đến những tư tưởng cũ mèm, mà ngay từ xưa, Thương Ưởng (?-338 tCN), Hàn Phi Tử (?-232 tCN) cũng đã từng ra công chối bỏ.

Để trả lời những vị đó, tôi xin thưa: Riêng tôi, tôi không nghĩ như vậy. Tục ngữ đã có câu: “Phi cổ bất thành kim” (Không cổ sao thành được kim). Nếu chúng ta chịu học lại cổ nhân, ắt là chúng ta sẽ tránh được nhiều điều lầm lỗi.

Vả lại ngay đến những nhà đại cách mạng gần đây cũng không dám khinh thường dĩ vãng, cũng muốn tìm cho ra những bài học quý báu của quá vãng.

Tôn Dật Tiên (1865-1925) đã viết: “Bạn đừng có quên dĩ vãng. Dĩ vãng phải là thầy dạy bạn trong tương lai”.²

Trương Kỳ Quân, một học giả Trung hoa hiện đại, đã chủ trương rằng: “Tam dân chủ nghĩa (Dân tộc, Dân sinh, Dân

quyền) của Tôn Văn chính là kết tinh của nền văn minh Trung Hoa quá vãng.³

Tướng Giới Thạch đã dựa vào học thuyết của Quản Tử (?-645 tCN) và Vương An Thạch (1021-1086) để xây dựng nên một học thuyết kinh tế mới cho Trung hoa.⁴

Mao Trạch Đông cũng đã áp dụng binh thư Tôn Võ để chiến thắng.⁵

3/ Đường lối chính trị và lễ lối tổ chức xã hội mà tôi sắp đem trình bày cùng quý vị chính là của các tiên vương đời trước, của Nghiêu, Thuấn, Văn, Võ. Đường lối ấy đã được đức Khổng cùng các môn đệ nghiên cứu quảng bá lưu truyền trong Tứ thư, Ngũ kinh.

Trung Dung viết:

“Trọng Ni tổ thuật Nghiêu, Thuấn, hiến chương Văn, Võ”. (Trung Dung chương 30).

“Đức Khổng trần thuật đạo Thuấn, Nghiêu, Làm sáng tổ lối đường Văn, Võ.”

Sở dĩ nay tôi muốn đem những đường lối tổ chức chính trị và xã hội nói trên để trình bày lại cùng quý vị chính là vì tôi thấy người xưa đã hết sức muốn xây dựng một nền chính trị lý tưởng, một xã hội lý tưởng, trên những nguyên lý bất biến của trời đất, theo những định luật bất biến của trời đất.

Giờ đây xin quý vị hãy cùng tôi quay lại cuộc phim quá vãng để tìm hiểu về tổ chức chính trị và xã hội của người xưa.

A. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ THEO QUAN NIỆM THÁNH NHÂN NGÀY XƯA

1. TẠI SAO PHẢI CÓ CHÍNH QUYỀN

Con người sinh ra ở đời không phải ai cũng thông sáng; không phải ai cũng biết lẽ phải trái, biết ăn ở cho phải đạo làm người. Tình dục con người hay phóng túng, cần phải có người chỉ huy, cầm cương, nầy mực, lèo lái, hướng dẫn. Hơn nữa, sự sống chung cần phải được điều hòa mới có thể cùng nhau sống an vui và

hạnh phúc được. Vì thế nên cần phải có những người hay, người giỏi cầm đầu dân nước. Đó cũng chính là Thiên ý.

Trong kinh thư, Võ Vương nói: “Trời sinh ra dân ở cõi này, cũng sinh ra kẻ làm vua, kẻ làm thầy. Vua và thầy giúp thượng đế (mà cai trị dân, giáo hóa dân). Cho nên trong bốn phương, hai hạng đó được Trời yêu mến một cách đặc biệt...”⁶

(Mạnh Tử, Lương Huệ vương chương cú hạ, đoạn 3).

2. CHÍNH QUYỀN PHẢI LÀ MỘT CHÍNH QUYỀN LÝ TƯỚNG

Nhưng muốn cho dân chúng sống an vui, sung túc và có cơ phát triển, tiến bộ cần phải có một chính quyền lý tưởng.

Chính quyền lý tưởng ấy cần phải được xây dựng trên căn bản hoàn thiện, hoàn mỹ, tức là phải coi mình có Thiên chức, Thiên mạng để đem an lạc lại cho chúng dân và có nhiệm vụ hướng dẫn chúng dân tới Hoàn thiện, Hoàn mỹ, tới Thượng đế.⁷

Cho nên, theo quan niệm của tiền nhân, vua xưa kia phải là một vị thánh nhân, một vị Thiên Tử, một hiện thân của Thượng Đế. Ch'in Ya Yen viết:

“Đấng thánh nhân ở ngôi cao đã lập ra được một gương mẫu tuyệt đỉnh về nhân đức lấy chính bản thân mình đời sống mình để dạy dỗ thiên hạ. Lấy đời sống mình để dạy dỗ, tức là cho chúng dân trông thấy những hành vi, cử chỉ của mình; lấy lời lẽ dạy dỗ để dân ca tụng, ngâm vịnh cho thuộc, cho nhớ. Cả hai phương diện đều cần thiết, không thể bỏ đẳng nào được.

“Trong thiên hạ chỉ có Lý là hằng cửu, là cao đại...Lý đó bắt nguồn từ trời, vì trời đã đem chân lý ấy ghi tạc vào tâm khảm con người nên những lời lẽ hợp với chân lý hợp với lương tâm con người tức là lời giáo huấn của trời. Trời tức là vị thánh nhân không nói. Thánh nhân tức là Trời biết nói; Một là hai, hai là một vậy.”⁸

3. CHÍNH TRỊ PHẢI ĐƯỢC XÂY DỰNG TRÊN NHỮNG CĂN BẢN HẰNG CỬU, TỰ NHIÊN

- Chính trị, theo người xưa, phải dựa trên căn bản:

TÔN GIÁO: làm chính trị, làm vua là để thay dân thế trời và thay trời trị dân: để thi ân, giáo hóa và hướng dẫn chúng dân.⁹

TRIẾT LÝ: làm chính trị cốt là để cải thiện dân, đưa dân đến hoàn thiện.¹⁰

Làm chính trị là dạy dân theo tiếng lương tâm, theo những luật định thiêng liêng của trời đất.¹¹

ĐẠO ĐỨC: Làm chính trị phải dựa vào hai tôn chỉ chính yếu: “Yêu dân và kính dân.”¹²

Hơn nữa làm chính trị tức là để sửa trị người. Muốn sửa trị người trước hết mình phải là con người ngay chính. Đó là một đề tài mà Tứ Thư, Ngũ Kinh thường đề cập đến.¹³

- Chính trị như vậy có nghĩa là cải thiện toàn dân. Nên bất kỳ ai cũng phải đóng góp.

Từ vua đến dân ai cũng phải tu thân. (Đại học, chương 1)

Người quân tử chẳng ra khỏi nhà, vẫn làm được chính trị là vì vậy. (Luận ngữ, I, 21. - Đại học IX)

4. BA NGUYÊN TẮC CHÍNH YẾU, BẤT DI DỊCH CỦA CHÍNH TRỊ

Người xưa trị dân, dựa vào 3 nguyên tắc:

- Thuận theo thời trời.
- Thuận theo thế đất.
- Thuận theo lòng người.

a/ Trị dân thuận theo thời trời.

Người xưa trị dân, rất chú trọng đến thời trời, vì thế rất chú trọng đến thiên văn và lịch số.

Vua Nghiêu xưa đã từng sai Hi, Hòa khảo sát tinh tượng, tiên đoán các ngày nhật thực, nguyệt thực v.v... Thời Nghiêu đã có tên “Nhị thập bát tú”. (Xem Kinh thư Nghiêu điển).

Lễ ký nơi Thiên Nguyệt lệnh, đã mô tả tỉ mỉ công việc của nhà vua trong từng tháng từng năm.

Đại khái:

- Trong những mùa xuân, hạ, khi nhựa sống đang tràn đầy trong vũ trụ, công việc đồng áng, tàm tang đang bận rộn nhà vua sẽ không động dụng dân chúng, sẽ không giết các tội nhân, không

động dụng quân sĩ binh đao. Dân sẽ không giết chim phá tổ không săn bắn, không vét tát sông hồ, không đốt phá rừng rú, không chặt cây đẵn cối.

- Trong những mùa thu đông, khi vạn vật héo khô dần, vua mới bắt đầu cho thi hành các án trăm quyết. Thu đông là những mùa gặt hái thâu liễm.

- Các ngày hạ chí đông chí, khi mà âm dương nhị khí giao nhau, thời nên giảm công việc, tránh viễn hành.

- Ngày Xuân phân, Thu phân nhật dạ tương đồng, nên nhà vua truyền xem xét lại cân lường đấu斛. (Xem Lễ ký nguyệt lệnh; Xem Li ki của Couveur dịch quyển I, tr.330-410. Xem Nguyệt lệnh trong tập Khổng học tinh hoa của tác giả tr.337-438)

b/ Người xưa trị dân thuận theo thủy thổ

Vua Đại Võ là vị vua của Trung Hoa đầu tiên rất sành về địa lý. Ngài đã vẽ địa đồ của nước Trung Hoa. Thiên Vũ cống trong Kinh Thư cho thấy Ngài biết rõ:

- Địa thế từng miền.
- Năng xuất đất đai của từng miền.
- Thổ sản của từng miền.
- Nghề nghiệp của từng miền.
- Đường lối giao thông của từng miền.

Tùy theo sức sản xuất và sự phú cường của từng miền, Ngài định thuế khóa và phẩm vật cống tiến. (Xem Kinh Thư, Vũ cống). Lễ ký viết: “Các thánh vương xưa thuận theo định luật trời đất mà cai trị. Các ngài không bắt người vùng núi xuống ở vùng biển; không bắt người ngoài đảo vào ở trong đồng. Các ngài sử dụng ngũ hành, sử dụng nguyên liệu, vật thực tùy theo thời. Các ngài tùy tuổi dân mà cho phép kết hôn, tùy tài đức mà ban tước vị.

Các ngài sử dụng dân theo đúng thời tiết, cho nên trong nước thoát thủy tai, hạn hán, côn trùng, dân chúng không lo đói khát.”

Lễ Ký, Lễ vận, Tiết IV 16, Couvreur, Li Ki.I, p.535. - Xem thêm Lễ ký: Lễ khí II, 10; Lễ khí, Tiết 1,3).

c/ Người xưa trị dân thuận theo nhân tâm

Các vị thánh vương xưa cho rằng dân muốn là trời muốn, nên làm vua phải biết thuận nhân tâm.¹⁴

Vậy nên các vua xưa, khi làm việc gì trọng đại, thường hỏi ý dân, hay ít là giải thích cho dân, cho quân được rõ nguyên do hành động của mình.

Thành Thang trước khi cất binh đánh vua Kiệt nhà Hạ, đã làm bài Thang thệ, phủ dụ dân quân (Xem Kinh Thư, Thang thệ)

Võ Vương trước khi đánh vua Trụ nhà Thương Ân, đã họp quân sỹ và chư hầu ở bến Mạnh Tân, để hiểu thị (Kinh Thư. Thái thệ)

Vua Bàn Canh khi muốn dời đô từ Canh sang Ân, để đề phòng lụt lội cho dân, đã hội họp dân lại, giải thích hơn thiệt (Kinh Thư Bàn Canh)

Đại học viết:

“Thi vân: Lạc chỉ quân tử, dân chi phụ mẫu. Dân chi sở hiếu, hiếu chi dân chi sở ố, ố chi. Thử vị dân chi phụ mẫu.”

“Sống thay bậc phụ mẫu dân,

Cùng dân yêu ghét muôn phần chẳng sai

Đáng làm cha mẹ muôn người”. (Đại học, chương X)

Luận ngữ chủ trương: phải sử dụng dân cho hợp thời. (Sử dân dĩ thì, - Luận ngữ, 1,5).

Trung Dung cũng ghi:

“Thì sử, bạc liễm, sở dĩ khuyến bá tính dã.”

“Muốn bách tính kính tin một dạ.

Xâu phải thời thuế má phải chăng. (Trung Dung, chương 30)

Thuận thiên thời, địa lợi, nhân hòa, đó là nắm vững được ba yếu tố tạo dựng lịch sử, (Xem Mạnh Tử, Công Tôn Sửu chương cú hạ, I)

5. PHƯƠNG PHÁP VÀ NGHỆ THUẬT TRỊ DÂN

A/ Phương Pháp Nghệ Thuật Trị Dân Theo Hồng Phạm Cửu Trù

Hồng phạm đưa ra chín tôn chỉ, mà xưa gọi là cửu trù.

1/ Ngũ hành

Đấng quân vương phải am tường vật lý, phải biết khai thác các tài nguyên của đất nước, để lo cho dân no ấm.

2/ Ngũ sự

Đấng quân vương phải biết phương pháp tu thân.

- Dáng điệu phải nghiêm trang kính cẩn.
- Nói năng phải hợp lý.
- Trông nhìn phải sáng suốt.
- Nghe ngóng phải tinh tế.
- Nghĩ ngợi phải cho thấu triệt.

Được như vậy, đấng quân vương sẽ trang nghiêm, oai vệ, lý sự, đường hoàng, khôn ngoan, sáng suốt, tinh tường, mưu lược.

3/ Bát chính

Đấng quân vương phải biết trị dân.

Cương lĩnh trị dân gồm 8 điểm. Trị dân là lo cho dân:

- 1)-No ấm.
- 2)-Sung túc có đủ tiện nghi.
- 3)-Có lễ nghi, tế tự.
- 4)-Có nhà cửa, đất đai.
- 5)-Có một nền giáo hóa hân hoi.
- 6)-Khỏi bị bọn gian ác, bất lương, đạo tặc quấy nhiễu.
- 7)-Biết đường tiếp nhân, xử thế.
- 8)-Được bảo vệ tính mạng và tài sản, thoát nạn ngoại xâm, nhờ có binh hùng, tướng mạnh của nhà nước.

4/ Ngũ kỹ

Đấng quân vương phải am tường ý nghĩa của năm, tháng, ngày; sự vận chuyển của nhật, nguyệt, tinh thần, lịch số. Như vậy mới có thể dạy dân biết cách điều hòa công tác cho hợp thời, hợp tiết để được ấm no, thịnh vượng, cho trời đất người cùng hòa tấu một bản nhã ca thanh bình, thái thịnh.

5/ Hoàng cực

Đấng quân vương sẽ ở ngôi Trời, ngôi Hoàng cực, thay Trời trị dân. Muốn được như vậy phải có đức hạnh siêu phàm, thoát tục, xứng đáng làm môi giới giữa Trời và muôn dân.

6/ Tam đức

Thuật trị dân phải dựa vào 3 đức sau đây:

- a) Chính trực.
- b) Cương (cương quyết khi nước loạn, khi phải đối đầu với những kẻ phản loạn, lưu manh)

c) Nhu (nhu hòa khi nước an bình, khi giao tiếp với những người đạo cao đức cả).

7/ Kê nghi

Đấng quân vương phải biết suy nghĩ, bàn bạc, hỏi han khi gặp trường hợp nan giải.

Trước một công chuyện nan giải sẽ hội ý kiến:

- Cửa nhà vua.
- Các khanh sĩ, thứ dân.
- Cửa Thượng Đế (bằng cách bói thi, qui)

Phối kiểm lại sẽ biết thế nào là tốt là xấu và tìm ra được đường lối đẹp đẽ nhất để xử sự.

8/ Thứ trưng

Đấng quân vương phải nhân các điềm trời mà soát xét lại đường lối cai trị của mình, xem tuần tiết, độ lượng gió mưa, nóng lạnh của trời mà suy ra xem mình đã cai trị dở hay hay. Lý do là vì đấng quân vương, đúng với danh hiệu của nó, sẽ cảm ứng được với đất trời, và hiểu được tiếng nói thầm lặng của đất trời qua các biến thiên của thời tiết.

9/ Ngũ phúc, Lục cực

Đấng quân vương phải nhìn vào tình cảm của nhân dân để nhận định giá trị của nền cai trị mình.

Nếu cai trị mà hay, dân chúng sẽ được hưởng Ngũ phúc:

- Thọ.
- Giàu.
- Yên vui.
- Ham chuộng nhân đức.
- Chết già yên ổn.

Nếu cai trị mà dở, dân chúng sẽ lâm vòng Lục cực:

- Chết non.
- Bệnh tật.
- Lo buồn.
- Nghèo khổ.
- Tội ác.
- Yếu ớt. (Xem Kinh Thư, Hồng phạm cửu trù)

Thế mới hay:

Con người chẳng những soi bóng nước

Còn phải ngắm mình trước muôn dân.¹⁵

B/ Phương Pháp Nghệ Thuật Trị Dân Theo Trung dung

Trung dung cũng đưa ra chín tôn chỉ để trị dân, thường gọi là Cửu kinh.

1/ Tu thân

Đấng quân vương phải giữ tâm hồn cho trong sạch, cử chỉ tác phong cho trang nghiêm đĩnh đạc như vậy mới làm cho đạo nghĩa trở nên thịnh đạt được.

2/ Kính hiền tài

Có kính hiền tài thì những trang hiền tài mới giúp đỡ mình hết lòng.

Muốn tỏ lòng kính hiền tài, biết “chiêu hiền đãi sĩ”, nhà vua phải xa lánh nữ sắc, xa lánh kẻ nịnh hót; phải trọng nghĩa khinh tài.

3/ Phải thương yêu họ hàng

Phải giúp đỡ họ hàng nghe lời họ hàng, như vậy thân tộc sẽ không còn ai oán thán

4/ Kính đại thần

Muốn vậy phải cho họ đủ phương tiện làm việc, đủ quyền hạn thì họ mới chân thành mà cộng tác với mình.

5/ Thương yêu công bộc quốc gia

Phải tăng lương cho họ, như vậy họ sẽ nỗ lực đền đáp.

6/ Thương dân như con

Không được bắt dân làm xấu khi họ đang bận công việc đồng áng, không được thu thuế nặng. Có thương dân thì dân mới hài lòng.

7/ Khuyến khích nhân tài, khuyến khích bách nghệ

Phải biết khuyến khích, mở cuộc thi đua, treo giải thưởng để khuyến khích thợ thuyền, như vậy nước sẽ không thiếu hóa tài.

8/ Đón tiếp người viễn xứ

Biết chiêu tập hiền tài, người giỏi ở tứ phương sẽ về với mình.

9/ Che chở chư hầu

Thật lòng giúp đỡ những nước nhỏ, thiên hạ sẽ sợ uy mình sẽ thân phục mình.

(Xem Trung dung chương 28)

C/ Phương Pháp Nghệ Thuật Trị Dân Theo Luận Ngữ.

- Phải biết chọn người tài đức cộng sự. (Luận ngữ, VII 20. - XII,19 - XVIII,11)
- Phải luôn luôn cẩn trọng, không được coi thường thiên chức lãnh đạo dân con của mình, (Luận ngữ, XIII,15)
- Không được hành sự hấp tấp, vội vàng; không được tham lợi nhỏ để hỏng việc lớn v.v...(L.N.XIII,17)
- Phải làm sao để mọi người lo tròn chức vụ mình (Luận ngữ, XII,11)

D/ Phương Pháp Nghệ Thuật Trị Dân Theo Đại Học.

- Chính kỷ trước, chính nhân sau. (Đại học, chương I)
- Phải trọng Nhân Nghĩa hơn Tài Lợi. (Đại học X)
- Đã làm chính trị thời không được làm kinh tài, tranh lợi với dân, (Đại học X)
- Người trên mà tham tài, mà vợ vét tài sản của dân, mà dùng tiểu nhân những nhiều dân, thì dẫu thánh nhân giáng hạ, cũng không cứu nổi họa nhà tan, nước nát. (Đại học X)

E/ Phương Pháp Nghệ Thuật Trị Dân Theo Lễ Ký.

Muốn trị dân phải áp dụng thực thi: Lễ, Nhạc, Hình, Chính.

- Lễ

Lễ là dạy dân biết nhân luân, biết hiếu kính.

(Lễ ký, Khúc lễ, Phần I, tiết I, mục 22: Thánh nhân đem Lễ để dạy con người xử sự khác biệt với muôn thú) (Xem Khúc lễ, các tiết mục tiếp theo).

Lễ là tất cả các định luật tự nhiên những mẫu mực, qui tắc chi phối hành vi cử chỉ con người, chi phối các cách giao tiếp của con người (Xem Khúc lễ, phần I, tiết I, mục 8,9,10)

- Nhạc

Nhạc có mục đích giúp cho con người tinh luyện tâm thần, giúp cho con người trở nên cao khiết, hồn nhiên thư thái. Nhạc cũng có mục đích đem lại sự đoàn kết, hòa mục trong dân chúng, tình tương thân, tương ái trong mọi tầng lớp xã hội. (Xem lễ ký, Nhạc ký, XVIII,15; Tế Nghĩa, XXI)

- Hình

Hình có mục đích ngăn chặn những chuyện phạm pháp, sa đọa (hình phạt trúng, cố thứ dân an - Lễ ký, Nhạc ký, XVII, 15)

- **Chính**

Chính là tổ chức công cuộc cai trị. (Xem Lễ ký, Vương Chế, tiết III, mục 1; tiết V, mục 28)

Chính trị là tiên liệu, là quy định mọi công việc lớn nhỏ trong nước.

Lớn như: Cách tổ chức quốc gia, phân châu, phân dã; số lượng các nước lớn nhỏ, phẩm trật quan chức nơi triều đình, cũng như ở các nước chư hầu; số lương hưởng cũng như phẩm phục tương ứng với từng chức vụ, phân hạng nông dân với những ruộng đất cho mỗi hạng; minh định công việc cho từng hạng quan lại; minh định thể thức trưng binh, hoãn dịch; minh định những hạng người được chính quyền cấp dưỡng; minh định lễ nghi trong dân gian v.v...(Xem Lễ ký, Vương Chế)

Nhỏ như: Cách nam nữ đi lại, xe cộ đi lại trong đường xá v.v...(Xem Lễ ký, Vương chế)

Vì thế Trung dung cũng viết:

“Phàm sự dự tắc lập, bất dự tất phế”

(Việc gì tính trước cũng linh,

Không toan tính trước âu đành dở dang.)

(Trung dung. XX)

F/ Phương Pháp Nghệ Thuật Trị Dân Theo Mạnh Tử.

- Phải lấy dân làm trọng, “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”. (Mạnh Tử, Tận tâm hạ, 14)

- Phải coi dân như ruột thịt. “Vua mà coi tôi như tay chân, ắt tôi sẽ coi vua như bụng dạ. Vua mà coi tôi như chó ngựa, ắt tôi sẽ coi vua như người qua đường. Vua mà coi tôi như bùn rác, ắt tôi sẽ coi vua như kẻ cướp, người thù.” (Mạnh Tử, Ly lâu hạ, 3)

- Phải chế định điền sản cho dân được no đủ. “Đấng minh quân chế định điền sản, chia cho dân cày cấy, cốt cho họ trên đủ phụng dưỡng cha mẹ, dưới đủ nuôi nấng vợ con. Nhằm năm được mùa thì mãi mãi no đủ, phải năm thất bát, thì khỏi chết đói. Được vậy rồi vua mới khuyên dân làm thiện. Tự nhiên rồi

họ sẽ làm điều thiện để dành...” (Mạnh Tử, Lương Huệ vương, chương cú thượng, tiết 7)

- Phải làm gương tốt cho dân. “Hễ ở trên vua ăn ở có nhân, thì chẳng ai cư xử bất nhân. Hễ ở trên vua nói theo điều nghĩa, thì chẳng ai bỏ bê việc nghĩa”. (Mạnh Tử, Ly lâu hạ, tiết 5)

- Phải lo giáo hóa dân. “Làm người ai cũng có đạo lý. Như đã được ăn no, mặc ấm, ở yên, mà chẳng có giáo dục, thì gần với loài thú rồi đó...” (Mạnh Tử, Đằng văn Công, thượng, tiết 3)

- Không nên làm bê trễ công việc làm ăn của dân. Vua Văn công nước Đằng, hỏi về cách trị quốc. Mạnh Tử đáp rằng: “Nhà cầm quyền không được làm chậm trễ công việc làm ăn của dân.” (Mạnh Tử, Đằng văn Công, thượng, tiết 3)

- Ông viết thêm: “Nếu chính quyền chẳng đoạt mất thì giờ cấy gặt của những gia đình làm ruộng trăm mẫu, thì trong nhà tám miệng ăn chẳng đến nổi đói khổ.” (Mạnh Tử, Lương Huệ Vương, chương cú thượng, tiết 7)

Tứ thư, ngũ kinh còn cho rằng: làm chính trị phải biết thường xuyên kiểm điểm lại chương trình hoạt động, cũng như uy thế của chính quyền.

Kiểm soát bằng cách:

- Tuân thú.
- Triều, sính.
- Nghiên cứu dân ca, ca dao, đồng dao.
- Nghe lời gián nghị.
- Thu thập các lời phê bình. v.v. ¹⁶

Tóm lại chính trị xưa có mục đích làm cho dân:

- No ấm.
- Sống trong an bình trật tự hòa hợp.
- Sống xứng đáng với danh nghĩa con người.
- Biết hưởng thượng, tiến tới tinh hoa, hoàn thiện.

Khảo về nền chính trị của các bậc thánh vương xưa, ta thấy nó thực là cao siêu, toàn mỹ.

Nó đi sâu vào gốc rễ của thần quyền thế quyền, đưa ra một lý thuyết trị dân rất là cao siêu, huyền diệu, rập đúng theo guồng máy âm dương của vũ trụ và tiết tấu của trăng sao, lại có mục

đích giúp con người khai thác được những khả năng vô tận tiềm ẩn trong lòng mình và trong lòng vũ trụ.

Nó xây nền đắp tảng trên vĩnh cửu tuyệt đối. Nói cách khác, nó đã lấy trời làm căn bản, đã coi nền chính trị là công cụ để cải hóa con người¹⁷ lập ra những nguyên tắc căn bản cho các bậc quân vương dựa vào mà cai trị dân cho tuyệt hảo: thúc đẩy dân chúng làm lụng, tiết kiệm để trở nên giàu có, sung túc¹⁸, tu nhân, tích đức¹⁹ để trở nên người quân tử, nên hiền thánh với nguyện vọng tha thiết là đem lại cho nhân dân an bình, thái thịnh, hạnh phúc cả về tinh thần lẫn vật chất²⁰

*“Hoàn thành không riêng mình.
Rồi ra hoàn thiện quần sinh muôn loài.
Hoàn thành mình là người nhân đức,
Tác thành vật là bậc thông minh.
Thiên nhiên tự tính uy linh,
Trong ngoài hai mặt, một mình quán thấu.”*

mục đích là làm cho mọi người trở nên hoàn thiện.²¹ Như vậy mục đích của nó cũng tuyệt đối.

Tiến thay nền chính trị cổ thời với ý nghĩa cao đẹp của nó đã bị đục vọng con người và bụi bặm lịch sử che lấp hết mọi vẻ đẹp. Vương đạo biến dần sang Bá đạo: Nhân trị chuyển dần sang Pháp trị, nhân đạo dần dần nhường bước cho bạo tàn.

Các vị đế vương thời sau, như Tần Thủy Hoàng, như Hán Cao Tổ đều còn hiểu biết gì về những tế nhị, những tinh hoa của nền chính trị xưa. Tuy cũng mang danh là Thiên Tử, nhưng nào có hiểu Thiên Tử nghĩa là làm sao.

Cho nên, chế độ vua chúa dần dà trở nên một mâu thuẫn trên lý thuyết, một gánh nặng trên thực tế đối nhân dân.

Đến nỗi ngày nay, nhiều triết gia không còn hiểu nổi được lý do sự tồn tại của nền quân chủ...²²

B. TỔ CHỨC XÃ HỘI THEO QUAN NIỆM THÁNH NHÂN NGÀY XƯA

Trước hết, hiền thánh xưa quan niệm rằng con người sinh ra ở đời phải sống hợp quần với nhau, phải tương liên, tương trợ mới tốt.

Quan niệm này đã được đề cập đến ở nơi quẻ Tỉ trong Dịch kinh.

Quẻ Tỉ chính là do hai chữ nhân (người) viết lộn trái lại và đi kèm theo nhau.

Ta có thể tóm tắt quẻ Tỉ như sau:

Tỉ là liên kết, hợp quần, là qui dân, tụ chúng.

Con người sinh ra ở đời, phải sống đoàn kết với nhau, mới dễ mưu cầu hạnh phúc. Nhưng kết đoàn với nhau cần phải theo chính lý, chính nghĩa. Người trên phải có đức độ tài ba, thực lòng mưu cầu hạnh phúc cho dân. Người dưới phải hết lòng phục vụ người trên, trên dưới một lòng mới gây nên sự nghiệp lâu dài.

Kiến An Khâu thị bình về quẻ Tỉ như sau:

“Tiên vương xưa chia dân thành từng chòm xóm. Năm mươi nhà canh tác trong cùng một cánh đồng, uống cùng một giếng nước, ra vào bè bạn với nhau, giúp đỡ lẫn nhau trong đời sống thường nhật; phù trì nhau trong những lúc tậ nguy hiểm, thế cho nên được yên vui. Còn như để cho dân tan đàn, sẻ ghé, mỗi người bạc lạt mỗi ngã thì hung hạo không biết chừng nào.” (Xem Dịch Kinh Đại Toàn, nơi quẻ Tỉ).

Thánh hiền xưa lại quan niệm rằng:

Con người muốn sống hạnh phúc, sung sướng không thể nào sống bừa phứa được, mà phải biết tuân theo những quy luật, những định tắc mà thiên nhiên đã phú bẩm cho mình.

Con người sống trong thiên nhiên, phải biết sống thuận theo thời tiết, thủy thổ, mới có thể sống khỏe mạnh, sung sướng.

Con người sống trong xã hội, cũng cần phải biết sống với tha nhân, cần phải chấp nhận những định tắc, những tiêu chuẩn mà tiền nhân, mà đại chúng, mà phong tục tập quán đã chấp nhận là hay, là phải mới tránh được những lỗi lầm, mới mong tạo được niềm hòa khí và sự thái thịnh chung.

Con người sống không phải là để sống suông mà còn là để tiến hóa, để trở nên hoàn hảo ngày một hơn mãi.

Tóm lại, con người sinh ra muốn có một cuộc sống hân hoi mạnh giỏi, có ý nghĩa, về phương diện cá nhân cũng như về phương

diện xã hội, cần phải biết thuận theo những định luật thiên nhiên, những định luật sinh lý, tâm lý, xã hội.

Về phương diện xã hội chẳng hạn người xưa đã cố gắng rất nhiều để tìm cho ra những nguyên lý căn bản, những định luật thiên nhiên chi phối đời sống xã hội.

1/ Những Nguyên Lý Căn Bản.

a) Người xưa lấy trời làm nền tảng cho mọi công cuộc xây dựng xã hội.

Trong công cuộc trị dân, các thánh vương xưa rất quan tâm đến vấn đề tế tự.

Các vị đế vương phụ trách việc tế lễ trời, còn dân chúng lo việc thờ cúng tổ tiên. Cử chỉ ấy nhắc nhở chúng dân đừng quên gốc gác của mình, cũng như đừng bao giờ quên rằng trời đã sinh ra mình.²³

Nó cũng nhắc nhở con người sinh ra không phải để mê mải chuyện trần hoàn, mà thực ra cốt để trở nên hoàn thiện, tìm kiếm lại được đức trung (sự hoàn thiện)²⁴ cao quý mà trời đã phú cho, tìm lại được sự hoàn thiện nguyên thủy, để đi đến chỗ Phối Thiên, đến chỗ sống thánh thiện, kết hợp với Trời mà Kinh Thi cũng như Trung Dung đã nhiều lần đề cập tới.²⁵

Cổ viết phối Thiên, (Trung Dung XXX)

Như vậy đời sống mới có đầu đuôi mới có ý nghĩa.²⁶

Vả nếu không có trời, thì lấy gì làm nền tảng cho nền luân lý chính trị?

Xuân Thu Tả Truyện, viện dẫn Kinh Thi để chứng minh điều đó²⁷ Kinh Thi viết:

“Tại sao các người không kính sợ nhau ? Thế là các người đã không kính sợ Trời rồi vậy.²⁸

Xuân Thu Tả Truyện cho rằng, Một người cầm quyền không bạo ngược với kẻ là vì kính sợ Trời vậy.²⁹

Chu Tụng viết: “Ta kính sợ oai trời, nên ta được trời bảo hộ.”³⁰

Lễ Ký viết:

Vạn vật đều gốc gác ở trời, con người gốc gác ở tiên tổ, cho nên làm lễ Giao là để phối kết với Thượng đế, tỏ lòng tri ân với nguồn gốc của mình, và quay về cội rễ đầu tiên vậy.³¹

b) Thiên tính con người toàn thiện.

Người xưa quan niệm rằng: con người sinh ra đời đã được Trời phú bẩm cho một Thiên tính toàn thiện.

Kinh Thi viết:

“Trời sinh ra khắp muôn dân
Vật nào phép nấy định phân rành rành
Lòng dân đã sẵn căn lành,
nên ưa những cái tinh thành, tốt tươi.”³²

Nhưng vì vật dục lôi cuốn, hoàn cảnh đẩy đưa, vì đói khát, vì dốt nát, con người dần dà sa đọa vào vòng lầm lạc, tội lỗi.

Tuy nhiên, thiên lương con người thực ra chỉ bị lu mờ đi, chứ không bao giờ bị pha phôi, hủy diệt, vì thế có thể dùng giáo hóa để cải thiện con người, phục hồi thiên lương, thiên tính họ. Việc ấy chắc có thể thực hiện được.

2/ ÍT NHIỀU ĐỊNH LUẬT THIÊN NHIÊN CHI PHỐI ĐỜI SỐNG XÃ HỘI.

a) Định luật tôn ti, trật tự trong xã hội.

Dịch Kinh cho rằng:

Trời tôn quý, đất thấp hèn,
Kiên Khôn hai quẻ âu liền định theo.
Sự đời cao thấp tranh treo
Nên trong hào quái có điều hèn sang.”³³

Như vậy, vũ trụ dùng trời đất, Dịch Kinh dùng âm dương, đã cho ta thấy rõ vạn vật, vạn loài đều có tôn ti. Hạ Dương viết: “vạn vật đều có quý tiện, cao hạ, đại tiểu, tôn ti vẫn chất khác nhau. Thánh nhân chế phép tắc để mọi loài quý tiện cao hạ sống hợp với tính cách mình.”³⁴

Khang Hi, nơi quẻ Khôn, đã bình về lễ tôn ti trong con người và trong xã hội như sau:

Nơi con người thì Dương là “Tâm chi thần minh”, Âm là ngũ quan, bá thể.

Trong nhân luân thì Dương là vua là cha là chồng. Âm là bầy tôi là con là vợ.

Tâm linh nhờ có tay chân mới vận động được; vua nhờ có tôi; chồng nhờ có vợ; cha nhờ có con, thì công việc mới chu toàn.

“Ở nơi con người thì tứ chi, hình hài phải thuận phục tâm linh, trong xã hội thì thần tử, thể thiếp phải thuận phục quân phụ, hay phu quyền, như vậy xã hội mới có tôn ti, thể thống. Nếu ở con người tứ chi, tai mắt tự do theo sở dục, nếu trong xã hội thần tử, thể thiếp tự ý hành sự, nếu nơi nhân thân mà lý với dục giao tranh, nếu nơi xã hội mà công với tư va chạm thì mầm loạn lạc sẽ phát sinh...”³⁵

b) Định luật “Hiệt cử”, “suy bụng ta ra bụng người”.

“Hiệt cử” nói nôm na là phép “Thước tắc”.³⁶

Ta muốn gì thì người cũng muốn thế. Ta muốn người làm cho ta thế nào thì hãy làm cho mọi người như vậy.

Cái gì ta không muốn thì đừng làm cho người. (Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân).³⁷

Thay vì nói là “phép thước tắc”, ngày nay ta có thể gọi phương châm “Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân” là khuôn vàng, thước ngọc của nhân loại trong khi tiếp nhân, xử thế.³⁸

c) Định luật cảm ứng (Loi de l'influence réciproque) và định luật phản ứng dây chuyền (Loi des réactions en chaînes).

Dựa vào những định luật này, các thánh hiền xưa cho rằng nếu một người mà hay có thể làm cho nhiều người trở nên hay; một người mà dở có thể làm cho nhiều người khác trở nên dở.

Đại học viết: “Một nhà nhân đức có thể làm cho cả nước nhân đức; một nhà lễ nhượng có thể làm cho cả nước lễ nhượng. Một người tham nhũng có thể làm cho cả nước rối loạn. Cái cơ là như vậy. Vì thế có câu: “Một lời có thể làm hư cả công việc; một người có thể làm yên cả đất nước.”³⁹

Đại học lại viết: “Nếu bậc quốc trưởng ở trên cung kính với cha mẹ, thì dân chúng ở dưới cảm động mà ăn ở hiếu thảo với cha mẹ. Nếu bậc quốc trưởng ở trên trọng kính huynh trưởng, thì dân chúng ở dưới cảm động mà ăn ở lễ nhượng với bậc đàn anh. Nếu bậc quốc trưởng ở trên thương xót kẻ cô cút, thì dân chúng ở dưới sẽ cảm động mà thương giúp kẻ nghèo khổ, chẳng dám trái nghịch...”⁴⁰

Định luật này cũng còn áp dụng vào chính trị. Quý Khang Tử, đại phu nước Lỗ, hỏi đức Khổng về chính trị. Đức Khổng đáp:

“Chính trị là làm cho dân trở nên ngay chính. Nay quan đại phu mà treo gương ngay chính, thì còn ai dám ăn ở bất chính ?”⁴¹
Ngài còn cho rằng người trên mà muốn làm điều lành, thì dân ắt nghe theo. Vì người quân tử như gió, mà tiểu nhân như cỏ. Gió thổi qua thì cỏ sẽ rạp xuống.⁴²

d) Định luật tâm vật hỗ tương ảnh hưởng (*Loi de l'interaction psychosomatique*)

Người xưa cho rằng Tâm tình ảnh hưởng đến hình hài, ngoại cảnh. Ngược lại ngoại cảnh, hình hài cũng ảnh hưởng đến tâm tình.

Đại học bàn về định luật “Tâm ảnh hưởng đến hình hài” như sau:

“Giàu thời nhà cửa khang trang,
Đức thời thân thể khang an rạng ngời.
Lòng mà khinh thoát thảnh thơi.
Rồi ra sẽ thấy hình hài tốt tươi.” (Đại học VI)

Khổng Tử gia ngữ bàn về ảnh hưởng của “*vật, của ngoại cảnh, của hình hài đến tâm tình*”:

“Một hôm, Ai công nước Lỗ hỏi Khổng Tử: “Giải mũ và áo chương phủ có ích lợi cho đạo nhân không?” Khổng Tử nghiêm sắc mặt mà thưa: “Sao vua lại nghĩ thế? Người mặt áo sô gai, chống gậy, chí không để đến sự vui, không phải là tại không nghe thấy, vì y phục khiến như thế; người mặt cái phủ, cái phát, áo ổn, mũ miện, dáng điệu không nhờn, không phải là nguyên tính vốn trang nghiêm vì y phục khiến như thế; người đội mũ trụ mặc áo giáp, cầm cây giáo không có cái khí nhút nhát, không phải là vì thân thể vốn mạnh bạo, mà vì y phục khiến như thế... (Khổng tử gia ngữ, Hiếu sinh, X.)

Chính vì vậy mà người lập ra những lễ nghi, hình thức bên ngoài để mong cảm hóa con người bên trong.

3/ NHỮNG PHƯƠNG PHÁP, NHỮNG ĐƯỜNG LỐI CHÍNH YẾU ĐỂ ĐEM YÊN VUI LẠI CHO XÃ HỘI.

a) Người xưa dùng Lễ Nghĩa trị dân, cải thiện dân, điều hòa đời sống xã hội.

Lễ.

Lễ là một danh từ hết sức hàm súc. Nó gồm rất nhiều ý nghĩa.

- Lễ trước hết là một danh từ chung, bao quát hết mọi định luật tự nhiên chi phối vạn vật quần sinh (Ensemble des lois naturelles).

- Lễ là nghi lễ, là tất cả bốn phận con người đối với trời đất, tổ tiên (Céramonies, rites religieux, rituel, céramonial).

- Lễ là tất cả các qui luật chi phối sinh hoạt tâm thần con người (Lois morales).

- Lễ là tất cả các cách tổ chức chính trị, xã hội (Organisation politique et sociale).

- Lễ là những cách cư xử, tiếp nhân, đối vật thanh lịch khéo léo. (Bonnes manières, convenances, décence, bonne tenue, bienséance, politesse, courtoisie).

- Lễ là phong tục tập quán hay nói đúng hơn là tất cả những gì gọi là thuần phong mỹ tục (Usages et coutumes, tradition).

Lễ ký, nơi thiên Lễ Vận, bình luận về Lễ như sau:

“Lễ phát xuất tự trời, đem áp dụng ở dưới đất lồng vào trong mọi công việc, biến hóa theo thời gian, thích ứng với phương tiện và nghề nghiệp từng người. Ở nơi lòng người nó điều hòa và làm phát triển được mọi tính tình. Trong hành vi nó bao quát được mọi công việc, mậu dịch, lao tác, ngôn từ, ẩm thực, quan hôn, tang tế, xạ ngự, triều sính.

“Lễ qui định cái gì hay, cái gì phải. Đối với con người nó rất là cần thiết.

Nó giúp con người hiểu thế nào là nhân đức thật sự. Nó giúp con người nuôi kẻ sống, chôn kẻ chết, thờ quỷ thần, đạt thiên đạo, thuận nhân tình. Cho nên thánh nhân cho rằng con người phải biết Lễ.

“Cho nên quốc phá, gia vong, trước hết là vì con người đã quên lễ nghĩa, quên bốn phận.

“Thánh vương xưa lập ra qui tắc, lễ nghĩa để trị nhân tình.

“Nhân tình như ruộng đất, mà lễ phép như cày bừa. Giảng điều hay, lễ phải như gieo hạt: dạy dỗ, giáo hóa như làm cỏ, lấy nhân ái (đạo đức) để dạy dân, lấy âm nhạc để an dân...

“Mục đích là đến chỗ đại hòa đại thuận. (Lễ ký, Lễ vận, chương VII, tiết IV, mục 5,6,7 v.v...)

Tóm lại mục đích của **lễ** là:

- Nuôi dưỡng những tính tốt.
- Ngăn chặn những tính xấu.
- Điều hòa đời sống tình cảm, nhân tình.
- Xác định tôn ti, thiện ác, thị phi.
- Đem lại sự hòa hợp; ngăn chặn sự chia rẽ, loạn lạc.
- Đào luyện cho con người thêm thanh lịch, thêm nhân cách...

Nghĩa.

Nghĩa là bốn phận chính yếu của mỗi một thành phần xã hội, trong khi giao tiếp đối đãi với nhau.

Tiên vương xưa chia xã hội thành 10 thành phần như sau: Quân, Thần, Phụ, Tử, Phu, Phụ, Huynh, Đệ, Trưởng, Ấu.

Mỗi hạng có một bốn phận khác nhau:

- Quân nhân (Vua phải nhân).
- Thần trung (Thần phải trung).
- Phụ từ (Cha phải khoan từ).
- Tử hiếu (Con phải hiếu thảo).
- Huynh lương (Anh phải tốt lành).
- Đệ để (Em phải kính thuận).
- Phu nghĩa (Chồng phải chính đính).
- Phụ thính (Vợ phải nghe lời chồng).
- Trưởng huệ (Người lớn phải thi ân).
- Ấu thuận (Người nhỏ phải vâng phục).

Đó là thập nghĩa (Lễ Ký, Lễ vận, chương VIII, tiết 2, mục 19).

Nếu ai ăn ở cho đúng phương vị, đúng bốn phận mình, thì thân tu, quốc trị, thiên hạ bình. (Luận ngữ, XII II).

b) Người xưa dạy dân phải sống hòa hài cùng vũ trụ.

Người xưa tổ chức đời sống xã hội cho dân con theo định tắc.

“Thượng luật thiên thì, hạ tập thủy thổ”

“Trên thuận theo thời trời, dưới thuận theo thế đất” (Trung dung XXX).

Như vậy thánh nhân xưa dạy con người phải thích ứng với hoàn cảnh vật chất, tích cực khai thác hoàn cảnh vật chất để mà vui sống.

Hoàn cảnh vật chất gồm có trời đất, nhị khí âm dương, nóng lạnh, sáng tối, thời tiết; có tinh, thần, nhật, nguyệt; có thảo, mộc, sơn, xuyên; có ngũ vị (Toan, Khổ, Tân, Hàm, Đạm); có ngũ âm (Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ); có ngũ sắc (Thanh, Hoàng, Xích, Bạch, Hắc).

Cho nên con người phải dựa vào âm dương, thời tiết nóng lạnh vào bốn mùa mà tổ chức công việc, nhất là tổ chức công việc đồng áng tằm tơ. Phải biết tận dụng ngũ sắc, ngũ vị, ngũ âm để tài bồi cho đời mình càng ngày càng thêm đậm đà, ý vị, đẹp tươi. Lễ ký đã quảng luận vấn đề này rất dài dòng nơi thiên lễ vận.

c) Thánh hiền xưa dạy dân vui sống.

Khảo kỹ lưỡng về các phong tục xưa ta thấy người xưa tuy phải làm lụng lấm lúc cũng hết sức vất vả, nhưng họ hết sức yêu đời và sống vui tươi.

Nhiều tác giả Âu châu, khi khảo về phong tục Trung hoa xưa đã nhận thấy điều đó.⁴³

Kinh Thi có tất cả gồm 70 bài thơ diễm tình. Đọc lên ta thấy biết bao là tình ý của các cặp trai tài, gái sắc yêu nhau, hò hẹn nhau, nhớ thương nhau.⁴⁴⁴

Marcel Granet FÊTES ET CHANSONS ANIENNES DE LA CHINE, Paris Librairie Ernest Lerroux., 1929.

-Marcel Granet, DANSES ET LÉGENDES DE LA CHINE ANCIENNE, Paris Librairie Felix Alcan, 1926.

Các bài thơ trữ tình trong Kinh Thi:

CHU NAM: Quan Thu. - Quyển nhĩ. - Chung tư. - Đào yêu. - Phù dĩ. - Hán quăng.

THIỆU NAM: Thước sào. - Thái phiên. - Thảo trùng. - Hành lộ. - Ẩn kỳ lô. - Biểu hữu mai. - Tiểu tinh. - Dĩ hữu tử khuân. - Hà bỉ nùng hĩ.

BỘI PHONG: Bào hữu khổ diệp. - Cốc phong. - bắc phong. - Tinh nữ.

DUNG PHONG: Tang trung. - Thuần chi bôn bôn. - Đế đống.

VỆ PHONG: Manh. - Trúc can. - Hà quăng. - Mộc qua.

VƯƠNG PHONG: Thái cát. - Đại xa. - Khâu trung hữu ma.

TRỊNH PHONG: Tương trọng tử. - Tử vận đại lộ. - Nữ viết kê mình. - Hữu nữ đồng xa. - Sơn hữu phù tô. - Thác hề. - Giáo đồng. - Khiên thường. - Phong. - Phong vũ. - Tử khâm. - Dương chi thủy. - Xuất kỳ đông môn. - Dã hữu man thảo. - Trân, Vĩ.

TÊ PHONG: Đông phương chi nhật.

ĐƯỜNG PHONG: Trù Mậu. - Hữu đệ chi đồ. - Cát sinh.

TẦN PHONG: Kiêm gia. - Thần phong.

TRẦN PHONG: Uyển khâu. - Đông môn chi phần. - Hoàn môn. - Đông môn chi trì. - Đông môn chi dương. - Phòng hữu thước sào. - Trạch bi.

CỐI PHONG: Thấp hữu trường sở.

TÀO PHONG: Phù du. - Hậu nhân.

Thêm vào đó biết bao là cảnh hát đàn, hát đúm trong những đêm thanh gió mát hoặc trong những khi lao tác ngoài đồng... và biết bao là lễ, tết công cộng để dân có dịp chung vui.

4/ MỤC ĐÍCH CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI.

Mục đích của cuộc sống theo người xưa là để tiến tới hoàn thiện.

- Hồng phạm, cửu trù, gọi thế là “Qui kỳ hữu cực”: Tiến tới cực điểm tinh hoa.⁴⁵

- Trung dung viết:

“Hoàn toàn là đạo của trời,

Trở nên hoàn thiện đạo người xưa nay.”⁴⁶

Theo từ ngữ Trung dung, tiến tới hoàn thiện tức là tiến tới Trung đạo.

- Đại học viết:

“Đại học có mục tiêu rõ rệt,,

Đuốc lương tâm cương quyết phát huy.

Dạy dân lối sống tân kỳ,

Chưa nơi hoàn thiện, còn đi chưa ngừng.”⁴⁷

- Trung dung cũng như sách Mạnh Tử đều cho rằng:

“Sự hoàn thiện chính là (viễn đích của) con người”.

“Nhân giả **nhân** dã.”⁴⁸⁴⁸

Nhân giả nhân dã. (Trung Dung chương 20)

(Mạnh Tử, Tân tâm chương cú hạ, tiết 16)

C/ TỔNG LUẬN.

Về phương diện chính trị, ta thấy rằng:

Các bậc thánh vương xưa lên trị nước không phải là để hưởng thụ, để buông thả cho đục tình tha hồ phóng túng, nhưng chính là để tuân theo ý trời, tuân theo những định luật thiên nhiên của trời đất và của nhân loại, để mà hướng dẫn dân con. Chính vì thế mà các ngài thời thường yêu cầu đình thần và dân chúng đàn hạch, kiểm thảo hành vi hoạt động của mình.⁴⁹ Các ngài hứa đem an bình lại cho dân, nhưng không hứa suông mà lại dạy dân phải thực hiện an bình bằng cách tu thân, bằng cách tôn trọng tam cương ngũ thường, giữ vẹn tín nghĩa, trọng đức khinh tài v.v... Thế tức là dạy dân biết tự trọng, biết tự tạo cho mình một nền hòa bình an lạc do tài đức của mọi người, chứ không phải ngồi không ăn sẵn, ỷ lại chờ trời đổ an bình xuống cho mình, như đổ mưa móc xuống cho cây cỏ.

Vẻ đẹp khác của nền chính trị xưa là cố gắng hòa hợp động tác con người với sự vận chuyển của các tinh cầu, sự vận động của vũ trụ, sự biến hóa của bốn mùa.⁵⁰

Trong bài này tôi đã chứng minh rằng tổ chức chính trị của các thánh vương xưa đã được xây trên nền tảng vĩnh cửu. Nói cách khác nó đã lấy trời làm căn bản, đã coi nền chính trị như là một công cụ để cải hóa con người.⁵¹

Các thánh vương xưa đã cố công lập ra những nguyên tắc căn bản cho các vua chúa sau dựa vào để mà cai trị dân cho tuyệt hảo. Các ngài thúc đẩy dân chúng làm lụng, tiết kiệm để trở nên giàu có, sung túc,⁵² tu nhân tích đức⁵³ để trở nên những chính nhân, quân tử, nên hiền thánh.

Các ngài tha thiết ước mong đem lại cho nhân dân an bình, thái thịnh, hạnh phúc, cả về tinh thần lẫn vật chất, mục đích là cho mọi người trở nên hoàn thiện.⁵⁴

Về phương diện xã hội, ta thấy người xưa qui định xã hội thành 3 thành phần khác nhau:

1) Thành phần vô hình. Đó chính là thượng đế, Thần minh và Tiên tổ.

Thành phần vô hình này chính là thành phần gốc gác căn cơ không thể nào quên lãng được.

Vì thế mới có lễ Giao, lễ Xã, lễ Thường, lễ Đế (Trung dung chương XIX) và Xuân thu nhị kỳ, có lệ tế lễ nơi tông miếu (Trung Dung XIX)

2) *Thành phần xã hội hữu hình: đó là mọi người đang sống. Điều cốt yếu là làm sao cho mọi người:*

- No đủ.

- Bình an.

- Vui sống.

- Sống đúng theo nhân luân, sao cho vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con (Luận ngữ, XII, II)

3) *Thành phần hoàn cảnh vật chất: mà con người cần phải biết thích ứng và khai thác để mà sống cho hẳn hoi, sung sướng.*

Tóm lại người xưa quan niệm rằng:

Con người sinh ra ở đời không phải muốn tự do làm gì thì làm mà phải tuân theo các định luật thiên nhiên, các định luật sinh lý, tâm lý, nhân sinh và các định luật giao tế, xã hội. Có tuân theo các định luật thiên nhiên, chúng ta mới tạo được cho mình một đời sống lý sự đẹp tươi, vui, tạo cho mọi người một đời sống xã hội an bình, hòa hợp. Đó là điều kiện căn bản để tiến tới chân, thiện, mỹ...

HẾT

Cước Chú

¹ Đã đăng Tập san Minh Đức, số 4, tháng 1&2 năm 1973.

² *Sun-Yat-Sen, dans ses mémoires, répète: "N'oublie pas le passé, qu'il soit ton maître dans l'avenir".*

(Jean A. Keim, Panorama de la Chine Hachette, 1915, p.41.)

³ *The Three Principles of the People is, so to speak, the most well rounded form of expression of the Chinese heritage. In order to understand China, it is advisable that you first explore this typical Chinese ideology.*

Chang Chi Yun, How to understand China, Chinese Culture, a Quarterly Review, Institute for advance Chinese Studies (P.O.Box Yang Ming Shan, Taiwan) Volume V, No. 3, march 1964, p.1.

⁴ *Dans sa theorie e'conomique chinoise, Tchiang Kai Chek s'appuie sur la doctrine de Kouang Choun, premier ministre du*

prince de Ts'i au VII^e siècle avant Jésus Christ, et sur les mesures prises par Wang Ngan Che, Premier ministre de Song au XI^e siècle.

-J. A. Keim, Panorama de la Chine, Hachette 1951, p.41.

⁵ *Mao Tse Tung lui-même, dans ses mémoires militaires étudie la tactique des gures durant les époques de "Printemps et de l'Automne" et des Royaumes Combattants qui datent de plus de 2000 ans.*

-J. A. Keim, Panorama de la Chine, p.41.

⁶ *Thư viết: Thiên giáng hạ dân, tác vi quân, tác chi sư, duy viết kỳ trợ. Thượng đế sủng chi tứ phương. (Mạnh Tử, Lương Huệ Vương hạ, đoạn 3.)*

⁷ *Xem Trung dung, chương 20 . Xem Kinh Thư, Thiên'' Hồng Phạm Cửu Trù'' tiết 9,*

Xem Kinh Thư thiên'' Trọng Hủy chi cáo'' tiết 2:'' Trời sinh dân có lòng dục, nếu không có chủ tất loạn. Thế nên Trời sinh ra những người thông minh , có bốn phận hướng dẫn kẻ khác."

Xem Kinh Thư, Thiên "Thang cáo", tiết 6: trời khiến ta mang lại đoàn kết va an ninh tới cho gia đình, cho quốc gia các bạn."

Xem Nguyễn Văn Thọ, Chân Dung Khổng Tử, tr.302 trở đi.

⁸ *Xem Nguyễn Văn Thọ, Khổng học tinh hoa, tr.88.*

Xem James Legge, The Shoo king, p.332, notes.

⁹ *Xem Kinh Thư, Hồng phạm cửu trù. Kinh Thư, Thái thế, tiết 3.*

¹⁰ *Chính giả chính dã. (Luận ngữ, chương XII, 16. - Lễ ký, Ai công vấn, tiết 7)*

-Nhân giả nhân dã. (Trung dung, chương XX)

-Hội kỳ hữu cực, qui kì hữu cực, (Kinh Thư, Thiên Hồng Phạm, tiết 13)

¹¹ *Vi chính tiên lễ. Lễ kỳ chính chi bản dư ? (Lễ ký, Ai công vấn, tiết 11)*

...men; when raised above the pressure of want, are likely, may be expected to cultivate the moral virtues. (James Legge, the Shoo King, p.333, note 13)

¹² *Ái dữ kính, kỳ kính chi bản dã. (Lễ ký, Ai công vấn; tiết 9)*

¹³ *Xem Luận ngữ, XII,16. - mạnh tử, Đằng văn công thượng các tiết: 2,3, các câu:*

“*Quân tử chi đức phong, tiểu nhân chi đức thảo. Thảo thượng chi phong tắc yển.*”

“*Thị cố, hiền quân tất cung kiệm, lễ hạ; thủ ư dân hữu chế.*”
(*Vậy nên các vua hiền thì giữ mình khiêm cung, ăn xài tiết kiệm có lễ độ với kẻ bầy tôi và lấy thuế của dân có chừng mực.*)

“*Nhân luân minh ư thượng, tiểu dân thân ư hạ.*” (Nếu người trên biết rõ và giữ được nhân luân, thời người dân ở dưới sẽ thân mến và hòa mục với nhau.)

¹⁴ *Thiên thị tự ngã dân thị, Thiên thánh tự ngã dân thánh. KINH THƯ Thái thệ trung, 7) - Dân chi sở dục. Thiên tất tòng chi. KINH THƯ Thái thệ thượng, II) - Duy Thiên huệ dân duy tích phụng Thiên (Thái thệ trung, 4)*

¹⁵ *Cố hữu ngôn viết: nhân vô ư thủy giám, đương ư dân giám. (Kinh thư, Tỉu cáo, tiết 2)*

¹⁶ *Trí gián cố; lập bảng mục. (Textes historiques của Wieger trang 31)*

- Xem Wieger, *Textes historiques, Tome I, p.88-89.*

- Xem *Khổng học tinh hoa của tác giả, trang 95, chú thích 1 và 2.*

- Xem *Kinh thư, Dân chính, tiết 3.*

- Xem *Xuân Thu Tả Truyện, Tương công năm XIV.*

¹⁷ *Chính giả chính dã (Luận ngữ XXI: 6. - Lễ ký, Ai công vấn, tiết 7)*

¹⁸ *Đại học chương X.*

¹⁹ *Đại học chương I*

²⁰ *(Trung dung, chương XXV)*

²¹ *Đại học chỉ đạo tại minh đức, tại tâm dân, tại chí ư chí thiện. (Đại học, chương I)*

...Fifth, of royal perfection. - The sovereign having established his highest point of excellence, he concentrates in himself the five happinesses, and then diffuses them so as to give them to his people... James Legge, The Shoo king, p.328.

...This amplification of the Royal perfection contains the unchanging rule, and is the great lesson: yea, it is the lesson of God. All the multitudes, instructed in this amplification of the

perfect excellence, and carrying it into practice, will approximate to the glory of the son of Heaven...

²² Xem Nguyễn Văn Thọ, *Khổng học tinh hoa*, tr.327.

²³ *...Les sacrifices par lesquels l'homme remontant à l'origine et à la source, remercie des biens recus.*

Cf. Léon Wieger, *TEXTES HISTORIQUES Chapitre II, La Grande Règle* p.29.

²⁴ *Duy Hoàng Thượng đế giáng trung vu hạ dân. Nhực hữu hằng tính khắc tuy quyết du duy Hậu. (Kinh Thư, Thang cáo). 25-Cổ viết phối Thiên (Trung dung XXX)*

-Vĩnh ngôn phối mệnh, (Kinh Thi, Đại Nhã, vãn Vượng).

²⁶ *Vật hữu bản mặt, sự hữu chung thủy (Đại học chương I).*

²⁷ XUÂN THU, TẢ TRUYỆN, Văn công năm thứ XV (Xem XUÂN THU TẢ TRUYỆN, *Conveur dịch quyển 1*, tr.531)

²⁸ Xem KINH THI, Tiểu Nhã, Kỳ phụ, Vũ vô chính, chương 3 “Hề bất tương úy, bất úy vu Thiên”.

²⁹ XUÂN THU, TẢ TRUYỆN, Văn công năm XV, *Couvreur quyển I*, tr.531.

³⁰ KINH THI, Chu tụng, thơ VII, Ngã tương, chương 3, “úy Thiên chi uy, vu thời bảo chi”.

³¹ *Vạn vật bản hồ Thiên, nhân bản hồ tổ. Thử sở dĩ phối Thượng đế dã. Giao chi tế dã, đại báo bản phản thủy dã.*

LỄ KÝ, *Giao đặc sinh*, tiết 8.

³² *Thiên sinh chương dân, hữu vật hữu tấc. Dân chi bình di, hiếu thị ý đức. - (KINH THI, Đại Nhã, Chung dân). - Xem thêm MẠNH TỬ Cáo tụng thượng tiết 1,2,3,4.*

³³ *Thiên tôn địa ti, Kiền khôn định hĩ, Cao ti dĩ trần, quý tiện vị hĩ. (DỊCH KINH, Hề từ thượng, chương I)*

³⁴ *Vạn vật quý tiện cao hạ, tiểu đại, vãn hất các hữu kỳ thể...thần nhân chế pháp thể thử vạn vật, sử cao hạ quý tiện các đắc kỳ nghi... (LỄ KÝ, Tựa)*

³⁵ Xem Dịch Kinh Đại Toàn, *Quẻ Khôn*, Ngự án.

³⁶ *Đại Học, chương IX.*

³⁷ *Luận Ngữ, Vệ Linh Công XV tiết 23.*

³⁸ *Các dịch giả Pháp gọi là La règle de la réciprocité hay là Règle d'or.*

³⁹ Đại học chương IX.

⁴⁰ Đại học chương IX.

⁴¹ Luận Ngữ, chương XII, tiết 16.

⁴² Luận Ngữ, chương XII, tiết 17,18.

⁴³ Cf. Herrlee Glessner Creel, *THE BIRTH OF CHINA*, Jonathan Capé, Thirty Bedford square London 1936, Chpter XXIV, *The enjoyment of life* pp.319 ff.

Jean A.Keim, *PANORAMA DE LA CHINE*, Hachette, 1951, Chapitrre VII, *La joie de vivre*.

44-Marcel Granet, *Fêtes et Chansons anciennes de la Chine*, Paris Librairie Ernest Lerroux, 1929.

Marcel Granet, *Danses et Legendes de la Chine Anciennes*, Paris Librairie Ernest Lerroux, 1926.

Các bài thơ trữ tình trong Kinh Thi.

Chu Nam: *Quan Thut-Quyển Nhĩ-Chung Tut-Đảo yêu-Phù dĩ-Hán quãng.*

Thiệu Nam: *Thước sào-Thái phiến-Thảo trùng-Hành lộ-Ẩn kỳ lô-Biểu hữu mai-Tiểu tinh-Dã hữu tử khuân-Hà bỉ nùng hĩ..*

Bội Phong: *Bào hữu khổ điệp- Cốc phong- bắc phong-Tình nữ*

Dung Phong: *Tang trung-Thuần chi bôn bôn-Đế đống.*

Vệ Phong: *Manh-Trúc can-Hà quãng- Mộc qua.*

Vương Phong: *Thái cát-Đại xa-Khâu trung hữu ma.*

Trịnh Phong: *Tương trọng tử-Tử vân đại lộ-Nữ viết kê minh-Hữu nữ đồng xa-Sơn hữu phù tô-Thác hề-Giảo đồng-Khiên thường-Phong-Phong vũ-Từ khâm-Dương chi thủy-Xuất kỳ đồng môn-Dã hữu man thảo-Trân, Vĩ.*

Tề Phong: *Đông phương chi nhật.*

Đường phong: *Trù Mậu-Hữu đệ chi đồ-Cát sinh.*

Tân phong: *Kiên gia-Thần phong.*

Trần phong: *Uyển khâu-Đông môn chi phần-Hoành môn-Đông môn chi trì-Đông môn chi dương-Phòng hữu thước sào-Trạch bi.*

Cối phong: *Thấp hữu trường sở.*

Tào phong: *Phù du-Hậu nhân.*

Bàn phong: *Thất nguyệt. - Đông sơn. - Phạt kha...*

Tiêu nhã: *Tình tình giả nga. - Xa hạt. - Thái lục. - Thấp tang.*

° (xin xem tiếp trang 106)

VƯỜN THƠ

Thi Đoàn Vườn Huệ Trắng phụ trách

DẶN LÒNG

Tiên Phật nơi lòng vốn chẳng xa,
Phàm vì vương vấn cõi ta bà.
Giữ tâm chân thật Thần linh chuyển,
Giữ tánh lặng yên Trí sáng là.
Ngày học Thánh Ngôn tìm bí quyết,
Đêm nghiên Thánh Giáo diệt tà.
Tử sinh thấu rõ thì lo trước,
Chớ để ngày cùn chết hóa ma.

Hồ Chánh Trực

Garden Grove 20-01-2004
Thi đàn Vườn Huệ Trắng

Họa Nguyên Vận DẶN LÒNG

Tâm Phật dặn lòng chớ tưởng xa,
Hồng trần lặn hụp chốn ta bà.
Tranh đua chẳng kể vòng tam tối,
Bừng tỉnh chồn chân vọng ý là.
Rừng Thánh rước người hiền chánh trực,
Non Thần không nhận kẻ gian tà.
Đẩn đo chọn bước đường thẳng tiến,
Giải hóa cho mình, độ cả ma !

Nhật Tân

Fontana- California
Thi đàn Vườn Huệ Trắng

HIỆP NHỨT

Bền lòng mới rõ Đạo Tam Kỳ,
Dập tắt lửa lòng, ấy tự tri.
Thần khí qui lai hườn nhứt điểm,
Đất Trời hòa hợp ấy vô vi.
Từ bi bền chặt chơn tâm hiện,
Bác ái kiên trì Phật tánh qui.
Đại Đạo hoằng khai hòa Ngũ, Giáo,(1)
Nhứt lai đàn chỉ hiệp lương tri.

Hồ Chánh Trực

Garden Grove, Jan 2, 2004

Thi đàn Vườn Huệ Trắng

(1) Ngũ Chi, Tam Giáo

Họa nguyên vận: **HIỆP NHỨT**

Qui nguyên hiệp nhứt khởi Tam Kỳ,
Phổ độ ban truyền cảm hóa tri.
Tạo hóa vận hành nền Chánh Giáo.
Nhơn quần tu học, pháp huyên vi.
Hợp Tam hoằng hóa Thiên Công định
Phục Ngũ thọ truyền Phật giải qui.
Giáo Ước lưu hành trên vạn chủng,
Bao la cảnh giới hạp toàn tri.

Nhật Tân

Fontana- California

Thi đàn Vườn Huệ Trắng

CẢM THUẬT

Từ ngày thọ lãnh chức Thiên Phong,
Lòng Đạo trau tría thấm thía lòng.
Cảnh tịnh không vinh mà chẳng nhục,
Đường đời ngại núi lại e sông.
Riêng đây đã bén mùi dưa muối,
Ai đó còn nuôi chí Học Hồng.
Vị biết cõi trần là cõi tạm,
Cần chi ngàn tứ với muôn chung.

• Thuần Đức

(tức Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu,
trích Thông Tin số 38, ngày 13-10-1971)

CẢM ĐỀ

(Kính họa vận)

Tình cờ lại gặp bậc văn phong,
Tiền bối Thời Quân trải tấm lòng.
Vui Đạo sớm hôm rèn chí Thánh,
Chán đời năm tháng thẹn non sông.
Mảnh thân đâu kể mê trần lạc,
Chơn tánh còn mong rũ bụi hồng.
Nếu phải thương đời toan cứu khổ,
Đâu màng ngàn tứ với muôn chung.

• Quang Thông

(06-2003)

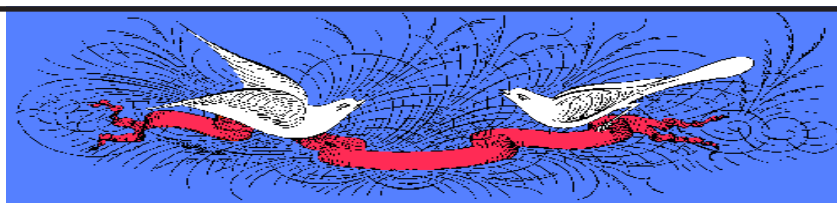
HÒA ÁI LIÊN GIAO

HT Bùi Đông Phương

Chư Tiên Khai hy sinh phụng sự,
Dựng cơ đồ vinh dự Đạo Trời.
Tuy chưa chói rạng nhiều nơi,
Vì nhân hòa và thiên thời chưa thông.
Nay địa lợi ân hồng chuyển hóa,
Chờ ngày vui hiệp cả ngoài trong,
Tạo cơ thể đạo đại đồng,
Hành trình dục tấn anh phong chí hùng.
Từng chứng nghiệm thiên tòng thiện nguyện,
Thuở loạn ly nguy biến ngập trời,
Duyên lành đã được đổi đời,
Ấy là ân phước Cha Trời thưởng ban.
Cơ chuyển thế vinh quang hội lớn,
Ngươn thái hòa khắp chốn vẫy vùng.
Đó đây chẳng ngại lao lung,
Hiến dâng kiếp tạm tương phùng cảm thông.
Trước đã nguyện hiệp đồng huynh đệ,
Thuận nhân tâm làm thế vạn năng.
Hở môi e bị lạnh răng,
Cùng chung bó đuốc khó khăn chi mà.
Tâm nguyện theo Mẹ Cha lập hạnh,
Nhớ nguồn xưa từ cảnh hư linh.
Nguyên căn phải chí tận tình,
Học thông Đạo Cả quyền kinh độ đời.
Người với ta tánh trời bốn thiện,
Khác nhau vì dịch biến đổi thay.
Chuyển luân phiêu bạt lâu ngày,
Quên nguồn quên cội khó quày bước chân.

Thầy Mẹ thương ban ân lập Đạo,
Dạy nên hiền thiện hảo thảo ngay.
Luyện trau tâm hạnh đức tài,
Phụng hành chơn Đạo hòa hài quy nguyên.
Chỉ một kiếp chăm siêng tu học,
Lập quả công báo bọc đồng sanh.
Nêu cao gương sáng hạnh lành.
Thì Thầy Mẹ đã sẵn dành vị ngôi.
Thương Mẫu Từ bồi hồi tựa cửa,
Nớ con trần hồng bữa ngóng trông.
Trẻ ngoan chung hiệp hòa đồng,
Đỡ nâng dìu dắt thoát vòng trầm luân.
Xin cố gắng quây quần nhau lại,
Hương về nguồn lòng mãi khắc ghi.
Qua rồi phân biệt ngại nghi
Dung hòa tổng hợp huyền vi Đạo Trời.
Lòng bao dung rạng ngời quảng đại,
Là bản căn hòa ái kiên giao.
Tình thương đạo đức nâng cao,
Rước đưa khách tục cùng vào thiên môn.
Trên các Đấng độ hồn tiến hóa,
Ban huyền linh giải quả tiên khiên,
Cao-Đài cộng hiệp Nhân Thiên,
Hội Ngươn Trần Hạ Trường Miên Thái Hòa.

HT Bùi Đông Phương



CHUÛC MÖØNG

Nhận được hồng thiệp của HiềnHuynh CTS Phạm Phường
ngụ tại thành phố Garden Grove ,California, báo tin Lễ Vu
Quy cho con là:

Phạm Thị Mỹ Trinh

Thứ Nữ

sánh duyên cùng con của Ông BàNguyễn Tâm Tỷ, cư ngụ
tại Santa Ana , California là:

Nguyễn Tâm Quang

Thứ Nam

Hôn lễ~ được cử hành lúc 9 giờ sáng ngày Thứ Bảy 25-09-
2004 (nhằm ngày 12-08- Giáp Thân) tại tư gia tại thành
phốGarden Grove, California.

Xin chân thành chung vui cùng hai họ và chúc Cô Dâu
Chú Rể:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

Châu Đạo California

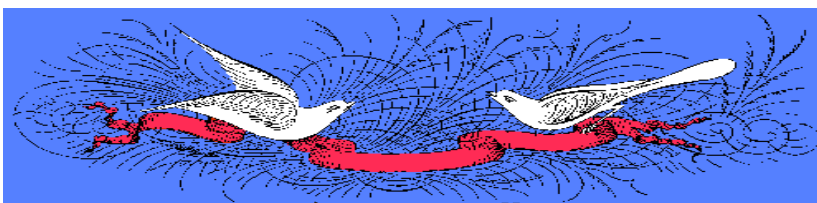
Tộc Đạo & ĐTPM Orange

Tộc Đạo San Diego.

Đại Đạo Thanh Niên Hội California

Ban Thế Đạo Nam California.

Tập San Thế Đạo.



CHUỘC MÖÖNG

Nhận được hồng thiệp của Hiền Tỷ góa phụ CTS Đỗ Bãy
nhũ danh Nguyễn Thị Rau ngụ tại thành phố Cypress , Cali-
fornia, báo tin Lễ Thành Hôn cho con là:

MICHAEL ĐỒ

Thứ Nam

sánh duyên cùng con của Ông Bà Liêu Mậu, cư ngụ tại
Orange , California là:

TANYA LIÊU

Trưởng Nữ

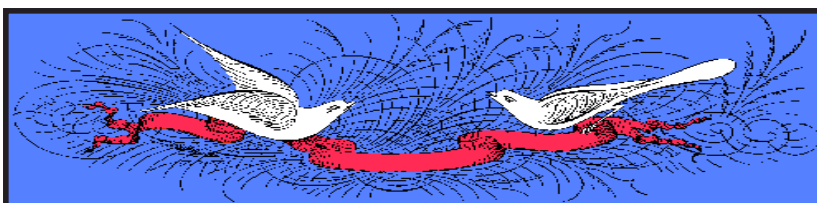
Hôn lễ được cử hành lúc 9 giờ sáng ngày Thứ Bảy 11-09-
2004 (nhằm ngày 27-07 Giáp Thân) tại tư gia tại thành
phố Orange, California.

Xin chân thành chung vui cùng hai họ và chúc Cô Dâu
Chú Rể:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

**Châu Đạo California
Tộc Đạo & ĐTPM Orange**

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập-San Thế-Đạo
Ban Thế Đạo Nam California**



CHUÛC MÖØNG

Nhận được hồng thiệp của Hiền Tỷ Nguyễn Thị Thu Hồng cư ngụ tại Anaheim, California báo tin Lễ Vu Quy cho con là:

CHƯƠNG THÁI

Thứ Nữ

sánh duyên cùng con của Bà Elizabeth Escareal, cư ngụ tại Long Beach, California là:

CHRISTIAN LAZARO

Thứ Nam

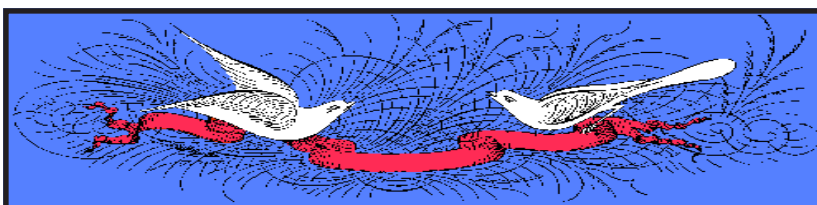
Hôn lễ được cử hành lúc 10 giờ sáng ngày 05-09-2004 (nhằm ngày 21-07 Giáp Thân) tại tư gia tại thành phố Anaheim, California.

Xin chân thành chung vui cùng hai họ và chúc Cô Dâu Chú Rể:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

**Châu Đạo California
Tộc Đạo, Thánh Thất & ĐTPM Orange
Tộc Đạo San Diego
Đại-Đạo Thanh Niên Hội California.**

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập-San Thế-Đạo
Ban Thế Đạo Nam California**



CHUÛC MÖÖNG

Nhận được hồng thiệp của Hiền Tỷ và Hiền Huynh HT Hồ Xưa ngụ tại San Jose, California báo tin Lễ Vu Quy cho con là:

HỒ THẢO TRANG

Trưởng Nữ

sánh duyên cùng con của Bà Quả phụ Trương Thanh Trĩ nhũ danh Trần Thị Ngọc Vui ngụ tại thành phố Westminster California là:

TRƯƠNG TRỌNG NHÂN

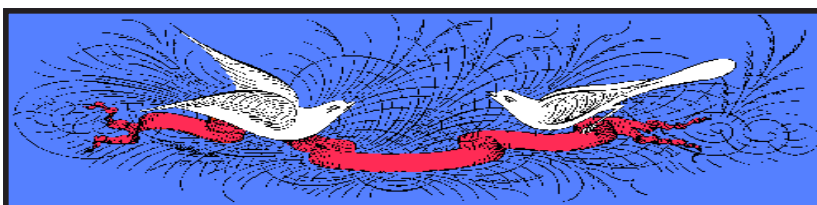
Thứ Nam

Hôn lễ được cử hành lúc 10 giờ sáng ngày Thứ Bảy 21-08-2004 (nhằm ngày 06-07 Giáp Thân) tại tư gia tại thành phố San Jose , California.

Xin chân thành chung vui cùng hai họ và chúc Cô Dâu Chú Rể:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

Ban Thế Đạo Hải Ngoại Châu Đạo California.
& Tập San Thế Đạo Tộc Đạo & ĐTPM Orange.
Ban Thế Đạo Bắc California Tộc Đạo Santa Clara
Ban Thế Đạo Nam California Điện Thờ Phật Mẫu San Jose
Đại Đạo Thanh Niên Hội California



CHUÛC MÖØNG

Nhận được hồng thiệp của Hiền Huynh CTS Nguyễn Văn Hai và Hiền Tỷ CTS Nguyễn Thị Trắc thuộc Thánh Thất Westminster báo tin Lễ Thành Hôn cho con là:

NGUYỄN TRUNG CHÁNH

Trưởng Nam

sánh duyên cùng con của Ong Bà Võ Văn Anh ngụ tại Garden Grove, California là:

VÕ LAN CHI

Trưởng Nữ

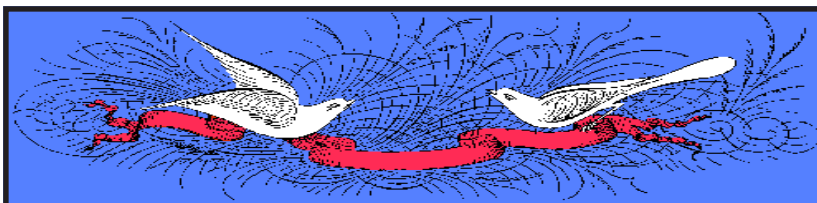
Hôn lễ được cử hành lúc 10 giờ sáng ngày Thứ Bảy 21-08-2004 (nhằm ngày 06-07 Giáp Thân) tại tư gia tại thành phố Garden Grove , California.

Xin chân thành chung vui cùng hai họ và chúc Cô Dâu Chú Rể:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

Ban Thế Đạo Hải Ngoại
& Tập San Thế Đạo
Ban Thế Đạo Bắc California
Ban Thế Đạo Nam California

Châu Đạo California.
Tộc Đạo & ĐTPM Orange.
Tộc Đạo Santa Clara
Tộc Đạo San Diego



CHUỘC MÖÔNG

Nhận được hồng thiệp của Hiền Tỷ CTS Nguyễn Kim Ngọc ngụ tại Garden Grove, California, báo tin lễ Thành Hôn cho con là:

NGUYỄN MINH TRƯỜNG

Út Nam

sánh duyên cùng con của Ông Trần Văn Tỷ ngụ tại Đồng Tháp, Việt-Nam là:

TRẦN ĐAN VY

Út Nữ

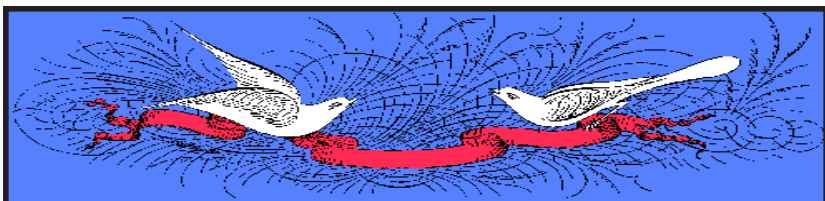
Hôn lễ được cử hành lúc 9 giờ 30 sáng ngày Thứ Bảy 24-07-2004 (nhằm ngày 08-06 Giáp Thân) tại tư gia tại thành phố Perris , California.

Xin chân thành chung vui cùng hai họ và chúc Cô Dâu Chú Rể:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

Ban Thế Đạo Hải Ngoại
& Tập San Thế Đạo
Ban Thế Đạo Bắc California
Ban Thế Đạo Nam California

Châu Đạo California.
Tộc Đạo & ĐTPM Orange.
Tộc Đạo San Diego



CHUÛC MÖÖNG

Nhận được hồng thiệp của Ông Bà Cựu Đại Tá Tạ Thành Long ngụ tại Garden Grove, California, báo tin lễ Thành Hôn cho con là:

Tạ Thành Long Quốc Ân

Thứ Nam

sánh duyên cùng con của Ông Bà Phan Chí Cang ngụ tại Lauderdale, Florida là:

Phan Chi Đào

Thứ Nữ

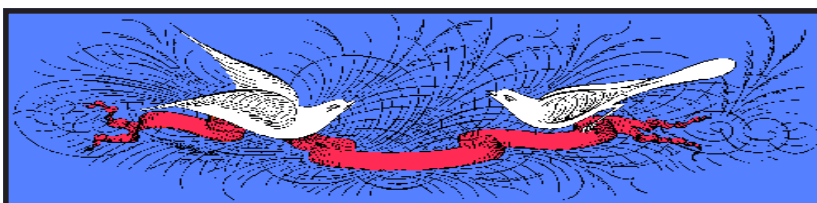
Hôn lễ được cử hành lúc 09 giờ sáng ngày Thứ Bảy 17-07-2004 (nhằm ngày 01-06 Giáp Thân) tại tư gia tại thành phố Garden Grove , California.

Xin chân thành chung vui cùng hai họ và chúc Cô Dâu Chú Rể:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

Ban Thế Đạo Hải Ngoại
& Tập San Thế Đạo
Ban Thế Đạo Bắc California
Ban Thế Đạo Nam California

Châu Đạo California.
Tộc Đạo & ĐTPM Orange.
Tộc Đạo San Diego
Tộc Đạo Santa Clara



CHUỖC MÖÖNG

Nhận đợc hồng thiệp của Hiền Huynh Nguyễn Văn Minh và Hiền Tỷ Nguyễn Kim Nhanh ngụ tại Santa Ana báo tin lễ Vu Quy của con là:

Nguyễn Thị Kim Thanh

Trợng Nữ

sánh duyên cùng con của Ông Bà Phan Minh Tài ngụ tại San Jose, California là:

Phan Quốc Định

Thứ Nam

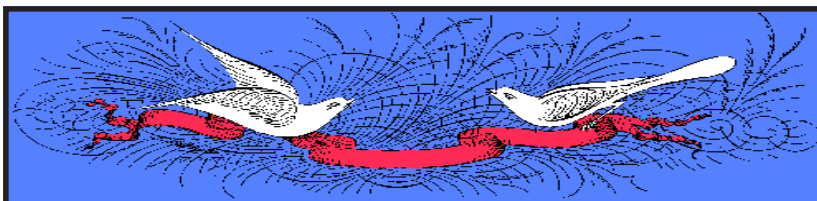
Hôn lễ đợc cử hành lúc 12 giờ trưa ngày Thứ Bảy 19-06-2004 (nhằm ngày 02-05 Giáp Thân) tại tư gia tại thành phố Santa Ana, California.

Xin chân thành chung vui cùng hai họ và chúc Cô Dâu Chú Rể:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

Ban Thế Đạo Hải Ngoại
& Tập San Thế Đạo
Ban Thế Đạo Nam California

Châu Đạo California.
Tộc Đạo & ĐTPM Orange.
Tộc Đạo San Diego



CHUÛC MÖÖNG

Nhận được hồng thiệp của Ông Bà Lê Văn Hiệu ngụ tại Westminster, California báo tin lễ Vu Quy cho con là:

LÊ MAI KAREN

Thử Nữ

sánh duyên cùng con của Ông Bà Conti, Flora ngụ tại Roma, Italy là:

CONTI, CLAUDIO

Thử Nam

Hôn lễ~ được cử hành lúc 10 giờ sáng ngày Thứ Bảy 29-05-2004 (nhằm ngày 11-04- Giáp Thân) tại tư gia tại thành phố Westminster,, California.

Xin chân thành chung vui cùng hai họ và chúc Cô Dâu Chú Rể:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

Châu Đạo California.

Tộc Đạo & ĐTPM Orange.

Tộc Đạo San Diego

Đại-Đạo Thanh Niên Hội California.

Tây Ninh Đồng Hương Hội

Ban Thế Đạo Nam California.

Tập San Thế Đạo.

SINH HOẠT

ĐẠI ĐẠO THANH NIÊN HỘI

QUẬN HỘI SANTA CLARA , CA

Vào ngày Chủ Nhật 27-06-2004 Đại-Đạo Thanh Niên hội Santa Clara đã làm **lễ Bế Giảng khóa 7 Trường Việt Ngữ Đại-Đạo và Picnic Hè 2004 tại Emma Prusch Farm Park, San Jose, California.**

Buổi lễ đã bắt đầu vào lúc 10.30 giờ sáng và hiện diện trong buổi lễ chúng tôi nhận thấy có đông đủ đại diện của các cơ-sở Đạo tại San Jose, CA.

Mở đầu ,Huynh Trần Minh Thành,Hội Trưởng Đại-Đạo Thanh Niên Hội Santa Clara đã lên trình bày cùng đồng đạo tham dự buổi lễ về khóa 7 Trường



Việt Ngữ Đại Đạo. Đại cương, khóa 7 này có tất cả là 43 em theo học chia ra làm 6 cấp:

Cấp 1 có 14 em, cấp 2 có 7 em nhưng đến cuối khóa chỉ còn có 3 em, cấp 3 có 6 em, cấp 4 có 4 em, cấp 5 có 7 em, cấp 7 có 5 em.

Sau phần trình bày của Huỳnh Thành, kế tiếp lần lượt là phần phát biểu cảm tưởng của HH CTS Nguyễn Văn Rài, Q. Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara, HTỷ HT Nguyễn Kim Linh, Q. Quản Tộc Điện Thờ Phật Mẫu San Jose.

Tiếp theo chương trình là phần phát thưởng cho các em học sinh xuất sắc, phần phát biểu của đại diện học sinh và phần phát biểu của đại diện phụ huynh học sinh.

Đến trưa là phần ăn trưa, giải lao, đồng đạo hàn huyên tâm sự với nhau và thanh niên Đại Đạo sinh hoạt vui chơi.

Buổi lễ bế giảng khóa 7 Trường Việt Ngữ Đại Đạo và Picnic Hè 2004 của Đại Đạo Thanh Niên Hội Quận Hội Santa Clara đã thành công rực rỡ và được chấm dứt vào lúc 16 giờ cùng ngày với hơn 100 đồng đạo tham dự.

**ĐỌC và CỔ ĐỘNG
TẬP SAN THẾ ĐẠO**



HH Trần Minh Thành, Hội Trưởng ĐĐTNH Santa Clara trình bày thành quả Khóa 7 Trường Việt Ngữ Đại Đạo San Jose.



Các em học sinh sắp hàng lãnh thưởng



CTS Nguyễn Văn Rài, Q. Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara
phát biểu cảm tưởng



Một góc hình ảnh đồng đạo tham dự buổi lễ

Bước Đầu Tìm Hiểu ĐẠO CAO ĐÀI

Sưu tầm tài liệu để biên soạn loạt bài về “Bước Đầu Tìm Hiểu Đạo Cao Đài”, chúng tôi có một ước vọng nho nhỏ là có thể giúp ích được cho một vài quý vị muốn tìm hiểu sơ lược về Đạo Cao Đài. Chỉ cần khoảng thời gian rất ngắn là có thể có một khái niệm về nền Đại Đạo này, đến nay chỉ mới vừa được 79 tuổi, nhưng đã được Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tiên tri nguồn hội kéo dài đến thất ức niên, tức 700 000 năm (bảy trăm ngàn năm).

Ngoài ra, tập sách nhỏ này cũng có thể giúp đỡ cho những tín hữu mới nhập môn và không có điều kiện thời gian để đọc nhiều sách Đạo.

Vì khả năng còn hạn chế, chúng tôi không thể tránh được những sai sót trong lúc biên soạn. Kính mong Quý Đồng Đạo chỉ cho những chỗ sai sót để chúng tôi có điều kiện học hỏi thêm.

Hiên tài Nguyễn Trung Đạo

Bài số 8 : **DÂNG TAM BỬU** **Bí Pháp Giải Thoát Luân Hồi**

I.- CÁCH CẦU NGUYỆN KHI DÂNG TAM BỬU

Dâng Tam Bửu là dâng 3 món quý báu của mình cho Đức Chí Tôn, đó là :

Tinh, Khí, Thần

Tinh là *Thể xác*, là Mảnh hình hài, được tượng trưng bằng *Hoa*.

Khí là *Chơn thần*, là Trí não, là Trí thức Tinh thần,

được tượng trưng bằng *Rượu*.
Thân là *Linh hồn*, là *Chơn linh*, được tượng trưng
bằng *Trà*.

Trước khi đi sâu vào vấn đề, chúng tôi xin được phép nhắc qua khái niệm về *Tam Thể Xác Thân*, vì khái niệm này có liên quan mật thiết đến bài *Dâng Tam Bửu*. Như chúng ta đã biết, mỗi người trong chúng ta sống nơi cõi phàm trần này đều có 3 thể xác thân :

- **Đệ Nhất Xác Thân** là xác thân phàm trần, bằng xương bằng thịt, do Cha Mẹ phàm trần ban cho, hữu hình và hữu sanh hữu tử, thường được gọi là *Phàm thân*, hình thể, thể xác, xác phàm, xác thân, *Mảnh hình hài*,...

- **Đệ Nhị Xác Thân** còn gọi là *Chơn thân*, là xác thân thiêng liêng, bằng khí chất, do Đức Phật Mẫu ban cho, bán hữu hình vì thường thường không thấy được nhưng cũng có khi thấy được, và thông thường là bất tiêu bất diệt. Chơn thân bao bọc lấy xác phàm như khuôn bao bọc, để bảo tồn sự sống cho xác phàm, và có hình ảnh giống xác phàm như khuôn in rập. Chơn thân liên lạc với xác phàm nhờ bởi 7 dây từ khí, gọi là 7 dây oan nghiệt. Chơn thân có nhiệm vụ gìn giữ xác phàm đặng trọn bước trên đường tiến hóa, và là chủ của thất tình lục dục.

- **Đệ Tam Xác Thân** còn gọi là *Chơn linh* hay *Linh hồn*, do Đức Chí Tôn ban cho, vô hình và bất tiêu bất diệt. Chơn linh ở trong Chơn thân, ngự tại tim của xác phàm, bảo tồn sự sống cho xác phàm. Chơn linh điều khiển xác phàm qua trung gian của Chơn thân, như người đánh xe điều khiển con ngựa qua trung gian của đồ bắc kè.

Dâng Hoa tượng trưng cho dâng *Thể xác*, tức là **Tinh** (đệ 1 xt).

Dâng Rượu tượng trưng cho dâng *Chơn thân*, là **Khí** (đệ 2 xt).

Dâng Trà tượng trưng cho dâng *Linh hồn*, tức là **Thần** (đệ 3 xt).

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển I, trang 53, Đức Chí Tôn có dạy :

“ Còn Cổ lễ cúng thì :
- Rượu là KHÍ
- Bông là TINH
- Trà là THẦN “

Trong quyển Bí Pháp (Bản in tại Hoa Kỳ), nơi trang 89-90, Đức Hộ Pháp có dạy như sau :

- Hễ đưa Bông lên là dâng Hình thể ta đó, ta cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn : “Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

- Khi dâng Rượu thì cầu nguyện : “Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

- Khi dâng Trà thì cầu nguyện : “Con xin dâng cả Linh hồn con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

Câu chót, nếu chúng ta khôn ngoan thì niệm như vậy : “Cả Linh hồn, cả Trí não, cả Hình hài con, Thầy đào tạo, đó là của Thầy thì do nơi quyền hành độc đoán của Thầy định”.

Tóm lại, Tam Bửu (còn gọi là Tam Bảo) là 3 món quý báu.

- Tam Bửu của Đức Chí Tôn là : Phật, Pháp, Tăng.

- Đất có Tam Bửu là : Phong, Hỏa, Thủy.

- Trời có Tam Bửu là : Nhật, Nguyệt, Tinh.

Khai Đạo Kỳ Ba, Đức Chí Tôn giao cho 3 Vị Tướng Soái Hiệp Thiên Đài nắm giữ Tam Tài là Thiên, Địa, Nhơn :

Đức Cao Thượng Phẩm tuổi **Tý** (**Thiên** khai ư Tý)

Đức Cao Thượng Sanh tuổi **Sửu** (**Địa** tịch ư Sửu)

Đức Phạm Hộ Pháp tuổi **Dần** (**Nhơn** sanh ư Dần).

Ngoài ra, Đức Chí Tôn còn giao cho các Vị Đâu Sư đầu tiên (của Cửu Trùng Đài) bảo quản Tam Bửu của Trời là Nhật, Nguyệt, Tinh :

Đâu Sư Thượng Trung **Nhật** (về sau là Q.Giáo Tông)

Đâu Sư Ngọc Lịch **Nguyệt**

Đâu Sư Thái Minh **Tinh** và Đâu Sư Thái Nương **Tinh**.

- Người có Tam Bửu là : *Tinh, Khí, Thần*. Nhờ có *Tinh, Khí, Thần*, mà con người có thể luyện đạo để trở thành Tiên, Phật, đắc đạo tại thế, nhưng muốn luyện Đạo có kết quả trước nhất phải có đủ Tam Lập là Lập Đức, Lập Công và Lập Ngôn (theo lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp) . Mà muốn có đủ Tam Lập không gì hay hơn là Phổ độ chúng sanh như lời Thánh Giáo Đức Chí Tôn sau đây :

“Trong các con có nhiều đứa lầm tưởng hễ vào Đạo thì phải phé hết nhơn sự, nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng có một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u nhàn mà ẩn thân luyện Đạo. Thầy nói cho các con biết : nếu công quả chưa đủ, nhơn sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong.

Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao” (TNHT, Q1, trg 81).

II.- Ý NGHĨA CÁC BÀI DÂNG TAM BỬU

Dâng *Hoa*, dâng *Rượu*, và dâng *Trà* là một hình thức kính lễ tượng trưng cho nghi tiết về phần hữu vi, để tỏ lòng thành kính với Đức Chí Tôn. Quan trọng là về phần tinh thần, phần vô vi. Về phần vô vi thì :

* ***Dâng Hoa*** là tượng trưng cho dâng ***Thế xác*** của mình cho Chí Tôn. Theo lời dạy của Đức Hộ Pháp thì khi dứt bài thài Dâng Hoa, mình cúi đầu cầu nguyện : *“Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”*. Mình dâng mảnh hình hài của mình cho Chí Tôn thì nó không còn là của mình nữa ; nó đã được Chí Tôn đào tạo thì nay *“do quyền hành độc đoán của Chí Tôn định”*. Mình dâng mảnh hình hài của mình cho Chí Tôn là dâng luôn cả tiền căn nghiệp chướng của mảnh hình hài từ nhiều kiếp trước, nguyện lấy âm đức kiếp này mà lập công chuộc tội. Kinh Tang Lễ có câu *“Ơn Tạo hóa tha tiền khiên trước”*. Nếu được Chí Tôn chấp nhận từ lòng

thành kính của mình, thì mình đã đạt được *cơ giải thoát* như Đức Hộ Pháp đã dạy trong Quyển Bí Pháp. Do đó, những bài Dâng Tam Bửu là rất quan trọng trong thời cúng. Muốn được Chí Tôn chấp nhận, chúng mình phải làm sao cho xứng đáng, thí dụ như sử dụng mảnh hình hài mình để hoàn thành hai câu nguyện đầu là : *Nhứt nguyện Đại Đạo hồng khai, Nhì nguyện phổ độ chúng sanh*. Vậy chúng ta phải thường xuyên kiểm điểm lại coi mình đã làm được những gì để góp phần vào công việc hồng khai Đại Đạo và phổ độ chúng sanh. Mảnh hình hài được tượng trưng bằng Bông Hoa để dâng lên Đức Chí Tôn, vì Đức Chí Tôn muốn cho xác thân của con cái *Đức Ngài* được xinh đẹp và tươi thắm như “*Năm Sắc Hoa tươi*”. Việc dùng Hoa để tượng trưng cho thể xác còn trùng hợp với truyền thuyết trong truyện Tàu : Na Tra nhờ sư phụ là Thái Ất Chơn Nhơn dùng bông sen, cọng sen, lá sen tạo thành hình hài xác thịt, sau khi Na Tra tự chặt tay, lóc thịt, mổ bụng chết trước mặt Ngao Quảng Long Vương để đền tội giết chết Ngao Bình và Lý Lương.

* **Dâng Rượu tượng trưng cho dâng Trí thức Tinh thần** (tức *Trí Não*, hay *Chơn thần*) của mình cho Chí Tôn. Theo lời dạy của Đức Hộ Pháp thì khi dứt bài dâng Rượu, mình cúi đầu cầu nguyện : “*Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng*”. Khi dâng Tam Bửu, Chơn thần được tượng trưng bằng Rượu vì Đức Chí Tôn muốn cho Chơn thần của con cái *Đức Ngài* được cường liệt như Rượu mạnh vậy. Mình dâng cả trí thức tinh thần cho Chí Tôn tức là mình nguyện đem hết *trí não* thông minh của mình mà phụ lo vào công việc hồng khai Đại Đạo và Phổ Độ chúng sanh. Dâng trí thức tinh thần cho Chí Tôn, mình cầu xin Chí Tôn ban ân điển cho tinh thần được mãn huệ, trí não được sáng suốt để góp phần hiệu quả vào công việc hồng khai Đại Đạo và Phổ Độ chúng sanh, và cầu xin cho toàn thể nhơn sanh tai qua nạn khỏi và được giải thoát.

* **Dâng Trà là tượng trưng cho dâng cả Linh hồn** của mình cho Chí Tôn. Theo lời dạy của Đức Hộ Pháp thì khi dứt bài thài Dâng Trà, mình cúi đầu cầu nguyện : “*Con xin dâng cả*

Linh hồn con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”. Khi dâng Tam Bửu, Linh hồn được tượng trưng bằng Trà vì Đức Chí Tôn muốn cho Linh hồn của con cái Đức Ngài được điều hòa và thơm tho như hương vị của Trà. Dâng Trà là dâng Bửu sau cùng, mình nên cầu nguyện chung cho 3 Bửu : “Cả Linh hồn, cả Trí não, cả Hình hài con, Thầy đào tạo, đó là của Thầy thì do nơi quyền độc đoán của Thầy định”.

Dâng Rượu và Dâng Trà là dâng cả Chơn thần và Linh hồn của mình lên Đức Chí Tôn. Nhờ điển lực của Đức Hộ Pháp và chư Chức Sắc Hiệp Thiên Đài mà Chơn thần và Linh hồn của mình được chuyển lên hưởng Bát Quái Đài để cho Đức Chí Tôn và các Đấng dạy dỗ và ban ân điển cho được mãn huệ và tinh tấn.

Trong quyển Lời Thuyết Đạo (trang 15), Đức Hộ Pháp có dạy : “Mấy em có thấy đâu khi vô Đền Thánh, ... Qua đứng trên Ngai lấy hết tư tưởng của mấy em cầu kinh, Qua ôm hết dâng lên cho Đức Chí Tôn, dâng đây không phải là tiếng thường, ấy là cái Thiên Thiệu, Ngài hưởng rồi Ngài trả lại cho mấy em cái Thiên Tinh... Qua đứng trên Ngai, Qua thấy trên Nê Hoàn Cung của mấy em, nếu định tâm, thì có một hào quang xung lên đều đều, mọi người đều có cả hào quang đó. Có một vị Phật ôm hết đem vào Bát Quái Đài, hiệp với đạo hào quang trong Quả Càn Khôn đoạn đem trở ra bao trùm chỗ ngồi của mấy em, mà mấy em không thấy được, cho nên khi mấy em hầu lễ, nếu biết hưởng cái ơn Thiêng Liêng ban cho đó thì tinh thần được an tịnh, hạnh phúc biết bao nếu biết thọ hưởng cái hồng ân đó...”. Do đó, khi cúng chúng ta được hưởng nhiều điển lành là vậy. Và cũng do đó mà Đức Hộ Pháp đã nói (cũng trong quyển Lời Thuyết Đạo, trang 222) : “Buổi ăn của Linh hồn là buổi ta vô Đền Thờ cúng đấy... Mỗi phen đi cúng tức là cho Linh hồn ăn vậy”.

III.- BÍ PHÁP GIẢI THOÁT LUÂN HỒI

Dâng Tam Bửu lên Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu là Bí Pháp giải thoát cho mỗi Tín đồ.

Đức Chí Tôn dạy chúng ta Dâng Tam Bửu của chúng ta là *Tinh, Khí* và *Thần*, tức *Thể xác, Chơn thần* và *Linh hồn*, lên *Đức Chí Tôn* để *Đức Chí Tôn* lấy đó mà làm phương tiện Phổ Độ chúng sanh, làm phương tiện phụng sự Vạn Linh, phụng sự cho công cuộc tiến hóa của chúng sanh. Hơn thế nữa, khi đã dâng cả *Thể xác*, cả *Chơn thần*, cả *Linh hồn* cho *Chí Tôn*, thì chúng nó không còn là của mình nữa. Như vậy những tội tình oan nghiệt mà mình đã phạm phải từ trước đến giờ mình không hiểu, mình không biết, mình không còn trách nhiệm nữa, miễn là mình đừng làm trái mặt luật của Đức Ngài định, thì không thể buộc tội mình được, như vậy *mình đã đạt được cơ giải thoát*.

Đức Chí Tôn bảo chúng ta dâng Tam Bửu cho Đức Ngài là một cách gián tiếp *Đức Ngài* đem *Bí Pháp Giải Thoát Luân Hồi* giao cho chúng ta, vì theo Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, trong Quyển Bí Pháp trang 44-45-46 (Bản in tại Hoa Kỳ), Đức Hộ Pháp có giảng như sau :

Đức Chí Tôn “*Ngài biểu chúng ta hiến ba món báu trong mình chúng ta là Tam Bửu :*

- 1.- *Xác Thịt*
- 2.- *Trí Não*
- 3.- *Linh hồn*

Tức nhiên thân thể và phàm thể của chúng ta, Đức Chí Tôn biểu chúng ta hiến cho Ngài dâng Ngài phụng sự cho Vạn Linh.

Chúng ta thấy gì ? Mỗi ngày chúng ta kêu Đức Chí Tôn làm chứng, kêu Tam Giáo làm chứng, giờ phút này con nguyện dâng cả xác thịt, trí não và linh hồn của con cho Thầy dâng Thầy làm lợi khí mà phụng sự cho Vạn linh. Hễ dâng rồi thì còn gì của mình nữa, có trả nợ tiền khiên chớ không có tạo.

Ngày kia mình có thể nói, mỗi hành tàng của con làm, con đã tạo, con giao cả trong tay Đại Từ Phụ, quyền hạn xử định do nơi tay Thầy, chớ con không biết.

Mình giao cả hình hài đó cho Ngài sử dụng, nếu thật sự có gì không hay xảy tới cho mình, mình không hiểu, mình giao cả thân thể mình cho Đức Chí Tôn, dâng Đức Chí Tôn phụng sự cho Vạn linh, quyền sử dụng ấy do Đức Chí Tôn quyết định, mình đừng làm trái với mặt luật của Ngài định.

Ấy vậy, mỗi ngày, từ mơi tới trưa, đến chiều, từ chiều đến khuya, từ khuya đến sáng, mình vô Đền Thánh kêu Đức Chí Tôn, kêu Tam Giáo và các Đấng Thiêng liêng mà phân chứng trước. Thân tôi không còn là của tôi nữa, tôi đã hiến cho Đức Chí Tôn làm tôi tớ cho Vạn linh thay thế Đức Chí Tôn, giờ phút đó, chúng ta không biết tội nào của chúng ta đã làm, dầu có tội mà chúng ta không làm điều gì thêm nữa, thì quả kiếp ấy tiêu diệt, cơ quan giải thoát chúng ta đoạt, không thể gì định tội được.

Đức Chí Tôn biểu chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đoạt được Cơ Giải thoát.

Quyền ấy chính là của ta, chứ không phải của Đức Chí Tôn. Lấy quyền của ta mà cho ta, mình đã định quyền cho mình, chứ không phải Ngài định. Ngài định cho có quyền giải thoát, quyền thiêng liêng không có tạo, chính ta tạo quyền giải thoát đó do nơi ta mà thôi.”

Ngoài những lời dạy trên của Đức Hộ Pháp, Kinh Di-Lạc cũng có nói : nếu người tín đồ Cao Đài thuần thành giữ đúng luật Đạo thì sẽ được Giải Thoát Luân Hồi. Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật thuyết Di Lạc Chơn Kinh có dạy : “*Tùng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, tất đắc giải thoát luân hồi, đắc lộ Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn*”.

GHI CHÚ :

Cúng Thời ngày thường chỉ dâng có một Bửu thì nguyện theo Bửu ấy :

6 giờ sáng hoặc chiều cúng Trà thì dâng *Linh hồn*,
12 giờ khuya hoặc trưa cúng Rượu thì dâng *Chơn thân*. Trí

não (hay Trí thức và Tinh thần) tượng trưng cho Chơn thân.

Cũng trong quyển Bí Pháp, trang 68, Đức Hộ Pháp có dạy như sau :

“Ngộ nghĩnh thay chúng ta nên để ý điều này. Đức Chí Tôn biểu chúng ta mỗi ngày phải dâng ba món ấy : ba món trọng hệ hơn hết là Tinh, Khí, Thần. **Thường ngày chúng ta chỉ lấy Khí, Thần dâng mà thôi, còn Tinh thì Tiểu Đàn hay Đại Đàn mới có.** Ngài chán biết thi hài của chúng ta chẳng phải do ta làm chủ nếu đòi quả quyết nó thì nó đi đặng phụng sự cho Vạn Linh thì không có làm gì được, nên Ông không buộc mà để cho nó có quyền tự do định phận của nó. Nội bao nhiêu đó chúng ta cũng ngó thấy cái lòng Đại Từ Đại Bi của Ngài đến thế nào. Thể chất kia mà Ngài không ràng buộc không ép bức để cho nó định phận, tưởng coi ai có nhân từ đến mức đó không”.

Hết

(Tiếp theo trang 79)

⁴⁵ Xem Hồng phạm cửu trụ (trong KINH THU) nơi tiết Hoàng Cực.

⁴⁶ Thành giả thiên chi đạo dã. Thành chi giả nhân chi đạo dã. (Trung Dung chương XX)

-Thành giả...Thung dung trung đạo. (Trung Dung chương 20)

⁴⁷ Đại học chi đạo tại mình mình đức, tại tâm dân, tại chí ư chí thiện. (Đại học chương 1).

Nhân, nhân tâm dã (mạnh Tử, Cáo tử chương cú thượng tiết 11)

⁴⁹ Xem Kinh Thư. - Duyệt mệnh thượng, tiết 5,6.

⁵⁰ Xem Lễ ký nguyệt lệnh.

⁵¹ Luận Ngữ, XII, 16.

⁵² Đại học chương X. - Luận ngữ: XIII, 9.

⁵³ Đại học I.

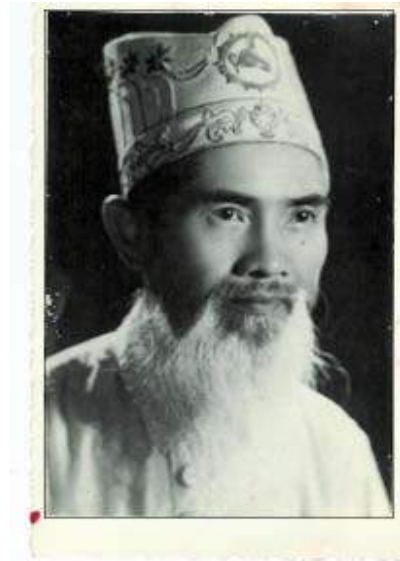
⁵⁴ Đại học chương I,

Hồng phạm cửu trụ: “Ngũ viết Hoàng cực.”

Bị chú. Bài này một phần lớn đã được trích ra từ 2 quyển: Khổng Học Tinh Hoa và Chân Dung Khổng Tử của tác giả.

Hết

và cắt bảy dây Can Nghiết cũng như Ngũ Nhạc cho hàng Chử Saéc Nam cũng như Ngũ Nhạc Chí Tôn còn dây Ngũ Nhạc Phụng táo Thuyền Bát Nhã và sắp đặt nghi lễ Chử Thuyền (Chử hầu và chử rĩa).¹



Ngài Hồ Bảo Đạo (mặc Tiểu Phục)

Vôùi lòng Tôn Bì vô biên vô lốing, Ngũ Nhạc Chí Tôn còn cho lờn rờng của Ngũ Nhạc và bảì bảì hết những khổ hình rĩa rĩa rĩa tở xỏ rĩa giớ nôi của Thập Niết Diêm Cung rĩa cho các Chôn hoàn kẻ tở nay, chiếu Luật vay trả, chẻ phải chừ luân hoài vay vay, trả trả cũ tại một thế này cho rĩa khi rỏ sảich hết can khiên thì sẽ rĩa ân thớing.

Trong bảì Kinh cùng Ngũ Nhạc Mẫu cũ rĩa nhỏ sau:

*"Trùng hân phúc vô, Thiên môn,
 Nguyên Linh, Hòa chuông, Quê hoàn nhứt thàng.
 Vô siêu rĩa quai cân hớu chạp,
 Vô khổ hình nhôn kiếp lờn can.
 Vô Ngũ Nhạc, vô Quê quan,*

Chí Toàn rã ãi xà nhữt trồ ông qui nguyê n”...

Theo câu thồ nhữt rã ãi Kinh này đư ng chồ *Trung huân* chồ không cồ đư ng chồ *Tuân huân*, Bạt Bạt Nồ ng Diêu Trì Cung cồ yù cho biế t lã theo hai Kỳ Phỏ Nỗ trồ đừ thì cừ Chín hoàn tuân huân tồ lã tuân tồ trồ đừ sau tủy đư yê n, tủy phãn mặ trồ ve, cồ n trong Tam Kỳ Phỏ Nỗ thì Nừ Chí Toàn cho ve chung mặ t lồ đừ nê n mừ đư ng chồ *Trung huân*, tồ lã ve trư ng vừ i nhau. .

Câu thồ nhữ thì rừ n :

”Ngư n Linh, Hũa chừ ng, Qũ hoàn nhữt thẩ ng Chẽ
rồ lã đư cho Nguyê n nhữ n, Hũa nhữ n hay Qui đừ nhữ n rừ ề u cho rừ i
lê n hế t không phãn biế t hẩ ng cồ hay thẩ p.

Tồ thồ rừ ề n bẩ y giồ chồ cồ lã n mặ mặ Nừ Chí Toàn mừ i
rồ ng cồ n nhỏ buỏ i Tam Kỳ Phỏ Nỗ này.

Câu thồ ba vồ thồ tồ rừ n:

*”Vỏ siê u rừ i quỏ cầ n hữ đừ phẩ p,
Vỏ khỏ hữ n nhữ kiế p lừ cầ n.”*

Chẽ rồ lã tồ rừ ề n này không cồ n cầ n siê u rừ i cầ u cầ cừ Linh hoàn mặ cầ n quỏ cầ n mừ i ngừ i tồ i rồ n trong mừ i kiế p sầ n rừ i cồ lữ đừ rừ n sầ n lã phẩ i chừ nhữ n kiế p lừ cầ n, tồ lã tủy nhữ n kiế p mặ phẩ i trầ i vắ mừ i, cho rừ ề n khi trầ i sầ i hế t cầ n khiê n, bầ ng không thì cầ cầ cầ n gia nghiế p quỏ cầ u lừ chừ ể n mừ i thể thồ i. Hế tồ nhữ n lã rừ thì hữ đừ quỏ lã rừ, cồ n tồ i nhữ n à cừ đừ, thì phẩ i trầ i quỏ à cừ vồ đừ.

Nừ i nhỏ vắ y cồ nghiã lã không cồ n khỏ hữ n cầ xừ nhỏ hoài Nhỏ Kỳ Phỏ Nỗ nừ i cừ i Nỗ nguĩ cẦ m phừ i nừ i, mặ Nỗ nguĩ sừ đừ tồ i trầ n gian này rừ i cho mừ i Chín hoàn phẩ i chừ khỏ hữ n vắ trầ i đừ mặ t thể này mặ thồ i.

Câu thồ nê n :

”Vỏ Nỗ nguĩ, vỏ Qũ quầ n”

rừ i nừ i mặ t cầ cừ rồ rừ ề t lã trong Tam Kỳ Phỏ Nỗ này không cồ n Nừ i Nừ i vồ cầ ng không cồ n quũ quầ n mặ tiể ng thồ ng thồ đừ gừ i lã quũ sừ i, tồ lã nhữ đừ nhữ n viê n cầ uẦ m phừ i, cồ phãn sừ i trầ khầ rừ ã hữ rừ ề p, hữ hữ khỏ khắ c cầ cầ n cồ phẩ i mừ i lỏ i mặ đừ cầ cầ cầ chừ ể thồ đừ hay cho vồ thể nhữ đừ bừ c trầ n rừ i bầ n rừ i rừ ề n chừ ể xề m cồ i cho biế t sừ i mặ giồ mừ i.

Qua kiến cầu chầu rồng rồi: “Chí Tôn Nãi Xâu hết trông qui nguyên” thì chẻ rỗng những quyết rình vờ kẻ trên lao một Nãi Ân Xâu của Nữu Chí Tôn.

Hai tiếng Nãi Xâu trong rốn Kinh này chẻ rỗng cho ta biết Tại sao Tam Kỳ Phổ Độ nay được gọi là Đại Ân Xá kỳ ba.

Thật vậy, trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn có cho Ân xá đến một mức nào chứ không có mở rộng hoác cửa ra như kỳ Đại Xá này. Trong hai kỳ trước có cơ Phổ Độ để cứu vớt và độ rỗi các Chơn linh hoác các Chơn hồn biết thức tỉnh quay về nẻo chánh, chớ không phải như trong Tam Kỳ Phổ Độ này, Đức Chí Tôn đã ban cho Nhơn loại một đặc ân chưa từng có.

Thêm nữa trong bài Kinh Giải oan có đoạn:

“May gặp đặng Hồng ân chan rưới,
Giải trái oan sạch tội tiền khiên.
Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,
Khai đường Cực Lạc, dẫn miền Tây Phương”...

Theo hai câu thi đầu thì Nhơn loại rất may mắn gặp thời kỳ này được Đức Chí Tôn chan rưới Hồng ân bằng cách truyền cho Bí Pháp giải oan để rửa sạch hết tội tiền khiên.

Người mới nhập môn vào Đạo Cao Đài khi lập Minh thệ thì được hưởng đặc ân là thọ Phép giải oan. Phép này rửa sạch tội tiền khiên của mình từ trước.

Phép này cũng là một Đại Ân xá những tội trước, nhưng từ ngày nhập môn về sau thì phải ráng giữ đưng gây thêm tội mới cho đến ngày chết, tức là ngày trở về với Đức Chí Tôn (Đại Từ Phụ) thì được nhẹ nhàng rất nhiều rồi.

Ngươi Bí Pháp giải oan này, Nữu Chí Tôn còn ban cho Phép Tắm Thánh, Phép làm Hồn Hạoi vào rằm biết rỗi lao Phép Xâu vào Phép Nãi Thánh.

Người Tín hữu Cao Đài nào giữ đặng mười ngày chay mỗi tháng đổ lên được thọ truyền Bửu Pháp, tức là được hưởng

Phép Xác, tức là được cắt hết bảy dây oan nghiệt, nên được xuất ra nhẹ nhàng để về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Còn Phép Độ Thăng là để giúp cho Linh hồn những Chức Sắc được nhập vào Bát Quái Đài dễ dàng hơn.

Hai câu thi sau nhắc lại cho biết là trong Tam Kỳ Phổ Độ này, Đức Chí Tôn đã cho đóng Địa ngục, mở Tầng Thiên. Các Đấng Chơn hồn từng nơi Chơn Pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ một khi xuất liạ khỏi xác thì được phép của Lục Nương Diêu Trì Cung và Tiếp Dẫn Đạo Nhơn đưa phước linh dẫn đường đi, khỏi sợ lạc vào Bích Du Cung và Tam Thập Lục Động của Quỷ Vương để đi thẳng về Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Trong bài Kinh cầu hồn khi hấp hối có đoạn:

*"Diêu Trì Cung sai nạng Tiên Nối,
Phệp Luïc Nồng gìn giũ Chơn hoàn.
Taây Phồng Tiếp Dẫn Nãi Nhôn,
Phởn Linh khai mồi nêo rởông loai aân"...*

Và câu thêm nữa sau này:

*"Đầu trời kiếp sáng không nên Nãi,
Đầu cang gia tốii bào lưắc rưng.
Chí Tôn xài tốii giảii can,
Thành, Thành, Tiên, Phết cừu mơn rởa vơng"....*

Theo các khoản nhắc xút bên trên, chúng ta thấy rõ ràng trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn ra đời một cuộc **Nãi Ân Xài vớ nãi** mà thông gọi là **Nãi Ân Xài kỳ ba** mà tận rởa chúng sanh trong hai phồng diển là **Nãi sanh** và **Nãi tốii**.

Trong lúc còn sanh tiền tại thế này thì dùng đủ mọi phương diện để độ rỏi và dìu dẫn cả con cái của Đức Chí Tôn được sống cho nên Đạo và khi chết rỏi thì có đủ Kinh tận độ linh hồn

cùng ban những Bí Pháp để rửa tội và đưa linh hồn đi đến nơi đến chốn.

Ai là người hữu duyên hữu phước, được sanh vào thời kỳ này khá sớm mau thức tỉnh quày đầu hương thiện về cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để được hưởng Hồng Ân của Đức Chí Tôn trong muôn ngàn năm một thuở. Nếu để lỡ trễ Đại Ân Xá này không biết mấy muôn ngàn kiếp nữa mới đặng hưởng một lần.

Song Nguyên sưu tầm

Chú thích

Cũng trong Bazi Giaêng của Ngazi Baù Nãio " YÙ Nghóa về Thuyền Bàc Nhaõ" cù nêâu rồ :

- Qua Tam Kỳ Phỏ Nã, Nừc Chí Tôn **Nãi Xài** mừi Cồ Tãn Nã riềng rừm 92 cừc Nguyền nhôn cồn lãii trừi về ngoài vò cũ rừả thừc tãnh cừc Chôn Lnh rừi lãii nguồn cồii sừm mau giãc ngoã rừả mừg lãii Thuyền Bàc Nhaõ mừ trừi về.

- Trong nêàn Nãi Nãio Tam Kỳ Phỏ Nã, Nừc Chí Tôn dừng Thuyền Bàc Nhaõ vừi **Bí Pháp** huyền vi nhiềm mầu Thiềng Liềng giãc cho Nừc Di Lãic Vừng Phãt lãm chừi Thuyền rừả kêu toỏn Lnh cãnh chôn tãnh cừu thãp nhò cừc Nguyền nhôn hãyy mau thừc tãnh trừi về cừu Nãio Cồ Nãio hãu nừng rừi Thuyền Bàc Nhaõ sừm trừi về Loài **Ấm Tồ** vồ Bãich Ngỏic Kinh hoài ngoã cừng Thày.

Về phãn **Thế Pháp** thì Nừc Hoã Phãp vãng lờn Nừc Diều Trừ Kim Mầu thừi mừng rừi Nừc Chí Tôn tãio Thuyền Bàc Nhaõ rừi mết thế nầy lão tồing trừng Thế Pháp rừả đãn cừc Nãng Chôn hoàn cồ Nừc Kim Bãn Phãt Mầu vãn chuyền nhò trong rừo ãn Kinh cừng Phãt Mầu sau nầy:

"Trung khoả hãii rừả Thuyền Bàc Nhaõ,
Phừc Tồ Bi giãii quã trừc cãnh.
Hừn hoàn chuyền rừiã vi thãng,
Cừu Thiền hoài phừc Kim Bãn Chồcừng Ấm"

Theo nghóa mầy cãu Kinh lão Thuyền Bàc Nhaõ rừả nừi mết thế nầy riềng rừc xãc tũc rừa quã khừi sừng mề bẽ khỏ cũ cừi trãn rừả hừn hoàn phừc sinh siều thãng rừi cừi Thiềng Liềng Hừng Sừng. .

CON ĐƯỜNG CỨU RỒI của ĐẠO CAO-ĐÀI

HT Mai Văn Tìm

(tiếp theo các số trước)

5. Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ khi đến độ Bần Đạo, Bần Đạo có hỏi về phương tận độ các vong linh nhân loại thì có nói quả quyết như vậy:

“Dầu cho có kẻ nào phạm tội đẩy đầy mặt đất mà khi hấp hối rồi chỉ kêu lấy danh Ta thì cũngặng siêu thoát”.

(Trích Lời Phê Đức Hộ-Pháp)

Danh từ Tận độ rất quen thuộc trong Đạo Cao Đài như : kinh Tận độ vong linh, cơ Tận độ....., ám chỉ đây là thời kỳ Đức CHÍ-TÔN đến ân xá tội tình, tạo điều kiện dễ dàng cho nhơn sanh tu hành hầu độ cho hết 92 ức Nguyên nhân và cả Hóa nhân hay Quỷ nhân nếu biết tu hành đồng được đắc kiếp trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống...

Trên đây là một trong những phương Tận độ mà Đức CHÍ-TÔN đã ân ban cho nhân loại, qua lời diễn tả của Đức Hộ-Pháp.

“Dầu cho có kẻ nào phạm tội đẩy đầy mặt đất mà khi hấp hối rồi chỉ kêu lấy danh Ta thì cũngặng siêu thoát”.

Kêu lấy danh Thầy tức là niệm Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, tại sao phải kêu danh Thầy lúc hấp hối mớiặng siêu thoát ?

Đây là một điều có ảnh hưởng huyền diệu đến linh hồn như thế nào chúng ta còn chưa hiểu rõ, nhưng theo kinh sách xưa nay chỉ dạy giờ phút lâm chung của con người rất quan trọng, trong giờ phút ấy mà người nào còn tỉnh táo tưởng niệm, cầu nguyện Đức CHÍ-TÔN cùng các Đấng Thiêng Liêng cứu độ vong hồn thì sẽ được hưởng hồng ân siêu rỗi của các Đấng. Chính vì vậy mà trong kinh Tận Độ vong linh của Cao Đài có

hai bài : Kinh Cầu hồn khi hấp hối và kinh Cầu hồn khi đã chết rồi .

Trong bài kinh Cầu hồn khi hấp hối có những câu rất cảm xúc, đánh động tâm thức con người như:

Ở.....(tên họ)thành tâm cầu nguyện,
Nguyễn Chí Tôn linh hiển độ sanh,
Ăn năn sám hối tội tình,
Xét câu minh thệ gửi mình cõi thặng.
Dầu nghiệt chướng số căn quả báo,
Đừng hãi kinh cầu đảo Chí Tôn,
Cửa địa ngục khá lánh chơn,
Ngọc Hư Cực Lạc đôn đường ruổi dong.
Dầu trọn kiếp sống không nên Đạo,
Dầu oan gia tội báo buộc ràng,
Chí Tôn xá tội giải oan,
Thánh Thần Tiên Phật cứu nàn độ vong.

Trong Phật giáo cũng có dạy tương tự như Đạo Cao Đài là : trong lúc hấp hối nếu người nào còn bình tĩnh niệm hồng danh Đức Phật A-Di-Đà thì cũng được Phật đến cứu rỗi.

Điều này nghe có vẻ dễ dàng vì chỉ cần niệm danh Đức Chí Tôn hay Phật thì ai không niệm được ? Và như thế thì chúng ta không cần lo tu làm gì vì không cần tu cũngặng siêu thoát?

Nhưng nói như thế chớ không phải dễ thực hiện vì trong kiếp sanh nếu chúng ta chẳng biết lo tu hành hướng thiện thì lúc lâm chung linh hồn bị nghiệp lực chông chất làm cho đau đớn hôn mê, còn đâu tỉnh thức tinh thần để niệm ?

Cho nên lúc sinh thời chúng ta rán lo tu hành, lập âm chất, siêng năng cúng kiếng hằng ngày, cầu nguyện Đức CHÍ-TÔN cùng Tam Giáo ban hồng ân , dẫn lành cho chơn thân chúng ta được mãn huệ, sáng suốt. Đồng thời năng tụng kinh Di Lạc, Cứu Khổ hầu nghiệp chướng tiêu trừ, tiêu tai giải nạnMột công trình tu tập, tụng niệm thường xuyên, thì may ra đến buổi lâm chung ta vẫn còn được bình tĩnh sáng suốt tinh thần mà niệm danh Thầy được.

Trong một bài thuyết đạo Đức Đạt Lai Lạt Ma (Phật Sống Tây Tạng) cũng có thuyết giảng vấn đề này như sau:

“Khi ta tu tập hằng ngày, khi chết ta sẽ không nuối tiếc chi nữa. Điều quan trọng lúc lâm chung là làm sao ta giữ được thiện tâm và những ý hướng thiện, trong lành. Bạn có thể thực hiện được điều ấy vì bạn đã tu tập trong đời sống hằng ngày. Nếu ta tỉnh thức được khi sắp lìa đời và hướng tâm về đường thiện, chắc chắn khi tái sinh, bạn sẽ tới được chỗ tốt đẹp hơn”.

Tóm lại, chúng ta có thể hiểu lời dạy của Đức CHÍ-TÔN muốn nhấn mạnh tới hai điều, thứ nhất: giây phút hấp hối rất là quan trọng làm thế nào đến giây phút đó ta được bình tĩnh để tâm tưởng niệm đến Thầy. Thứ hai là: hồng ân thiêng liêng của Đại Từ Phụ ban cho rất là lớn lao, dầu cả kiếp sanh chúng ta gây lắm tội tình mà giờ phút cuối biết ăn năn cầu khẩn nơi Người cũng được hưởng hồng ân siêu rỗi.

Như vậy nếu chúng ta tập được thường xuyên hằng ngày niệm danh Thầy và cầu nguyện Thầy ban cho hồng ân siêu rỗi thì chắc chắn đến giờ phút cuối chúng ta vẫn còn giữ được cái tâm thiện niệm đó, và sẽ được hưởng nhiều hồng ân Đức CHÍ-TÔN ban cho.

Để chứng minh điều này chúng ta đọc lại lời Thánh giáo của Thầy qua đoạn sau: “Thầy để lời cho các con biết rằng: nhiều Thánh Tiên Phật xuống phàm, nếu căn quả tiền khiên không mấy trọng hệ, nghĩa là kiếp trần duyên không chi phải như bợn nhiều thì dầu không Thiên phong hễ gắng tâm thiện niệm thì địa vị cũng đạt hồi đặng”. (TNHT, II, trg 151).

Mà gắng tâm thiện niệm bằng cách nào ? Phải chăng Tân luật dạy cúng Tứ thời là vì mục đích này ? Khi chúng ta để trọn tâm tưởng niệm Thầy cùng chư Thiên Liêng, chúng ta dâng Tam bửu và cầu nguyện Thầy hằng ngày, khi tâm chúng ta có cảm thì tất nhiên có ứng, do vậy chúng ta sẽ hưởng được điển lành của các Đấng ban cho. Vì vậy quả đúng như lời Thánh giáo dạy khi cúng tức là cho linh hồn ăn uống vậy.

6. Các con ! phần nhiều chư môn đệ ham muốn phong tịch, nhưng chưa hiểu Thiên phong là gì ? Thầy để lời cho các con biết rằng: nhiều Thánh Tiên Phật xuống phàm, nếu căn quả tiền duyên không mấy trọng hệ, nghĩa là kiếp trần duyên không chi phải như bọn nhiều thì dầu không Thiên phong hề gắng tâm thiện niệm thì địa vị cũng đạt hồi đặng”.

Thiên phong là để cho các bậc Thánh, Tiên, Phật là trần phải lấm dầy công cùng sanh chúng mới trông mong hồi cứu phẩm đặng. Các con nên nhớ, Thầy lấy từ bi phong tịch, nhưng các Chức sắc nếu vì áo mũ hơn đạo đức thì tội chất bằng hai”. (TNHT, II, trg 151).

Chúng ta có thể phân tích đoạn Thánh giáo trên bao hàm một số ý niệm:

- Sự khác biệt giữa Thiên phong và không Thiên phong.
- Thiên phong mà làm không tròn trách nhiệm thì càng mang tội thêm.
- Dầu không Thiên phong hề gắng tâm thiện niệm thì địa vị cũng đạt hồi đặng.

• Sự khác biệt giữa Thiên phong và không Thiên phong:

Thiên phong tức ám chỉ các hàng phẩm Chức sắc Thiên Phong. Tuy trong Pháp Chánh Truyền có ấn định phương pháp công cử chư Chức sắc Cửu Trùng Đài từ phẩm Lễ Sanh trở lên cho tới Giáo Tông, tuy nhiên từ ngày khai Đạo đến giờ, Tòa Thánh Tây Ninh chưa áp dụng phương pháp công cử Chức sắc, mà các vị Chức sắc đủ thâm niên thì Hội Thánh sẽ lập danh sách đưa ra Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh sẽ cứu xét rồi trình lên quyền Chí Tôn định vị. Thường thì Chức sắc Cửu Trùng Đài do Đức Lý về cơ chấm phong còn Chức sắc Hiệp Thiên Đài thì do Đức Hộ-Pháp về cơ chấm phong. Do

quyền Thiêng Liêng định vị nên được gọi là Chức sắc Thiên phong.

Chúng ta cũng nên biết rằng Chức sắc Tòa Thánh trong hàng Thánh thể: như Phật, tam Tiên, tam thập lục Thánh, thất thập nhị Hiền, tam thiên Đồ đệ, lúc nào cũng còn thiếu chớ chưa khi nào đủ hết các cấp số ấn định. Cho nên đây cũng là lý do không thể áp dụng luật công cử theo đúng Pháp Chánh Truyền.

Thường chúng ta cho rằng Thiên phong là chỉ bậc Đạo cao đức trọng, và trong Pháp Chánh Truyền chú giải còn đối phẩm các hàng Thiên phong với các phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật trên Cửu Thiên Khai Hóa, tức nhiên khi ta làm tròn trách nhiệm bậc phẩm ta mang thì về cõi Thiêng Liêng cũng được nhìn nhận vào hàng đối phẩm ấy.

Tuy nhiên lời Thánh giáo trên của Đức CHÍ-TÔN có nói rõ hơn về bậc phẩm Thiên phong: *Thiên phong là để cho các bậc Thánh, Tiên, Phật lià trần phải lấm dầy công cùng sanh chúng mới trông mong hồi cựu phẩm đặng*.

Theo lời Thánh giáo này thì đây là ân huệ của Đức CHÍ-TÔN, Thầy muốn cho tất cả con cái Người đều được trở về và tùy theo quả nghiệp mà ban chức phẩm hay không. Những người được Thiên phong là những vị đã có ngôi vị rồi nơi cõi Thiêng Liêng, nhưng vì quả nghiệp nhiều nên phải lãnh phần Thiên Phong là trách nhiệm nặng nề mới tạo đủ công nghiệp mà trở về ngôi xưa vị cũ. Còn những vị “Thánh Tiên Phật xuống phàm, nếu căn quả tiền khiên không mấy trọng hệ, nghĩa là kiếp trần duyên không chi phải như bợn nhiều thì **dầu không Thiên phong hễ gắng tâm thiện niệm thì địa vị cũng đạt hồi đặng**”.

Như vậy, những vị chỉ là đạo hữu thôi chớ không có phẩm tước Thiên phong cũng có thể là những chơn linh cao trọng xuống trần, dĩ nhiên những vị này dầu hoàn cảnh nào cũng có tư cách cao thượng phi phàm.

Còn những vị chưa có ngôi vị nơi cõi Thiêng Liêng thì sao? Những vị này khi tâm hướng về Đạo thì có lẽ bắt đầu từ hàng phẩm thấp sẽ từ từ bước lên lần đến hàng phẩm cao. Chúng ta đã thấy nhiều vị lập công quả từ Bàn Tri Sự nhưng đến khi qui vị lên đến phẩm Phối Sư, Chánh Phối Sư, Đầu Sư. Và nếu làm tròn trách nhiệm cũng đạt vị xứng đáng vậy.

Và nếu những vị này có đại chí, đại nguyện cũng có thể trở về cùng Thầy tức là đoạt được giải thoát trong một kiếp sanh thôi như lời Đức CHÍ-TÔN đã dạy. ???

Để tránh các tư tưởng trọng khinh, Thầy cũng từng giảng dạy :

“Thầy đã nói: Đãi cả môn-đệ Thầy đồng một mực, bất luận bậc phẩm, kẻ nào cần nhiều quả nặng, thì Thầy giao trách-nhậm lớn-lao; kẻ nào cần ít, quả thiệt-thời, thì lãnh phần trách-nhậm nhỏ nhen; cả thầy đều con của Thầy, trừ ra tôn-ti thượng-hạ nơi việc hành-chánh, thì đồng một bậc cả, chẳng ai đặng vì quyền mà lấn-lướt, chẳng ai đặng vì mạng-linh mà đè ép, xua đuổi ai, ấy là tôn chỉ bề ngoài của Đạo, chẳng giữ cho trọn, phương chi khỏi gây-rối được? (trg 162)

● ***Thiên phong mà làm không tròn trách nhiệm thì càng mang tội thêm.***

Đây là điều dĩ nhiên vì hễ có thưởng tất có phạt mới đúng luật công bình. Hễ mang vào mào cao áo rộng thì càng bị nhiều khảo đảo hơn hàng đạo hữu, nhưng nếu vượt qua được các khảo đảo thì sẽ được cao thăng thiên vị.

Bước vào hàng Chức sắc phải đọc lời minh thệ càng nặng hơn hàng đạo hữu, như là : *tận đọa tam đồ bất năng thoát tục*, tức là đầu kiếp thoái hóa trở lại làm kim thạch hồn rồi tiến dần lên đến phẩm người mà ba lần như vậy. Đây là một hình phạt rất nên ghê khiếp, vì một kiếp sanh làm người đã thấy khổ não vô bờ, mà chuyển luân từ kim thạch, thảo mộc, cầm thú lên đến phẩm người biết muôn vạn kiếp, muôn muôn vàn khổ não.....

Cho nên là Chức sắc phải luôn ghi nhớ lời Thầy căn dặn:

“Các con nên nhớ, Thầy lấy từ bi phong tịch, nhưng các Chức sắc nếu vì áo mũ hơn đạo đức thì tội chất bằng hai”.

• ***Dầu không Thiên phong hễ gắng tâm thiện niệm thì địa vị cũng đạt hồi dạng:***

Gắng tâm thiện niệm là gì ?

Trong tâm ta lúc nào cũng thâm niệm điều lành. Niệm như vậy có ích lợi gì cho sự tu hành giải thoát ?

Theo nhà Phật thì con người tạo nghiệp từ thân , khẩu , ý. Mà ý nghiệp thì khó kiểm soát nhất vì tâm viên ý mã, cái tư tưởng của ta lúc nào cũng nhảy nhót tung bưng, ta khó mà bắt nó ngưng nghỉ. Khi ta nghĩ điều xấu tức nhiên tạo nên nhân xấu. Vậy bây giờ chúng ta luôn tâm niệm điều lành tức là bắt cái ý của ta nghĩ đến điều lành luôn luôn. Cái nguyên tắc căn bản là không thể có hai tư tưởng xuất hiện cùng một lúc trong đầu chúng ta, nếu ta gắng tập niệm điều lành thường xuyên tức là ta đã gieo hạt giống trái ngọt cây lành trong mảnh tâm điền của chúng ta, lần lần thì các tạp niệm sẽ tiêu tan cũng như cỏ dại sẽ bị tiêu diệt hết.

Bên Phật giáo có pháp môn Tịnh Độ Tông chuyên môn niệm lục tự Di Đà (6 chữ) tức là niệm câu ***Nam Mô A-Di-Đà Phật*** để đánh thức trí huệ sáng suốt của con người.

Còn trong Cao Đài giáo, Thầy dạy chúng ta niệm danh Thầy là Đức Thượng Đế tức là ***Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*** (12 chữ) cũng để thức tỉnh cái điểm linh quang hay linh hồn mà Thầy ban cho mỗi người chúng ta. Nhất là giờ phút hấp hối nếu chúng ta còn bình tĩnh để niệm danh Thầy thì sẽ có Thầy độ rỗi vậy.

Khi hiểu thấu điều này rồi, mỗi khi rảnh rỗi, thay vì để đầu óc nghĩ ngợi mông lung ta cứ trì niệm danh Thầy để tập thành

thói quen và cố gắng giữ mãi cho tới giờ phút cuối chắc chắn sẽ được hưởng hồng ân siêu thoát của Thầy ban cho.

Ngoài ra việc cúng tứ thời cũng là cách giữ cho tâm thiện niệm. Chúng ta giữ cái tâm tưởng niệm đến lời kinh đọc, tránh sự lo ra. Lời kinh tiếng kệ ngoài việc thấu đạt nghĩa lý còn cái âm ba có ảnh hưởng nhiệm mầu đến việc đào luyện tinh thần, giải trừ nghiệp chướng cho chính bản thân chúng ta và chúng sanh. Vì vậy Đức Hộ-Pháp có giảng khi ta vào đền thờ cúng là lúc cho linh hồn ăn uống vậy.

Kế tiếp, Di-Lặc Chơn Kinh là bốn kinh rất quan trọng trong kinh Tận độ Cao Đài, vì năng lực kinh có ảnh hưởng đến cả “người đang sống, người chưa được sanh ra, người có kiếp sống và người không có kiếp sống, ...nghe kinh và phát khởi lòng lành ắt được giải thoát”

“Nhược nhưn đương sanh, nhược nhưn vị sanh, nhược nhưn hữu kiếp, nhược nhưn vô kiếp, nhược nhưn hữu tội, nhược nhưn vô tội, nhược nhưn hữu niệm, nhược nhưn vô niệm thính đắc ngã ngôn phát tâm thiện niệm, tất đắc A nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề tất đắc giải thoát”.

Vậy khi ta trì tụng kinh Di Lặc hằng ngày có những vong linh khuất mặt đến cùng tụng với chúng ta họ cũng được hưởng hồng ân siêu thoát, tức là ta độ được họ và như vậy ta cũng tạo được âm chất cho chính ta vậy.

Tiếp theo nữa là kinh Cứu Khổ, bốn kinh này nguyên thủy từ Đạo Phật hiện nay cũng đang dùng. Bốn kinh này có năng lực huyền nhiệm tiêu tai giải nạn cho người đang sống hiện tiền. Ngoại trừ những nạn kiếp do nghiệp lực tạo nên quá nặng nề thì phải gánh chịu còn ngoài ra nhiều nạn tai, khổ não được tiêu trừ nhờ bởi năng lực của kinh Cứu Khổ. Trong kinh có câu : *Tụng đắc nhưt thiên biến, nhưt thân ly khổ nạn, tụng đắc nhưt vạn biến hiệp gia ly khổ nạn. (tụng được một ngàn biến thì một người được hết khổ, tụng được mười ngàn biến thì cả gia đình hết khổ.*

Nhiều người đã tụng và đã thấy ứng nghiệm rõ ràng.

Tóm lại việc niệm danh Thầy hay cúng tứ thời, tụng kinh Di Lạc Cứu khổ hằng ngày có thể nói là một pháp môn của Đạo Cao Đài đó vậy. Nội việc cúng kiếng không thôi nếu ta siêng năng cúng đều đặn thường xuyên và khi cúng tập trung tư tưởng, định tâm tưởng niệm thì lâu ngày tinh thần ta sẽ trở nên mẫn huệ, sáng suốt, tiêu trừ nghiệp chướng như lời dạy của Đức Hộ-Pháp.

Và như lời Thánh giáo Đức CHÍ-TÔN ở trên : “nhiều Thánh Tiên Phật xuống phàm, nếu căn quả tiền khiên không mấy trọng hệ, nghĩa là kiếp trần duyên không chi phải như bợn nhiều thì **dầu không Thiên phong hễ gắng tâm thiện niệm thì địa vị cũng đạt hồi đặng**” là điều dễ hiểu vậy.

X X X

7-Âm Quang là nơi Thần Linh Học gọi là nơi Trường đình của chư hồn giải thể hay nhập thể. Đại Từ Phụ đã định nơi ấy cho Phật gọi là “ Tịnh Tâm Xá” nghĩa là nơi của chư hồn đến đó đặng tịnh tâm, xét mình coi trong kiếp sanh bao nhiêu phước tội. Vậy thì nơi ấy là nơi xét mình . Chớ chi cả nhơn sanh biết xét mình trước khi thoát xác , thì tự nhiên tránh khỏi âm quang .

Nói cho cùng nếu trọn kiếp, dầu gây lãm tội tình , mà phút chót biết ăn năn tự hối cầu khẩn Chí Tôn độ rỗi, thì cũng lánh xa khỏi cửa Âm Quang, lại còn hưởng đặng nhiều ân huệ của Chí Tôn, là các chơn hồn đặng tự hối hay là đặng giáo hóa mà hiểu trọn chơn truyền lập phương tự độ, hay là con cái của các chơn hồn cầu rỗi.

Ôi! Tuy vậy, hồng ân của Đại Từ Phụ như thế mà vẫn thấy các chơn hồn sa đọa hằng hà, mỗi ngày xem chẳng ngớt, là tại thiếu kém đức tin và lòng trông cậy nơi Thầy; đó là mấy đạo hữu tín đồ bị thất thế. Em trông thấy bắt đầu lòng, phái nữ lại là

phần đông hơn hết. (TNHT, II, trang 195, Thánh Giáo của Bà Thất Nương)

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển chỉ có 2 bài Thánh giáo giải thích về Âm quang của Bà Thất Nương và Bát Nương Diêu Trì Cung. Đoạn trên đây Bà Thất Nương dùng chữ Tịnh Tâm Xá tức là nơi đến đó để tịnh tâm tự xét xem trong kiếp sanh đã gây những tội tình gì. Những chơn thần người nào trong sạch thì chỉ đi ngang qua đó rồi được cao thăng lên cõi Thiêng Liêng an nhàn, còn người nào gây lắm tội tình nghiệt chướng thì phải ở lại nơi đó để ăn năn sám hối thời gian dài hay ngắn tùy theo mức độ trọng trực của chơn thần.

Trong bài Thánh giáo của Bà Bát Nương có giải thích thêm Âm quang là nơi còn mờ mờ mịt mịt, khiếm ánh linh quang của Đức CHÍ-TÔN chiếu đến. Mà chính nơi đây các tôn giáo xưa gọi là Địa ngục để trừng phạt những linh hồn có tội. Nhưng thật sự là một nơi để chơn hồn giải thân định trí mà thôi chớ không có những hình phạt như lời các tôn giáo xưa đặt hiệu. Tuy nhiên vì là nơi bao trùm âm khí nên các hồn phải chịu sâu thẳm đau khổ vô vàn.....và có hồn vì quả nghiệp nặng phải ở nơi đó đôi ba trăm năm cho đến cả ngàn năm...thử hỏi sự khổ nào chồng chất đến mức nào.

...Cho nên chúng ta phải làm thế nào để khi thoát xác khỏi mắc vào chốn Âm quang ghê khiếp đó ?

Theo Bà Bát Nương thì muốn tránh đặng Âm quang thì chớ nên để cho chơn thần bị ô trược và nên ăn chay trường.

“Em nói thiệt rằng, mấy anh hiểu thấu thì kinh khủng chẳng cùng, nếu để cho chơn thần ô trược thì khó mong trở lại cõi thiêng liêng....

“CHÍ TÔN buộc trường trai cũng vì cái quan ải ấy”.

- Không để cho chơn thần bị ô trược tức là không gây ra những nghiệp quả xấu từ thân, khẩu, ý...tức không gây ra những tội tình oan nghiệt,

- Một mặt rán ăn chay trường là cách thanh lọc bản thể. Điều này phù hợp với khoa học thực tế vì cơ thể hấp thụ trược chất (thịt cá) thì chơn thần phải bị ảnh hưởng. Hàng Thần vị và

Thánh vị thì còn có thể được, nhưng từ hàng Tiên vị, Phật vị được gọi là các Đấng trọn lành thì bắt buộc phải trường trai mới được.

- Ngoài ra việc cúng kiếng, kể cả cúng tứ thời và cúng đàn nơi Thánh Thất, chúng ta được bao phủ bởi điển lành của Đức CHÍ-TÔN và chư Thiêng Liêng, nên chơn thần chúng ta được gội rửa ngày càng trong sạch và mãn huệ thêm lên.

- Phải kiểm điểm bản thân, xét mình hằng ngày, nếu thấy mình còn lâm vấp tội lỗi thì cố gắng sửa đổi không tái phạm nữa, như lời Thánh giáo sau đây của Đức CHÍ-TÔN:

“Phải thường hỏi lấy mình khi đem mình vào lạy Thầy buổi tối, coi phận sự ngày ấy đã xong chưa mà lương tâm có điều chi cần rút chằng ? Nếu phận còn nét chưa rồi, lương tâm chưaặng yên tịnh, thì phải biết cải quá, rón sức chuộc lấy lỗi đã làm, thì các con có lo chi chằng bì bực Chí Thánh”...

Thánh giáo dạy sự xét mình rất quan trọng, nhưng có khi chúng ta quên mất, không để ý đến sự xét nét bản thân mình mà tâm trí mãi lo nghĩ ngợi về trăm chuyện phàm trần khác... Cho nên mỗi ngày chúng ta dành một thời giờ ngắn ngủi nào đó để kiểm điểm lại bản thân mình, mà Đức CHÍ-TÔN dạy vào lúc cúng Thầy vào buổi tối (thời Dậu), chúng ta xét xem có vướng phải tội tình, lầm lỗi gì không trong ngày, nếu có chúng ta thành khẩn ăn năn sám hối và cầu nguyện Thầy từ bi xá tội như trong phần ngũ nguyện cúng tứ thời hằng ngày.

Theo Kinh Lễ Hội Thánh có dạy các ngày sóc vọng , hoặc khi gây ra lầm lỗi nên tụng kinh Sám hối để ăn năn sám hối tội tình.

Ngoài ra hằng ngày cúng tứ thời nên tụng thêm kinh Di Lạc, Cứu khổ là các kinh có khả năng giải trừ nghiệp chướng, dĩ nhiên để hết tâm thành tụng niệm chớ không lo ra hay tụng kinh lấy lệ.

Ở ngoài này đa số trong chúng ta không có thờ Thầy nơi tư gia, thì trước khi đọc kinh đi ngủ chúng ta cũng nằm để tay lên trán xét nét, kiểm điểm lại hành trình trong một ngày qua, xem mình có tiến bộ hơn hay là thoái hóa...

Sự kiểm điểm hằng ngày sẽ làm cho lương tri, lương năng chúng ta hoạt động chớ không để cho vọng tâm, tà tâm thao túng và đến một lúc nào đó chúng ta sẽ tự nhiên suy nghĩ và hành động đúng đắn chớ không còn sai lầm nữa. Đó là ích lợi của sự thường xuyên kiểm điểm xét mình.

Đó là chúng ta lập phương tự độ mình.

Cho nên nếu chúng ta biết lo cho linh hồn trước khi chết thì dĩ nhiên ta sẽ đến nơi mà ta mong muốn, hay ít ra cũng hướng về con đường đó. Ta đang hiện diện trong cửa Đại Đạo tức nhiên ta đang đứng trên xa lộ dẫn đến Thiên đường, còn việc đi nhanh hay chậm là tùy ở chúng ta mà thôi. Chúng ta còn may duyên hơn những người đang đi trong những con đường nhỏ hẹp bùn lầy hay tuông bờ lướt bụi thì phải vất vả hơn, khổ sở hơn mới về đến mục tiêu nhắm đến.

Đó là nói về mỗi cá nhân chúng ta biết lập phương tự độ, song chúng ta còn có thể giúp ông bà cha mẹ mình được nữa, vì như lời Thánh giáo dạy:

.....”một người giữ tròn đạo hạnh thì cứu đặng Thất tổ Cửu huyền, vậy có đáng quý báu chăng ?” .

Hoặc như câu kinh:

“Chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa”

Bên Phật giáo, theo sự tích Ngài Mục Kiều Liên nghe theo lời Phật dạy thỉnh 500 chư Tăng đến hiệp lực tụng kinh để siêu độ cho mẹ Ngài. Nhưng trong Đạo Cao Đài Thánh giáo nhấn mạnh đến việc lập công, lập đức của con cháu để độ vong linh của ông bà, cha mẹ, cho đến Cửu huyền thất tổ...

Thời Đức Hộ-Pháp còn sanh tiền, có vài vị chức sắc làm đơn lên Đức Ngài xin dâng công quả, phẩm vị cho cha mẹ mới vừa qui tiên còn mình thì trở lại phẩm đạo hữu thường. Đức Hộ-Pháp với cương vị Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài chấp thuận cho lập Thánh Linh . Đó là những tấm gương hiếu hạnh đáng kính phục.

Chúng ta không làm được như vậy, nhưng khi ông bà cha mẹ qui tiên chúng ta thành tâm ăn chay, tụng kinh Di-Lặc cầu

nguyện hằng ngày, và lập công quả cầu nguyện dâng cho cha mẹ ông bà thì người thân chúng ta cũng sẽ hưởng được ân huệ thiêng liêng của Đức CHÍ-TÔN vậy.

Một điểm nữa mà Bà Thất Nương nhắc nhở trên đây là nhiều chơn hồn còn bị giam hãm nơi chốn Âm quang “là tại thiếu kém đức tin và lòng trông cậy nơi Thầy; đó là mấy Đạo hữu tín đồ bị thất thế, mà phái nữ lại là phần đông hơn hết”.

Đức tin là điều rất quan trọng, mà đức tin thể hiện căn bản qua việc giữ lời minh thệ nhập môn.

“Thề rằng: từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng đổi dạ, đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục”.

Lời minh thệ xem rất đơn giản nhưng về phương diện thiêng liêng có ảnh hưởng đến Tiên phong Phật sắc của người môn đệ Cao Đài, xem qua Thánh giáo người chưa nhập môn dầu có tham gia sinh hoạt Đạo nhưng chư Thần Thánh có trách nhiệm không nhìn nhận và không hộ trì như là hàng tín hữu.

Có nhiều người không ý thức được sự quan trọng của lời minh thệ nhập môn, hoặc vì quyền lợi vật chất nào đó mà bỏ Đạo, để vào Đạo khác. Đó là thất thế.

Tóm lại, chúng ta may duyên mới gặp được kỳ Đạo khai, vậy rán lo tu hành tinh tấn, xét mình hằng ngày để tránh gây thêm tội tình oan nghiệt và để trọn đức tin nơi Đại Từ Phụ thì lo gì không hưởng được hồng ân siêu thoát mai sau./

● Quang Thông

**

Cước chú:

¹
Trích từ sách: Sống Hạnh Phúc, Chết Bình An của Đức Đạt Lai Lạt Ma, Chân Huyền dịch. (trg 22).

THÂN VAY MƯỢN

HT Lê Văn Thêm

Thân vay mượn được trình bày trong giáo lý đạo Cao Đài cũng như qua giáo lý Tam Giáo.

Phần giáo lý về thân vay mượn của đạo Cao Đài và đạo Phật không có gì khác nhau nhiều. Cả hai tôn giáo đều nói đến Tam Thể Thân mà trong đó xác thân là vay mượn, là “hình vóc tóc da thọ chi phụ mẫu; nghĩa là mượn từ cha mẹ như đạo Khổng quan niệm. Chỉ có đạo Lão, với ngài Trang Tử đã đi xa hơn Lão Tử và trình bày thân vay mượn với những nét riêng biệt.

Xin trước tiên được trình bày phần giáo lý của đạo Cao Đài về thân vay mượn qua cơ bút, Thánh ngôn và Kinh Kệ. Phần thứ hai kế tiếp sẽ đề cập đến quan niệm Lão Trang.

I. GIÁO LÝ ĐẠO CAO ĐÀI VỀ THÂN VAY MƯỢN QUA CƠ BÚT, THÁNH NGÔN VÀ KINH KỆ:

a/. Cơ Bút:

Qua nhiều năm liên tiếp giảng cơ dạy đạo cho chư chức sắc Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài, từ 1950 đến 1952, Đức Cao Thượng Phẩm đã giảng giải rất rõ về Tam Thể Thân và Bát Hồn Vận Chuyển.

Theo Đức Cao Thượng Phẩm thì Nhơn sanh mỗi người thọ ba thân, gồm có:

1. Đệ tam thân: là Chơn Linh, tức linh hồn mà Đức Chí Tôn ban cho để điều khiển đệ nhị và đệ nhất xác thân.

2. Đệ nhị thân: là thân do Đức Phật Mẫu ban cho mà người ta thường gọi là cái vía, tức bản năng của mỗi Nhơn sanh. Bản năng ấy là Chơn Thần mà chủ của nó là Đức Phật Mẫu.

Chơn Thần là một thể vô hình, bất tiêu, bất diệt, luôn luôn tiến hóa hay ngưng trệ do mỗi lần đầu thai tái kiếp được

dày công hay đắc tội.

Nói khác hơn, đệ nhị thân hay Chơn Thần là một hình bóng đi lập công bồi đức. Như vậy, nếu nó trọn nghe lời của đệ tam thân tức Chơn Linh thì sẽ được trọn lành để trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống mà người ta thường gọi là đắc quả. Bằng trái lại, nếu nương theo thú chất hình vật là đệ nhứt xác thân, để cho lục đục thất tình của xác thân dụ dỗ, dẫn dắt, rồi sai khiến theo bản chất thú tính hình vật thì nó phải luân hồi chuyển kiếp mãi mãi, mà người ta thường nói là bị đọa đó.

3. Đệ nhất xác thân:

Đó là xác thân do cha mẹ sinh ra, do máu huyết của cha mẹ tạo thành, nghĩa là nẩy sanh do nơi vật chất, vì thế nó thuộc về thể chất, tức vật chất hình mà hình thể hữu vi của thể xác là một cái máy tinh vi được làm ra bằng các nguyên liệu do nơi vật chất.

Vì do vật chất chiết thành và hữu hình nên nó có khuynh hướng chạy theo ảnh hưởng của ngoại vật, nguồn gốc đã tạo thành ra nó, hơn là chịu ảnh hưởng của tinh thần tức Chơn Linh và Chơn Thần, hai thân khác biệt nhưng phải hòa hợp với nó để có thể tạo ra con người thế gian. Do đó, nếu nó không chịu sự kềm thúc của linh hồn hay Chơn Linh tức đệ tam thân qua trung gian của đệ nhị thân là Chơn Thần thì nó chẳng khác nào như một con vật mà không có người cầm cương vậ.

Nói rõ hơn, đệ nhất xác thân là cái thân do vật chất tạo thành. Nó là cái thân từ âm dương, ngũ hành mà sanh, mà có, mà ra và các vị đã cho ta đó là cha mẹ, là những đấng sanh thành.

Cha mẹ cho ta xác thân, có nghĩa là cái thân này ta vay mượn từ cha mẹ, chớ chẳng phải do ta tự tạo ra được. Nó là của do người khác cho, là của ta vay mượn, ấy vậy mà khi có nó rồi ta lại chấp nó là ta, chấp nó là ngã, lưu luyến nó, say mê nó và bảo vệ nó, tưởng chừng như nó sẽ ở với ta muôn đời vĩnh viễn mà sự thật thì trái hẳn hoàn toàn. Nó là đất, nước, gió, lửa, nó là cát bụi tức nhiên nó phải trở về với cát bụi mà giáo lý đạo Cao Đài có viết rõ như sau:

“Hồn Trời hóa trở về Tiên cảnh.
Xác đất sanh đến linh phục hồi”

hay:

“Vạn sự viết vô, nhục thể thổ sanh hoàn lại thổ” nghĩa là cái xác thân này nó gốc từ thổ mà ra thì sớm muộn gì nó cũng phải được hoàn về với thổ, Nó không thể thường trụ vĩnh hằng được. Bản chất của nó là tạm, là vật được cho là của thọ nhận vay mượn.

Từ việc thọ nhận vay mượn trước tiên nơi cha mẹ, con người khi mang mẫn hình hài này nhập vào thế cuộc rồi thì việc vay mượn lại càng được tiếp triển miên không khi nào dùng dứt được.

Nếu ông bà cha mẹ đã nhờ vật chất âm dương nuôi sống để tạo ra những mẫn hình hài được gọi là con cháu tử tôn, thì con người khi nhận được mẫn hình hài đó lại cũng phải nhờ vật chất âm dương mà làm cho nó lớn lên và tồn tại. Sự vay mượn này là một bắt buộc, không có không được. Nếu không có hay không còn vay mượn thì tấm thân này sẽ bị hoại diệt ngay. Đó là sự thật, một sự thật hiện tiền và hiển nhiên mà con người ít ai để ý đến. Người ta cứ lo tranh đua, hơn thua, phải quấy, cứ lo giàu sang, phú quý vinh hoa cũng chỉ vì cái xác thân này mà không nhớ rằng nó chỉ là vật tạm vay mượn mà thôi.

Thật vậy, hằng ngày, cứ một hay hai tiếng đồng hồ con người ai cũng phải mượn một tách nước, rồi năm, sáu, bảy, hay tám tiếng ai cũng phải mượn một hai chén cơm. Việc làm cứ tuần tự mượn vào rồi lại trả ra đến đổi trở thành quá quen thuộc làm cho con người quên rằng để giữ được tấm thân này mình lúc nào cũng phải vay mượn.

Có một việc vay mượn hết sức nhỏ nhặt nhưng lại vô cùng trọng hệ. Nó xảy ra từng phút từng giây mà nếu thiếu nó con người không làm sao sống được. Đó là con người phải mượn không khí của bầu trời để thở. Sự vay mượn này hẳn như tất cả mọi người không ai để ý đến nhưng thử hỏi nếu không có nó, không liên tục vay mượn nó con người có còn sống được không? Có câu “Nhất tức bất hồi, thiên thu vĩnh biệt” nghĩa là một hơi thở ra mà không hít vào thì con người sẽ ngàn thu vĩnh biệt thế

gian này. Đây là một sự vay mượn nhỏ nhất nhất nhưng rõ rệt nhất, quan trọng và tiêu biểu nhất.

Tóm lại, với mảnh hình hài thoát tiên vay mượn từ cha mẹ, con người phải tiếp tục vay mượn và vay mượn triền miên, thường xuyên để cho nó thường còn. Hễ thiếu sự vay mượn thì việc biến hoại chắc chắn sẽ xảy ra. Đây là một sự thật và sự thật này con người cần thấy, cần ghi nhận và luôn nhớ để có được cái nhìn đúng đắn, cái nhìn với chánh kiến và chánh niệm giúp cho con người an tâm, vui sống trên bước đường tinh tấn tu hành. Nếu con người không thấy điều này thì đời kiếp phàm phu sẽ vẫn cứ mãi phàm phu, sẽ trôi lăn mãi trong luân hồi mà có khi còn đọa lạc nữa là khác. Đó chẳng qua là vì con người không thấy được sự thật nên cứ tranh nhau từng chỗ đứng nơi ngôi, từng lời ăn tiếng nói mà con người vì mê lầm cứ cho các thứ ấy là thật mà nó thật đâu. Tất cả đều vay mượn cả.

Ngoài ra, còn hơn thế nữa, con người chẳng những vay mượn sắc thân và những gì nuôi nấng sắc thân để thấy này thôi, mà con người còn vay mượn nhiều thứ khó nhận, khó thấy hơn nhiều. Vì khó nhận khó thấy nên con người lầm tưởng nó không phải của vay mượn mà nó là của chính mình làm ra, thí dụ như nhiều người thường hay cãi nhau vì “ý kiến của tôi,” vì “danh dự của tôi”, vì “kiến thức của tôi” v.v. Nhưng các thứ này có phải là của tôi không?

Xin cứ nhìn lại một đứa trẻ sơ sinh. Nó cũng có sắc thân như sắc thân bao nhiêu người khác nhưng về ngôn ngữ hay ý kiến, tư tưởng thì nó chẳng có gì.

Thế rồi từ từ nó lớn lên. Trong quá trình lớn lên và trưởng thành, nó học tập được ngôn ngữ, văn tự từ những người chung quanh, qua nhà trường hay môi trường sinh sống. Thí dụ như A là một người có học lực tiến sĩ. Học lực đó lúc mới sinh ra A nào có đâu. Nhưng khi lớn lên càng ngày A càng học hỏi, thâm nhập, nghĩa là vay mượn từ những người chung quanh để có một sự hiểu biết được sắp đặt ngang với học vị tiến sĩ. Thế là A được người ta gọi là Tiến sĩ A.

Chữ Tiến sĩ nói đây, tự A nào có. Học lực tiến sĩ hiện giờ thì trước kia A nào có. A đã vay mượn học lực này, học vị này từ

môi trường giáo dục, để bây giờ A được mọi người gọi là tiến sĩ A. Nói rộng hơn, con người học hỏi, thấu thập ý kiến, tư tưởng từ nhà trường, từ môi trường sinh sống hoạt động, từ bao nhiêu người khác để làm ý kiến, tư tưởng của mình, thế rồi con người lại lầm tưởng đó là của riêng mình. Nó không phải là của riêng mình đâu. Nếu chấp nó là của riêng mình, thì đó là cái chấp hết sức sai lầm. Nó chỉ là của vay mượn không hơn không kém. Nói khác hơn, kể cả kiến thức, tư tưởng của con người thì con người cũng hoàn toàn vay mượn.

Đã là của vay mượn, thế mà lại vì mê lầm cứ cho đó là của mình nên con người mới tranh chấp rồi tự tạo biết bao phiền não cho mình và gây ra không ít khổ đau cho bao nhiêu người khác.

Có người trước tiên chỉ vì chấp chặt ý kiến của mình mà sinh ra cái cọ, đấu tranh quyết liệt. Có người cho rằng danh dự mình bị chạm rồi phản ứng, gây gỗ, có khi dùng cả bạo lực để bảo vệ nó mà không ý thức được rằng ý kiến hay danh dự kia tự đâu mà có? Nó là của mà ta vay mượn, của mà nhiều người khác cho ta hay gán vào ta chớ nó nào phải của riêng ta. Có một đứa trẻ nào vừa mới sinh ra mà ý kiến đầy đầu đầu. Có một đứa trẻ nào sinh ra mà danh dự đầy mình đâu. Những cái đó đến từ xã hội chung quanh, qua thời gian con người lớn lên, nói rõ hơn, tất cả là sản phẩm của thời gian và không gian, của thời thế mà thôi. Tất cả là của những người khác cho ta hay gán vào ta, nghĩa là của mà ta vay mượn. Ta cần phải thấy như vậy mà nếu thấy được như vậy là không có mê lầm.

Cái mà con người mê lầm trước tiên là sắc thân. Và cái thứ hai mà con người mê lầm nhiều hơn nữa lại là ý kiến, kiến thức mà con người cho là của riêng mình. Có gì là ý kiến, là kiến thức của riêng mình đâu. Tất cả đều giả tam, có rồi không, đến rồi đi. Như khi một người có ý kiến nào đó, ý kiến này được gọi là tiên kiến, tức cái thấy hay cái biết trước tiên xảy đến. Thế rồi người ấy lại chấp cái ý kiến đó là của riêng mình, là sản phẩm của cá nhân, của tư tưởng mình tạo ra. Thế là từ tiên kiến hầu như vô thưởng vô phạt nó lại trở thành tư kiến, nghĩa là ý kiến của một cá nhân, đã được mình chấp nó. Rồi càng chấp

chặt nó hơn, không buông nó ra, làm cho nó thành một phần không thể tách rời hay không thể thiếu của mình, vậy là nó trở thành định kiến hay thành kiến. Mà định kiến hay thành kiến là gì. Nó cũng là một thứ ý kiến thôi, nhưng nó được cá nhân sở hữu nó chấp chặt, nhận làm của riêng mình, rồi thêm thắt, tô điểm để làm cho nó có vẻ riêng biệt của con người mình, một con người thế gian luôn luôn cận kề với thất tình lục dục mà đặc tính thường hằng là hỉ, nộ, ái, lạc, ái, ố, dục, vậy thử hỏi làm sao mà ý kiến tự buổi ban đầu không trở thành định kiến, thành kiến, tà kiến hay ác kiến được. Nói cách khác, tiên kiến dễ trở thành tư kiến, rồi định kiến, rồi thành kiến, để biến chất thành ra tà kiến hay ác kiến nếu con người không thấy rõ được rằng mọi ý kiến, mọi kiến thức v.v., tất cả chỉ là sản phẩm mà trong cuộc đời trần thế con người đã phải vay mượn thôi, chỉ à tạm thời thôi, nghĩa là nó không phải là của riêng ta, không phải là ta, và sớm hay muộn gì đó thì ta với nó cũng phải xa rời nhau khi ta rời bỏ xác thân này.

Như vậy, chấp chặt lấy sắc thân là một sai lầm, và chấp chặt lấy ý kiến riêng mình, của mình lại là một sai lầm tệ hại hơn nữa. Không có sắc thân nào hay ý kiến nào là của riêng mình cả. Tất cả chỉ là của vay mượn, tạm thời vì con người vừa lúc mới sanh ra đã có ý kiến gì đâu. Nhưng ý kiến mà con người cho là của mình đó chỉ là những gì mình đã vay mượn từ cha mẹ, anh chị em, họ hàng, từ bà con chòm xóm, xã hội chung quanh như ở học đường hay các môi trường nghiên cứu chẳng hạn. Họ nói mình nghe, họ làm mình thấy rồi bắt chước theo họ, cũng đôi khi có thêm thắt, sửa đổi nào đó mà người ta thường gọi là phát minh, nhưng nó có khác chi là những khúc quanh nằm trong qui luật vận hành trên con đường tiến hóa về mặt đời cũng như đạo. Nói rõ hơn, mọi sự hiểu biết, mọi ý kiến, kiến thức, v.v. mà con người có, chúng chỉ là tạm thời, là của vay mượn thôi sắc thân này cũng vậy.

Nếu người tu thấy được sắc thân mình là tạm thời, ý kiến mình cũng chỉ là của vay mượn thì làm sao có việc cố bám víu vào nó, chấp chặt lấy nó, được gọi là chấp thân hay chấp ngã.

Không chấp thân, chấp ngã, người tu sẽ tránh được tất cả phiền não khổ đau do ngoại cảnh bên ngoài mang đến. Thí dụ một người bị người khác chửi. Nếu nghĩ rằng dù bị chửi mình cố nhìn, nhìn lần thứ nhất qua được, lần thứ hai qua được, lần thứ ba qua được, nhưng liệu có qua được mãi không. Chỉ sợ đến khi hết nhìn nổi, tức không còn qua được nữa thì mọi hậu quả không hay lại phải xảy ra. Đây là nói về cái nhìn, cái thấy của người trên đời qua tiếng chửi tiếng mắng của người khác.

Nhưng với cái thấy của một người có tu tập thì một đàng tiếng la tiếng chửi kia có thật không? Chúng không thật vậy thì chấp làm gì. Đàng khác, sắc thân này của mình hay ý kiến mà mình cho là của riêng mình, chúng có thật không? Chúng chỉ là sản phẩm tạm thời, có rồi mất, đến rồi đi, là của vay mượn, vậy cố bám víu bảo vệ rồi gấu-ó, ấu đã để làm gì. Có biết được như vậy thì người tu dù có bị ai chửi, ai mắng, dù không muốn nhìn cũng tự nhiên nhìn được mà không cần phải rán nhìn. Thế rồi, do biết được như vậy, thấy được rõ sự thật như vậy nên người tu sẽ không chấp chặt lấy sắc thân mình, chấp chặt lấy ý kiến mình, do đó dù có ai chê cũng không giận, mà ai khen cũng không lấy đó làm vui. Bình tâm trước mọi khen chê, thương ghét, phải quấy, tốt xấu, hay dở v.v. sống với tâm tu hành, tâm thanh tịnh đó là tâm lành của những bậc Hiền Nhân mà có ai trên đời này không mong đạt đến dù với một kẻ hung dữ nhất, bạo ngược nhất, nhưng tự thâm

b/. THÁNH NGÔN:

Thân vay mượn không những được giải bày qua cơ bút mà còn được nói rõ trong Thánh Ngôn và Kinh Kệ của đạo Cao Đài.

Thật vậy, trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thầy bảo chấp sắc thân này là ngã, là ta, đó là cái thấy của những ai còn u tối, mê mờ, mơ màng. Đó là cái thấy của những ai chưa ra khỏi vòng tục lụy, bị bủa vây bởi lục dục thất tình, còn lưu luyến thế gian, ham mê lợi danh tài lộc, tựa vào sắc thân như một ngôi nhà dùng định cư ngỡ rằng vĩnh viễn, hơn là thấy nó như là một căn phòng trọ qua đêm trong lữ quán tạm bên đường. Vì thấy nó

như ngôi nhà kiên cố để sống mãi với nó nên con người cố lo tô bồi, tu bổ, sửa chữa, trang hoàng nó. Đây là cái hiểu biết hoàn toàn sai về sắc thân mà hễ ai có cái thấy như thế này thì hãy cố lo hồi quang phản chiếu lo tu hành cải hạnh như thế mới mong đến được với Thầy với Đạo. Thầy dạy:

*“Mơ màng chuta khỏi lụy phần hoa,
Chuta biết nên thân tính sấm nhà.
Cải hạnh đố con về tập thử,
Tháng sau sẽ đến trước trình ta.”*

Trình ta có nghĩa là đến được với Thầy, mà muốn đến được với Thầy với Đạo thì người tín đồ của Thầy phải có tâm tỉnh giác thay vì mê muội, vô minh đối với sắc thân. Nói rõ hơn, đừng coi sắc thân là trường cửu, vĩnh hằng mà phải thấy rõ nó là huyễn hóa, nghĩa là tạm có rồi sẽ hoại diệt với thời gian, chẳng khác nào một căn phòng để tạm trú chớ không thể là một ngôi nhà kiên cố, bất tiêu bất diệt được. Thấy được như vậy đó là cái thấy với cảnh kiến, với tâm tỉnh giác đức không còn mơ màng, mê muội vô minh.

c/. KINH KÊ:

Để không còn mơ màng mê muội vô minh mà trái lại thường xuyên tỉnh giác, kinh kê của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có dạy rất nhiều việc tu thân. Đây là một đặc trưng của đạo Cao Đài cho thấy chỉ với việc tu thân thôi cũng có thể đạt được Đạo, trong khi giáo lý của một vài tôn giáo khác dạy nếu muốn giải thoát thì cần phải tu tâm.

Nói như vậy không có nghĩa là đạo Cao Đài chẳng đặt trọng tâm vào việc tu tâm.

Tu tâm trong giáo lý của đạo Cao Đài thật sự cũng có tầm quan trọng giống như đạo Phật chẳng hạn. Dù vậy chỉ riêng với việc tu thân, con người cũng có thể có được tâm tỉnh giác, thoát khỏi mê muội vô minh và siêu thoát được.

Thật vậy, để không còn mê muội, vô minh tức si mê, tham ái, sân hận, và để có được sự tỉnh giác đối với sắc thân, kinh tứ thời của đạo Cao Đài có dạy khi dâng Tam Bửu, người tín đồ phải luôn luôn nhớ rằng thân này không phải là Ngã,

không phải là ta. Như vậy, trước tiên ta phải thấy rõ sự thật đó, và tiếp theo phải biết dùng nó để mà giải thoát. Nói khác hơn là phải biết “hiển dăng nó cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng” như lời Đức Hộ Pháp đã dạy.

Theo như lời dạy của Đức Hộ Pháp qua quyển Bí Pháp thì đức Ngài bảo chúng ta phải hiển dăng ba món báu trong mình của chúng ta là Tam Bửu mà trong đó có xác thân. Nếu làm được như vậy là chúng ta đã thực hành được bí pháp giải thoát.

Để giải rõ ý nghĩa của bí pháp giải thoát nêu trên, Đức Hộ Pháp có nói thêm rằng: “Đức Chí Tôn biểu chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp cũng không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đạt được cơ giải thoát” (Trích Bí Pháp Đức Hộ Pháp thuyết đạo ngày 8. 6. Kỷ Sửu – 1948)

Lời dạy của Đức Hộ Pháp cũng như sự giảng giải của Ngài về Bí Pháp Giải Thoát mà Đức Chí Tôn đã để trong Thể Pháp dăng Tam Bửu của Tứ Thời Tụng Niệm có nhiều điểm xin được ghi nhận như sau:

1. Thứ Nhất: Lời dạy cũng như sự giảng giải của Đức Hộ Pháp về Bí Pháp Giải Thoát còn quá cao siêu. Vì quá cao siêu nên khó hiểu thấu hết được.

2. Thứ Hai: Theo “Phương Châm Hành Đạo” mà Đức Quyền Giáo Tông giảng dạy, căn cứ vào câu chuyện mà Ngài Phú Lô Na trình với đức Phật Thích Ca thì xác thân này hoàn toàn bất tịnh tức nó là cái “xác thịt hôi thúi tù túng” (1). Như vậy thử hỏi với cái xác thân bất tịnh này của ta mà dăng lên Đức Chí Tôn để làm gì? Làm như vậy là ta có lỗi và có tội không? Nhưng tại sao Đức Hộ Pháp lại bảo rằng làm như vậy là một bí pháp giải thoát mà Đức Chí Tôn đã để trong Thể Pháp của cơ tận độ? Đến đây để tỏ rõ vấn đề, câu hỏi được đặt ra là lời giảng giải của Đức Hộ Pháp và bề dạy của Đức Quyền Giáo Tông có trái ngược nhau không?

3. Thứ Ba: Lời dạy của Đức Quyền Giáo Tông và lời giảng giải của Đức Hộ Pháp không hề trái ngược nhau, trái lại còn hoàn toàn phù hợp nhau, dù rằng một vị bảo “xác thịt này hôi thúi” và một vị thì bảo “dâng nó cho Đức Chí Tôn để Ngài dùng phương nào thì dùng.”

Sẽ dĩ có thể nói không mâu thuẫn trái ngược nhau mà trái lại hoàn toàn phù hợp nhau, đó là do cách thấy cũng như cách xử dụng xác thân này. Đây là một đặc trưng trong giáo lý của đạo Cao Đài, nhằm làm thế nào để đạt Đạo, tức đạt được có giải thoát qua bí pháp tu thân. Bí pháp này có khác giáo lý đạo Phật vì đạo Phật cho rằng “tu thân chỉ là làm điều thiện và tránh điều ác” thôi. Còn nếu muốn giải thoát thì phải do tâm, tức phải tu tâm. Nói rõ hơn theo giáo lý của đạo Cao Đài thì tu thân có thể giải thoát được, đây là điều khác biệt giữa đạo Cao Đài và đạo Phật.

4. Thứ Tư: Về việc đoạt cơ giải thoát do tu thân thì giáo lý đạo Cao Đài khác với đạo Phật, nhưng với đạo Khổng và đạo Lão thì như thế nào?

Giáo lý tu thân đoạt cơ giải thoát của đạo Cao Đài gần gũi hơn đối với giáo lý của đạo Khổng.

Giáo lý đạo Khổng được hiểu ở đây là giáo lý của Khổng giáo không thể tìm thấy ở phần “công truyền” tức Hình Nhi Hạ, nhưng trái lại nằm trong phần Hình Nhi Thượng mà trong đó việc “cách vật” và “trí tri” cần phải được thấu rõ tận nguồn căn, soi sáng tận gốc rễ để giáo pháp “Tri Hành Hợp Nhất” được thực hiện viên mãn tròn đầy thì cơ giải thoát mới đạt được, như đạo Khổng trước kia cũng như đạo Cao Đài hiện nay chủ trương và tương hợp. Nói rõ hơn về bí pháp tu thân đạt được Đạo thì giáo lý của đạo Cao Đài gần gũi với đạo Khổng hơn là đạo Phật, cũng như giáo lý này của đạo Cao Đài gần gũi hơn với đạo Lão vậy.

Tóm lại, giáo lý tu thân của đạo Cao Đài là một bí pháp rất cao siêu, và lời giảng giải của Đức Hộ Pháp vì vẫn còn quá cao siêu nên khó hiểu thấu hết được.

Vấn đề ở đây là làm sao cho bí pháp được tỏ rõ tận tường hơn để người tín đồ có thể nương theo đó mà đoạt cơ giải thoát, nếu không người tu cứ hằng ngày tốn bao nhiêu công sức trong tứ thời tụng niệm dâng Tam bửu, dâng sắc thân mình để rồi sau đó lại trở về với nếp sống phàm phu chấp thân chấp ngã thì sẽ chẳng lợi lạc gì.

Để giải quyết vấn đề nêu trên, tức để tìm hiểu thấu đáo lời dạy của Đức Hộ Pháp, xin được trình bày rõ ràng hơn ở phần kết luận vì thời điểm cũng như bố cục và phạm vi đoạn này chưa thuận tiện.

(còn tiếp)

(1) “Phương Châm Hành Đạo” của Ngài Thượng Đâu Sư Lê Văn Trung in trong quyển Chánh Trị Đạo của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa. Ban Thế Đạo tái bản lần 1 tại Hoa Kỳ năm 2003. Trang 123.

Thêm Một vị Hiền Tài Dự Phong cho Ban Thế Đạo:

Theo quyết Định số 187/VP/BTĐHN ngày 25-08-2004, Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã công nhận thêm một vị Hiền Tài Dự Phong. Đó là:

HTDP Phan Văn Tông, sinh năm 1958 tại Tây Ninh, hiện ngụ tại Toronto, Ontario, Canada.

Như vậy, tính đến ngày hôm nay, Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã công nhận được tất cả là 55 vị Hiền Tài Dự Phong.

Nhắn tin:

Nhắn tin Hiền Tỷ Nguyễn Thị Thúy, Springvale, Úc:

Ban Thế Đạo có nhận được Phiếu Ủng Hộ Tập San Thế Đạo của Hiền Tỷ nhưng trong bì thư, chỉ có phiếu ủng hộ mà thôi.

Xin thông báo Hiền Tỷ rõ.

Tập San Thế Đạo



Việc Liên Lạc

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Để việc liên lạc với Ban Quản Nhiệm / Ban Thế Đạo Hải Ngoại, Ban Quản Nhiệm Bắc California, Ban Quản Nhiệm Nam California và Tập San Thế Đạo được dễ dàng và nhanh chóng, xin quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ liên lạc theo những cách như sau:

I- Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

1- Địa chỉ: 3076 Oakbridge Dr., San Jose , CA. 95121

2- HT. Nguyễn Ngọc Dũ, Phone & Fax: (408) 238-6547

E- mail: dutani@juno.com

3- HT. Nguyễn văn Cầu, Phone: (408) 262-4209

Fax: (408) 262-4209, E-mail: caunguyencd@yahoo.com

4- HT. Mai văn Tim, Phone: (425) 265-1095

E-mail: TIMMAI@juno.com.

II- Tập San Thế Đạo:

- **Tập San Thế Đạo** :3076 Oakbridge Dr., San Jose, CA.
95121- 1716

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bắc Cali:

Trần Đức Nhuận, Phone: (408) 929-5167

- Đại-Diện Tập San Thế Đạo tại Nam Cali:

HTDP Huỳnh Mãng, Phone: (714) 544-5698

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Georgia:

HTDP Trần văn Tánh, Phone: (678) 422-8784

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Texas:

HTDP Lý Trường Thọ, Phone: (281) 988-9858

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Tiểu Bang Ontario,
Canada:

HTDP Lê Đăng, Phone: (416) 598-0629

Fax: (416) 780-1829

III- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

1- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Texas:

HT. Lâm Hoàng Minh, Phone: (281) 575- 0277

2- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Miền Đông và Đông Nam Hoa Kỳ:

HT. Nguyễn Thừa Long, Phone: (504) 831-3152 .

3- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Washington:

HT. Mai Văn Tím, Phone: (425) 265-1095

4- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Úc Châu:

HT. Nguyễn Kim Triệu, Phone: (612) 9726-9684.

IV- Ban Thế Đạo Bắc California:

1- **Địa chỉ:** 932 Deer Meadow Ct , San Jose, CA. 95122

2- HT. Nguyễn Đăng Khích, Phone: (408) 924-0763

E- mail: tn_ndk@yahoo.com

V- Ban Thế Đạo Nam California:

1- **Địa chỉ:** 8791 Oranewood Ave., Garden Grove, CA.

92841, Phone & Fax: (714) 636-6622

2- HT. Bùi Văn Nho, Phone: (909) 687-3010,

Fax: (909) 687-3010.

VI- Yểm trợ tài chánh:

Yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại: Chi phiếu hoặc Money Order xin gửi về:

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI
3076 Oakbridge Dr.,
San Jose, CA. 95121-1716

Nhiệm-vụ Ban Thế Đạo:



Nhiệm-vụ Ban Thế Đạo là tuân Thế Luật của Đạo, đem công sức và giáo lý hướng dẫn nhưn sanh trở về nguồn cội Đạo ,tô điểm cho nền Đạo mỗi ngày một thêm huy hoàng.

Noài Luật Ban Thế-Đạo

Danh-Saùch Ñoàng Ñaïo/ Thaân Hôõu
Cô-Sôû Ñaïo ùng hoà Taäp-San Theá Ñaïo
 (töø ngayy 16-05-2004 ñeán ngayy 31-08-2004)

<u>STT</u>	<u>Ñoàng Ñaïo/ Thaân Hôõu/ Cô-Sôû Ñaïo</u>	<u>USD</u>
1	Nguyeãn Taán Thainh, San Antonio, TX	190.00
2	Nguyeãn Thò Khaùnh, Westchester, OH	100.00
3	Nguyeãn Thò Ñeïp, Milpitas, CA	20.00
4	Luaät Sôï Nguyeãn Thò Tô Beù, Westminster, CA	40.00
5	CTS Tròngh Thò Kim Lieâng, Vancouver, WA	20.00
6	Huyønh Vaên Thòngh, Chandler, AZ	20.00
7	LS Thôõing Xem Thanh, Highland, CA	20.00
8	Ñoã Vaên Taâm, Syracuse, NY	20.00
9	Ñoã Vaên Daäu, Milpitas, CA	50.00
10	HIDP Nguyeãn quang Traïch, College Park, GA	30.00
11	Ngô Thaznh Taâm, Thieãn Ñöùc & Beù Leä, Westminster, CA	30.00
12	Ñaëng Kim Toazn, San Jose, CA	10.00
13	HIDP Nguyeãn Sam, San Jose, CA	20.00
14	Phaïm Thò Minh, DDS, San Jose, CA	50.00
15	Hoà Vaên Thoài, San Francisco, CA	20.00
16	HIDP Nguyeãn Hoài Phuïc, FT Lauderdale, FL	60.00
17	Ng. H. Tôõzng, DDS & Toä Myõ Hueä, DDS, San Jose, CA	200.00
18	Leä Vaên Tuàng, Elk Grove, CA	20.00
19	Ñaëng Minh Dôõng& Thauì Kim Ngoïc, San Diego, CA	20.00
20	Nguyeãn Nhò Hôõng, San Diego, CA	20.00
21	Phaïm Quang Long, San Diego, CA	50.00
22	Phaïm Ñinh Lang, Lake Forest, CA	40.00
23	Phan Thò Ñazø, Houston, TX	50.00
24	Aãn Danh, San Jose, CA	10.00
25	Phaïm Ngoïc Tuaán, Anaheim, CA	30.00
26	HT Hoà Xôä, San Jose, CA	20.00

27	Thomas Tieàn Nguyeãn, Garden Grove, CA	20.00
28	Ñoã Danh Dõĩ, San Jose, CA	20.00
29	Phan Ngoïc Vinh, San Jose, CA	100.00
30	HT Traàn Quang Nghò, Fort Smith, AR	60.00
31	Huyønnh Vaên Thì, Sacramento, CA	20.00
32	Nguyeãn Vaên Ñoàng, Valinda, CA	40.00
33	CTS Lêã Vaên Ñoüc, Pomona, CA	20.00
34	Huyønnh Quan Lõu, Florida City, FL	10.00
35	Hø Thò Neát, Orange, CA	20.00
36	Hoà Vaên Ành, Stanton, CA	30.00
37	Hoà Vaên Daàn, Garden Grove, CA	10.00
38	Ñoã Thò Ình, Houston, TX	20.00
39	HT Traàn Huyeàn Quang, Marrero, LA	20.00
40	Traàn Thò Nguyeät, Germantown, MD	20.00
41	CTS Nguyeãn Vaên Hõoùng, Stone Mtn, GA	40.00
42	Ôã.Bøø Buzi Thieãn Phuïc, Stone Mtn, GA	50.00
43	HIDP Traàn Vaên Taùnh, College Park, GA	20.00
44	HT Nguyeãn Taán Taio, Gretna, LA	30.00
45	HIDP Lyù Tröông Thoi, Houston, TX	50.00
46	Nguyeãn kim Nhan, El monte, CA	50.00
47	HT Traàn Vaên Ôã , Gardena, CA	20.00
48	Nguyeãn Quóc, Wichita, KS	30.00
49	HIÑT Lêã Vaên Thieãn, Philadelphia, PA	20.00
50	Traàn Vaên Traâm, Los Angeles, CA	20.00
51	HT Mai Vaên Tìm, Everett, WA	20.00
52	Thàùnh Thàát Seattle, WA	30.00
53	HT Phaím Vaên Cõø, Santa Ana, CA	40.00
54	HIDP Huyønnh Long Vaên, Fountain Valley, CA	100.00
55	Dõông Thò Ngoïc Ñieáp, Everett, WA	20.00
56	Nguyeãn Ñình Phoã, San Jose, CA	20.00
57	HIDP Nguyeãn Vaìn Naêng, San Jose, CA	20.00
58	Lêã Vaên Hieàu, Pomona, CA	15.00
59	Hoà Thò Ñeãm, Louisville, KY	30.00
60	Nguyeãn Hõõu Tröông, Morrow, GA	20.00
61	Lêã Vaên Phaùt, Morehead, MN	50.00
62	Nguyeãn Minh Ñoüc, Milpitas, CA	20.00

63	HT Lê Thanh Hồng, Carrollton, TX	20.00
64	Judy Wong, San Francisco, CA	20.00
65	Dông Thò Huyznh, San Jose, CA	20.00
66	HIDP Traàn Công Minh, Newark, NJ	20.00
67	Voõ Vaên Dình, Garden Grove, CA	20.00
68	Traàn Vaên Năét, Santa Ana, CA	50.00
69	HT Lê Vaên Nghieâm, Stone Mtn, GA	100.00
70	Tam Tuyeát, Dorchester, MA	20.00
71	Leâ Taán Baích, Norwalk, CA	50.00
72	Phaïm Vaên Ngoit, Fort Smith, AR	20.00
73	HT Vaên Công Coàng, Morrow, GA	40.00
74	Nă Năc Thôõng, Lewisville, TX	20.00
75	Traàn Myõ Dieâu, Elk Grove, CA	20.00
76	Lôu Quác Minh, Holiday, FL	20.00
77	Dông Vaên Thaznh, Grand Prairie, TX	20.00
78	HIDP Voõ Hoazng Ngoâ, Memphis, TN	100.00
79	Voõ Thaznh Tuán, Montreal, Canada (50 ñô Canada)	36.82
80	Voõ Thaznh Traân, Ontario, Canada (40 ñô Canada)	28.39
81	HIDP Nguyean Chí Hieàn, Thiais, France (40 Euro)	45.96
82	Tròn Vaên Dũ, Wuppertal, Năc (100 Euro)	111.87
83	Phan Vaên Phôùc, Mississauga, Canada (20 ñô Canada)	14.41
84	Năng Hoazng Dũng, NSW, Uic	35.89
85	Leâ Vaên Trung, Ontario, Canada (20 ñô Canada)	14.40
86	Nguyean Thaznh Năum, Canley Heights, NSW, Uic	75.00
87	HIDP Lê Taán Tazì, Lidcombe, NSW, Uic	75.00

Toáng coáng : 3282.74

Toáng coáng phaàn thu trong danh saùch này là 3282.74 USD (Ba ngàn hai trăm tám mươi hai ñô Mỹ báy mươi bốn xu.)

San Jose, ngày 31-08-2004

Ban Theá Năo Hải Ngoại

TÓM LƯỢC

Hội Tương Tế Cao Đài

(TC Thông Báo số 02/HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2002)

A-Mục đích, ý nghĩa thành lập:

Thể hiện và vun bồi tình “*tương thân, tương ái*” giữa người Tín Đồ Cao Đài

- Phát huy tinh thần “*Từ Bi, Công Bình, Bác Ái*” của Đạo Cao Đài trên căn bản Tinh hoa Tam Giáo.

B- Nét đặc trưng của Hội Tương tế Cao Đài:

- Không phân biệt sức khỏe, tuổi tác đối với người xin gia nhập.
- Những người điều hành quản lý Hội thực sự làm việc thiện nguyện (*công quả*) không hưởng lương hay bất cứ trợ cấp nào khác.
- Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và Ban Giám Sát phải Minh Thệ trước Thiên Bần Chí Tôn và Bàn Thờ Hộ Pháp.
- Dẫn đưa “Tinh thần Cao Đài” ra toàn xã hội, mời gọi cả những người chưa phải là Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội nếu có nhu cầu và được giới thiệu.

C- Tiêu chuẩn, điều kiện gia nhập:

- Là Tín đồ Cao Đài từ 21 tuổi trở lên hiện đang sống tại Hoa Kỳ (Dưới 21 tuổi, phải có sự chấp thuận của Cha Mẹ hoặc của người Giám hộ hợp pháp). Thân hữu của Tín đồ Cao Đài nếu được giới thiệu cũng được gia nhập Hội.
- Phải hoàn tất Hồ sơ gia nhập Hội theo qui định chung.

D- Trách nhiệm, nghĩa vụ Hội viên:

- Khi gia nhập, nộp một lần tiền đóng ban đầu là (60) Mỹ kim gồm tiền Dự Trữ Phúng điếu là (40) Mỹ kim và tiền niên liễm là (20) Mỹ kim.- Định kỳ nộp niên liễm là (20) Mỹ kim / năm

- Khi có Hội viên qua đời, đóng tiền Phúng điếu là (15) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên chính thức và (07) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên Dự bị).

- Tuân thủ quy định về thời hạn nộp tiền phúng điếu, niên liễm, các qui định về nghĩa vụ của Hội viên

E- Quyền lợi Hội viên:

Khi Hội viên qua đời, người thụ hưởng hợp pháp được hưởng quyền lợi sau:

- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định .

(Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị)

- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng điếu.

G- Gia nhập Hội:

Hồ sơ gia nhập Hội xin gửi về: **Ban Điều Hành / Hội Tương Tế Cao Đài, số 3032 Peppermint Dr., San Jose, CA. 95148**

H- Liên lạc:

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc:

HT. Nguyễn Văn Cầu - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị., Phone: (408) 262-4209 - Fax: (408) 262 - 2948 - E - mail : caunguyencd@yahoo.com-

-HT. Nguyễn Ngọc Dũ - Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.
Phone & Fax: (408) 238 - 6547 - E - Mail: dutani@juno.com

- HTDP. Dương Văn Ngừa - Trưởng Ban Điều Hành Địa-
chỉ : 3032 Peppermint Dr., San Jose, CA. 95148
Phone & Fax : (408) 528 - 6435 – E mail: datthong@earthlink.net

(***Chú thích:** Xin xem Hội Tương Tế Cao Đài / **Website Ban Thế Đạo**
[http://www. Banthedao.org](http://www.Banthedao.org))

HỘI TƯƠNG TẾ CAO-ĐÀI

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Thân mẫu Hiền Tỷ Dương Thị Nguyệt Ánh và là
Nhạc Mẫu Hiền Tài Phan Tấn Ngưu là:

Cụ Bà
Dương Văn Tủng
nhũ danh **Huỳnh Thị Năm**

đã qui vị lúc 21 giờ ngày 10 tháng 08 năm 2004
(nhằm ngày 25 tháng 06 năm Giáp Thân) tại Irvine
Hospital, Nam California,

Hưởng thọ 90tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng Ông Bà
Hiền Tài Phan Tấn Ngưu cùng tang quyến.

Nguyện cầu hương linh Cụ Bà Huỳnh Thị Năm sớm
tiêu diêu nơi miền Lạc Cảnh.
Thành kính phân ưu.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại
& Tập San Thế Đạo
Ban Thế Đạo Nam California

Châu Đạo California.
Tộc Đạo, Thánh Thất &
Điện Thờ Phật Mẫu Orange, CA

Tây Ninh Đồng Hương Hội.

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc khi được tin:
Thân phụ của Bác Sĩ Đặng Cẩm Hồng , Nhạc phụ
của Hiền Tài Bác Sĩ Bùi Đắc Hùm là:

Giáo sư Thạc Sĩ Y-Khoa **ĐẶNG VĂN CHIẾU**

Cựu Khoa Trưởng Đại Học Y-Khoa Saigon
Nguyên Khoa Trưởng Khoa Giải Phẫu
Thần Kinh Bệnh Viện Chợ Rẫy Sài Gòn & Bệnh
Viện Fresno Valley Medical Center-California, USA

đã qui vị ngày 27 tháng 6 năm 2004 (nhằm ngày mùng 10
tháng 05 năm Giáp Thân).

Hưởng thọ 86 tuổi.

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng Bà Đặng Văn Chiếu,
Bác Sĩ Đặng Cẩm Hồng và Hiền Tài Bác Sĩ Bùi Đắc Hùm
cùng tang quyến.
Nguyện cầu hương linh Giáo Sư Thạc Sĩ Y Khoa Đặng Văn
Chiếu sớm tiêu diêu nơi miền Cực Lạc.
Thành kính phân ưu.

**Giáo Hữu Thượng Ngọc Thanh, San Jose, CA
Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập-San Thế Đạo**

Gia đình Hiền Tài Nguyễn Ngọc Dũ
Gia đình Hiền Tài Nguyễn Văn Cầu
Gia đình HTDP Huỳnh Long Vân
Gia đình HTDP Huỳnh Văn Mãng
Gia đình Nguyễn Văn Hải và Nguyễn Tấn Phận
Gia đình Từ Hiếu Côn, gia đình Từ Bửu Long
& gia đình Từ Bích Vân, San Jose, CA

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc khi được tin:

Đạo hữu
TRƯƠNG NGỌC ĐỐI

đã qui vị lúc 6.20 giờ ngày 22 háng 7 năm 2004
(nhằm ngày 06 tháng 06 năm Giáp Thân) tại Thành
Phố Corona, California.

Hưởng thọ 68 tuổi.

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các
Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh cô
đạo hữu Trương Ngọc Đối sớm được trở về cõi
Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Châu Đạo California.
Tộc Đạo và Thánh Thất Orange, CA.
Tộc Đạo và Thánh Thất Anaheim, CA
Tộc Đạo Little Saigon và Thánh Thất California.
Tộc Đạo và Thánh Thất Westminster, CA.
Các Ban, Bộ Lễ, Nhạc và Đồng Nhi.

Đại-Đạo Thanh Niên Hội California.

Tập San Thế Đạo.

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng xúc động và thương tiếc khi được tin:

1-Nhạc mẫu của Hiền Huỳnh Nguyễn Hữu Trường và là Thân Mẫu của Hiền Tỷ Nguyễn Kim Hà, ngụ tại Morrow, bang Georgia là:

Cụ Bà

TRẦN THỊ TUỘI

đã qui vị ngày 07 tháng 7 năm 2004 (nhằm ngày mùng 20 tháng 05 năm Giáp Thân) tại Ấp Long Yên, xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây-Ninh

Hưởng thọ 88 tuổi.

2-Thân mẫu của Hiền Huỳnh PTS Châu Văn Kính, Hương Đạo Atlanta, GA là:

Cụ Bà

VÕ THỊ NGÀ

đã qui vị vào lúc 12 giờ trưa ngày 3-05-2004 (nhằm ngày 15-03 năm Giáp Thân) tại Ấp Hiệp Nghĩa, Xã Hiệp Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt-Nam.

Hưởng thọ 97 tuổi.

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng Hiền Huỳnh Nguyễn Hữu Trường, Hiền Tỷ Nguyễn Kim Hà cùng tang quyến.

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng Hiền Huỳnh PTS Châu Văn Kính và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu cùng các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh Cụ Bà Trần Thị Tuội, Cụ Bà Võ Thị Ngà sớm được trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

TM. BTS & đồng đạo GA

Chánh Trị Sự

Nguyễn Văn Hưởng

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc khi được tin:
Thân mẫu của Hiền Huynh HTDP Nguyễn Văn
Đông, Quyền Đầu Tộc Thánh Thất New- Orleans,
bang Louisiana là:

Cụ Bà
Nguyễn Văn Thạnh
nhũ danh
Châu Thị Ba

đã qui vị vào ngày 13 tháng 4 năm 2004 (nhằm
ngày 24 tháng 02 năm Giáp Thân) tại Long-An,
Việt-Nam

Hưởng thọ 81 tuổi.

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng Hiền Huynh
Nguyễn Văn Đông cùng tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng
Thiên Liêng ban hồng ân cho hương linh cụ Bà
Châu Thị Ba sớm được trở về cõi Thiên Liêng
Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

**Tộc Đạo, Bàn Trị Sự Nam Nữ &
đồng đạo Thánh Thất New Orleans,
Louisiana**

Sinh hoạt qua hình ảnh
TÂY NINH ĐỒNG HƯƠNG HỘI
Picnic Hè 2004 (04-07-2004)



Chụp hình lưu niệm



Đấu bóng chuyền



Nấu nướng



Ăn Uống- Giải Lao dưới bóng cây,

Tin Châu Đạo California

Lễ Khai Giảng khóa Huấn Luyện Đồng Nhi

Vào lúc 10 giờ sáng ngày Chủ Nhật 11-07-2004, Châu Đạo California đã tổ-chức Lễ Khai giảng khóa Huấn Luyện Đồng Nhi cho con em của Đạo tại Hội Trường Châu Đạo California tại Thị Xã Westminster, California với sự tham dự của hơn 70 đồng đạo và thân hữu từ các vùng Los Angeles, Riverside, Pomona, San Diego và Orange.

Chúng tôi ghi nhận có sự hiện diện của

- CTS Diệp Văn Xê, Phụ Tá Nội Vụ Châu Đạo California.
 - CTS Trần Văn Hùng, Thánh Thất Orange.
 - Luật Sư Nguyễn Thị Tư Bé, Ban Pháp Chánh Châu Đạo California.
 - CTS Nguyễn Thị Trắc, Thánh Thất Westminster.
 - CTS Phan Văn Chạm, Thánh Thất Westminster.
 - CTS Trần Quang Linh, Thánh Thất California.
 - CTS Phan Văn Hồ, Q. Đầu Tộc Anaheim.
 - CTS Nguyễn Văn Tươi, Thánh Thất Anaheim.
 - HT Trần Văn Hữu, Đại Diện Tộc Đạo San Diego.
 - PTS Nguyễn Văn Hạnh, Thánh Thất Pomona.
 - Ngô Thiện Đức, Hội Trường Đại-Đạo Thanh Niên Hội California.
 - Nguyễn Lý Sáng, Hội Trường Tây-Ninh Đồng Hương Hội.
- Về phía niên trưởng, nhân sĩ, chúng tôi nhận thấy có:
- Niên Trưởng Tạ Thành Long.
 - Nhân sĩ Bùi Đắc Chương.

Sau nghi thức khai mạc, HT Phạm Văn Khảm, Phụ Tá Ngoại Vụ, XLTV Q. Khâm Châu Châu Đạo California đọc diễn văn khai mạc và nhân dịp kỷ niệm 5 năm ngày tạo mại Thánh Thất Orange, Hiền Huynh đã tường trình sơ lược lại những thành quả

Châu Đạo đã đạt được trong 5 năm qua và phác thảo kế hoạch cho 5 năm, 10 năm sau.

Trong diễn văn khai mạc, HT Phạm Văn Khảm đã cho biết nội dung và mục đích của việc huấn luyện:

1-Đào tạo lớp đồng nhi kế thừa sẵn sàng tiếp bước các bậc chú bác, đàn anh.

2-Dạy các cháu đọc, hiểu và viết được tiếng Việt.

3-Tổ-chức và đoàn ngũ hóa các cháu thành đội ngũ hướng đạo để sau chuyển thành thanh niên Đại Đạo.

4- Giúp cho các cháu phát triển Đức, Trí và Thể Dục.

5- Trang bị cho các cháu tính năng động và tinh thần phục vụ xã-hội và Đạo pháp.

Thành phần Ban Giảng Huấn gồm có:

Trưởng Ban: HT Phạm Văn Khảm

Cựu giáo viên, cựu huynh trưởng Hướng Đạo Việt Nam.

1- Phụ trách lớp đồng nhi:

-Luật Sự Nguyễn Thị Tư Bé, Ban Pháp Chánh Châu Đạo.

-Giáo Nhi Nguyễn Ngọc Linh, Tộc Đạo Orange.

2-Phụ trách lớp tiếng Việt:

Do một số giáo viên trẻ phụ trách với sự cộng tác của:

-HTDP Huỳnh Văn Mãng, Cựu Thanh Tra Tiểu Học, Sở Giáo Dục Tây-Ninh.

-Nhân Sĩ Bùi Đắc Chương, cựu Giáo Viên mẫu trường Quốc Gia Sư Phạm Sài Gòn.

Tổng số học sinh tham dự khóa là 22 em..

Buổi lễ khai giảng khóa huấn luyện đồng nhi chấm dứt vào lúc 12 giờ trưa. Tất cả quan khách, đồng đạo và các em học sinh đã `ng cơm chay thân mật trong không khí một gia đình.

X X



HTDP Huỳnh Văn Mãng giới thiệu
Khóa Huấn Luyện Đồng Nhi



Quang cảnh Hội Trường

Thánh Thất San Diego

Ngày 01-11-1998 Hương Đạo San Diego được thành lập dưới sự chủ tọa của Hiền Huynh Q. Khâm Châu Châu Đạo California, sự Giám Sát của Ban Pháp Chánh Châu Đạo, sự hiện diện của Ban Thế Đạo Nam California và sự tham dự của khoảng 40 Chức Sắc, Chức Việc và đồng đạo nam nữ cư ngụ vùng Orange County và San Diego. Trong cuộc họp này, đồng đạo đã công cử Hiền Tài Nguyễn Trung Đạo làm Chánh Trị Sự Đầu Hương Đạo San Diego.

Vào ngày 19-09-1999, sau gần một năm sinh hoạt mặc dầu số đồng đạo còn khiêm tốn nhưng do sự phát triển của Hành Chánh Đạo, Hương Đạo San Diego được nâng lên Tộc Đạo với 3 Hương Đạo:

-Hương Đạo Linda Vista do CTS Lê Quang Giai làm Đầu Hương.

-Hương Đạo East San Diego do CTS Nguyễn Văn Hoanh làm Đầu Hương.

-Hương Đạo Chula Vista do HT Nguyễn Trung Đạo, Q. Đầu Tộc Tộc Đạo San Diego kiêm nhiệm Đầu Hương.

Vì Tộc Đạo San Diego còn nghèo nên chưa có Thánh Thất, tạm dùng nhà của quý vị Đầu Hương làm nơi thờ cúng Đức Chí-Tôn. Đầu năm 2004, Hương Đạo Linda Vista dọn về địa-chỉ mới tương đối rộng rãi. Và với sự đồng ý của Huynh Giai và gia đình, đồng đạo đã thống nhất ý kiến chọn nơi này tạm làm Thánh Thất cho Tộc Đạo San Diego

Vào ngày 05-05- Giáp Thân (22-06-2004) nhân ngày Giáng Sinh của Đức Hộ-Pháp, Tộc Đạo San diego có tổ-chức làm Lễ Thương Bàn Hộ-Pháp, Tượng Chử Khí. Vì buổi lễ được tổ-chức vào ngày thường (ngày Thứ Ba) nên đồng đạo tham dự không được đông đủ chỉ vào khoảng gần 40 người.

Trước và sau buổi lễ, các đồng đạo đã dùng cơm chiều thân mật và chuyện trò vui vẻ, cùng trao đổi kinh nghiệm trong việc hành chánh Đạo. Đặc biệt sau buổi lễ, HT Hồ Văn Hoàng đã tặng

Tộc Đạo San Diego một số sách Đạo và gần 20 quyển “ Thử Tìm Hiểu Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống của Đức Hộ-Pháp ” do Hiền Tài Nguyễn Kim Minh và Hiền Tài Hồ Văn Hoàng cùng biên soạn với 3327 câu thơ Song Thất Lục Bát.

PTS Trần Quang Sơn ghi nhanh

Xây Dựng Thánh Thất : (tại ViệtNam)



Thánh Thất Long Vân, Q. Thủ Đức ,Saigon

Năm 1998, Thánh Thất Long Vân này qui nhập về Cao-Đài Tòa-Thánh Tây-Ninh. Nay Thánh Thất đang được xây cất lở dở vì thiếu tài chánh và kêu gọi sự giúp đỡ.

Đồng đạo phát tâm công quả, xin liên lạc:

LS Thái Tân Thanh (Ô Trần Công Tân)
Cai Quản Hộ Đạo Long Vân
1143 Kha Vạn Cân, KP4, P. Linh Trung
Q. Thủ Đức, TP HCM
Phone: (08)7241082.

NSW UÙC CHAÙU

Sinh hoạt đạo sự trong tháng 7, tháng 8-2004

Trong tháng 7 và tháng 8 năm 2004 tại tiểu bang NSW Úc Châu, sinh hoạt đạo sự có phần rộn rịp và xin ghi lại theo thứ tự thời gian như sau:

Vào ngày chủ nhật 11-07-2004 lúc 10 giờ một buổi họp rộng rãi được tổ-chức tại Điện Thờ Phật Mẫu NSW để giải quyết những khó khăn trong thời gian qua và hoạch định phương hướng cho Ban Phước Thiện, Đại-Đạo Thanh Niên Hội, Ban Thế Đạo Úc Châu. Hiện diện trong cuộc họp này còn có quý Hiền Huynh trong Hội Đồng Cao Đài Giáo Úc Châu.

Vì số lượng người tham dự cuộc họp quá đông mà văn phòng Ban Phước Thiện còn thiếu nhiều phương tiện nên Ban Tổ Chức đề nghị họp trong Chánh Điện Điện Thờ Phật Mẫu và số người tham dự cuộc họp ngồi thành một vòng tròn thật là ấm cúng dù trong tiết mùa đông giá lạnh.

Hiền Tài Nguyễn Kim Triệu đã hướng dẫn các buổi họp liên tiếp và chương trình thảo luận gồm 3 phần chính: đẩy mạnh hoạt động đoàn Thanh Niên Đại Đạo, vận động con em Đạo gia nhập Thế Hệ Kế Thừa, gây quỹ Phước Thiện để tạo mãi Ngôi Điện Thờ Phật Mẫu.

Vào cuối giờ họp ngày 11-07-2004, nữ đạo hữu Trần Ngọc Hạnh xin trình bày một vấn đề đáng được lưu tâm. Số là qua hai buổi phát thanh của Đài SBS Radio chương trình Việt Ngữ, đạo hữu Trần Ngọc Hạnh có theo dõi một buổi phỏng vấn nữ tu sĩ Nguyễn Thanh Thủy, hiện ở tiểu bang Queensland, thuộc Dòng Tu Đức Mẹ Từ Bi. Tu sĩ Thanh Thủy đi làm công tác thiện nguyện tại một nước nghèo ở Phi Châu mà đa số người dân nước này đang bị thảm nạn nghèo đói và bệnh Aids hoành hành. Nhiệm vụ của Soeur Thanh Thủy là chăm sóc những nạn nhân đó với tấm lòng nhân ái của mình và hiện tại Soeur Thanh Thủy về Queensland thăm gia đình vì Cha của Soeur bệnh nặng.

Sau khi nghe được buổi phỏng vấn nêu trên, đạo hữu Trần Ngọc Hạnh đã tìm cách liên lạc với Soeur Thanh Thủy để hiểu rõ

thêm công tác thiện nguyện của Soeur và sẵn dịp buổi họp tại Điện Thờ Phật Mẫu, đạo hữu Trần Ngọc Hạnh trình bày vấn đề và đề nghị Ban Phước Thiện NSW lưu tâm công tác thiện nguyện này.

Ban Phước Thiện NSW đồng ý đề nghị của đạo hữu Trần Ngọc Hạnh và sẽ đem vấn đề ra bàn ở phiên họp tới vào ngày chủ nhật 18-07-2004.

Buổi họp chấm dứt vào lúc 2.30 giờ chiều cùng ngày và trước khi chia tay đồng đạo đã dùng một bữa bún riêu rất ngon miệng do nhà bếp Ban Phước Thiện NSW khoản đãi.

Ngày 18-07-2004: Vì có một số vị vắng mặt nên buổi họp được kết thúc sớm và hẹn lại buổi họp vào chủ nhật tuần sau 25-07-2004.

Buổi họp ngày 25-07-2004:

Trước ngày họp một ngày đạo hữu Trần Ngọc Hạnh đã nhắc nhở các bạn Đạo về ngày họp.

Đến ngày họp, đồng đạo đã đến thật đông đủ và được nghe đạo hữu Trần Ngọc Hạnh cho biết rằng Soeur Thanh Thủy sắp trở lại Phi Châu để hoạt động thiện nguyện vì sức khỏe của cha cô đã trở lại bình thường. Nhân dịp này, đạo hữu Trần Ngọc Hạnh có nói với Soeur Thanh Thủy là cô muốn vận động với đồng đạo Cao-Đài ở NSW và đồng hương đạo tâm cùng bằng hữu đóng góp một số tiền để nhờ Sour Thanh Thủy khi sang Phi Châu mua thực phẩm và thuốc men giúp cho các nạn nhân.

Lẽ ra Soeur Thanh Thủy phải đi qua Phi Châu sớm nhưng vì lòng ưu ái và thiện tâm của người Cao-Đài, những vị đạo tâm và bằng hữu muốn trợ giúp các nạn nhân, những kẻ nghèo khó bệnh tật tại Phi Châu nên Soeur Thanh Thủy sẽ ở lại Úc đến cuối tháng 8-2004

Trong buổi họp, đạo hữu Trần Ngọc Hạnh mong mỗi Ban Phước Thiện NSW và các cơ-quan Đạo vui lòng vận động đồng đạo đóng góp giúp đỡ công tác thiện nguyện này.

Sau khi đã thảo luận và đồng đạo trong buổi họp đã thống nhất

với nhau việc đóng góp giúp đỡ nạn nhân nghèo khó, bệnh tật ở Phi Châu. Ban Phước Thiện NSW sẽ thảo thư kêu gọi và mời họp tiếp tục vào chủ nhật tuần sau, ngày 01-08-2004 và thêm một chương trình gây quỹ cho Phước Thiện.

Buổi họp ngày 01-08-2004:

Buổi họp bắt đầu vào lúc 10.00 AM và vị điều hành đọc thư kêu gọi và sau đó trao cho các vị Đại Diện các cơ-quan Đạo hiện diện để những vị này về vận động trong cơ-quan của mình. Riêng phần đạo hữu Trần Ngọc Hạnh và thân hữu Lý Thành Trinh hứa sẽ vận động tích cực trong các bằng hữu của mình.

Việc vận động đóng góp phải được chấm dứt, đúc kết vào ngày 20-08-2004 vì Soeur Thanh Thủy từ Queensland sẽ đến Sydney vào ngày 25-08-2004.

Tiếp theo là phần thảo luận về việc gây quỹ giúp Ban Phước Thiện NSW. Mở đầu Hiền Tỷ Nguyễn Thị Hồng Anh và Hiền Tỷ Nguyễn Thị Hồng Hoa trình bày cần phải có một cơ ngơi để làm Điện Thờ Phật Mẫu vì nhà mượn rất bất tiện, không đủ tiêu chuẩn và sẽ gây khó khăn cho Ban Phước Thiện về mặt chính quyền. Về việc này, Hiền Huỳnh Mai Công Minh, Đại diện cho Ban Phước Thiện NSW đã có liên lạc với Hội Đồng Thành Phố cho biết chánh quyền địa phương yêu cầu cơ-sở mình cần phải có những phương tiện như là bãi đậu xe, nhà vệ sinh, tránh tiếng ồn với láng giềng . . v . . v . . Vậy chúng ta cần phải gây quỹ để tạo cơ ngơi đủ tiêu chuẩn làm cơ-sở Đạo (Điện Thờ Phật Mẫu) Kế tiếp Hiền Huỳnh Mai Công Minh đề nghị thực hiện chương trình gây quỹ đầu tiên là tổ chức một bữa cơm chay gây quỹ. Việc liên lạc với nhà hàng, ban nhạc . . v . . v . . Huỳnh Minh sẽ đảm trách.

Toàn thể phiên họp đã tàn thành việc thực hiện một bữa cơm chay gây quỹ cho Ban Phước Thiện vì nó có tính cách vận động sự kết hợp, sự liên lạc mật thiết giữa đồng đạo với nhau mà từ trước đến giờ chúng ta chưa có thực hiện.

Tới đây phiên họp kết thúc và phiên họp kế tiếp là ngày 15-08-2004 để các nơi cho biết sơ khởi kết quả việc vận động gây quỹ cứu trợ nạn nhân ở Phi Châu và thảo luận các kế hoạch vận

động tài chánh dài lâu cho Ban Phước Thiện.

Buổi họp ngày 15-08-2004:

Trước đó 2 ngày đạo hữu Trần Ngọc Hạnh có báo cho HT Nguyễn Kim Triệu biết là Soeur Thanh Thủy sẽ đến Sydney vào ngày thứ bảy 14-08-2004 và Soeur sẽ đến lễ tại Điện Thờ Phật Mẫu và xin gặp mặt những vị đạo tâm Cao-Đài vào ngày 15-08-2004.

Vì chương trình có thay đổi nên Ban Tổ Chức phải sắp xếp lại chương trình họp vào ngày chủ nhật 15-08-2004 sẽ gồm thâu 2 chương trình một lượt:

- Đúc kết chương trình gây quỹ cứu trợ nạn nhân ở Phi Châu.
- Thảo luận việc thực hiện tổ chức bữa cơm gây quỹ Ban Phước Thiện.

* Đạo hữu Trần Ngọc Hạnh, thân hữu Lý Thành Trinh và đại diện các cơ-quan Đạo đã ngồi lại tổng kết số tiền đã quyên được là 5785 AUD (Năm ngàn bảy trăm tám mươi lăm Úc Kim) mà người có công nhất là đạo hữu Trần Ngọc Hạnh và thân hữu Lý Thành Trinh.

Lúc 11.00 giờ trưa, đạo hữu Tuyết Mai hướng dẫn Soeur Thanh Thủy đến Chánh Điện. Một tràng pháo tay chào mừng Soeur Thanh Thủy. Soeur Thanh Thủy chấp tay chào mừng những người hiện diện và quỳ xuống dưới Thiên vị Phật Mẫu và nói những lời tâm tình cảm ơn tín hữu Cao-Đài và thân hữu .

Trước khung cảnh trang nghiêm của cuộc tiếp xúc này, Soeur Thanh Thủy vì quá cảm động nên chỉ mở lời được câu chào mừng đầu tiên là:

” Kính thưa quý bác, quý chú, quý cô và các bạn.

Con vô cùng cảm ơn quý bác, quý chú . . . ”

rồi cô bật khóc, nghẹn ngào, không nói ra lời.

Đạo hữu Tuyết Mai ở bên cạnh vuốt lưng, nắm tay Soeur Thanh Thủy để giúp cô lấy lại bình tĩnh nhưng cô vẫn khóc nức nở trong khung cảnh trang nghiêm và mọi người đều nhìn vào cô với đôi mắt hiền hòa, thân thiết và trù mến.

Để Soeur Thanh Thủy cảm thấy tự nhiên như trước người cùng nhà với nhau Hiền Tài Nguyễn Kim Triệu nói với Soeur Thanh Thủy rằng ở đây gồm những người có thiện tâm mà Soeur nhìn qua sẽ thấy. Sự có mặt của Soeur ở đây là một thiện duyên vì ít có ai nghĩ rằng có một Soeur Công Giáo đang quì dưới chân Đức Phật Mẫu trao đổi câu chuyện cứu trợ những người nghèo đói bệnh tật tại các quốc gia ở tận Phi châu xa xăm.

Tôn giáo Cao-Đài là một tôn giáo hòa hợp. Mọi tín đồ đều có quan niệm Đức Chúa Trời, Đức Mẹ Maria bên Công Giáo là Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu trong Đạo Cao-Đài. Sự có mặt của Soeur ở đây hôm nay là một duyên lành và chúng ta đã cảm thông với nhau qua cái tâm bác ái từ bi..Vì vậy ,xin Soeur tự nhiên và kể lại cho chúng tôi nghe câu chuyện về những người nghèo đói bệnh tật tại Phi Châu mà Soeur là người có mặt tại đó, trực tiếp tiếp xúc với họ.

Soeur Thanh Thủy bắt đầu lấy lại tự nhiên, lấy khăn lau nước mắt và khởi đầu lại bằng lời chào mừng tất cả mọi người hiện diện.Soeur cho biết rằng dân bên Châu Phi rất nghèo vì thiên tai hạn hán, mưa lũ, mất mùa vì vậy họ cần có sự cứu trợ của Quỹ Lương Nông Quốc Tế và các Hội Từ Thiện trên thế giới.Bệnh Aids lan tràn và có gia đình tất cả mọi người đều mắc phải bệnh nguy hiểm này.Phong tục ở đó cũng rất xa lạ với chúng ta. Thí dụ như trong một gia đình có mấy anh em trai. Nếu người anh có vợ có con và khi người anh qua đời, thì người em trai phải cưới chị dâu. Ngược lại, nếu người em trai có gia đình mà người em trai qua đời thì người anh trai phải cưới em dâu.

Tuổi thọ người Phi Châu rất thấp, khoảng từ 35 đến 40 tuổi.

Khi trở lại Phi Châu và đi vào công tác, con (Soeur Thanh Thủy) sẽ mua thực phẩm như gạo, sữa, đường và thuốc chống bệnh Aids để giúp cho những người nghèo đói bệnh tật và cho họ biết rằng đây là quà của những tín hữu Cao-Đài ở NSW Úc Châu ggởi tặng họ và chắc chắn rằng họ sẽ rất cảm kích và tri ân.

Đến đây Hiền Tỷ Nguyễn Thị Hồng Hoa trao số tiền 5785 AUD (Năm ngàn bảy trăm tám mươi lăm Úc Kim) cho Soeur Thanh Thủy và thay mặt toàn thể những người hiện diện chúc Soeur

Thanh Thủy lên đường trở lại Phi Châu tiếp tục công tác thiện nguyện được kết quả tốt đẹp.

Mọi người vui mừng vỗ tay và Soeur Thanh Thủy hai tay nhận lấy gói tiền áp vào mình, cuối đầu chào mọi người một cách thật là cung kính.

Bữa ăn trưa bắt đầu lúc 12.00 giờ và nhà bếp Ban Phước Thiện chiêu đãi 2 món ăn là bánh ếch trần và phở thật ngon miệng vì lúc đó ai cũng thấy bụng cồn cào. Soeur Thanh Thủy ngồi giữa Tuyết Mai và Trần Ngọc Hạnh và nói rằng thật là duyên lành mà đài phát thanh đã nối dây thân ái giữa chúng ta với nhau tạo thành một kỷ niệm không bao giờ quên. Và họ nói chuyện thật tâm đắc như đã quen nhau từ lâu rồi.

Vào lúc 12.45 chương trình 2 được tiếp tục họp với túc số như lúc đầu, chỉ vắng Tuyết Mai và Soeur Thanh Thủy. Vị điều hành nhắc lại hôm 01-08-2004, buổi họp đã thỏa thuận tiến hành việc thực hiện bữa cơm gây quỹ cho Ban Phước Thiện tại nhà hàng Crystal Palace vào ngày 03-10-2004. Ngoài ra buổi họp cũng đồng ý trao cho 3 vị Mai Công Minh, Lê Tấn Tài, Mai Hòa Đường tiến hành phân phối vé cho các cơ-quan và cá-nhân tiêu thụ giùm, đồng thời phối hợp với Thanh Niên để sắp xếp bữa cơm gây quỹ cho được kết quả tốt đẹp. Huỳnh Mai Công Minh trình bày với đồng đạo các việc cần phải làm trong ngày 03-10-2004 và xin các cơ-quan phối hợp với nhau, cộng tác trong công việc vì đây là công việc chung và là danh dự của chúng ta. Sau đó Huỳnh Mai Công Minh phân phối phiếu cho các cơ-quan hiện diện. Trước tiên Huỳnh Mai Công Minh giao cho Ban Thế Đạo Úc Châu 5 bàn trong đó HTDP Lê Tấn Tài lấy 1 bàn, HTDP Võ Văn Phước lấy 1 bàn. Kế tiếp Hiền Tỷ Phan Thị Kim Xuyên lấy 10 bàn và lần lượt nhiều người nữa hưởng ứng, người lấy 1 bàn, người lấy 2 bàn. . v. . v. . . Kết quả việc phân phối bàn ăn rất tốt đẹp vì ai nấy cũng đều nhiệt tình trong việc đóng góp vào quỹ tạo mại Điện Thờ Phật Mẫu.

Trước khi chấm dứt buổi họp. HT Nguyễn Kim Triệu đã cảm ơn đồng đạo đã nhiệt tình tham gia 5 buổi họp liên tiếp từ ngày 11-07-2004 đến ngày nay. Vì Ban Phước Thiện còn quá nghèo nên

THÁNH NGÔN:

“Thầy hằng muốn cho các con hiệp chung nhau mở đường Chánh Giáo, phải biết tương thân ,tương ái, chia vui sẻ nhọc cho nhau mà điu dắt chúng sanh. Nếu vì chút phàm tâm mà chia đường phân rẽ, ghét nghịch lẫn nhau các con sẽ treo gương bất chánh cho kẻ sau, lại nền Đạo cũng vì đó mà khó mau thành đặng. Các con khá để ý đến, ấy là các con hiến dâng cho Thầy một sự thành kính trọng hậu đó.”

(TNHT, Q2, đàn cơ ngày 05-03-1927)

“Ngày nào Đạo nơi đây chưa hòa, người nơi đây chưa đủ sức kèm chế lấy nhau và chưa đủ tinh-thần ngay chánh chỉ nẻo dẫn đường, người Đạo chưa phé được tham danh chác lợi thì ngày ấy Đạo nơi đây chưa gọi là trọn thành, thì cũng chưa một ai mong khởi công mà tầm địa vị Thiêng Liêng được”.

(TNHT,Q2, đàn cơ ngày 18-07-1928 của Chơn Cực Lão Sư)

khi họp đồng đạo đã phải ngồi xếp bằng nơi Chánh Điện có khi kéo dài đến 5 tiếng đồng hồ. Tuy vậy dù có mỏi giò, đau lưng, song đồng đạo đã đi đến kết quả thực tiễn là cứu trợ đồng bào nghèo nàn bệnh tật ở Phi Châu và quyết tâm tạo mại cơ ngơi làm Điện thờ Phật Mẫu.

Ba mục tiêu đề ra là đẩy mạnh hoạt động Thanh Niên Đại Đạo, Vận động Thế Hệ Kế Thừa cho Ban Thế Đạo và gây quỹ cho Ban Phước Thiện và nếu chúng ta luôn luôn cố gắng thực hiện thì chắc chắn chúng ta sẽ thành công.

Buổi họp chấm dứt vào lúc 3 giờ chiều cùng ngày và trước khi ra về mọi người đều ghé qua nhà bếp để nhận một hộp chè làm quà .

Cao Thượng Chi

Tình Người

Truyện tình cảm xã-hội của Minh Hoàng

(tiếp theo các kỳ trước)

Sáng nào Quan cũng dành thì giờ tập luyện quyền cước, để hộ thân và rèn luyện gân cốt. Ngoài ra sau phần võ thuật Quan còn tập thể dục thẩm mỹ cho thân người nở nang cân đối. Như thường lệ, hôm nay Quan đang mặc quần đùi, ở trần tròng trọc, nằm dài trên ghế để nâng tạ. Tạ nặng đến hơn trăm ký lô. Một sức nặng hiếm người nâng nổi, đáng lẽ mỗi lần tập luyện là phải có người phụ giúp, nhưng trong đồng ruộng tìm đâu ra trợ tá. Quan bèn biến chế làm hai trụ gỗ hai bên, để đỡ tạ khi Quan muốn nghỉ. Quan mãi mê tập luyện, mồ hôi nhễ nhại, mình mẩy ướt đẫm như tắm. A Lìn đến, đứng quan sát hồi nào Quan cũng chẳng hay. Đến khi Quan nghỉ, ngồi dậy mới hay:

- Trời cô Lìn, ngọn gió nào đưa cô đến đây sớm quá vậy? Tôi không ngờ cô có thể đến tận hốc xó xinh này, cô lên hồi nào? Đi đường có mệt lắm không? Ngồi, ngồi tạm đây đi.

Ở giữa đồng hoang, được bạn đến thăm làm Quan mừng quýnh, nói thôi liền thoảng. A Lìn dương đôi mắt bồ câu đứng lặng nhìn Quan trần trối. Muốn thu hình ảnh của Quan nốt tận đáy lòng, nên không trả lời. Gương mặt Quan dạo này đã trở nên tuấn tú. Thân hình nở nang đều đặn, cân tràn nhựa sống. Da thịt hồng hào khỏe mạnh của Quan, như thổi Nam Châm cực đại, thu hút Lìn say sưa ngắm nghía, từ đầu đến chân. Lìn tưởng như mình đang chiêm ngưỡng thần tượng “Hercule” khả kính. Cõi lòng rạo rức, nôn nao, xao xuyến vô cùng, muốn sà ngay vào ôm chặt lấy Quan. Mặc cho hương yêu trời dậy. Để tình mùi mẫn ngất ngây, cho đời toàn màu hồng tươi rực rỡ trải đầy hoa thơm cỏ lạ khắp ruộng đồng. Hạnh phúc ngút ngàn

dương gian khó có...Mãi mê chìm chìm trong cảm giác tuyệt vời, khi sức tỉnh A Lìn mới thấy mồ hôi Quan vẫn còn ướt đầm:

- Ấy chết, để Lìn lau mồ hôi cho, kéo thắm vào cơ thể, bị binh đó!

Nói xong chẳng cần Quan có đồng ý hay không, Lìn mở túi xách, lấy khăn lau từng giọt mồ hôi trên mặt cho Quan thật là tiêm tể. Mùi đàn ông từ da thịt của Quan thoảng đưa vào mũi. Kích thích khứu giác, gợi lên một nguồn cảm hứng lâng lâng lạ lùng, làm cho sự khoái cảm càng dâng cao. A Lìn tê mê ngây ngất. Dù Quan tránh né thế nào cũng không thoát khỏi bàn tay mềm mại mơn man ve vuốt, lau đi lau lại khắp người...Quan chưa một lần được ai tận tâm chăm sóc như thế, nên động tác lau chùi nhẹ nhàng của A Lìn làm Quan cảm thấy phiêu diêu tiêu sái, ngỡ rằng mình lạc chốn Đào Nguyên...Sóng tình cuộn cuộn trào dâng, Quan nuốt ừng ực nước bọt vào lòng. Mắt đỏ ngầu, miệng thở phì phò như con bò mộng đang hồi hăng tiết giữa đấu trường...A Lìn ngây thơ nhơn nhơn như tiên nữ đẹp tuyệt trần, đôi má ửng hồng làn môi mọng thắm. Da trắng phau phau như màu bông bưởi. Thân hình dong dỏng cao, dáng đi nhẹ nhàng uyển chuyển trong chiếc áo dài “Xường xám” xẻ cao, lộ lộ đôi chân nõn nà càng thêm quyến rũ bội phần. Một hấp lực vô hình, nhưng mãnh liệt vô biên, lôi cuốn hai người hút xoáy vào nhau. Quan chệnh choáng như người say rượu, A Lìn men tình cuộn cuộn khó ngăn. Hai người quỵện chặt lấy nhau. Giống như sợi dây luộc hai tao: xoắn xuyết, nắn bóp, quấn quít, cào cấu, bầu vùi lấy nhau. Thật là chặt không đứt, bứt chẳng rời. Cả hai như muốn cắn, muốn xé, muốn nhai ngấu nghiến, nuốt chửng vào lòng mới vừa dạ. A Lìn với lên, vòng tay bầu chặt ót Quan, hai tay Quan áp sát vào mang tai giữ lấy đầu A Lìn. Sóng mắt chìm trong sóng mắt, đôi môi tìm lấy bờ môi...ghị sát...ghị sát...sát dần, sát dần...mũi cọ mũi...môi chực kề môi...Hai người đang đắm đuối tận hưởng giây phút hương tình nồng cháy...Chuyện gì đến, rồi sẽ đến. Trận mưa cuồng, gió lộng giữa đồng hoang, đang sôi sùng sục. Đôi mắt A Lìn lơ đãng, nhắm híp từ lâu và đã sẵn sàng chờ đợi. Bờ môi vừa chạm làn môi, làm Quan không còn chịu nổi nữa, mắt khép lại quyết ý vào cuộc du sơn. Quan

đang lúc lửa tình ngùn ngụt bốc lên thì hình ảnh cô Hai bỗng thoảng hiện trước mắt. Quan sực tỉnh, dừng lại bất thần, khiến A Lìn chơi vơi. Ghị mạnh đầu Quan, cắn vào môi một cái rướm máu! Quan thở ra, dìu Lìn lại bàn ngồi:

- Tôi bê bối quá, xin lỗi A Lìn nha, ngồi chơi cho mình đi tắm cái đã.

Lửa lòng A Lìn hãy còn sôi ngùn ngụt, ánh mắt long lanh nuối tiếc, tấm thân ngọc ngà chao đảo run run, bẽn lễn cúi đầu...Quan đi tắm trở vô:

- Mình ở nơi xa xôi hẻo lánh như thế này, nghĩ rằng, sẽ không có một người bạn nào đến đây thăm viếng. Hôm nay có mặt của A Lìn làm cho cánh đồng mênh mông này thêm hương sắc và đem lại cho mình một nguồn vui bất ngờ quá. Sao gia đình ông bà chủ vẫn khỏe cô Lìn nhỉ?

- Cám ơn anh ba mẹ vẫn khỏe.

Quan nhìn A Lìn, dọ giãm:

- Chuyến quan lâm này của A Lìn có gì đặc biệt không?

- Chẳng có gì cả, lên đây chỉ thăm anh thôi.

- Chơi được bao lâu?

- Chiều nay Lìn phải về rồi.

Trai đơn gái chiếc, cùng ở trong nhà giữa đồng không mong quạnh như thế này, chuyện gì sẽ xảy ra, làm sao biết được? Mới nghĩ thôi, Quan thấy lúng túng vô cùng:

- Nếu ở chơi được đến chiều, vậy mình đi câu cá nha, những tháng này, nắng khô nước cạn, cá gom xuống bầu giữa ruộng, đi câu rất vui và được nhiều cá lắm.

A Lìn nghĩ, mình chỉ quanh quẩn trong thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn ít khi ra khỏi ngoại ô, nay được ra đồng, ngồi bên cạnh, người mình yêu thích, vừa tâm sự vừa chờ cá ăn câu cũng lý thú lắm chứ:

- Được, được chúng ta đi câu nghe anh.

- Chúng ta đi câu cá rô vậy, hôm qua tôi định đi câu, nhưng quá bận không đi được, nên mỗi kiến vàng còn nguyên trên kệ kia.

- Rô trê gì cũng được mà anh, nhưng để Lìn thay bộ đồ ngắn cái đã.

Hai người ăn mặc gọn gàng, A Lìn đội chiếc nón lá cũ mềm, càng tăng vẻ đẹp tuyệt vời, chẳng khác nào người con gái Việt Nam quanh năm sống nơi miền thôn dã. Quan chập bốn cây cần câu vác lên vai, Lìn xách đọt đựng cá và cầm hai lon mồi. Quan trước Lìn sau, nường theo bờ đê hâm hử ra ruộng. Đến một cái bầu khá rộng, nước đục ngầu, cá ăn móng bì bõm khắp đó đây như nổi cơn sôi, mới nhìn thấy Lìn đã quúi cả tay chân. Quan chọn chỗ làm “mà” để câu. Lấy rơm bó chồng lên cao bên bờ bầu. Dìu A Lìn ngồi xuống, Quan dùng đầu cần câu thọt xuống nước, quây xoắn xoắn rồi nhón một nhúm trứng kiến, quăng xuống nước ngay chỗ vừa khuấy động để nhử. Cá đánh hơi xúm lại giành ăn, đớp mồi nghe ùng ục. Quan móc mồi vào lưỡi câu đưa cho Lìn một cần. Lìn thả câu, cái phao rơi vừa tới mặt nước, cá đã cắn mồi, lôi phao chạy ngời ngời...Lìn lúnh quýnh la ơi ơi...

- Anh Quan, làm sao, làm sao bây giờ?

- Giật lên, giật lên đi.

A Lìn lấy sức giật mạnh, nghe một cái vụt, thì ra chú “lồng tông đá” to tướng, mắc câu bị hất bay bổng lên cao, rơi xuống giữa giũa nhùng nhằng, ngoặt ngoẹo nhẹ đầu cần câu. A Lìn mới lần đầu trong đời câu được cá, dù đó là con cá lồng tông chẳng đáng gì, nhưng nường cũng hồi hộp lẫn khoan khoái:

- Làm sao nữa anh?

- Đặt cần câu xuống gỡ nó ra.

Con cá bé xíu mà A Lìn lầy quây mãi cũng không biết làm sao gỡ nó ra cho được, giọng nũng nịu:

- Anh giúp em đi.

- Lìn à, cái gì cũng có phương pháp và kỹ thuật của nó.

Muốn gỡ con cá ra khỏi lưỡi câu, một là đặt cần câu xuống đất, hai là cặp nó vào nách, để hai tay rảnh rang, rồi một tay nắm giữ con cá, còn tay kia nắm lưỡi câu gỡ nó ra mới được. Phải làm như thế này nè:

Nói xong Quan đến đứng bên cạnh Lìn, tay trái cầm tay trái, tay phải cầm tay phải hướng dẫn từng động tác cho A Lìn tháo lưỡi câu ra khỏi miệng con cá. Hai người vai kề vai, tay

trong tay. Oái oăm thay những thao tác vô tình cánh tay trong của Quan cọ nhẹ lên ngực làm mặt A Lìn đỏ rần, một khoái cảm nhẹ nhẹ lâng lâng. Mặt trời lên cao, ánh nắng chói chang khắp cánh đồng, cá cũng tập trung ẩn trú vào các góc rạ và bóng mát. Quan và A Lìn cũng đổi chỗ đời vô ngồi dưới tàng cây “trâm sừng” cạnh bờ bầu. Trời càng trưa cá càng cắn câu nhiều, đến lúc đứng bóng, cá mới bắt ăn câu đi. Lìn dừng tay lấy thức ăn ra:

- Bánh bao “Đồng Khánh” đây anh dùng thử xem có vừa miệng không?

- Chắc chắn là ngon rồi, gặp em anh mừng quá quên cả chuẩn bị thức ăn. May mà Lìn có đem lên. Nếu không hai đứa đói lả thôi!

Hai người vừa ăn, vừa câu, vừa chuyện trò rất vui vẻ. Cả hai đều tâm đắc về nhiều vấn đề: khoa học, xã hội, văn hóa, tâm linh và nhất là thương trường...Nhưng mỗi khi Lìn đề cập đến tình cảm thì Quan rất tế nhị hướng sang chuyện khác...Chàng và nàng mãi say mê nói chuyện vừa câu mà bắt cũng được rất nhiều cá. Ánh nắng càng hanh nồng, ăn bánh bao lại càng khát nước nhiều hơn. A Lìn lấy trái “Lê Tàu” từ trong xách ra đưa cho Quan, khổ nỗi ở giữa đồng làm gì có dao mà xẻ, đập thì nát hết còn gì! Ngắm trước nhìn sau không có cách gì hơn, Quan đưa lại cho Lìn:

- Thôi Lìn ăn đi cho đỡ khát.

A Lìn nũng nịu:

- Hồng thêm, ăn thì ăn chung chứ, Lìn không ăn một mình đâu.

Lìn cầm trái lê no tròn, cắn một miếng lớn, nhả ra, xoay sang Quan:

- Anh há miệng ra đi.

Quan nhìn Lìn cười cười:

- Chi vậy?

A Lìn thật duyên dáng, đưa ngón tay trở lên làm dấu “cấm nói” trước miệng mình:

- Suyt! Bí mật, không nói, Anh há miệng ra xem.

- Thôi! Quan sợ rồi, nữ chúa ơi.

Nói xong Quan nhắm mắt, ngược cổ, há miệng thật to, Lìn nhanh nhẹn bỏ miếng lê vào rồi bịt miệng Quan lại. Không khí oi bức, môi khô cần khó thở, Quan nhai, nhè nhẹ nước lê lành lạnh tươm ra mát cả miệng, mùi vị thanh thoả, thấm đậm làm cho người ta suốt đời khó mà quên được giá trị một miếng lê tuyệt vời đến như vậy. Quan có cảm giác khoan khoái trong lòng, A Lìn cũng ăn có vẻ hả hê lắm lắm.

- Thôi tay em bản lắm, không dứt cho anh nữa đâu.

Nói xong Lìn lại cắn một miếng lê thật to, xoay người lại đưa miệng sát vào miệng Quan, dùng lưỡi đẩy miếng lê chạy tọt vào miệng Quan, rồi cứ miếng ăn miếng “mớm”. Đôi bạn tràn đầy sinh lực vui tươi, cười đùa, thoảng chốc đã hết nhẩn trái lê hồi nào không hay mà cả hai dường như còn tiếc rẻ lắm.

Quan và Lìn về đến trại ruộng, trời đã xế bóng, hai người xúm nhau kể nấu cơm người làm cá. Ngoại trừ con cá lồng tồng đá A Lìn câu được đầu tiên, còn lại toàn là cá rô đồng thật to. Cá còn sống, đổ ra chạy rột rết trong rổ. A Lìn đi câu lần đầu trong đời, nên thật sự là rất vui mừng khi thấy kết quả như vậy:

- Ah! nhiều quá anh Quan ơi, bây giờ mình nấu món gì hở anh?

- Lìn có thích ăn cá rô kho tộ không? Thích cá rô chiên sơ rồi nấu canh chua không?

- Ngon lắm, ngon lắm, nghe anh kê thực đơn Lìn thấy đói chịu hết nổi rồi đây.

- Chưa đâu, để Quan làm thêm món độc đáo có một không hai đãi Lìn nghe.

- Món gì vậy anh?

- Đó là món: cá rô tươi “chiên xù”. Món này cuốn bánh tráng thì dù cho bào ngư, vi cá, hay sơn hào hải vị chưa chắc đã hơn. Lìn có dùng qua lần nào chưa?

- Mình có nghe nói, nhưng chưa có dịp thử qua.

- Món này ở các nhà hàng Sài Gòn và Chợ Lớn dù có đủ đầy phương tiện và nhiều gia vị, nhưng cũng không ngon như ở đây đâu.

- Tại sao vậy anh?

- Chẳng có gì khó hiểu cả, chỉ do thịt cá mà thôi.
- Nghe anh nói, Lìn lại càng không hiểu?
- Nếu Lìn để tâm một chút sẽ thấy sự khác biệt ngay.
Con cá ở nhà hàng mặc dầu nó cũng còn sống, nhưng nó đã bị bắt lâu ngày, nên ốm đi, nhất là sự khủng hoảng càng lâu con cá càng mất bản năng sinh động. Thịt cá sẽ “bở” đi, nên không ngon bằng con cá chúng ta vừa bắt lên và ăn liền, thịt cá còn để đặt béo ngọt hơn nhiều..

Đôi bạn mãi mê ăn uống, quán quít đùa giỡn bên nhau, ác vàng đã ngã về Tây hồi nào cũng chẳng hay. A Lìn vội vàng tạm biệt Quan ra về, trong giây phút chia tay cả hai đều ngậm ngùi luyến tiếc. Thời gian sao mà ngắn ngủi mới gặp lại chia xa rồi! Tay trong tay, tiễn bạn từng bước trên bờ đê dài ra xóm. Lìn nói rất ít, chỉ đăm đối nhìn Quan như nuốt trọn hình bóng của Quan vào lòng, Như muốn trút cạn muôn ngàn nỗi suy tư vương vấn trong lòng. Như gửi lại Quan trọn vẹn tim yêu đầu đời nồng thắm nhưng mãi ấp ủ trong lòng từ lâu! Đang đi, bỗng A Lìn đứng sững lại, ôm chầm lấy Quan giọt lệ lăn dài xuống má, ướt cả vai Quan:

- Thôi anh trở về trại đi, tiễn nhau ngàn dặm rồi cũng phải chia tay, mà Lìn hy vọng, hy vọng sẽ được... sẽ được... ở bên anh trọn cuộc đời này.

A Lìn “ấy” mạnh, dang xa Quan rồi vội vàng bước nhanh như lẩn trốn dư âm của nàng vừa nói và nét bi thương dâng tràn trong khóe mắt...Quan đứng lặng nhìn theo đến khi bóng Lìn mất hút, thở dài não nuột:

Giờ ta thấp kém đơn côi,
Thân tàn sa sút biết rồi về đâu..?
Tình nàng tuyệt đẹp muôn màu,
Chói chang lồng lộng như sao trên trời.
Ta chừ nhật ánh chiều rơi,
Nơi từng tội lỗi của thời đã qua..!
Tình nàng ta giữ trong ta,
Nhưng không thể gửi tình ta cho nàng..!

Đêm nay cũng như muôn ngàn đêm khác, cố gì trang trại lại hoang vắng lạ lùng! Cảnh vật như rơi vào u tịch tiêu sơ. Quan thấy cô đơn quanh quẽ làm sao, A Lìn về rồi mà dư hương hãy còn đọng lại, phảng phất quanh đây, Quan thấy cõi lòng se thắt. Nhiều lần Quan âm thầm tự nhủ:

Mình không có điều kiện, chẳng xứng A Lìn, mình không thể vị kỷ. Chỉ vì thỏa mãn dục vọng bản thân mà không thấy rõ thân phận của mình. Với đôi tay trắng, mình làm sao đem lại hạnh phúc cho A Lìn. Tương lai của nàng sẽ như thế nào đây? Chẳng lẽ sống nhờ bên A Lìn thì còn chi là sĩ khí của một nam nhi! Tóm lại mình không thể chấp nhận mối tình trong trắng cao quý của A Lìn được. Ta không muốn A Lìn phải sống đạm bạc, nheo nhóc và nàng suốt đời phải đeo đai khổ lụy vì mình! Lòng dạn lòng là thế mà sợi tơ vương vấn cứ mãi nhùng nhằng khiến Quan trần trở, giấc ngủ chập chờn chẳng yên...Lý giải là như thế, nhưng suy cho cùng, hỏi lại lòng, Quan thấy không vững, hình như còn có cái gì đó vô hình dung đã ngăn cách Quan và A Lìn. Quan có cảm giác đó mà không sao xác nhận được. Trời đã khuya khuya lắm, Quan trần trọc mãi rồi cũng thiếp đi...Dù vậy, hôm sau, khi trời hừng sáng, Quan đã ra khỏi nhà, bên ngoài hơi sương hãy còn lành lạnh, chim muông bay lượn, cần đuổi gọi nhau kêu la chí chóc bên cụm trúc cạnh nhà kho. Quan vừa đi vừa huýt sáo miệng liên tục, những bài tình ca bất hủ, âm thanh thánh thót giao hưởng cùng vạn vật, thật sinh động của buổi rạng đông nơi đồng nội. Người nghe thêm vui tươi phấn chấn, muốn vương lên. Quan hâm hở xắn cao tay áo, sẵn sàng bắt đầu cho một ngày mới...Bầu không khí trong lành, hương thơm mùi rạ mới cắt làm cho tâm hồn nghe lâng lâng nhẹ nhõm. Quan thong thả bước đều, mãi say sưa trước cảnh bình minh, nên cô Hai đến thật gần, Quan mới hay. Thấy Quan cô Hai điểm nụ cười thật rạng rỡ:

- Anh Quan!

Quan đứng lại nhìn sững nàng tiên yêu kiều diễm lệ, nét đẹp thùy mị dịu hiền thanh thoát. Nàng đang ung dung thông bước giữa cánh đồng. Quan càng nhìn càng say sưa đắm đuối, trống lòng đánh thành thịch liên hồi muốn vỡ tan lồng ngực. Tim

nhồi loạn nhịp, mạch máu căng phồng như ngừng vận chuyển. Trong khoảnh khắc, Quan ngỡ mình đang mơ, gặp được tiên nữ giáng trần và thật sự đã quên mình là ai, cứ cho mình là Nguyễn Triệu, là hoàng tử được may duyên hạnh ngộ cùng nàng công chúa đang lạc lõng giữa miền quê...! Bất gặp ánh mắt nồng cháy của Quan nhìn mình, tự nhiên mặt cô Hai đỏ bừng lên rồi lặng lẽ cúi đầu ngó xuống đất. Khi Quan sực tỉnh mới hoảng hốt:

- Ối chà, xin lỗi cô Hai, xin lỗi cô Hai, Thất kính quá! Mong cô Hai tha thứ cho sự cuồng tâm loạn trí, u mê vụng dại của tôi như vừa rồi, đừng trách.

Cô Hai nhìn Quan cười, cười:

- Anh đi đâu mà sớm quá vậy?

- Không giấu gì cô Hai, từ ngày tôi vô đây đã đi thăm tất cả Tá Điền của chúng ta rồi, chỉ còn một gia đình duy nhất đó là ông bà Dân. Hôm nay rảnh rồi tôi định đi thăm ông bà ấy.

Cô Hai nhìn Quan như muốn tìm hiểu điều gì, nhưng nụ cười vẫn đậm trên môi:

- Anh có thể cho tôi biết, tại sao ông bà Dân lại là người anh muốn đến thăm sau cùng không?

- Thưa cô Hai, thật ra cũng chẳng có gì đặc biệt cả, chỉ có điều nghe nói gia đình ông bà ấy ít người. Công việc làm ăn rất tốt. Không gặp khó khăn trở ngại gì, nên chẳng cần mình giúp đỡ. Hơn nữa nghe đâu ông bà ấy là người có học. Hoạt bác, luôn luôn vui vẻ và hòa nhã nên được lòng mọi người trong xóm. Vì vậy tôi muốn có nhiều thời gian để vừa thăm viếng vừa thảo luận. Hy vọng sẽ trao đổi học hỏi được nhiều, nhất là về kinh nghiệm sống, cũng như việc phát triển nông nghiệp của chúng ta tại đây, đồng thời tôi cũng muốn tìm hiểu thêm về tâm lý của Tá Điền, để cải đổi trong giao dịch và công việc, nhằm đôi bên đều có lợi. Thế thôi.

Nét ngài thêm phần rạng rỡ, nụ cười vẫn tươi, cô Hai:

- Việc anh, anh cứ lo. Tôi vô đây để mời anh về dự đám giỗ của Ba vào tuần sau. Đồng thời cũng báo anh rõ, nếu không gì trở ngại, kể từ ngày mai anh bàn giao tất cả công việc lại cho chú Tư trông coi như cũ. Anh về ngoài nhà phụ tôi lo chuyện khác, quan trọng và vất vả hơn, anh nghĩ sao?

Quan đáp như máy, không cần suy nghĩ:

- Tùy cô Hai quyết định, vậy giờ đến chiều tôi sắp xếp xong sẽ về ngay.

- Được, chiều về sớm, tôi chờ cơm anh.

*

- Sao, bánh mì hột gà, anh ăn thấy ngon miệng không?

- Dạ, ngon lắm cô Hai,

- Nếu ngon thì ăn đi, hôm nay lại vất vả cho anh nữa rồi đó.

- Việc gì vậy cô Hai?

- Cũng chẳng có gì quá lắm đâu, chỉ có điều tuần sau là giỗ ông già. Tôi muốn nhờ anh một lần nữa, cố gắng để hết tâm sức chỉnh trang giùm hai ngôi mộ, đặc biệt lần này anh cứ tùy tiện phát huy sáng kiến, sửa đổi, trồng hoa thêm bớt, cắt xén cỏ rác, rửa rái ngôi mộ theo ý anh. Đáng lý tôi phải làm với anh, nhưng tôi còn nhiều việc phải chuẩn bị mới kịp. Mong anh thông cảm tận tình trong việc này. Anh thấy sao?

- Xin cô Hai an tâm, vì cô Hai tôi làm tất cả, tôi xem việc của cô Hai là việc của tôi.

Cô Hai có vẻ hài lòng lắm:

- Anh nói phải nhớ lời đó nghe. Để xem anh có vì tôi mà làm tất cả không? Anh có ba ngày để tu chỉnh công việc ngoài mộ, xin anh đừng để trễ nha. Vì ngày thứ tư mình còn dọn dẹp lau chùi bàn thờ, lư đèn, chưng hoa quả nữa. Đặc biệt là khánh thờ “Thầy” bàn thờ cha mẹ phải tươm tất. Trái cây và hoa tươi người ta sẽ đem đến buổi chiều hôm trước ngày giỗ, anh nên sẵn sàng tiếp nhận và chưng bày lên khắp các bàn thờ.

- Cô Hai hãy an lòng, nếu cô cho phép, tôi xin được xem công việc này là chính công việc của tôi. Ông Bà, Cha Mẹ của cô Hai như Ông Bà Cha Mẹ của tôi. Tôi sẽ trang trọng và tự nguyện, hăng hái, vui vẻ làm tận sức của mình.

- Thấy anh có tình như vậy, tôi mừng lắm. Anh uống cà phê sữa đi, tôi làm cho anh đó. Uống xong, chúng ta đốt nhang lay bàn thờ cha mẹ, rồi anh hẳn đi làm nha?

Mới ba giờ sáng mà thanh niên trai tráng trong xóm đã tề tựu rất đông, người lo dựng một cái rạp thật to và dài hết cả sân trước nhà cô Hai. Kẻ sắp xếp bàn ghế, ván phên chuẩn bị đầy đủ chỗ ngồi cho hơn ba trăm khách. Mỗi người trang hoàng mỗi vẻ, ai có sáng kiến gì cứ mặc tình tô điểm, miễn sao có mỹ quan cho cái rạp là được. Quý vị lớn tuổi thì lấy tàu dừa và đung đỉnh làm hàng rào và khung ngăn. Các bạn trẻ chằm chú đơm bông kết tụi, treo hoa giấy, rực rỡ muôn màu thật là đẹp. Cô Hai thấy thiện chí của mỗi người, ai cũng muốn làm điều gì đó thật tốt cho gia đình mình. Cô rất xúc động và tự nghĩ sao lại có sự tấu xảo kỳ lạ, anh em làm cái rạp quá lộng lẫy giống như rạp đám cưới miền quê! Ở nhà dưới, các bà các cô cũng lo gói bánh, nấu nướng ỉ xèo, tất cả đều chuẩn bị cho ngày chánh giỗ. Sau bữa cơm tối, những người đến phụ giúp đều lần lượt ra về. Ngôi nhà trở lại yên tĩnh, cô Hai dọn dẹp tắm rửa xong, lên ngồi nơi bàn giữa. Cô nhìn bàn thờ cha mẹ hồi lâu, không biết cảm xúc điều chi, có thể nhớ cha thương mẹ, có thể đê mê tàn tạ tịch mịch hay nỗi cô đơn quạnh cảnh xúc tác tâm can. Cô Hai muốn thố lộ những gì tàng ẩn từ lâu hoặc muốn gỡ rối tơ lòng cho bạn, Cô cất giọng nhẹ nhàng trong trẻo:

- Anh Quan ơi! làm gì đó? Lên đây nói chuyện cho vui.

- Dạ, tôi lên liền cô Hai.

Cô Hai rót hai tách trà bóc khói, hương thơm mùi hoa lài thoang thoảng:

- Ngồi uống trà đi anh.

Quan ngồi xuống bưng tách trà uống tự nhiên:

- Đêm lạnh, uống trà thơm nóng hổi, cũng ấm dạ và nghe cảm khái vô cùng! Những đêm về, cô Hai có uống thường không?

- Ít khi lắm anh ạ, còn anh thì sao?

- Không giấu gì cô Hai, trước đây tôi cũng “hư đốn” lắm, nhưng bây giờ rượu trà đối với tôi không còn là vấn đề quan trọng nữa. Đôi khi cũng có mà tùy lúc, tùy thời, tùy công việc, nói cho cùng dùng nó để xả giao thôi!

Dưới ánh đèn, cô Hai tươi cười, ánh mắt lóng lánh nhìn Quan, giọng thật dịu dàng thân ái:

- Anh Quan này, tôi có một vấn đề rất quan trọng, muốn hỏi anh, anh có thật lòng trả lời cho tôi không?

- Cô Hai! Thật ra sau ngày được “hồi sinh”, tôi tự hứa, nhất là kể từ ngày nhập môn vào Đạo, tôi đã thệ nguyện: quyết giữ gìn ngũ giới cấm, không dám gian dối nửa lời, có chi xin cô Hai cứ tự nhiên hỏi.

- Được anh cho phép, tôi xin trực đề nha. Vậy mối tình giữa anh và A Lìn nay đến đâu rồi? Tôi nói thì nói vậy, nhưng anh không thích, anh có thể xem như tôi chưa hỏi gì!

Quan có một thoáng trầm tư, vẻ buồn lơ lửng trên gương mặt:

- Cô Hai à! Thật ra nếu Cô không hỏi, có dịp nào đó tôi cũng tâm sự cùng Cô, mong Cô gỡ rối giùm chuyện này.

- Anh đừng ngại, tôi hỏi anh cũng chỉ muốn thành toàn tâm nguyện của A Lìn và anh đó thôi.

- Tôi chân thành cảm ơn cô Hai có mỹ ý cao đẹp như vậy, nhưng đây lại là một vấn đề khá tế nhị.

- “Vấn đề tế nhị” là sao, anh có thể cho tôi biết rõ hơn không?

- Quả thật A Lìn có nhiều tình cảm dành cho tôi và nàng cũng muốn chúng tôi tiến xa hơn nữa, nhưng...

Quan nói đến đây lại ngưng bật, cô Hai nhìn Quan đắm đắm...thở dài:

- Tại sao?

- Tại vì tôi thấy, chúng tôi không thể nào tiến xa hơn được.

Cô Hai nhìn Quan có vẻ kém vui và không hiểu nổi, sự việc có gì rắc rối cho hai người?

- Mà tại sao không thể tiến xa hơn nữa mới được chứ? Anh chê cô ta à? Đâu có lý, nàng đủ đầy sức khỏe, trẻ đẹp duyên dáng đáng yêu. Bật thiệp và giỏi giang trên phương diện thương mại, hơn nữa giàu sang, địa vị cao trong xã hội, nhiều người đeo đuổi ngắm ghé, đâu phải của thừa ế ẩm gì, tại sao anh lại chê?

-Cô Hai tưởng tôi là ai mà dám chê! Tôi đồng ý với Cô,

nàng rất ưu tú, chẳng có điểm nào chê được. Ai cưới được nàng là người có phúc đức lớn, tuy nhiên tôi không dám đáp lại tình nàng mà thôi!

- Tại sao anh không dám mới được chứ?

Quan cúi đầu suy tư, hồi lâu:

- Như cô Hai thấy đó, nàng thì trên cao vọi vọi, còn tôi ở tận cùng của trung tâm trái đất. Khác nào con cóc mà muốn leo thang, hay đòi ăn thịt thiên nga! Há chẳng làm trò cười cho mọi người hay sao? Thân phận và địa vị đã minh định ranh giới rõ ràng rồi còn mơ mộng mà chi!

- Với lối suy nghĩ của anh, tôi không hẳn đồng ý, anh nghĩ rằng tất cả các cuộc hôn nhân đều phải môn đăng hộ đối, địa vị, tiền tài giàu sang hay sao?

- Đời thường là như vậy, thưa cô Hai.

- Anh không tin rằng có thể có một số người dám đoạn tuyệt quá khứ, quẳng tất cả quyền lợi địa vị của thời vàng son. Chỉ còn lại hai trái tim, hiểu biết nhau, thương yêu chân thành. Nguyên sống chết bên nhau trong mái tranh nghèo, sống cuộc đời đơn giản hay sao?

- Trên lý tưởng của tình yêu thì có, nhưng trên thực tế, thế gian được mấy người dám dang hiến trọn vẹn cuộc đời mình, trong kham khổ cho tình yêu, thưa Cô.

- Anh cố biện giải hay là không dám đương đầu đối kháng, vượt những trở ngại khó khăn trước mắt, nên đành cúi đầu tuân phục cái anh cho là nghịch cảnh?

- Cũng có thể cho tôi là kẻ ươn hèn, nhưng nội tâm còn tiềm tàng những điều tối trọng khó nói nên lời!

Thấy Quan tràn ngập trắc ẩn trong lòng, cô Hai cũng ái ngại:

- Anh Quan à, muốn giải quyết một vấn đề gì cho đến nơi đến chốn, ta phải nhận chân giá trị thực sự của nó, có nghĩa là ta phải nói thật, thấy thật thì mới có thể lý giải ra đáp số đúng được. Vậy thì gút mắc thật của nó là gì?

Quan soi rọi lại trong đầu, phân tách từng sự việc, từng vấn đề, rồi loại dần, loại dần những vấn đề phức tạp...Cuối

cùng tồn động một vấn đề dù cố tình gạt bỏ nhiều lần, nhưng cũng không sao xóa đi được:

- Đó là trái tim!

- Chẳng lẽ A Lìn không yêu thật, không dâng trọn trái tim sao? Hay Quan e ngại không thể làm chủ trái tim nàng mãi mãi được?

- Không phải vậy đâu cô Hai, trái tim tôi nói, không phải trái tim của nàng mà là trái tim của tôi.

Cô Hai hết sức ngạc nhiên:

- Trái tim của anh?

- Dạ, trái tim của tôi!

- Anh nói tôi buồn cười quá đi thôi, chẳng lẽ trái tim của anh đã đầy tràn, không còn ngăn nào chứa được nàng nữa sao?

- Cô Hai lại hiểu lầm ý tôi nữa rồi, trước đây tôi có nói: “Trái tim của tôi đã tan nát, nhầy nhụa quá nhiều đau thương trong tình trường”. Nay vừa mới phục hồi đôi chút. Dù vậy, A Lìn cũng không phải là đối tượng thật sự nên tôi không thể nói nên lời.

- Nếu anh cho nàng không phải là “đối tượng” của tim yêu, tại sao anh không tổ thái độ dứt khoát, để nàng hiểu mà khỏi ôm ấp khối tình si dai dẳng? Anh há chẳng biết: “yêu nhau một phút để ôm sầu vạn kiếp” hay sao?

- Nói thì dễ, nhưng vào thực tế nó khó khăn vô cùng. Tôi không muốn làm nàng bị chạm tự ái rồi đau lòng, có khi sanh hận là khác, vì vậy nên tiến thoái lưỡng nan, chẳng biết làm sao cho vẹn vẽ đôi bề!

- Có thực là anh không yêu nàng? Đừng tự lừa dối mình, có hiểu con tim mình thật đích xác anh mới tháo gỡ mối tơ này được.

- Quả tình, tôi không tránh khỏi đôi lúc bị xoắn xang trong lòng, trước tấm chân tình tốt đẹp của nàng, nhưng cảm giác đó, không phải là tình yêu chân chính từ trái tim tôi. Đó chỉ là sự run động giữa hai giới tính khi gần gũi mà thôi!

Thoáng nổi ái hoài, hồi lâu cô Hai:

- Với tư cách một người bạn, tôi thành thật khuyên anh. Hãy hỏi lại trái tim mình, nếu anh yêu nàng thật tình mà anh

ngại ngừng mình không xứng đáng, hay mình hàn vi, không địa vị, không quyền thế trong xã hội...Tôi sẽ giúp anh có đủ mọi thứ, để thực hiện mộng lòng mà tôi không đòi hỏi báo. Anh nghĩ sao?

- Thưa cô Hai, trước hết tôi xin cảm ơn thành ý của Cô muốn cứu giúp tôi đến kỳ cùng. Nhưng tôi đã suy nghĩ rất nhiều rồi, cảm tình và quý mến của tôi đối với A Lìn thì có mà yêu thì không.

Đôi mắt cô Hai như đượm vẻ buồn, cô nhếch môi cười:

- Vậy thì trái tim anh vẫn còn ấp ủ hình bóng xa xưa? Không xóa mờ đi được?

- Cô Hai à, hình xưa bóng cũ đã chết lâu rồi, đôi khi cũng còn nhớ lại, nhưng nhớ lại trong đau đớn hận thù, chua xót thêm cho mình mà thôi.

- Anh dám nói, tim anh bây giờ không ẩn chứa một bóng hình nào khác?

Quan nhìn cô Hai trân trân, sao lại cô thấy rõ tận đáy lòng mình như vậy!

- Thú thật không có việc gì thoát nổi nhãn lực của cô Hai. Qua biến cố cuộc đời, tôi nghĩ rằng, trái tim tôi đã thành thép lạnh từ lâu, thế mà hương yêu vẫn còn len lén trở dậy trong trái tim khô cằn!

- Tim đã chết, khi sống lại, tình yêu này sẽ mãnh liệt vô biên phải không anh? Đã hứa hẹn gì chưa? Mà người đó lại không phải A Lìn?

- Đó là điều làm tôi ray rứt, bứt xúc khôn nói nên lời.

- Anh Quan này, như vậy giữa anh và A Lìn không còn đường hướng nào khả dĩ tiến tới tốt đẹp hơn sao?

Chẳng cần suy nghĩ:

- Tôi và A Lìn chỉ có tình bạn thôi. Không nên làm cho nàng phải đau khổ vì tôi cả đời!

Cô Hai đưa mắt ngó lên bàn thờ, Cô thở ra đôi mắt đậm buồn:

- Nghiệp trần, mỗi người một số kiếp đáng thương..! Vậy người lý tưởng mới đây của anh là ai? Ở đâu? Tôi có biết không?

Quan ngồi trầm lặng, hai người nhìn nhau. Tiếng quả lắc đồng hồ treo trên tường kêu “tình tịch” đều đặn...Hồi lâu, Quan lấy hết can đảm:

- Người làm cho trái tim “thép lạnh” của tôi, phải chảy tan ra như dòng phún thạch của hỏa diệm sơn, cuộn cuộn dâng cao, tỏa rộng cả vòm trời! Người cô Hai biết mà không biết, gần trong gang tấc như xa vạn trùng..!

Cô Hai nhìn Quan, nhìn bàn thờ, nhưng lòng như để tậu đầu đầu...Cô thoáng thở dài..! Chẳng biết vô tình hay cố ý với giọng đờm buồn xa xôi..:

- Anh Quan, anh từng nói, anh rất quý mến và muốn tâm sự với tôi, giờ này chỉ có tôi và anh. Nếu anh thích, anh có thể kể sơ về quá khứ. Lúc song thân còn sinh tiền và những cuộc tình đã đi qua đời anh?

Quan nhìn làn khói bốc lên từ bàn thờ, lung linh phiêu phưởng, thoáng hiện mỏng manh rồi tan biến trong không gian mờ ảo dưới ánh đèn dầu. Mùi trầm hương tỏa rộng thoang thoảng đó đây. Quan hồi tưởng cuộc đời khác chi cơn ác mộng mê lương trong biển trần khổ, giọng thật đau buồn, tràn đầy niềm đau da diết!

- Tôi sinh ra trong gia đình tương đối khá giả, được cha mẹ cưng chiều. Từ đó tôi ỷ lại vào song thân, không bao giờ quan tâm đến công việc làm ăn của cha mẹ, việc đồng áng ruộng nương tôi chẳng ngó ngàng. Thậm chí không biết ruộng đất gia đình được bao nhiêu? Tá điền là những ai? Bà con cô bác, họ hàng ở đâu? Chỉ biết mình là một “cậu ấm” tha hồ tiêu xài hoang phí! Hồ hết ra lệnh mà chẳng cần quan tâm đến kẻ khác! Cha mẹ lại muốn tôi trở nên người có học, có kiến thức hơn người. Cho tôi đi Sàigòn để học. Tôi học hành chẳng bao nhiêu, dành thì giờ đi chơi với bạn bè, để rồi sa vào “bẫy tình”, người ta giảng sẵn. Say mê ăn chơi đến nỗi cha mẹ chết không về. Tệ hại hơn, khi cha mẹ vừa nằm xuống. Tôi bán tất cả tài sản cha mẹ để lại, của cải mà Người phải chịu cực khổ suốt một đời, chắt mót dành dụm từng đồng từng cắc mới tạo dựng nên. Trong khi tôi đang ngụp lặn trong bẫy tình của LyLy. Bỏ học hành, cha mẹ tôi thấy tôi hư đốn, muốn cưới vợ cho tôi, để kèm

chân tôi, chôn vùi cuộc đời quanh năm với nghề ruộng rẫy! Nói cho cùng không phải tôi khinh khi nông nghiệp, nhưng tôi chỉ không thích mà thôi! Sau khi đốt hết tiền, mối tình đầu tan rã, Lyly đã phụ bạc, bạn bè trốn lánh. Tôi lâm vào đường cùng, đành hủy xác thân xuống dòng sông cho xong cuộc đời tội lỗi! Nhưng nghiệp trần chưa dứt, được các em đánh giày cứu vớt rồi gặp chú Ba, đến việc tao ngộ cùng cô Hai. Nhiều khi nhớ đến người vợ trên danh nghĩa của tôi do cha mẹ định đoạt. Tôi không biết nàng bây giờ ra sao? Có còn ở bên núp mồ để phụng thờ cha mẹ tôi, hay đã trôi dạt tận phương nào rồi! Hương hồn cha mẹ có còn quần quít bên núp mộ hay đã xiêu mồ lạc mả..!

Quan cắn môi ghì tiếng khóc, nhưng nước mắt đã doanh trông. Giọt nước mắt bi thương này Quan dành cho ai? Cho người quá vãng hay kẻ vô phần? Không ai thấu được, nhưng đáng Quan thật đoạn trường..!

- Anh có biết nàng tên gì, con cái nhà ai, ở đâu không?

Quan cúi gầm mặt, hai tay ôm lấy đầu, vẻ nào nề chua chát tận cùng:

- Tôi chỉ biết nàng tên Lành, con một tá điền của phụ thân tôi. Thế thôi!

- Anh có về quê cúng bái mả mồ mẹ cha, tìm lại nàng và bà con thân thuộc không?

Quan ngược nhìn cô Hai, giọng nghẹn ngào:

- Với thân tàn ma dại, đời trai đã mai một, danh dự còn đâu. Người chẳng ra người, ma chẳng phải ma. Mặt mũi nào tôi dám gặp ai nữa hở cô Hai!?

- Quê anh hồi trước ở đâu?

Quan đỡ đầu, buông từng tiếng:

- Đây chính là quê tôi, nhưng chỉ có mấy năm mà người ta khai quang làm phai mờ vết tích khó phân định. Đường sá thay đổi quá nhiều, lúc tuổi trẻ tôi lại chẳng để ý. Mộ phần mẹ cha cũng lở là, nên tôi chưa tìm được dấu xưa lối cũ. Có cơ hội, tôi quyết tìm về tạ tội với vong hồn cha mẹ tôi.

Cô Hai quan sát Quan rất chăm chú:

- Còn người con gái, vợ trên danh nghĩa của anh thì sao?

-

Có lẽ nàng đã có chồng rồi, tội gì chờ một người chồng tác tệ như tôi.

- Anh đừng đánh giá nàng quá thấp như vậy, biết đâu nàng phải chịu muôn cay ngàn đắng, hầm hút cháo rau lo phụng thờ cha mẹ chồng! Giả như nàng vẫn giữ tấm băng trinh, xuất giá tòng phu, sống trọn vẹn cho gia đình nhà chồng thì anh giải quyết làm sao?

Nghe cô Hai phân bày Quan ngồi chết trân, không nói nên lời. Trầm ngâm lâu lắm, rồi lắc đầu:

- Tôi không nghĩ ở vào thời buổi này, lại còn hạ người con gái, có tiết hạnh thiết thạc, đoan trang và hành tàng khả kính đến như vậy!

- Anh không tin? hay chẳng dám tin?

- Tôi không thể tin nổi!

- Tôi thường khuyên anh, ở đời đừng nói cái gì cũng tuyệt đối. Những gì anh cho là không có, nếu như có thì sao? Anh đối xử thế nào mới hợp tình hợp lý? Vì chưa chi anh đã có đối tượng khác trong lòng rồi!

Quan ngồi há hốc mồm như mếu nhìn cô Hai, nhưng cũng chống chế:

- Nói chi thì nói, tôi không thể nào tin nổi, một người con gái ở thế kỷ 19 này, lại nhẫn nhục chịu đựng được hoàn cảnh éo le, phòng không cô quạnh bao năm. Kiên tâm chờ đợi người chồng do cha mẹ định và biết rằng người chồng ấy không yêu mình!

Cô Hai nhìn Quan lộ vẻ không hài lòng:

- Anh nói như vậy kể cũng hay. Thế thì anh nghĩ sao, khi cha mẹ đôi bên đồng thuận, trong việc gả cưới và cho cô gái về làm dâu nhà chồng suốt bao năm. Không nói về tình chỉ nói lý thôi, người con gái ấy có quyền là con dâu, là một thành viên trong gia đình nhà chồng chưa?

Quan không còn biện giải vào đâu được nữa, đành gật đầu chấp nhận:

- Đúng, đúng vậy thôi.

(còn tiếp một kỳ)

Cô Gái Việt và Người Chiến Binh Mỹ

Truyện dài tình cảm xã hội của Ngành Mai

(tiếp theo các kỳ trước và hết)

MỤC TIÊU Ở CÁC NGÔI CHÙA

Khi chia tay Quỳnh Chi tại phi trường Tân Sơn Nhất vào cuối tháng tư 1975, Bill trở lại Mỹ và tâm trạng cũng không khác chi lần trước bị thương được đưa về đây, muốn liên lạc với cô nhưng không có cách nào hơn vì “Bức Màn Sắt” đã buông xuống! Chàng và Quỳnh Chi dù ở trên mặt đất với nhau, nhưng chẳng khác gì hai thế giới riêng biệt.

Bill buồn bã quá không tha thiết đến làm ăn hay xây dựng tương lai gì hết, nhưng nhờ vợ chồng Sang khuyên lơn, đồng thời kể lại muôn vàn khốn khổ, những chia ly mất mát của người dân Việt Nam trong thời chiến tranh, cũng khổ đau không kém gì chàng. Nghe thế Bill ráng gắng gượng lo làm ăn cho khuây lảng bớt, nhưng vẫn hằng ngày nuôi ý nghĩ đi tìm kiếm người yêu.

Song thân Bill thấy đã trải qua nhiều năm mà trong tương mục của chàng không có “vợ”, nên ông bà tiếp tục bỏ thêm tiền cho Bill đến vài triệu. Nhờ tiền trong ngân hàng một ngày một tăng, Bill hùn hạp làm ăn với một công ty sản xuất nhu liệu điện tử, và do số vốn lớn nên chàng cùng với vài người giàu có, đương nhiên là thành phần Ban Quản Trị.

Hằng tháng Ban Giám Đốc điều hành công ty gửi bản tường

trình, và tháng nào cũng như tháng nào! Bill chỉ xem qua mục lỗi lời, cùng vài báo cáo hoạt động quan trọng mà thôi, chứ chẳng bao giờ xem kỹ tình hình của hãng ở các mục khác, như thành phần nhân viên chẳng hạn. Tâm trí cứ luôn luôn nghĩ đến việc đi tìm Quỳnh Chi, hình ảnh cô gái Việt cứ chập chờn trong mọi sinh hoạt hằng ngày. Bởi thế mà ít khi nào chàng kiểm soát việc điều hành của cơ sở, quanh năm suốt tháng chẳng bao giờ vào hãng để xem sự làm việc của công nhân, nhưng cái may mắn là công ty lại làm ăn một ngày một thêm phát đạt.

Hôm nay trên đường từ Việt Nam về, Bill ghé lại Washington D.C. thăm vợ chồng Sang và luôn tiện báo lại những sự việc của chuyến đi Việt Nam lần thứ 3 vừa trở về, bởi lúc này anh vẫn còn là cố vấn cho chàng nhiều việc.

Riêng Sang sau ngày chế độ Việt Nam Cộng Hòa “sập tiệm”, anh phải rời căn nhà của Sứ Quán thuê cho ở trước đây, vì đâu còn ai trả tiền nữa! Cả ông Đại Sứ mà cũng còn “cuốn gói” ra đi hướng hồ gì Sang! Do đó anh xin tỵ nạn và đi làm cho một hãng tư cũng ở vùng Hoa Thịnh Đốn.

Hôm nay Thu Hồng đi làm chưa về, chỉ có một mình Sang ở nhà. Khi nghe Bill tường trình rõ ràng từng chi tiết mọi việc tiếp xúc hỏi thăm ở quê nhà, từ Gia Định, Hốc Môn đến Long Hải v.v...

Sang lắng nghe đồng thời thỉnh thoảng hỏi thêm những gút mắc cần thiết cho sự suy đoán, và sau khi nghĩ ngợi một hồi lâu, cuối cùng anh kết luận:

- Theo như lời cậu kể nãy giờ, tôi xét đoán rất có thể cô ấy đã đi vượt biên ở bãi biển Long Hải hôm cô mất tích.

Bill lắc đầu:

- Không thể có vấn đề đó được đâu anh, vì Ni sư Như Liên là người thân không khác chi là mẹ, thì không lẽ Quỳnh Chi lại giấu luôn không nói một tiếng nào!

- Tại cậu không biết chớ ở Việt Nam vấn đề vượt biên người ta giấu dữ lắm, kể cả những người thân nhất của mình như cha mẹ vợ con. Hơn nữa có thể cô ấy nghĩ nếu nói ra sự thật thì thế nào cũng bị ni sư can ngăn, bởi bà lo sợ cô đi sẽ gặp hiểm nguy trên biển cả.

- Anh nghĩ như vậy à!

Sang cười gật đầu:

- Vì căn cứ vào số người vượt thoát được, họ kể lại là trước khi đi vượt biên người ta giấu đến nỗi cứ mở truyền hình để lại cho hát tối ngày, giống như trong nhà đang có người vậy. Lối xóm lân cận đâu có ai biết, đến chừng đánh điện về cho bà con, lúc ấy chính quyền đến mở cửa thì truyền hình radio vẫn còn hát.

- Vậy theo như anh thì một phần lớn là cổ đã đi vượt biên từ hôm bữa đó.

- Đúng vậy! Bởi vượt biên có nhiều hình thức lắm, có người họ không dự tính gì cả, nhưng phút chót thấy người ta đi thì cũng lên tàu đi luôn.

Thấy Bill gật đầu nhẹ rồi dăm chiêu suy nghĩ, Sang nói tiếp:

- Cũng có người bị bắt buộc phải đi.

- Lại có chuyện bị bắt đi nữa sao?

- Sao lại không! Có những người ngồi tàu để đi buôn bán hoặc đi lo công việc riêng gì đó, lại nhằm ngay chiếc tàu bị cướp, buộc phải quay mũi chạy ra biển. Cũng có người vô tình sơ rở ngay chỗ lên tàu của người ta nên bị bắt đi luôn.

Bill gật đầu liên tiếp mấy cái:

- Lý của anh rất vững, nhưng nếu đi vượt biên thì đi nước nào đây? làm sao để tìm kiếm hoặc có thể chết trên biển nữa!

- Cái đó là số trời! Nhưng cậu đã quyết tâm tìm kiếm thì cũng phải có mục tiêu, chứ kiếm khơi khơi thì khó có kết quả.

- Mục tiêu! Mục tiêu nào vậy anh?

- Căn cứ vào những dữ kiện của cậu kể, tôi suy đoán theo thiển ý của người Việt Nam, thì cô Quỳnh Chi cũng như mọi người Việt khác rất sùng đạo, rất kính trọng tôn giáo, do đó tôi nghĩ rằng cô Quỳnh Chi ít nhiều gì cũng có liên hệ đến chùa chiền. Nếu cô còn sống và được đi định cư, thì dù bất cứ ở nước nào cô cũng đến chùa lễ Phật.

- Cô ấy đến chùa à!

- Phải! Theo lời của Ni sư Như Liên ở Long Hải kể cho cậu nghe thì cô Quỳnh Chi là con “cầu tự”, từ ngày chia cách với cậu có nhiều người hỏi cưới, chẳng những cô không bằng lòng mà lại còn muốn đi tu nữa.

- Ni sư Như Liên có nói với tôi như vậy!
- Hơn nữa hôm bữa mất tích tại Long Hải, cô Quỳnh Chi đang mặc bộ đồ ni cô, một người mộ đạo đến như vậy thì không lẽ khi được đi định cư ở nước ngoài, cô lại bỏ chùa chiền hay sao? Dù cho cô ấy có chồng đi nữa thì cũng đi lễ chùa.
- Anh nói có lý! Vậy bây giờ tôi...
Sang nói liền:
- Theo tôi thì cậu không phải đi tìm kiếm tùm lum nữa mất công, mất nhiều thì giờ mà kết quả thì lại quá xa vời. Vậy bây giờ cậu thử đi tìm ở các ngôi chùa, những nơi có nhiều phật tử Việt Nam thường lui tới xem sao. Tôi nghĩ cậu rất có hy vọng sẽ gặp được cô Quỳnh Chi nếu như cô ta còn sống.
Trầm ngâm nghĩ ngợi một lúc Bill nói thắm: Rất có thể lắm! Có mục tiêu cũng còn hy vọng, bằng hơn là không có gì hết rồi đi kiếm mông lung.
Có hơi tự tin đôi chút Bill nói:
- Tôi nghe lời anh sẽ đi tìm ở các ngôi chùa, vùng này không có thì tôi đi vùng khác, nếu không gặp được ở đây, tôi có thể sang những nước có nhiều người Việt định cư và mục tiêu tìm kiếm vẫn là các ngôi chùa...

CHƯƠNG 9

TAO NGỘ Ở CHÙA BÁT NHÃ

Nhờ được xếp vào diện Tôn Giáo và có cha từng là công chức của chế độ cũ, nên Quỳnh Chi được phỏng vấn xét cho đi định cư tại Hoa Kỳ. Ngày đầu tiên đến Mỹ cô được đưa về một Tiểu Bang bên Miền Đông, nhưng chỉ vài tháng là cô di chuyển về Orange County, Miền Nam California.
Cuộc sống lúc đầu mới qua có nhiều xa lạ bỡ ngỡ, tuy vậy nhờ biết nói và nghe được tiếng Anh, nên cô hội nhập vào cuộc sống cũng như xin việc làm không khó, chỉ nộp đơn có mấy ngày là cô được thu nhận vào làm việc cho một hãng sản xuất nhu liệu

điện tử.

Phần đông các cô gái khác khi đến được Hoa Kỳ đã ăn xài mua sắm chững diện, nhưng riêng Quỳnh Chi thì bản tính vốn cần kiệm, chẳng thích se sua, những thứ nào cần thiết cho đời sống thì cô mới mua mới sắm. Nói chung là xài đồng tiền một cách thận trọng, nên chỉ hơn một năm cô đã mua được một chiếc xe du lịch mới của Mỹ, và cũng còn dư tiền gửi trương mục tiết kiệm ngân hàng. Cô vui vẻ làm việc với hy vọng một ngày kia sẽ dành dụm đủ tiền, để thực hiện được lời ước nguyện của mẹ cô và cũng không quên hằng tuần đi chùa lễ Phật.

Lúc mới đến Mỹ, Quỳnh Chi cũng muốn tìm Bill, nhưng nhớ lại lời trăng trối của bà Ký Thân, cô lại thôi không có ý định đi tìm kiếm nữa. Đã mấy lần như thế bởi qua kinh nghiệm suốt cuộc đời của người mẹ, cũng vì có chồng rồi bận bịu với chồng với con, mà mãi cho đến ngày cuối cùng của cuộc đời, xuôi tay nhắm mắt vẫn chưa thực hiện được điều tâm nguyện. Cô nghĩ nếu giờ đây lập gia đình thì cô cũng lâm vào hoàn cảnh như của người mẹ mà thôi, quanh năm suốt tháng phải lo cho chồng con, thì đâu còn thì giờ và điều kiện để thực hiện việc lớn!

Biết rằng ở Mỹ ai cũng có tự do riêng, nhưng một khi đã thành vợ chồng rồi thì bốn phận cô là phải lo lắng cho chồng, theo quan niệm của riêng cô thì không thể nói rằng việc ai nấy lo được! Dù sao cô cũng được giáo dục trong một gia đình có nền tảng văn hóa Á Đông, văn hóa nguồn gốc mà cô luôn luôn đặt nặng và tôn trọng, có như thế mới sống vui vẻ cha mẹ cô mới được vui.

Còn riêng đối với Bill, cô nghĩ rằng khi về Mỹ chàng làm sao khỏi bon chen với cuộc sống tranh đua, ở một xã hội mà mọi hoạt động hằng ngày đều như cái máy. Lúc ở Việt Nam Bill đã sống một cách chật vật trong căn gác thuê, và ăn uống cũng kham khổ như người Việt thuộc giới bình dân lao động thì đâu có khá giả gì. Nhưng có lẽ vì muốn trả ơn để đền bù sự mất mát của gia đình cô, nên chàng mua nhà đất ở Hốc Môn để thân sinh cô có nơi nương tựa trong tuổi già. Biết đâu cũng vì cái mua ấy mà Bill đã mắc nợ ngân hàng ở bên Mỹ này? Ở Mỹ cô thấy rất dễ thiếu nợ, có thể ngày nay số nợ mua nhà đất ở Hốc Môn

Bill trả cũng chưa xong!

Đã tiêu xài cân nhắc thì đương nhiên khi về Mỹ Bill cũng phải tiết kiệm để lo tương lai, nếu bây giờ cô tìm đến làm sao khỏi gây xáo trộn trong đời sống của Bill? Đa đoan thêm việc của nàng mà lại là việc lớn nữa, liệu chàng có đủ kiên nhẫn để lo không? Đối với con người của Bill, cô tin chắc rằng chàng sẽ góp tay vào để cùng chung lo việc ấy, nhưng liệu chàng có đủ khả năng không? Rủi như điều kiện và khả năng chỉ giới hạn, nhưng vì nóng lòng muốn cho mau có tiền, Bill có thể gây nên tội lỗi như đã thường thấy trên truyền hình, trên báo chí thì tội nghiệp cho chàng! Đó là chưa kể sau nhiều năm xa cách chắc gì Bill chưa có vợ? Mà nếu như chàng vẫn chưa lập gia đình, rồi đề nghị làm đám cưới thì cô khó thể chối từ! Dĩ nhiên lúc ấy cô phải tiết lộ cho Bill nghe lời nguyện ước của mình trước vong hồn người mẹ là: *“Sẽ không bao giờ lập gia đình nếu lời hứa với mẹ chưa thực hiện xong”*. Bởi lời nguyện trên cô xem như “lời thề” rồi, thì không thể dễ dàng quên đi được!

Suy nghĩ như thế nên cô quyết định không tìm cách liên lạc với Bill nữa, mà cứ hàng ngày đi làm dành dụm với tôn chỉ “kiến tha lâu đầy tổ” và có thể rằng sẽ mất thời gian lâu dài, nhưng sớm muộn gì cũng thực hiện được! Một khi việc lớn xong rồi, cô sẽ an tâm đi tìm Bill cũng không muộn, mà nếu như tới chừng đó Bill đã an phận với gia đình cô cũng chấp nhận mà thôi...

*

* *

Kể từ hôm đi Việt Nam về ghé Washington D.C. thăm Sang và sau khi được nghe lời chỉ dẫn của anh, Bill thay đổi phương cách tìm kiếm; không còn đi khắp cùng các chợ, các cửa hàng, những nơi tập trung đông đảo người Việt như từ trước đến giờ, mà chỉ chú trọng vào các địa điểm sinh hoạt của Phật Giáo. Tất cả các ngôi chùa ở vùng Orange County Bill đều có đặt chân đến, kể cả một số chùa khác thuộc Miền Nam, Miền Bắc California. Bill đi tìm hết ngôi am tự này đến kiếng chùa kia, có khi trong một ngày cậu có mặt ở hơn cả chục ngôi chùa, chủ yếu là các ngày lễ cúng chủ nhật. Cậu có cuốn lịch ghi tất cả các ngày

rằm, ngày vía, ngày lễ lớn, lễ nhỏ của Phật Giáo, và nhiều ngôi chùa đã hân hạnh đón tiếp Bill gần như mỗi cuối tuần. Nhưng suốt hơn 4 tháng đi tìm kiếm vẫn chưa thấy tăm dạng người đẹp Quỳnh Chi, hay có được một tin tức nho nhỏ nào liên quan đến cô gái mà từ lâu nay đã ngự trị trong tâm hồn của cậu.

Hôm nay một buổi trưa chủ nhật trời nắng gắt, gió Santa Ana đang thổi mạnh đem cái nóng về vùng Orange County, khiến cho ai nấy cũng đều nóng nực, thiên hạ tỏa ra đi nghỉ mát nhiều nơi. Tuy vậy các ngôi chùa Phật ở địa phương người ta vẫn tấp nập đi lễ, và Chùa Bát Nhã ở thành phố Santa Ana cũng vậy, số người tham dự lễ cúng rất đông. Bill đến chùa này lúc 12 giờ 30 trưa trong khi chùa đang hành lễ.

Tôn trọng giờ cúng kiến, Bill nhè nhẹ rón rén bước vào thấy vị sư trụ trì trong chiếc áo cà sa đang quỳ tụng kinh trước bàn thờ Đức Phật, cùng khoảng 100 phật tử cũng đang chấp hai tay quỳ phía sau vị sư.

Trong khung cảnh trang nghiêm giữa chánh điện của chùa, bàn Phật được chưng bày hoa quả, cùng chuông mõ kệ kinh. Đứng bên trái bàn Phật là vị tăng, một tay chấp trên ngực, một tay đang gõ mõ đều, và bên trái là vị ni cô cũng đứng chấp tay trong thế nghiêm, thỉnh thoảng đánh tiếng chuông khi một hồi kinh chấm dứt.

Bill nhìn bao quát qua một lượt những người đang quỳ phía dưới, bỗng chàng thấy trong hàng nữ phật tử có một cô gái, mái tóc để dài, mà điểm đặc biệt là mớ tóc đen tuyền óng ả kia được buộc bằng chiếc khăn tay màu đọt chuối.

Thấy hình dáng gần như quen thuộc của cô gái trước mặt mình, tim Bill đập mạnh thiếu điều muốn vỡ tung cả lồng ngực và sau giây phút cảm xúc ấy, chàng cố trấn tĩnh để còn phải đối diện với sự thể trước mặt. Vài phút trôi qua Bill dần dần bớt hồi hộp, đã lấy lại sự bình tĩnh, cậu mong cho lễ cúng qua nhanh để có thể nhìn tận mặt cô gái kia. Trong lúc đang chờ đợi này, tâm trạng Bill như một người đang cầm tấm vé số trúng độc đặc trong tay, nhưng còn phải chờ kiểm lại.

Rồi thời gian cũng phải đi qua, hồi kinh cuối cùng đã chấm dứt, tất cả phật tử đứng lên và cô gái kia đưa bàn tay thon nhỏ vén

mái tóc mây dài đen mượt, đồng thời rút chiếc khăn ra lau mồ hôi trên chiếc cổ trắng ngần của cô. Bill nói thầm trong bụng: Lại thêm một chiếc khăn tay màu đọt chuối nữa! Khuôn khổ chẳng khác gì chiếc khăn tay đang ở trong túi áo của chàng, cậu chắc chắn là Quỳnh Chi chứ không còn ai khác hơn nên trống ngực đánh liên hồi trở lại, và bây giờ thì những người cúng lạy cầu nguyện xong đã bắt đầu lao nhao rời chỗ cúng.

Nếu đứng đây sẽ cản lối đi ra của người ta, Bill phải tránh đường và thêm một lần nữa cậu lại nghĩ ra cách giống như lúc ở Lăng Ông Bà Chiểu trước đây: Đi ra phía cổng ngòi ở chiếc băng đá đặt dưới bóng mát của một tàng cây đại thọ, chờ cho cô gái đi trở ra. Thời gian đối với Bill lúc này mỗi phút mỗi giây đều trôi qua một cách chậm chạp, và khi thấy có dạng người từ trong chùa đi ra là tự nhiên sự hồi hộp lại đến với chàng. Họ từng người hoặc từng nhóm, mỗi nhóm vài ba người, khi nối tiếp, khi đứt đoạn lần lượt đi ra cổng.

Chờ một hồi lâu, có đến mấy chục người đã đi ngang qua trước mặt rồi, mà vẫn chưa thấy cô gái chàng mong đợi, Bill sốt ruột quá muốn đi trở lại trong chùa xem sao? Nhưng ý định kia vừa lóe lên trong đầu óc đã phải dừng lại ngay, vì cô gái có mái tóc dài kia đã đơn lẻ đi ra một mình, và trên tay cô vẫn còn cầm chiếc khăn màu đọt chuối khi nãy.

Đây là giây phút căng thẳng tột độ, trống ngực Bill đánh liên hồi như báo cho biết đã đến giờ phút quyết định, tấm vé số trúng độc đắc trên tay của chàng có thật sự đã “trúng thật” hay không? Và khi cô gái chỉ còn cách không đầy 10 thước, sắp sửa đi ngang qua trước mặt mình, Bill cố bình tĩnh đứng lên gọi tên: - Quỳnh Chi!

Phần cô gái đang từ trong chùa đi ra, thấy dáng một người thanh niên ngòi ở chiếc băng đá gần cổng, cô không để ý bao nhiêu vì ngỡ rằng một người nào đó dừng chân nghỉ mát, như cô vẫn thường thấy trong những lúc đến chùa này, và mấy lần trước cũng vậy, mỗi khi thấy có người ngòi ở đó là cô với cử chỉ tự nhiên, vẫn bước đi như thường để ra nơi đậu xe, chứ không khi nào nhìn thẳng vào người ta. Lần này cũng thế, cô chẳng dám ngó ngay nên không rõ người ngòi ở đó là Mỹ hay Việt, Mễ Tây

Cơ hay Tàu hoặc một dân tộc nào khác, vì vùng Santa Ana này có nhiều sắc dân cư ngụ. Đến khi cô đi gần tới với khoảng cách chỉ cần nhìn ngay là biết lạ hay quen, thì người đang ngồi kia vụt đứng dậy gọi ngay đúng tên cô.

Tức thì do phản ứng tự nhiên, cô liền nhìn thẳng vào anh ta xem là ai mà lại gọi đúng tên mình như là người quen vậy? Cô chớp mắt vài lần để nhận định, và khi đã biết rõ người ấy rồi thì cô nghe toàn thân như rụng rời, mà y mặt tối tăm, choáng váng và không bước đi được nữa, đồng thời chiếc khăn màu đọt chuối cầm trên tay cũng rơi xuống đất. Cô đưa tay lên trán để ngăn bớt cơn xúc động, và lúc gần ngất xỉu thì Bill đã đến kề sát bên cô kịp đỡ, do đó cô không phải ngã xuống đất mà ngã vào cánh tay của Bill.

Bill vui mừng lẫn hoảng hốt kêu lớn:

- Em Quỳnh Chi! Sao lại ngã như thế này, em có sao không?

Thần thờ một lúc, cô gái định thần trở lại, xao xuyến trong lòng cô ôm chặt lấy Bill, đồng thời trên đôi mắt hai giòng lệ đầu đờ đã sẵn sàng, và cô nghẹn ngào không nói lên được lời nào cả! Thấy cô làm thình, Bill hiểu vì xúc động mạnh nên chưa nói được, cậu chỉ chiếc băng đá mà mình mới vừa đứng dậy:

- Em lại đừng đó ngồi một chút đi!

Nói xong Bill dìu Quỳnh Chi đến chiếc băng đá cho nàng ngồi xuống, xong chàng chạy đi lượm chiếc khăn tay vừa bị rớt, rồi trở lại ngồi cạnh bên cô. Độ một hồi lâu thấy người yêu có hơi tươi tỉnh lại đôi chút, khuôn mặt không còn xanh như lúc nãy mà dần dần đỏ hồng trở lại, Bill nói:

- Quỳnh Chi em! Anh đã đi tìm em nhiều năm nay! Bây giờ thì Quỳnh Chi đã có hơi bình tĩnh hơn, cô gạt nước mắt nói:

- Anh đi tìm em à! Tìm ở đâu?

- Tìm khắp nơi, anh đã đi gần hết các ngôi chùa Phật của người Việt ở Miền Nam Cali, và tại Quận Cam này dường như chẳng còn ngôi chùa nào mà anh không đặt chân đến.

Cơn xúc động vừa đi qua, giờ đây lại đến bất ngờ, Quỳnh Chi hỏi liền:

- Sao anh lại đi tìm em ở các ngôi chùa? Có ai chỉ không, mà rồi

có mặt tại chùa Bát Nhã đúng vào ngày lễ cúng?
- Anh Sang đã chỉ dẫn cho anh đó! Bảo anh cứ đi tìm ở các ngôi chùa Phật thì có hy vọng gặp em.
Giờ đây Quỳnh Chi đã bình thường trở lại, cô lấy làm lạ tại sao anh Sang biết mình thường đi chùa để chỉ dẫn cho Bill? Anh có thấy mình ở chùa lần nào chẳng? Cô thắc mắc hỏi:
- Anh ấy căn cứ vào đâu vậy?
Bill cười không trả lời mà hỏi Quỳnh Chi việc khác: -
Hai bác đã mãn phần hết rồi phải không em?
Quỳnh Chi rất đỗi ngạc nhiên, tại sao Bill lại biết rõ như vậy? Ai nói cho chàng nghe song thân cô đã mất hết? Cô hỏi:
- Sao anh lại biết? Ai nói với anh?
Bill móc xấp hình mà Ni sư Như Liên ở chùa Dinh Cố đã trao cho chàng:
- Em hãy xem những tấm hình này đi!
Nhìn thấy các tấm ảnh, Quỳnh Chi giựt mình nói thầm: Bill đã đến Long Hải! Những tấm ảnh kỷ niệm này mình đã bỏ lại tại chùa Dinh Cố, vậy có thể là Bill đã đến đó! Ni sư hay là ai đã trao cho chàng các tấm hình này? Cô hỏi nhanh:
- Vậy là anh đã...
- Đã trở lại Việt Nam lần thứ 3.
- Và anh cũng đã đến...
- Đến chùa Dinh Cố ở bãi biển Long Hải!
Vừa mừng vừa hồi hộp, Quỳnh Chi hỏi lại ngay:
- Đã đến chùa ở Long Hải à! Ni sư Như Liên thế nào vậy anh?
- Ni sư vẫn mạnh và...
Bill thuật lại cho Quỳnh Chi nghe sơ dĩ chàng đến Bà Rịa Long Hải, vì được một người phụ nữ đứng tuổi ở Hốc Môn, kể lại sự việc cô đã nhờ bà ta trông chừng nhà để đi Long Hải. Và ngày hôm sau cậu tìm đến ngôi chùa ở cạnh bãi biển thì được Ni sư Như Liên thuật lại tự sự, cũng như trao chiếc xách tay cho mình giữ, đồng thời Bill cũng trách Quỳnh Chi tại sao ra đi mà không nói một lời cho ni sư biết, để bà phải ngày đêm lo sợ cho tính mạng của cô, Bill nói thêm:
- Mà khi sang đến Mỹ rồi cũng không viết thư về nữa! Hiện giờ ni sư rất buồn, không biết em ở nơi đâu, sống hay chết!

Quỳnh Chi ân hận:

- Em cũng muốn gửi thư về lắm chứ! Nhưng sự ra đi của em có thể làm cho chính quyền địa phương nghi ngờ và gây ra phiền phức cho ni sư, nếu như người ta biết được em đã ra nước ngoài và có liên lạc với bà. Lo ngại như vậy nên em im luôn không dám viết thư báo về, dù rằng em đã tới được nước Mỹ.

- Nhưng trước khi ra đi em cũng nên nói với ni sư một lời, dù sao thì bà cũng thương yêu em như người mẹ thương con.

Quỳnh Chi nghĩ bụng, Bill không biết gì về cuộc vượt biên bất đắc dĩ của nàng, nhưng nói ra thì quá dài dòng mà câu chuyện có thể còn đi xa hơn. Lại nữa từ khi thân mẫu qua đời với lời trời trần để lại, cô không còn nghĩ đến chuyện chồng con, mà kể như cuộc đời mình coi như đã được an bài. Qua đến Mỹ đã gần 2 năm cô vẫn không tìm kiếm Bill, mà cứ an phận mỗi ngày đi làm dành dụm tiền, để một ngày kia cô thực hiện cho xong niềm ước mong của người mẹ, cô nói:

- Chuyện rất dài, nhưng anh cũng không nên biết làm gì cho bận tâm!

- Sao em nói kỳ vậy? Có gì em chia sẻ với anh chứ!

Quỳnh Chi lắc đầu, Bill nói tiếp:

- Xa nhau lâu quá nhưng anh vẫn nhớ đến em từng ngày từng giờ!

- Vậy là anh vẫn chưa có vợ?

- Trời ơi! Làm sao anh có thể có vợ được khi chưa tìm kiếm được em!

Rồi Bill nhìn thẳng Quỳnh Chi, chàng nói tiếp:

- Còn em! Em vẫn sống một mình phải không?

Hỏi xong câu này Bill phập phồng trong bụng nhưng thấy Quỳnh Chi gật đầu, cậu mừng rỡ ra mặt:

- Anh mừng quá! Vậy để anh thông báo cho anh chị Sang, rồi sau đó mình cử hành đám cưới nghe em!

Nghe Bill nhắc lại chuyện hôn nhân, Quỳnh Chi nhớ đến mẹ, nhớ lại lời hứa của mình rồi nói trong bụng: Nếu bây giờ để cho chàng tiến hành đám cưới, thì lời hứa kia coi như phải tạm gác lại một bên! Tuy rằng cô vẫn còn yêu Bill tha thiết, nhưng với đầu óc suy đoán có giới hạn, cô nghĩ nếu mình bằng lòng thì

chắc chắn sẽ vướng vào sự vướng bận, rất khó mà thực hiện được việc lớn. Lời trấn trối của người mẹ trước khi nhắm mắt vẫn còn văng vẳng bên tai, cô nghiêm giọng:

- Tuy em chưa có chồng, nhưng em khuyên anh nên đi cưới vợ là hơn, vì em không hề nghĩ đến vấn đề lập gia đình nữa.

Như một luồng gió lạnh thổi vào người, Bill biến sắc:

- Tại sao vậy? Trước đây cha mẹ đã bằng lòng rồi, có gì ngăn cản em chẳng?

Quỳnh Chi lắc đầu:

- Việc riêng của em mong anh đừng hỏi nữa!

Bill hết sức thắc mắc tại sao Quỳnh Chi lại có thái độ lạ lùng, phải chi cô đã có gia đình rồi thì đã đành, đằng này nàng vẫn chưa có chồng mà mình nhắc chuyện hôn nhân thì lại từ chối! Nhưng vì tôn trọng sự riêng tư của nàng, Bill chẳng dám hỏi thêm mà chỉ buồn ra mặt mà thôi.

Thấy Bill lặng yên, Quỳnh Chi nói:

- Anh còn hỏi gì nữa không? Em về nhé!

- Anh muốn biết nơi em cư ngụ và có công ăn chuyện làm gì không?

- Em mới sang Mỹ chưa đầy 2 năm, chưa có dư giả gì được bao nhiêu nên còn ở nhà se phòng của người ta tại số...đường... Và em đang đi làm trong hãng điện tử H. ở Costa Mesa.

Bill buột miệng:

- Costa Mesa! Hãng điện tử H.!

- Phải! Em làm ở đó hơn một năm nay, rồi sao? Có gì không?

Sau vài giây bàng hoàng Bill trấn tĩnh trở lại, chàng nói:

- Không có gì cả! Nhưng em làm việc lương có đủ sống ở Hoa Kỳ không?

- Bao nhiêu mà đủ? Bao nhiêu mà thiếu? Đủ thiếu cũng do mình! Em chẳng hề dám tiêu xài phung phí vì em còn...

Vừa hơi lỡ lời, Quỳnh Chi ngưng lại vì không muốn cho Bill biết ý định của mình, cô nói:

- Mà thôi mỗi người có một hoàn cảnh riêng, anh thông cảm cho em, chào anh em về.

- Lễ cúng ngày chủ nhật tới em có đến chùa này không?

Quỳnh Chi gật đầu, cô im lặng chậm chậm đi lại mở cửa xe và

chạy đi, Bill nhìn theo đến khi chiếc xe hơi của người yêu biến dạng trong hàng hàng lớp lớp xe khác...

Khi chiếc xe hơi của Quỳnh Chi khuất dạng, Bill đi ngay lại mở cốp xe của mình lấy xấp hồ sơ do Ban Giám Đốc hãng vừa gửi tới 2 ngày trước, và lật nhanh đến trang có mục danh sách nhân viên của hãng. Chàng chưng hửng và quá bất ngờ vì trong danh sách có tên Quỳnh Chi Thị Nguyễn với địa chỉ, số điện thoại, số hồ sơ lưu giữ lý lịch đầy đủ của cô ở trong đó! Thế mà lâu nay chàng có ngó ngang gì tới mục ấy làm chi, bây giờ nhìn thấy sờ sờ như vậy Bill quá tức giận cho mình; phải chi lâu nay chịu khó chỉ cần xem sơ qua một vài phút, thì đâu phải khổ công đi tìm kiếm hơn cả năm!

Bill gọi điện thoại cho Sang cảm ơn, tường thuật hết sự việc và Sang không khỏi bật cười khi Bill nói đến tên tuổi, địa chỉ của Quỳnh Chi nằm ngay trong xấp hồ sơ mà tháng nào chàng cũng có. Rồi Sang căn dặn Bill đừng bao giờ cho Quỳnh Chi biết việc ấy, để rủi như cô không đi chùa nữa thì có thể biết ở đâu để tìm. Anh giải thích thêm nếu cậu nói sự việc ra ngay bây giờ sẽ không có lợi, có thể vì lòng tự ái hoặc một lý do nào đó khiến cô ta nghỉ việc, rồi lại khổ công đi tìm kiếm nữa. Sang cũng báo luôn là tuần tới vợ chồng anh nghỉ phép thường niên và sẽ đi Cali thăm Bill.

Bill mừng rỡ nói lớn trong điện thoại:

- Hoan nghinh anh chị! Đến Cali xin anh chị vui lòng giúp tôi hỏi Quỳnh Chi tại sao lại có thái độ như thế!

- Thì để khi gặp cô, chúng tôi hỏi cho rõ ràng tường tận mới có cách để giúp.

- Cảm ơn anh, gửi lời thăm chị...

Thế là chiều thứ bảy tuần sau vợ chồng Sang đáp máy bay đi California.

*

* *

Về tới nhà vào phòng, Quỳnh Chi để nguyên quần áo nằm vật trên giường, càng nghĩ đến chuyện gặp Bill bất ngờ bao nhiêu, nước mắt cô lại chảy dài trên gối bấy nhiêu.

Kể từ ngày tiễn đưa Bill tại phi trường Tân Sơn Nhất đến nay, Quỳnh Chi nghĩ có lẽ định số đã an bài, nên xui khiến cho cô và Bill mất liên lạc luôn, do đó nên dù đã qua đến Mỹ, cô cũng không tìm cách để gặp chàng và nghĩ rằng thời gian lâu dài thì Bill cũng phải có vợ, chứ không thể cứ ở như vậy mãi. Nghĩ thế nên cô không còn bận tâm vấn đề tình cảm nữa, hằng ngày đến sở làm vui vẻ với công việc, và mỗi cuối tuần thì đi lễ Phật ở chùa, hoặc nằm trong phòng đọc sách báo. Cứ như thế hết tuần này sang tháng khác, cô tưởng đâu sẽ không bao giờ gặp lại Bill nếu cô quyết tâm không tìm kiếm, vì ở Mỹ muốn gặp rất khó, dù ở cùng một khu nhà, cùng một khu chung cư, có thể cả năm cũng chưa chắc gì đã gặp mặt, bởi nhà ai cũng đóng cửa!

Rồi bỗng hôm nay bất ngờ gặp lại Bill, chàng nói rằng vẫn chưa có vợ và đi tìm kiếm mình đã mấy năm, và Bill lại còn đề nghị làm đám cưới, bây giờ cô phải tính làm sao đây? Tuy rằng vẫn còn yêu thương Bill, nhưng nếu gật đầu thì làm sao có thể chu toàn lời hứa với mẹ? Cô nghĩ bụng đứng trước sự thế này mình phải dứt khoát, chứ không thôi thì sẽ khổ hết cho cả hai và mạnh dạn quyết định: Lần tới nếu có gặp Bill thì mình nói thẳng lời từ chối ngay, chứ không thôi Bill sẽ đeo đuổi mãi, tội cho chàng!

Nằm suy nghĩ riết rồi mệt mỏi, nàng ngủ luôn đến khuya, cũng không dậy ăn uống, thay quần thay áo gì hết. Sáng hôm sau cô vào hăng làm việc mà tâm trạng buồn bực chán ngán, nhưng nhờ nghị lực, cô cố gắng chu toàn công việc suốt cả tuần...

Chủ nhật tới khoảng 11 giờ trưa, như thường lệ Quỳnh Chi đi lễ chùa Bát Nhã và vừa đến cổng đã thấy Bill đứng sẵn tự lúc nào dưới bóng cây trước chùa, ngoài ra lại còn có thêm vợ chồng Sang cũng có mặt đang ngồi ở chiếc băng đá cạnh Bill, cả ba nhìn cô cười vui vẻ.

Quỳnh Chi mừng rỡ chạy lại nắm tay Thu Hồng:

- Anh chị qua Cali hồi nào vậy?

Sang chào lại và đứng lên nhường chỗ ngồi, còn Thu Hồng nắm

tay Quỳnh Chi kéo ngồi xuống, xong chị nói:

- Đến phi trường Los Angeles chiều hôm qua và nãy giờ đến đây có ý chờ em đó! Lâu quá mà thấy em vẫn trẻ đẹp như thường!

- Chị khen nhiều quá vậy, thời gian thì em cũng phải già đi chứ!

- Nhưng em lại không già chút nào mới lạ, có lẽ tại em là...

- Là chi vậy chị?

- Là con “cầu tự”, có nghĩa em là “Tiên”, con Phật con Tiên dĩ nhiên là phải đẹp và trẻ mãi chứ sao?

- Nhưng em có lẽ là “Tiên mắc đọa” đó chị! Khi xưa bà Chung Vô Diệm cũng là Tiên vậy!

Câu nói ví của Quỳnh Chi làm tất cả cùng cười, Thu Hồng nói:

- Mà thôi mình gác chuyện ấy qua một bên đi, từ ngày chia tay đến giờ không biết em ở đâu để mà gặp, giờ đây gặp lại chị rất vui mừng, trước nhất phải hỏi thăm em về gia cảnh.

Bill và Sang đứng nghe Quỳnh Chi và Thu Hồng nói chuyện một lúc, thấy hai người nữ hàn huyên, hỏi han nhau rất là tâm đắc, Sang nói với vợ:

- Em và cô Quỳnh Chi ngồi đây nói chuyện nhé! Tôi và cậu Bill đi rảo một vòng trong chùa, chút nữa rồi chúng tôi trở lại.

Thu Hồng nói:

- Anh và cậu Bill cứ đi, nhiều năm nay mới gặp lại, chúng tôi phải tâm sự một hồi.

Khi Bill và Sang đi khỏi rồi, Thu Hồng hỏi qua việc gia đình của Quỳnh Chi xong, chị đi thẳng vào vấn đề:

- Quỳnh Chi em! Hãy nói thật với chị tại sao em lại từ chối thành hôn với cậu Bill, trong khi trước đây cha mẹ đã bằng lòng?

Quỳnh Chi thấy rằng khó nói việc riêng của mình quá, cô ngồi im suy nghĩ tìm câu trả lời sao cho chị hiểu mà không phải nói rõ vấn đề của mình, thì Thu Hồng nói tiếp:

- Cứ nói thật đi! Hay là em đã có chồng hoặc em đã lỡ hứa với ai?

Quỳnh Chi lắc đầu, Thu Hồng nói liền:

- Vậy chắc là phải có một ràng buộc nào đó ngoài phạm vi tình cảm?

Cô gái vẫn tiếp tục lắc đầu, Thu Hồng nôn nóng:

- Ủa! Không có trở ngại gì về tình cảm hết, cũng chẳng có một ràng buộc nào khác sao em không chấp nhận cho rồi? Tội nghiệp cậu Bill quá! Đi tìm em khắp nơi, ăn ngủ không được và nhất định không cưới vợ, nếu cậu ấy muốn cưới vợ thì không lẽ chờ đợi em lâu nay sao?

Thu HỒNG ngừng lại một chút nhưng Quỳnh Chi cũng vẫn chưa nói, và chị thấy cô ta lại đang mặc chiếc áo dài cùng màu với các Phật tử đi cúng chùa, chị nói:

- Không lẽ em định đi tu sao?

Quỳnh Chi lại một lần nữa lắc đầu rồi cô nói:

- Đi tu đâu phải là chuyện ai cũng làm được, thật ra nhiều lúc em cũng muốn đi tu cho rồi vì em không còn thiết gì nữa, nhưng em còn mang nặng một việc...

Cô gái ngừng lại, Thu HỒNG nghe qua câu nói ngập ngừng “còn mang nặng một việc” của Quỳnh Chi, chị nghi ngờ vấn đề này chắc chắn có liên quan đến sự việc cô từ chối lời cầu hôn của Bill, chị nói liền:

- Mang nặng một việc à! Việc gì vậy em? Với ai thì giấu diếm nhưng đối với chị thì em không nên giấu, biết đâu chị có thể giúp em giải quyết vấn đề.

- Không thể được đâu chị!

- Thông thường ở đời việc của mình thì tối, nhưng đối với người ngoài lại sáng tỏ như ban ngày, mình hãy coi nhau như chị em. Vậy em cứ nói ra đi xem chị có giúp gì được cho em không?

Tuy trước đây chỉ gặp Thu HỒNG 5, 7 lần gì đó, mà thời gian cũng đã quá lâu rồi, nhưng Quỳnh Chi rất có cảm tình với chị này, hơn nữa này giờ thấy chị rất thật tình khi hỏi chuyện. Cô nghĩ bụng mình không nên tiếp tục giấu diếm, và bắt đầu kể cho chị nghe là người mẹ thân yêu của cô xuất thân từ Cô Nhi Viện, Hội Dục Anh...

Kể lại cuộc đời của người mẹ lúc còn nhỏ xong, Quỳnh Chi nói:

- Sau này khi lớn lên mẹ em muốn lập một nhà nuôi dưỡng những trẻ em mồ côi, hầu đáp lại ơn nghĩa của hội đã nuôi bà từ thuở nhỏ.

- Thế à! Mẹ em đúng là một người gương mẫu cho chúng ta nơi theo.

Quỳnh Chi nói tiếp luôn:

- Nhưng cũng bởi có gia đình sớm, rồi quanh năm suốt tháng mãi lo cho chồng con nên đến chết vẫn không làm được, do đó mà bây giờ em có bốn phận phải thực hiện cho xong ước nguyện trên.

- Tức là em phải lo việc ấy trước, rồi sau đó sẽ tính, chứ không phải là từ chối hẳn thành hôn với cậu Bill?

Quỳnh Chi gật đầu, Thu Hồng thở ra nhẹ nhàng:

- Tưởng việc chi chứ còn việc đó có khó khăn gì đâu!

- Khó lắm chứ chị! Bấy lâu nay em làm việc luôn, không mất “Job” một tháng nào, ăn xài hết sức cần kiệm mà cho đến hôm nay cũng chỉ dư được chút đỉnh. Còn việc em vừa trình bày với chị, nó quá lớn đối với sức em hiện giờ!

- Thôi được! Chị sẽ có cách giúp em thực hiện việc ấy, bây giờ gần tới giờ chùa làm lễ rồi, chị cũng là người theo đạo Phật, vậy chị em mình vào lễ Phật trưa nay.

Hai người bạn gái cùng đứng dậy, Thu Hồng nói thêm:

- Chiều nay chị mời em đi ăn nhà hàng rồi sẽ có ý kiến về việc của em. À! Mà ở đây nhà hàng nào ngon em nói cho chị đặt bàn? Để chị em mình với anh Sang và cậu Bill cùng ăn chung một bữa cho vui.

- Em chẳng một lần nào đi ăn nhà hàng, chỉ thỉnh thoảng có đi ăn cơm chay ở tiệm VH.

- Vậy thì chiều nay mình đến tiệm chay đó.

- Dạ!

Quỳnh Chi, Thu Hồng đi vào chùa mà mỗi người một tâm trạng...

*

* *

(còn tiếp một kỳ)



SANDY DENTAL P.C.

472

1672 McKee Rd. * San Jose, CA 95116

(góc đường McKee & Đường McDonald, giữa 101 & King Rd.)

(408) 272-3999

Fax: (408) 272-2202 * E-mail: SandyDenta@AOL.Com

• SANDY DENTAL P.C., hệ thống nha khoa Việt Nam hoạt động tại nhiều tiểu bang và được sự tin nhiệm của đông đảo đồng bào từ năm 1987, do nhiều BS Nha Khoa Việt Nam trên 10 năm kinh nghiệm điều hành.

• Địa điểm thuận tiện, trung tâm thành phố San Jose, gần Fwy 101, 280, 680, toa lạc giữa 1 vườn cây, k hu thị tứ, góc đường với parking rộng rãi.

• Trang thiết bị tối tân và vệ sinh tối đa. - Nước dùng thật tinh khiết.

• Một bộ dụng cụ riêng cho mỗi bệnh nhân.

• POKEMON GAMES cho trẻ em và Cable TV

• Tẩy trắng răng thật đẹp chỉ \$75. - Thay các trám chỉ để hợp màu với răng.

• GIÀ CÀ NHE NHANG, Uy tín, Kỹ thuật cao cùng với tinh thần nghệ thuật và tinh cảm.

• Tiếp đãi ân cần, không gian trang nhã. Có vườn cây, suối nước, cá vàng và nhạc êm dịu.

▪ Nếu đã trên 6 tháng mà quý vị chưa đi làm sạch răng, hãy đến với Sandy Dental để có một hàm răng trắng đẹp và một nụ cười thật duyên dáng



NHẬN MEDI-CAL

BẢO HIỂM

VISA - MASTER CARD

SANDY DENTAL P.C.

1672 McKee Rd. * Tel. (408) 272-3999

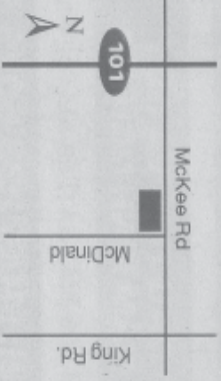
(408) 272-3999

COUPON

\$25

Khám tổng quát
- X-RAYS
- Làm sạch răng (Cleaning)


Giá trị cho bệnh nhân đến khám lần đầu



MUA BÁN NHÀ ĐẤT VAY MƯỢN NỢ

Trân trọng giới thiệu đồng đạo và thân hữu:
1-Vùng Bắc California

TUONG PHAM (Phạm Bằng Tường)
REALTOR & LOAN OFFICER

HILLSDALE PROPERTIES


920 Hillview Ct. Suite 180
Milpitas, CA 95035
Office: 408-263-4801
Office: 510-651-1416
Fax: 408-263-9452
Cell: 408-375-8611
Home: 408-365-0618

2-Vùng Nam California

Century 21
All Stars

8682 Beach Blvd., Suite 200
Buena Park, California 90620
Business (714) 226-9696
Fax (714) 226-9595
Cell (714) 863-5696
E-Mail thai-chuong@yahoo.com
Web Site www.c21allstarhomes.com

Each Office is independently Owned And Operated 

Chuong Thai 
Sales Associate

 **MLS**



CENTURY COLLISION & SERVICE CENTER

"Your Complete Auto Body & Service Center"

60 Stockton Avenue • San Jose, CA 95126

Tel: (408) 288-8856

Fax: (408) 288-8855



CHUYÊN SỬA CHỮA, SƠN, LÀM ĐỒNG CÁC LOẠI XE MỸ VÀ NGOẠI QUỐC

AUTO BODY SHOP:

- Làm đồng
- Kéo sườn
- Sơn
- Thay kiếng
- Bọc nệm, thảm

★

ĐẶC BIỆT: CÓ PHÒNG SƠN
HẤP VÀ MÁY MÓC, DUNG CỤ
ĐÚNG TIÊU CHUẨN.

AUTO REPAIR:

- Rebuild máy, Carburetor.
- Transmission
- Tune Up
- Làm thông, tiện đĩa
- Hệ thống điện, máy lạnh, máy sưởi.
- Thay nhớt (máy & hộp số)
- Cò bán vỏ xe cũ, và lốp xe.
- Balance bánh xe bằng computer.

MUFFLER

(ống bô)

có hàn, thay gán

Muffler (ống bô)

các loại xe Mỹ

và Ngoại Quốc

Cung Chúc



★ ĐẶC BIỆT: Tân Xuân

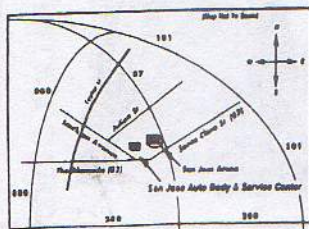
- SMOG CHECK, BRAKE + LAMP CHECK STATION
- 4 WHEEL ALIGNMENT
- NHÂN DỊP XUÂN VỀ BỐT 10%

- Bớt Deductible tùy theo job

- Kéo xe miễn phí

- Tiền công được bớt tối đa cho quý khách

- Nhận Visa - Mastercard



TIÊU CHUẨN:

- TÍN NHIỆM
- KỸ LƯỜNG
- THÀNH THẬT
- GIÁ PHẢI CHĂNG

VIỆC LÀM BẢO ĐẢM 6 THÁNG HOẶC 6,000 MILES

Mở cửa 6 ngày trong tuần

Từ 9 AM - 6 PM

Nghỉ ngày Chủ Nhật

*Chú Nhân
Kính Mời*



NORTH JACKSON DENTAL GROUP

NGUYỄN HỮU TUỜNG, D.D.S. & TÔ MỸ HUỆ, D.D.S



Tel. 408. 923. 8272

125 N. Jackson Ave, Ste 104 San Jose, CA 95116

(Cạnh Alexian Brothers Hospital, giữa Alum Rock Ave và McKee Ave.)

- Tốt nghiệp bác sĩ Nha khoa tại University of the Pacific, San Francisco.
- Tốt nghiệp ưu hạng và được tuyển chọn vào hội danh dự Nha khoa toàn quốc.
- Được giải thưởng xuất sắc về làm răng giả các loại.
- Được giải thưởng xuất sắc về chăm sóc nha khoa toàn diện.
- Được giải thưởng về "Need, character, and scholarship"
- Tẩy trắng răng (In Office Bleaching) tại chỗ, hiệu quả nhanh chóng
- Có máy Laser trị ê răng rất hiệu quả và trám răng không cần gây tê.
- Có máy Digital X-Ray, chụp bằng computer, giảm tia quang tuyến
- Có Intra Oral, chụp hình màu trong miệng thấy rõ những gì cần phải làm
- Niềng răng bằng Invisalign trong suốt không cần đeo Braces
- Làm răng giả loại mềm (Flexible Denture) không thấy kim loại
- Có máy CEREC, làm Crown tại chỗ, chỉ trong 1 lần hẹn

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Bảy

9AM - 6 PM

KÍNH BIỂU



TẬP SAN THẾ ĐẠO
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Điện thoại/ hoặc Fax : 408-238-6547